ĐA LA PHÁP ĐÀ LA NI KINH

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

DẪN NHẬP

Đa La Bồ Tát: tên Phạn là **Tārā**: dịch âm là Đa La; dịch ý là con mắt, Diệu Mục Tinh, **Đồng Tử** (con ngươi), Cực Độ, Cứu Độ, **Tinh Thần** (ngôi sao).

Tạng Ngữ là: **Droma**, Trác Mã, Đóa Mã… dịch ý là Cứu Độ.

Lại dịch là Đa La Mẫu, Đa La Phật Mẫu, Độ Mẫu, Cứu Độ Phật Mẫu.

_Trong Ấn Độ Giáo: Tārā là vị Thần **cứu hộ** đứng thứ hai trong 10 vị Nữ Thần **Mahà-vidya** (Daśa-mahā-vidya). Mật Giáo Ấn Độ công nhận Tārā là hiện thân của Mahā-devī, Kāli, Parvatī… ví như một ngôi sao đẹp tự chiếu sáng mãi mãi và Tārā được xem là một niềm khao khát tuyệt đối không bao giờ tắt, tạo lực đẩy cho cả cuộc sống.

Truyền thuyết về Tārā bắt nguồn từ sự kiện khuấy động đại dương giữa chư **Thiên** (Deva) và **A Tu La** (Asura) tạo thành chất độc (Halahala). Vì muốn cứu Thế Giới thoát khỏi sự hủy diệt nên Thần Śiva phải uống chất độc ấy [đây là hiện tượng làm cho cổ họng của Śiva biến thành màu xanh dương và có Hiệu là **Thanh Cảnh** (Nīlakaṇṭha)]. Do cường độ của độc tính nên Śiva đã bất tỉnh, lúc đó **Tārā -ma** hiện ra, đặt Śiva lên đùi và Tārā đã cho Śiva bú sữa, sữa từ bầu ngực của Tārā đã hóa giải chất độc và cứu được Śiva.

Truyền thuyết khác ghi rằng: Để ngăn chặn sự nổi điên của **Kāli**, nên Śiva đã biến thành một đứa trẻ. Khi nhìn thấy đứa trẻ, bản năng làm mẹ của Kāli đã trỗi dậy và Kāli đã cho đứa trẻ bú sữa. Nhờ thế Śiva đã hút được cơn thịnh nộ của Kāli trong khi bú sữa.



Từ hai truyền thuyết này, Śiva được giả định là trở thành đứa bé sơ sinh khi đối mặt với các Nữ Thần. Chủ yếu Tārā là một hình thức của Durga hoặc Parvatī.

Sự tương đồng giữa Tārā và Kāli rất rõ ràng, không thể nhầm lẫn. Cả hai đều được mô tả là đứng trên thân Śiva đang nằm ngửa trơ ra, hoặc một cái xác giống như vậy. Tuy nhiên, Kāli có thân thể màu đen, còn Tārā có thân thể màu xanh. Cả hai đều lõa thể, Tārā mặc váy da cọp, Kāli chỉ dùng cánh tay người làm vòng quấn chung

quanh để che hạ thể. Cả hai đều đeo vòng cổ làm từ đầu người và vòng quấn cánh tay. Cả hai đều le lưỡi đầy máu hoặc miệng đầy máu



Hình tượng Kāli



Hình tượng Tārā Sự hiện tướng như vậy có sự tương đồng và rất dễ nhầm lẫn với nhau. Sự thật cả hai đều là hiện thân của nhau. Họ chia sẻ tên gọi theo tính mô tả, cũng như có tên của nhau. Tàrà được gọi là Kālika, Ugra-kāli, mahā-kāli và Bhadra-kāli.

Tārā được cho là dễ tiếp cận hơn với Tín Đồ (Bhakta) hoặc Tantrika vì bản năng yêu thương giúp đỡ của bà mẹ (Từ Mẫu: mẹ hiền). Tuy nhiên, phần đông dân Ấn Giáo **Bengal** thường xem Kāli như là người mẹ (**Ma**).

Tārā là vị phối ngẫu của Śiva. Pháp Khí của Tārā là cây đao (Khaḍga), cây kiếm, cây kéo

Thần Chú quan trọng nhất của Tārā trong 10 Mahā-vidya là:

Oṃ_ Aīṃ hrīṃ strīṃ tārāoyī hūṃ phaṭ

Thần Chú khác là:

Oṃ_ Hrīṃ srtīṃ hūṃ phaṭ

Thần Chú phổ biến trong Nghi Lễ và được cho là Thần Chú mạnh mẽ khiến Tārā hiện thân trước người làm lễ là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture svāhā

_ Vào khoảng 150 năm sau Tây Lịch, do duy trì ý tưởng Mẫu quyền nên tín ngưỡng về **Nữ Thần Tính** đã được du nhập vào giáo điển Phật Giáo Ấn Độ nhằm thỏa mãn cho ước vọng của con người. Trong giai đoạn này, một số giáo đồ Phật Giáo Ấn Độ chuyên xưng tán thờ phụng **Đấng Cứu Thế Mẫu** (Tārāyati) là bà mẹ chuyên giúp đỡ cho con người vượt qua các ách nạn sợ hãi, chấp nhận mọi ước nguyện và dắt dìu từng người vượt qua bờ bên kia. Đồng thời xuất hiện các Kinh Bản rất được ca ngợi và sùng bái là:

1_ **Đa La Bồ Tát 108 Danh Tán** (Ārya Tārā-Bhaṭṭārikā-Nāmâṣṭôttaraśataka – stotra).

2_ **Cứu độ Phật Mẫu 21 lễ tán** (Bhagavaty-Ārya-Tārā-Devyā Namaskārâika-Viṃśati sotraṃ guṇa – hita – sahitaṃ).

3_ **Thánh Đa La Trì Quan** (Cái mão) **Tán** (Ārya-Tārā-srag-dharā – sotrra).

4_ **Thánh Đa La Cứu Độ Bát Nạn Kinh** (Ārya-Tārā- Aṣṭa-ghora-Tārāṇi – Sùtra).

Dân gian thường ví Ngài như chiếc thuyền cứu vớt người vượt biển lớn sinh tử đi đến bờ bên kia được tự tại nên xưng Tôn này là **Đa La Nễ Vĩ** (Tārā-devī: Đa La Thiên Nữ) và hay gọi tắt là **Tārā.**

Sau này, do sự nhân cách hóa Trí Tuệ siêu việt nên Đa La Tôn được xem là nguyên lý Âm của **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mañjuśrī-Bodhisatva) và biểu tượng cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtyāmuṣṭhāna-jñāna: Trí Tuệ chuyển mọi hành động của thế gian thành trạng thái giải thoát). Như thế, Tôn này thường song hành với Bồ Tát Văn Thù trong mọi công tác hóa độ chúng sinh.

Từ Ấn Độ, Tín ngưỡng **Tārā** lan rộng đến nhiều nơi trên Thế Giới như: Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Indonesia, Chiêm Thành, Cam Bốt, Thái Lan... và lưu lại rất nhiều Tôn Tượng

Hiện nay nhân dân Ấn Độ hiện đại thì đồng hóa Đa La Tôn với Mẹ Vũ Trụ và sùng kính Ngài qua ảnh tượng Phật Mẫu Śākti.

_Theo truyền thống Hoa Văn thì Đa La Tôn được xưng là: Đa La Bồ Tát, Đa Lợi Bồ Tát, Đa Lệ Bồ Tát, Đa Lợi Tôn, **Đạt Ma Đa La** (Dharma Tārā: Pháp Cứu Tôn), **Thánh Đa La Bồ Tát** (Ārya Tārā-bodhisatva) và xưng là **Thánh Cứu Độ Phật Mẫu** (Ārya-Tārā-buddha-mātā).

Hiện đồ **Thai Tạng Giới Man Đà La** (Garbha-dhātu maṇḍala) ghi nhận rằng: Đa La Tôn có vị trí ở hàng thứ nhất, phương bên phải (phương Tây) của Quán Tự Tại trung Quán Âm viện. Do Tôn này chủ về hai Đức: **Đại Bi** (Mahā Kāruṇa) và **Hàng Phục** (Abhicāruka) nên được xem là **Phật Mẫu** (Buddha-mātṛ) của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) và được tôn xưng là Đa La Phật Mẫu.

Ngoài ra trong Quán Âm viện còn ghi nhận thêm 04 vị Đa La Bồ Tát tu trì thành tựu pháp Quán Âm là:

1_ **Thanh Cảnh Quán Âm** (Nīlakaṇṭhī) đại chú của tôn này được truyền tụng là Đại Bi Tâm Đà La Ni (Mahā-kāruṇika-citta-dhāraṇī)

2_ **A Ma Tai Quán Âm** (Avatai: Nguồn hạnh phúc)

2_ **Hương Vương Quán Âm** (Gandha-rāja)

4_ **Thủy Nguyệt Quán Âm** (Udaka-candra)

Kinh **Bất Không Quyến Sách (28)** ghi là: "*Đa La Bồ Tát cũng gọi là **Thấp Phế Đa*** (Śveta) *tức Bạch Thân Quán Thế Âm Bồ Tát và cũng gọi là **Tỳ Câu Đê Quán Thế Âm Bồ Tát*** (Bhṛkuṭi: Phẫn Nộ Mẫu)".

Kinh **Đại Phương Quảng Man Thù Thất Lợi, phẩm Quán Tự Tại Bồ Tát** ghi là: *"Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Tam Muội **Phổ Quang Minh Đa La**, dùng sức Tam Muội nên từ con mắt phóng ra ánh sáng lớn và Đa La Bồ Tát liền nương theo ánh sáng đó mà sinh ra. Ánh hào quang của Đa La Bồ Tát chiếu soi tất cả chúng sinh giống như lòng thương xót của người mẹ hiền nhằm cứu độ chúng sinh xa lìa biển khổ sinh tử".*

Do ý nghĩa này mà Tàrà được dịch là con mắt, con ngươi hay **Mục Quang** (Tārā-jvala). Lại nữa, lúc chư Phật Bồ Tát mở mắt thì gọi là Mắt hoa sen xanh từ bi nên Tôn này được xem là thân sở biến của **Hoa sen xanh** (Nīlapadma, hay Utpāla) và có danh hiệu là ***Phật Thanh Liên Từ Bi Nhãn*** (Buddha-nīla-padma-maitra-kāruṇa-netre). Từ đó Tārā còn được dịch là **Diệu Mục** (Sunetre: Con mắt màu nhiệm).

Kinh **Bất Không Quyến Sách (Hạ)** ghi là: *"Đa La Thiên Nữ Mục Ngôn Đồng Tử"*

Kinh **Tô Ma Hô (Hạ)** cũng ghi là: "*Đa La là Diệu Mục Tinh"*

Ngoài ra Mật Giáo còn xưng tán Đa La qua danh xưng **Bạch Cứu Độ Phật Mẫu** tức vị Phật Mẫu có thân màu trắng tinh chuyên cứu tế thế gian.

Theo Thầy truyền thì dùng Đại Từ Bi của chư Phật Bồ Tát mà nhiếp Quán Âm, nên các bậc Đại Bi của Quan Âm đều là Đa La Bồ Tát như trong Đại Bản có ghi: *"500 Đa La Tôn đều sinh ra từ mắt của Quán Âm nên là Tam Muội Tỷ Muội (Chị Em gái) của Đức **Phật A Di Đà** (Amitābha-buddha)".*

Theo nghĩa rộng thì TA (𑖝) có nghĩa là Thể Như Như, vì bên cạnh có ký hiệu hiển thị cho chữ A (𑖀) mà thành TÀ (𑖝𑖯) tức là Hạnh của Như Như

Chữ RA (𑖨) có nghĩa là Trần (bụi bặm) mà sáu Trần hiển thị cho biển lớn sinh tử tức là nơi mà hết thảy chúng sinh bị chìm đắm không thấy bến bờ. Do bên cạnh có ký hiệu chữ A (𑖀: có nghĩ là xưa nay vốn chẳng sinh) nên RÀ (𑖨𑖯) tức là Thật tướng của sáu Trần.

Do đó, TĀRĀ là quán LÝ TÍNH của Như Như, cho nên tấ cả các Trần đều được biết Như Thật, từ đấy vượt qua biển lớn sinh tử đi đến bờ giải thoát bên kia. Chính vì thế mà TĀRĀ được dịch ý là Cứu Độ hay Cực Độ và mọi người thường xưng tán Ngài qua câu "***Namo Ārya Tārā Jvala Bodhisatvāya mahā-satvāya"*** (Quy mệnh Thánh Mục Quang Bồ Tát Ma Ha Tát).

Riêng Mật Giáo Nhật Bản với nhân gian Trung Hoa, Đại Hàn thường xưng tụng Đa La Tôn là một trong 33 vị Quán Âm và sùng bái rộng rãi.

_Theo truyền thống Tây Tạng, vào vô lượng kiếp trước có thế giới tên là Tụ Quang, khi ấy có Đức Phật ra đời hiệu là **Cổ Âm Như Lai** (Duṇḍbhi-svara Tathāgata). Bấy giờ có cô công chúa tên là **Bát Nhã Nguyệt** (Prajñā-candra) có Tuệ căn, kính lễ Tam Bảo. Sau một quá trình cúng dường các Đệ tử của Đức Phật với các bậc Thượng Tọa, nàng Bát Nhã Nguyệt phát thệ nguyện rằng: ***"Từ thế giới này cho đến khi thế giới tận, hư không giới tận. Tôi dùng thân nữ để độ chúng sinh".*** Sau khi phát nguyện xong, Bát Nhã Nguyệt liền ngồi quán sáu căn cho đến lúc được Tâm khai,

chứng nhập Vô Sinh Pháp Nhẫn thành Phật Mẫu độ tất cả Hữu Tình. Đây chính là tiền thân của Độ Mẫu Tārā.

Theo truyền thống khác, trong khi quán sát để cứu độ các chúng sinh đang trầm luân nơi sáu nẻo luân hồi, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát chợt xúc động khóc thương cho chúng Hữu Tình nên giọt nước mắt rơi ra từ mắt phải biến thành **Bạch Độ Mẫu** (Sgrol – Ma dhar - Po) còn giọt nước mắt rơi ra từ mắt trái biến thành **Lục Độ Mẫu** (Sgrol – Ma Ljan - Khu) chuyên cứu khổ độ sinh cho chúng sinh. Do vậy, các vị đạo sư Mật Giáo Tây Tạng cho rằng Đa La Tôn là thân hóa hiện của Quán Thế Âm Bồ Tát nên xung là Đa La Tôn Quán Âm hay Đa La Quán Âm. Và lưu truyền pháp của 21 Độ Mẫu tượng trưng cho 21 hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, gồm có:

1_ Lục Độ Mẫu.
2_ Cứu Tai Nạn Độ Mẫu.
3_ Cứu Thủy Tai Độ Mẫu.
4_ Cứu Địa Tai Độ Mẫu.
5_ Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu.
6_ Cứu Phong Tai Độ Mẫu.
7_ Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu.
8_ Cứu Thiên Tai Độ Mẫu.
9_ Cứu Binh Tai Độ Mẫu.
10_ Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu.
11_ Cứu Đạo Nạn (Nạn Trộm Cướp) Độ Mẫu.
12_ Tăng Uy Quyền Độ Mẫu.
13_ Cứu Ma Nạn Độ Mẫu.
14_ Cứu Súc Nạn Độ Mẫu.
15_ Cứu Thú Nạn Độ Mẫu.
16_ Cứu Độc Nạn Độ Mẫu.
17_ Phục Ma Độ Mẫu.
18_ Dược Vương Độ Mẫu.
19_ Trường Thọ Độ Mẫu.
20_ Bảo Nguyên Độ Mẫu.
21_ Như Ý Độ Mẫu.

Trong 21 Độ Mẫu (Sgrol – Ma) thì Đa La Tôn hiện tướng Thiếu nữ, toàn thân màu xanh lục nên được xưng là Lục Độ Mẫu.

Ngoài ra, các vị Lạt Ma Tây Tạng còn truyền dạy cách tu 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu của Ấn Độ là:

1_ Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu (Sgrol – Ma – Myurmadpah – Mo, tên phạn là: Tāre Ture vīre).

2_ Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu (Ston – Kahi zlabakun – Tugsal – Brgya, tên phạn là: Śata-śarac-candra).

3_ Tử Ma Kim Sắc Mẫu (Ser – Sdechu, tên phạn là: Kanaka-Nīlâbja).

4_ Như Lai Đỉnh Kế Mẫu (De – bshin – g'segs – pahi – gtsug – tor, tên phạn là: Tathāgatôṣṇīsa).

5_ Đát La Hồng Tự Mẫu (Tārā Hūṃ yi – ge, tên phạn là: Tuttāra – Hūṃ - Kāra).

6_ Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu (Brgya – byin melha – Tshans – pa, tên phạn là:Śakrânala- Brahma).

7_ Đặc La Đê Phát Mẫu (Trad – Cis _ Bya – Dan phat, tên phạn là: Traḍiti phaṭ - Kāra).

8_ Đô Lị Đại Khẩn Mẫu (Tures – hjigs – pachen – mo, tên phạn là: Ture Mahā-Ghore).

9_ Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu (Dkon – Mchog – Gsum mtshon – phyag – rgya, tên phạn là: Tri– Ratna - Mudrânka).

10_ Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu (Rab – tu – dgah – babrdsid – ba, tên phạn là: pramuditâṭopa).

11_ Thủ Hộ Chúng Địa Mẫu (Sa – Gahi skyon – pa, tên phạn là: Samanta– bhū–pāla).

12_ Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu (Zla – bahibum – bus – dpral – rgyah, tên phạn là: Śikhaṇḍa – khaṇḍêndu).

13_ Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu (Bskal – bahi – thamahi – me – ltar, tên phạn là: Kalpânta - hutabhug).

14_ Thủ Án Đại Địa Mẫu (Sa – ba, tên phạn là: Kara - Talâghāta).

15_ An Ẩn Nhu Thiện Mẫu (Bde – Ma dgl – Mashi – Ma, tên phạn là: Śive śubhe śānte).

16_ Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu (Kun – nas – bskor – rab – dgah – ba, tên phạn là: pramuditābandha).

17_ Đô Lị Ba Đế Mẫu (Turi – Sha – pa, tên phạn là: Ture padâghāta).

18_ Tát La Thiên Hải Mẫu (Lha – yi – mtsho, tên phạn là: Sura – sarâkāra).

19_ Chư Thiên Tập Hội Mẫu (Lha – yi – tshogs – rnams – rgyas – ma, tên phạn là: Sura – gaṇâdhyakṣa).

20_ Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu (Nima – zla – ba – rgyas – ma, tên phạn là: Candrârkâ – sampūrṇa).

21_ Cụ Tam Chân Thật Mẫu (De – nid gsum – Rnam bhod – pa, tên phạn là: Tri – Tattva – vinyāsa).

Từ 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu nói trên, các vị Lạt Ma Tây Tạng đã ghi nhận thành 21 hóa thân của Đa La Tôn là:

1_ Pravīra-Tārā (Thắng Dũng Đa La).

2_ Candra-kānti-Tārā (Thu Nguyệt Đa La).

3_ Kanaka- varṇa-Tārā (Kim Sắc Đa La).

4_ Uṣṇīṣa-vijaya- Tārā (Tối Thắng Đỉnh Đa La).

5_ Hūṃ- sarva-nādinī-Tàrà (Hồng Nhất Thiết Âm Thanh Đa La).

6_ Trailokya-vijaya-Tārā (Thắng Tam Thế Đa La).

7_ Vādi-Pramardaka- Tārā (Tồi Hoại Tranh Luận Đa La).

8_ Māra-sudanā-vasita-uttama-da-Tārā (Tội Hoại Ma Chướng Cập Thí Thắng Thượng Lực Đa La).

9_ Varada-Tārā (Dữ Nguyện Đa La).

10_ Śoka-vina-udana-Tārā (Diệt Tận Phiền Não Đa La).

11_ Jagad-vaśi-vipan-nirbarhaṇa-Tārā (Câu Triệu Hữu Tình Diệt Tận Ác Vận Đa La).

12_ Kalyāna-da-Tārā (Thí Cát Khánh Đa La).

13_ Paripācaka-Tārā (Thục Quả Đa La).

14_ Bhṛkuṭī-Tārā (Phẫn Nộ Đa La).

15_ Mahā-śānti-Tārā (Đại Tịch Tĩnh Đa La).

16_ Rāga-niṣūdana- ārā (Tồi Phá Tham Ái Đa La).

17_ Sukha-sādhana-Tàrà (Hỷ Lạc Thành Tựu Đa La).

18_ Vijaya-Tārā (Tối Thắng Đa La).

19_ Duḥkha-dahana-Tārā (Tiêu Tận Khổ Não Đa La).

20_ Siddhi-saṃbhava-Tārā (Thành Tựu Sinh Đa La).

21_ Paripūrṇa-Tārā (Thắng Mãn Đa La).

Ngoài 21 Tôn này, các vị Đạo Sư Tây Tạng còn ghi nhận thêm danh hiệu **Khadira-vaṇi-Tārā** (Khadira Thọ Lâm Đa La tức vị Tārā của rừng cây Khadira) là thân chính của Lục Đa La, Ngài có thể đổi màu và thay thế cho vai trò của Dữ Nguyện Đa La



Riêng Giáo đồ Phật Giáo Tây Tạng đồng hóa Đa La Tôn với **Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Tự Tại Bồ Tát** nên xưng tán thờ phụng Ngài qua danh hiệu Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát.

Maṇḍala Ngũ Trí Như Lai của Mật Giáo Tây Tạng ghi nhận rằng: Đa La Tôn chính là Cứu Độ Phật Mẫu hiển thị cho Thành Sở Tác Trí của **Bất Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi-tathāgata). Trí này nhằm kiện toàn sứ mệnh của chư vị Bồ Tát là thực hiện sự chứng ngộ hoàn toàn, chuyển năm Thức Thân thành phương tiện thiện xảo, chuyển nghiệp thành duyên, chuyển ý niệm tư tưởng thành sự sáng tác sống động, chuyển khổ hạnh thành quả giải thoát. Biểu tượng của Trí này là ánh hào quang màu xanh lục huyền bí được kết tinh qua màu xanh Pháp Tính vũ trụ với màu vàng Từ Bi bình đẳng nhằm nuôi dưỡng xác thân và làm lắng dịu tâm hồn cho mọi chúng sinh đang chìm trong biển khổ đau. Đây cũng chính là **năng lực gia trì** (Adhiṣṭhana) của chư Phật Bồ Tát phù hộ cho những chúng sinh có niềm tin chân thật vượt thoát mọi tai nạn khổ đau. Do ý nghĩa này mà Tàrà được tôn xưng bằng danh hiệu **Pháp Cứu Tôn** (Dharma-Tārā).

Mật Giáo Tây Tạng thường minh họa năm vị Tārā biểu thị cho những phương tiện khác nhau tương ứng với năm vị **Thiền Phật** (Dhyāna-buddha) ở năm phương là:

_ **Bạch Đa La** (Sīta-Tārā) ở phương trung ương: biểu thị cho Trí Tuệ siêu việt, tinh thần vô nhiễm, phương tiện của giải thoát.

_ **Lam Đa La** (Ekajaṭa:Nhất Kế, hay Ugra-Tārā:Uy mãnh Đa La) ở phương Đông: biểu thị cho tinh thần sung mãn, tâm tỉnh thức

_ **Hoàng Đa La** (Bhṛkuṭi:Tỳ Câu Chi) ở phương Nam: biểu thị cho tinh thần thuần khiết, giác ngộ tâm linh.

_ **Xích Đa La** (Kurukulla) ở phương Tây: biểu thị cho sức mạnh tình yêu từ Tārā nguyên thủy, tinh thần phấn chấn, đời sống khổ hạnh.

_**Thanh Đa La** (Syama-Tārā) ở phương Bắc là Tārā nguyên thủy: biểu thị cho tính sẵn sàng cứu khổ phò nguy, chuyển 5 giác quan thành phương tiện thiện xảo, chuyển khổ hạnh thành giải thoát.

_Ngoài ra Tạng Truyền Phật Giáo còn ghi nhận 5 hình thức của Tārā trong Thanhka của Tây Tạng ở Thế Kỷ 18 là: Trung tâm là Tārā màu xanh có 8 cánh tay cầm Pháp Khí, bốn góc là bốn vị Tārā màu xanh dương, màu đỏ, màu trắng và màu vàng

Trong năm vị Tārā này thì nhân dân Tây Tạng thường phụng thờ 2 vị **Bạch Tārā** và **Thanh Tārā**

Do tín ngưỡng Tārā phát triển rất mạnh trên đất nước Tây Tạng nên nhân dân Tây Tạng đã xưng tán hai vị Thứ phi của Nhà vua **Khí Tông Lộng Tán** (Srong – Tsan - Gampo) là: **Văn Thành công chúa** (con vua Đường Thái Tôn) là Bạch Đa La Bồ Tát và công chúa Xứ Nê Pan (Nepal) **Ba Li Khổ Cơ** (Bhṛkuṭi) là Lục Đa La Bồ Tát.



Tại Việt Nam, tín ngưỡng Tārā phát triển rất chậm, hầu hết Giáo đồ Phật Giáo Việt Nam chỉ mường tượng Tàrà dưới hình bóng Đức Quán Thế Âm qua câu chú: ***"Án, đa lị , đa lị, đốt đa lị, đốt đốt đa lị, đốt lị, ta bà ha"*** được ghi nhận trong nghi thức tụng niệm kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Phổ Môn.

Thời gian gần đây, Việt Nam mới ghi nhận được pháp tu Tārā qua **Đa Lợi Tâm Kinh** do Sa Môn **Trí Thông** truyền thụ, Pháp **"Tu Trì Thánh Cứu Độ Phật Mẫu**" do Kim Cương Thượng Sư Tây Khang **NẶC NA** Hô Đồ Khắc Đồ truyền thụ và đặc biệt là các nghi quỹ Tārā do các vị Lama Tây Tạng sang Việt Nam truyền thụ

Tại Âu Mỹ, tín ngưỡng Tārā tuy mới phát triển nhưng lan tỏa rất nhanh, nhiều nhà nghiên cứu Âu Mỹ đã tìm hiểu và ghi chép rất kỹ các kinh điển liên quan đến Tārā.

Tóm lại, hệ thống tín ngưỡng Đa La Bồ Tát phát triển rất mạnh ở Ấn Độ, Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn...... và mọi hệ thống Mật Giáo đều xem Đa La Tôn là biểu tượng về năng lực Đại Bi "Ban Vui, Cứu Khổ" của chư Phật Bồ Tát nên thường xưng tán Ngài qua bài kệ trong Kinh **"Quán Tự Tại Bồ Tát Thụ Ký"** là:

Đấng Đại Bi Đa La
Từ Bi của tất cả
Trời, Người với Dạ Xoa
Đều là con của Ngài
Nên hiệu Thế Gian Mẫu
Và cho xuất Thế Gian.
Quán Âm, Đại Thế Chí
Kim Cương với Thiện Tài
Văn Thù, Tu Bồ Đề
Từ Thị với Hương Tượng
Nguyệt Quang, Vô Tận Ý
Vô Cấu, Hư Không Tạng
Diệu Nhãn với Đại Bi
Duy Ma, Đẳng Bồ Tát
Là con của Đa La
Các Như Lai ba đời
Tất cả Ma Ha Tát
Không ai không là con.
Đều xưng là MẸ TA
Nuôi dưỡng các Hữu Tình
Ôm nâng như Đại Địa

Do ý nguyện muốn góp chút ít công sức cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam, anh em chúng tôi không ngại tài hèn sức kém đã cố gắng sưu tập các tài liệu Kinh bản có liên quan đến pháp tu Tārā và cùng nhau soạn dịch thành tập ghi chép này. Điều không thể tránh khỏi là bản ghi chép này vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Ngưỡng mong các bậc Cao Tăng, chư vị Đại Đức, Bậc Long Tượng của Mật Giáo hãy rũ lòng Từ Bi chỉ bảo và sửa chữa nhằm giúp cho bản ghi chép này được hoàn hảo hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, chúng con xin kính dâng lên Hương Linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của chúng con.

Chúng con xin chân thành cám ơn Thầy **Thích Quảng Trí**, Thầy **Thích Pháp Quang**, các Sư Cô: **Như Hạnh, Như Trí, Như Nguyệt, Như Thông** đã luôn trợ giúp và khuyến khích chúng con tìm hiểu Mật Giáo cho chính đúng.

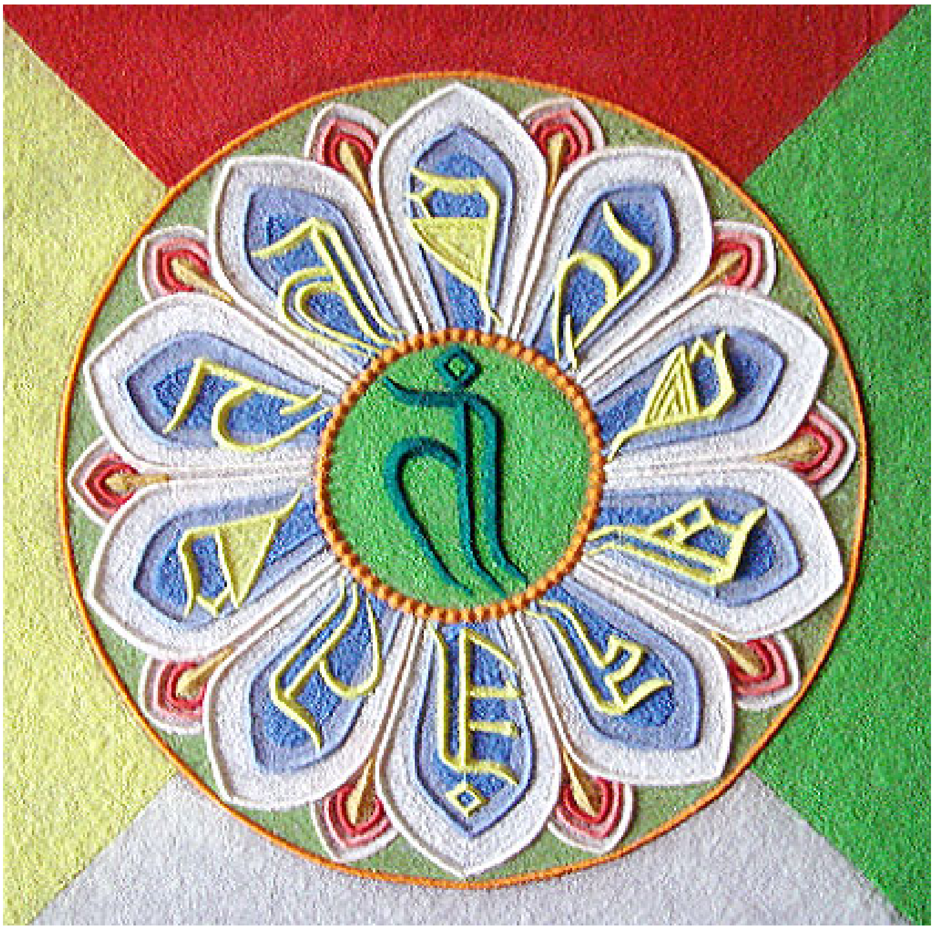
Tôi xin cám ơn em **Hậu,** em **Mật Trí** (Tống Phước Khải) và các con tôi đã không ngại khó nhọc đánh vi tính một số Kinh bản và sao chép các hình ảnh, tư liệu về Tārā Ấn Độ, tài liệu Phạn Văn chèn vào tập ghi chép này.

Tôi xin chân thành cám ơn anh **Nguyễn Đình Tạc**, chị **Nguyễn Thị Mộng Hương** và nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất trong thời gian soạn dịch các Kinh Điển

Tôi cũng xin cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi khó khăn trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi vững bước trên con đường tìm hiểu Phật Pháp.

Nguyện xin cho các bậc ân nhân của chúng tôi và toàn thể các Hữu Tình đều sớm được vượt qua mọi ách nạn khổ đau và đạt được hạnh phúc cao thượng trong Giáo Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Đầu mùa xuân năm Giáp Ngọ (03/2014)
Huyền Thanh **(Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi



TÔN TƯỢNG ĐA LA BỒ TÁT

Đại Nhật Kinh, quyển 1, phẩm Cụ Duyên ghi là: *"Hình tượng của Tôn này là trạng người nữ trung niên da màu xanh và màu trắng pha tạp, hai tay chắp lại cầm hoa sen xanh, thân mặc áo trắng"*

Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đà La thì vẽ hơi khác là: *"Toàn thân màu xanh trắng, mặc áo Yết Ma, đầu đội mão tức bên trên có vị hóa Phật, hai tay chắp lại không cầm hoa sen, ngồi Bán Già trên Tòa Sen, vị trí ở bên phải của Quán Tự Tại Bồ Tát, bên trái Ngài có một vị Sứ Giả".*



Sớ thứ 5 giải thích ý nghĩa của Tôn Tượng trên là: "*Đa La Bồ Tát là Tam Muội của Quán Tự Tại nên làm tượng người nữ. Đa La có nghĩa là con mắt. Hoa sen xanh có nghĩa là trong sạch không dơ bẩn. Dùng Phổ Nhãn như vậy nhiếp thụ quần sinh, đã chẳng trước cũng chẳng sau nên làm dạng người nữ trung niên chẳng quá già, chẳng quá trẻ. Màu xanh là màu giáng phục, màu trắng là màu Đại Bi do diệu (sự mầu nhiệm) ở trong hai dụng ấy nên tạo hai màu hòa hợp, vì nghĩa ấy nên chẳng xanh chẳng trắng. Tượng ấy chắp tay, cầm hoa sen xanh trong lòng bàn tay, hướng tay và mặt về Đức Quán Âm như hình mỉm cười, toàn thân có hào quang tròn như màu vàng ròng thanh tịnh, mặc áo màu trắng, đầu có búi tóc như dạng tóc của Chư Thiên, đồng với mão tóc của Đại Nhật Như Lai".*

Quỹ ghi là: "*Liền quán hoa sen màu nhiệm (Diệu Liên) làm Bản Tôn, thân ấy có ánh sáng vàng lục tràn đầy thanh tịnh, với báu Diệu Ma Ni làm Trân Lạc, đầu đội mão tóc có Vô Lượng Thọ Phật, bên phải hiện tướng Dữ Nguyện làm thù thắng, bên trái dùng tay cầm hoa sen xanh".*

Biệt Tôn Tạp Ký ghi là: *"Trên Đàn có chữ* ཧྲཱིཿ (HRĪḤ) *biến thành hoa sen báu. Trên hoa có chữ* ཏཾ (TAṂ) *biến thành hoa sen xanh rồi chuyển thành thân Đa La Bồ Tát có màu xanh trắng (hoặc màu thịt) mặc áo màu lam với mọi thứ trang nghiêm, trên mão có Đức* ***Quán Tự Tại Vương Như Lai*** (Avalokiteśvara-rāja-tathāgata), *tay trái*

cầm hoa sen xanh để bên trái tim, tay phải kết ***Ấn Thí Vô Úy*** (Abhayaṃdāda-mudra) *hoặc chấp hai tay lại cầm hoa sen xanh, ngồi trên hoa báu phóng ra ánh hào quang màu trắng, hay làm mãn các Nguyện".*

Theo sự truyền thụ của Tây Khang **Nặc Na** Hô Đồ Pháp Đồ (Phật sống NẶC NA của Tây Tạng) thì Bản Tôn có thân màu xanh lục, dung mạo hiền từ, ngồi báu già trên hoa sen , có vành Nhật Nguyệt. Hoa sen đó có 08 cánh màu trắng hơi hồng, chân phải đạp xéo, chân trái co lại. Hai tay cầm một cành hoa **Ô Ba Lạp** (Utpāla:Hoa sen xanh da trời), đầu đội mão Ngũ Phật, thân trên khoác áo bay phất phới như lá phướng, thân dưới mặc quần trong dài, quần ngoài ngắn. Cổ đeo 03 chuỗi châu: chuỗi thứ nhất dài đến ngực, chuỗi thứ hai đến trái tim, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Tai đeo vòng khoen, khuỷu tay đeo vòng xuyến, ống chân đeo vòng có chuông nhỏ với các vật trang sức dùng để trang nghiêm.



Trên đây là Tôn tượng Lục Độ Mẫu, một trong 21 Độ Mẫu hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Hình tượng của 20 Độ Mẫu còn lại đều có tư thế ngồi, mão, áo, vật trang sức giống nhau và chỉ khác nhau về nhan sắc (dung mạo và màu sắc) với vật cầm tay.

Bách Khoa Tự Điển mở Wikipedia ghi là*:" Thần Tārā thực sự là một vị Thần trẻ đẹp, có khả năng thay đổi hình dạng đúng lúc đúng chỗ. Thần có thể hiện ra trong màu xanh, màu trắng, đỏ hay màu của vàng. Mỗi màu đều có ý nghĩa riêng của nó. Sắp đặt:*

Phía sau đầu của Thần Tārā là ánh sáng của trăng tròn, là biểu tượng của ánh sáng soi sáng trái đất, cao hơn sự hỗn độn, ảo tưởng và đau khổ của vòng Luân Hồi nhưng lại không tách rời khỏi nó. Thần ngồi trên một tòa sen nở và một chiếc đĩa tròn. Vòng quanh Thần là một vòng lửa màu vàng. Mà lời Kinh cầu nguyện số 21 nói rằng ***Như lửa cháy ở cuối Thời Đại này.***

Hoa**:Trên mỗi bàn tay, Thần Tārā nhẹ nhàng cầm một cánh hoa dài màu xanh trắng, hoa Utpala, một loại hoa có mùi hương thơm ngọt giống như hoa Kèn hay hoa Sen, loại hoa mọc trên mùi mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Hoa Utpala là sự trong sạch tự nhiên, mà theo Genlek Rinpoche nói **Để có thể nghĩ mình là người trong sạch, hãy hành động một cách trong sạch.

*Ba ngón tay trái của Thần Tārā chỉ lên trên để biểu hiện ba thứ quý giá, đó là Đức Phật, Phật Pháp và Giác Ngộ, và sự tự giải phóng tự tại. Tay phải duỗi ra, ngửa bàn tay về phía trước với một cử chỉ mời gọi. Genlek Rinpoche nói **Thần Tārā nói với những người bị mất hy vọng và không có ai giúp đỡ rằng*** **Hãy lại đây, Ta đang ở đây.**

***Y Phục**: Thần có những sợi thừng lụa mềm được trang điểm bằng những hạt châu báu, dái tai dài và thanh nhã biểu hiện rõ ràng Thần là một vị Bồ Tát, người đã có lời Thề ở lại trên trần gian vĩnh viễn để cứu nhân độ thế. Trên thực tế, những Đức Phật truyền Giáo thì không đeo châu báu, tại sao họ lại đeo trên cõi Niết Bàn? Các Bồ Tát thường trì hoãn việc vào Cõi này vì những vị khác. Thần Tārā mang châu báu là để thể hiện sự hoàn thiện của mình, những châu báu này lấp lánh như sự cảnh báo về những sự đau khổ trên trần thế, nơi mà Thần đang ra tay cứu chữa"*

_ Theo kinh nghiệm tu tập của Bhatta Charya thì *"Trong ánh hào quang sáng chói lạ lùng hiện ra một vị Thánh Nữ màu lục biếc, đẹp tuyệt hảo trong mọi đường nét tay chân đến nỗi không thể dùng lời nói diễn tả được. Thánh Nữ ngồi theo thế Du Hý Tam Muội trên một hoa sen hai tầng, tay trái cầm vài cành lá, tay phải kết ấn Vô Úy với một viên ngọc sáng ngời".*

_Mật Giáo Tây Tạng còn thờ phượng Tôn Tượng Tārā có 8 cánh tay



Riêng 21 Độ Mẫu thì Kinh Tạng Hoa Văn không ghi nhận bằng lời mà chỉ lưu truyền hình ảnh Tôn tượng trong kinh “Lễ tán 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu”.

1_ **Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu** (Tāre Ture vīre): có 08 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.



2_ **Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu** (Śata-śarac-candra): có 12 tay, thân hình màu trắng, đứng trên tòa sen.



3_ **Tử Ma Kim Sắc Mẫu** (Kanaka-Nīlâbja): có 10 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



4_ **Như Lai Đỉnh Kế Mẫu** (Tathāgatôṣṇīṣa): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



5_ **Đát La Hồng Tự Mẫu** (Tuttāra-Hūṃ-Kāra): có 02 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.



6_ **Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu** (Śakrânala-Brahma): có 04 tay, thân hình màu đỏ, ngồi kiết già trên tòa sen.



7_ **Đặc La Đê Phát Mẫu** (Traḍiti phaṭ-Kāra): có 04 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



8_ **Đô Lị Đại Khẩn Mẫu** (Ture Mahā-Ghore): có 04 tay, thân hình màu hồng, ngồi theo thế Du Hý trên lưng rồng trên tòa sen.



9_ **Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu** (Tri-Ratna- Mudrânka): có 04 tay, thân hình màu hồng, ngồi kiết già trên tòa sen.



10_ **Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu** (Pramuditâtopa): có 04 tay, thân hình màu hồng, đứng trên hoa sen.



11_ **Thủ Hộ Chúng Địa Mẫu** (Samanta–bhū–pāla): có 02 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



12_ **Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu** (Śikhaṇḍa– khaṇḍêndu): có 08 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.



13_ **Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu** (Kalpânta-hutabhug): có 04 tay, thân hình màu đỏ, đứng trên tòa sen.



14_ **Thủ Án Đại Địa Mẫu** (Kara-Talâghāta): có 03 đầu 06 tay, thân hình màu xanh, đứng trên tòa sen.



15_ **An Ẩn Nhu Thiện Mẫu** (Śive-śubhe-śânte): có 06 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.



16_ **Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu** (Pramuditābandha): có 02 tay, thân hình màu trắng, ngồi kiết già trên tòa sen.



17_ **Đô Lị Ba Đế Mẫu** (Ture padâghāta): có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi chéo chân trên tòa sen.



18_ **Tát La Thiên Hải Mẫu** (Sura–sarâkāra): có 04 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



19_ **Chư Thiên Tập Hội Mẫu** (Sura–gaṇâdhyakṣa): có 02 tay, thân hình màu vàng ròng, ngồi kiết già trên tòa sen.



20_ **Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu** (Candrârkâ – saṃpūrṇa)có 02 tay, thân hình màu vàng, ngồi kiết già trên tòa sen.



21_ **Cụ Tam Chân Thật Mẫu** (Tri–Tattva–vinyāsa): có 02 tay, thân hình màu xanh, ngồi trên lưng con trâu trên hoa sen.



Từ 21 vị Cứu Độ Phật Mẫu nói trên, các vị Lạt Ma Tây Tạng đã ghi nhận thành 21 hóa thân của Đa La Tôn là:

1_ Pravīra- Tārā (Thắng Dũng Đa La).



2_ Candra-kānti-Tārā (Thu Nguyệt Đa La).



3_ Kanaka- varṇa-Tārā (Kim Sắc Đa La).



4_ Uṣṇīṣa-vijaya- Tārā (Tối Thắng Đỉnh Đa La).



5_ Hūṃ- sarva-nādinī-Tārā (Hồng Nhất Thiết Âm Thanh Đa La).



6_ Trailokya-vijaya-Tārā (Thắng Tam Thế Đa La).



7_ Vādi-Pramardaka-Tārā (Tồi Hoại Tranh Luận Đa La).



8_ Māra-sudanā-vasita-uttama-da-Tārā (Tội Hoại Ma Chướng Cập Thí Thắng Thượng Lực Đa La).



9_ Varada-Tārā (Dữ Nguyện Đa La).



10_ Śoka-vina-udana- Tārā (Diệt Tận Phiền Não Đa La).



11_ Jagad-vaśi-vipan-nirbarhaṇa-Tārā (Câu Triệu Hữu Tình Diệt Tận Ác Vận Đa La).



12_ Kalyāna-da-Tārā (Thí Cát Khánh Đa La).



13_ Paripācaka-Tārā (Thục Quả Đa La).



14_ Bhṛkuṭī-Tārā (Phẫn Nộ Đa La).



15_ Mahā-śānti-Tārā (Đại Tịch Tĩnh Đa La).



16_ Rāga-niṣūdana-Tārā (Tồi Phá Tham Ái Đa La).



17_ Sukha-sādhana-Tārā (Hỷ Lạc Thành Tựu Đa La).



18_ Vijaya-Tārā (Tối Thắng Đa La).



19_ Duḥkha-dahana-Tārā (Tiêu Tận Khổ Não Đa La).



20_ Siddhi-saṃbhava-Tārā (Thành Tựu Sinh Đa La).



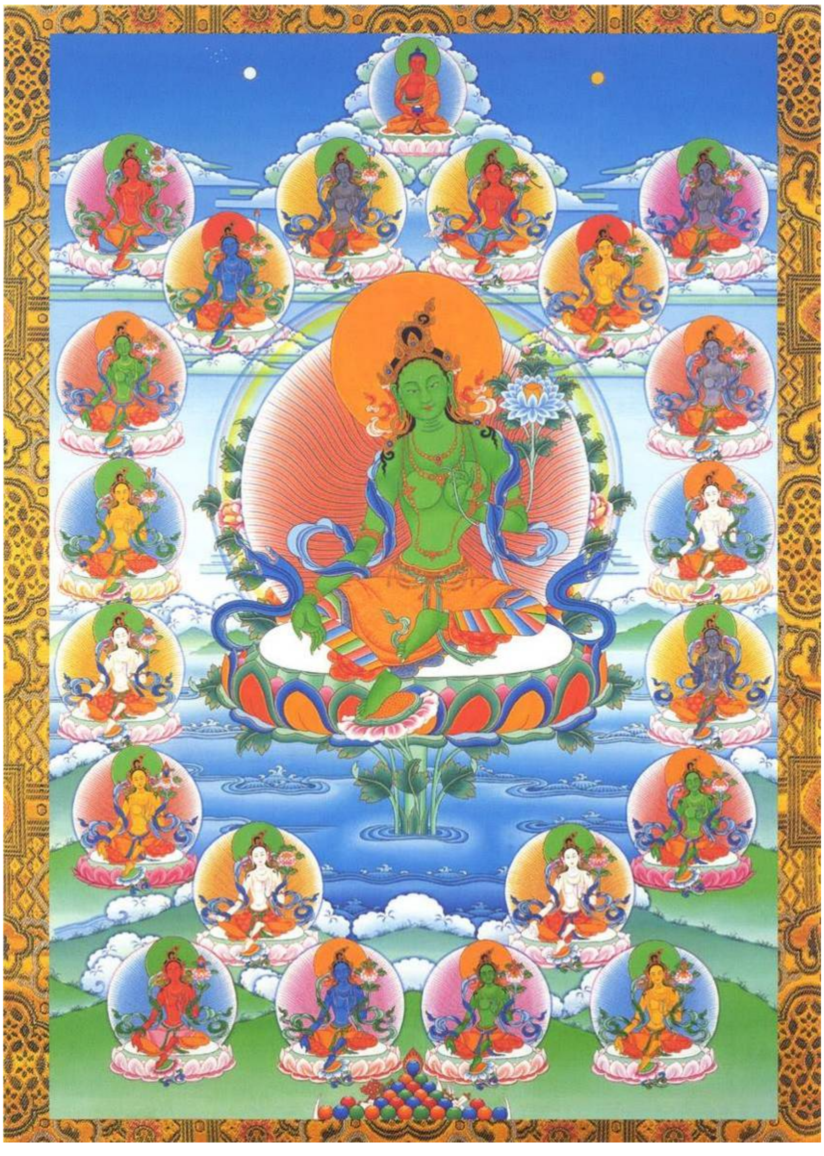
21_ Paripūrṇa-Tārā (Thắng Mãn Đa La).



Ngoài 21 Tôn này, các vị Đạo Sư Tây Tạng còn ghi nhận thêm danh hiệu **Khadira-Vaṇi-Tārā** (Khadira Thọ Lâm Đa La tức vị Tārā của rừng cây Khadira) là thân chính của Lục Đa La, Ngài có thể đổi màu và thay thế cho vai trò của Dữ Nguyện Đa La



Tôn Tượng 21 Tārā là:



1) Lục Cứu Độ Mẫu:

Bản Tôn có thân hình màu xanh lục, dung mạo hiền từ, ngồi bán già trên vành nhật nguyệt của hoa sen. Hoa sen có 08 cánh màu trắng hơi hồng, chân phải đạp xéo, chân trái co lại. Hai tay cầm cành hoa **Ô Ba Lạp** (Utpāla: hoa sen màu xanh da trời), đầu đội mão Ngũ Phật. Thân trên áo bay phấp phới như lá phướng. Thân dưới mặc quần trong dài, quần ngoài ngắn. Chuỗi đeo ba chuỗi châu: chuỗi thứ nhất dài đến ngực, chuỗi thứ hai dài đến tim, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Tay đeo vòng khoen, khuỷu tay đeo vòng xuyến, ống chân đeo vòng có chuông nhỏ, các vật trang sức dùng để trang nghiêm.



Hai mươi Tôn Độ Mẫu còn lại, tư thế ngồi với mão áo, vật trang sức cũng giống như Lục Độ Mẫu, xong nhan sắc đều khác biệt.

Bản Tôn xưa kia xưng là **Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát** (Tārā Avalokiteśvara Bodhisatva) tức Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát. Bản Tôn là Tôn Chủ của 21 Độ Mẫu. Chú Lục Độ Mẫu là chú Căn bản của 21 Độ Mẫu. Nếu thường chuyên cần niệm tụng hay cắt đứt gốc rễ của Luân hồi. Miễn trừ tất cả Ma Chướng, ôn dịch, bệnh khổ. Tiêu trừ tất cả tai nạn về nước, lửa, đao binh, trộm cướp. Hay tăng trưởng thọ

mệnh và Phước Tuệ. Phàm sự mong cầu không có gì không như nguyện. Sau khi chết vãng sinh về Cực Lạc. Thành tâm phụng trì, linh ứng đến liền như âm dội của tiếng vang vọng, Công Đức rộng lớn không thể nói hết. Nếu lúc trì bái Nam Hải Phổ Đà Sơn, trì tụng Chú này càng dễ đạt được sự cảm ứng đặc thù.

Lục Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāra tuttāre ture svāhā

2) Cứu Tai Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về đất, núi,…

Cứu Tai Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Vajra-tāre sarva vighnan śāntiṃ kuru svāhā

3) Cứu Địa Tai Độ Mẫu



Bản Tôn có thân màu lam, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có chày Kim Cương Ngũ Cổ dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về: động đất, núi lở, đất nứt, nhà cửa nghiêng sập.

Cứu Địa Tai Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva laṃ laṃ bhāya śāntiṃ kuru svāhā

4) Cứu Thủy Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có Hỏa Kính. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về nước và tất cả sự nguy hiểm về nước.

Cứu Thủy Tai Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva vaṃ vaṃ, jāla-bhāya śāntiṃ kūru svāhā

5) Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu:

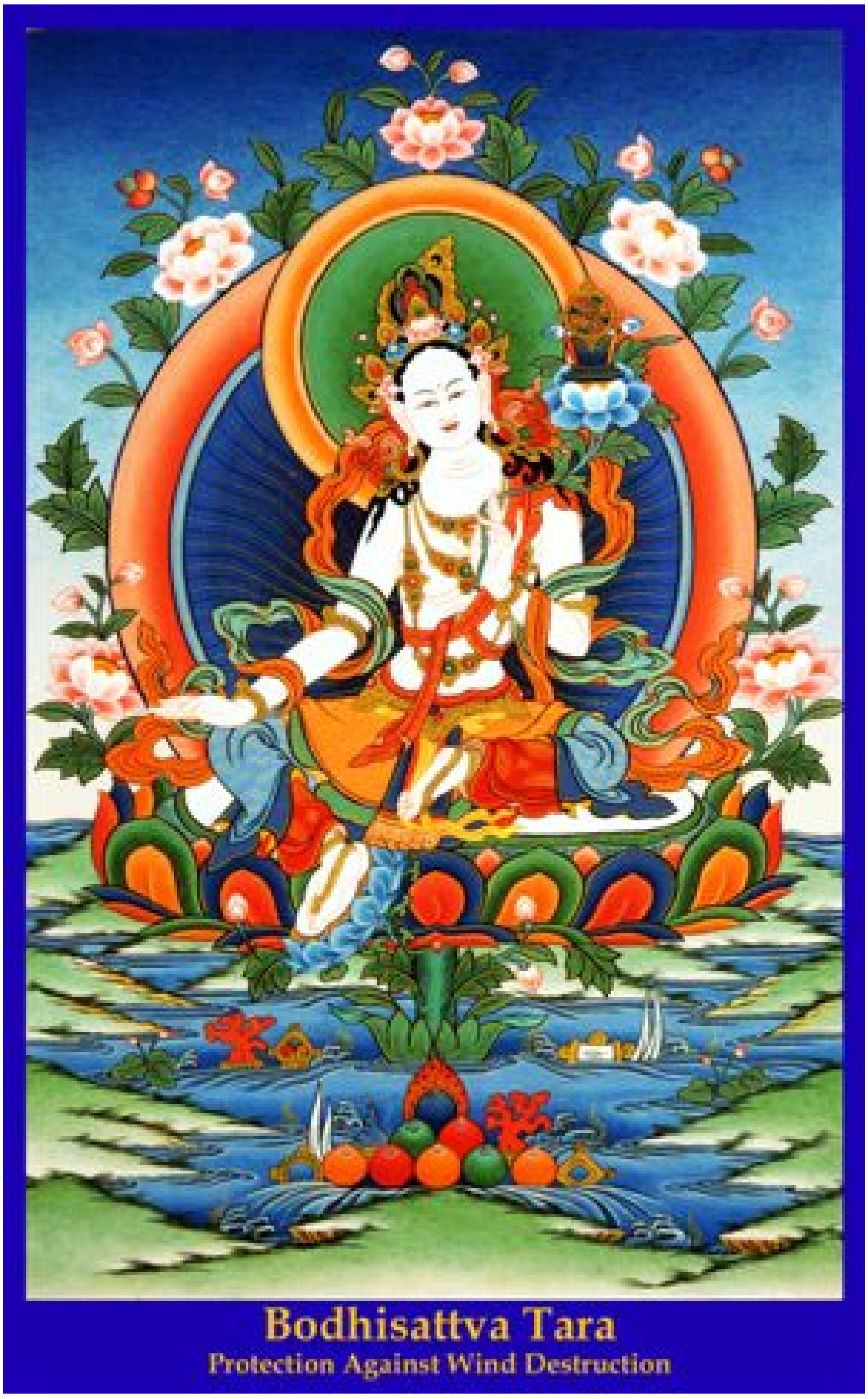


Bản Tôn có thân màu vàng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có viên Thủy Tinh Châu, trong châu tuôn ra nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về lửa và tất cả sự nguy hiểm về lửa.

Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva raṃ raṃ, jvala-bhāya śāntiṃ kūru svāhā

6) Cứu Phong Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có núi Tu Di, trên núi Tu Di có bánh Xe (luân). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về gió và tất cả sự nguy hiểm về gió.

Cứu Phong Tai Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva yaṃ yaṃ, cala-bhāya śāntiṃ kūru svāhā

7) Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng, tướng mạo uy mãnh . Tay phải cầm Như Ý Bảo Châu (Cinta mani) tay trái cầm móc sắc là cán của Bảo châu. Trì tụng chú của Bản Tôn có thể được tiền của, thế lực, trí tuệ và thần thông.

Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu chú là:

Oṃ_ Ratna-tāre, sarva loka-jñāna-vidya, dhāra dhāra, dhiri dhiri, Hrīṃ Hrīṃ, Jaḥ, puṇya jñāna puṣṭiṃ kuru_ Oṃ

8) Cứu Thiên Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu xanh lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có chày Yết Ma (Karma danda). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ sự sợ hãi về sấm sét, mưa đá, hạn hán, sóng lớn với tất cả thiên tai.

Cứu Thiên Tai Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva E E mahā-hana-bhāya śāntiṃ kuru svāhā

9) Cứu Binh Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu xanh, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cây kiếm báu dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về binh khí, đạn dược…

Người tu pháp này nên chăm chỉ chân thành nghiêm trì Trai Giới . Nếu lúc gặp nạn nguy cấp trong chiến tranh thời tu Pháp này dù cho có loại: đao, kéo, cung tên, thương giáo, khí giới,… cũng chẳng thể khiến cho mũi nhọn của nó hướng vào thân mình được. Nếu có giày, ủng , hài chẳng có thể treo trên đầu được. Con gái tu Pháp này càng nên xét tìm sự Tĩnh Khiết ở bên ngoài.

Cứu Binh Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva tig tig tīkṣṇa, rakṣa rakṣa kuru svāhā

10) Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái búa (phủ việt). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về trộm cướp.

Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva cora bandha bandha trig thum svāhā

11) Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái móc sắc. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả lao ngục và tất cả tai nạn về hình phạt oan uổng.

Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva rāja-duṣṭan krodha śāntiṃ kuru svāhā

12) Tăng Uy Quyền Độ Mẫu:

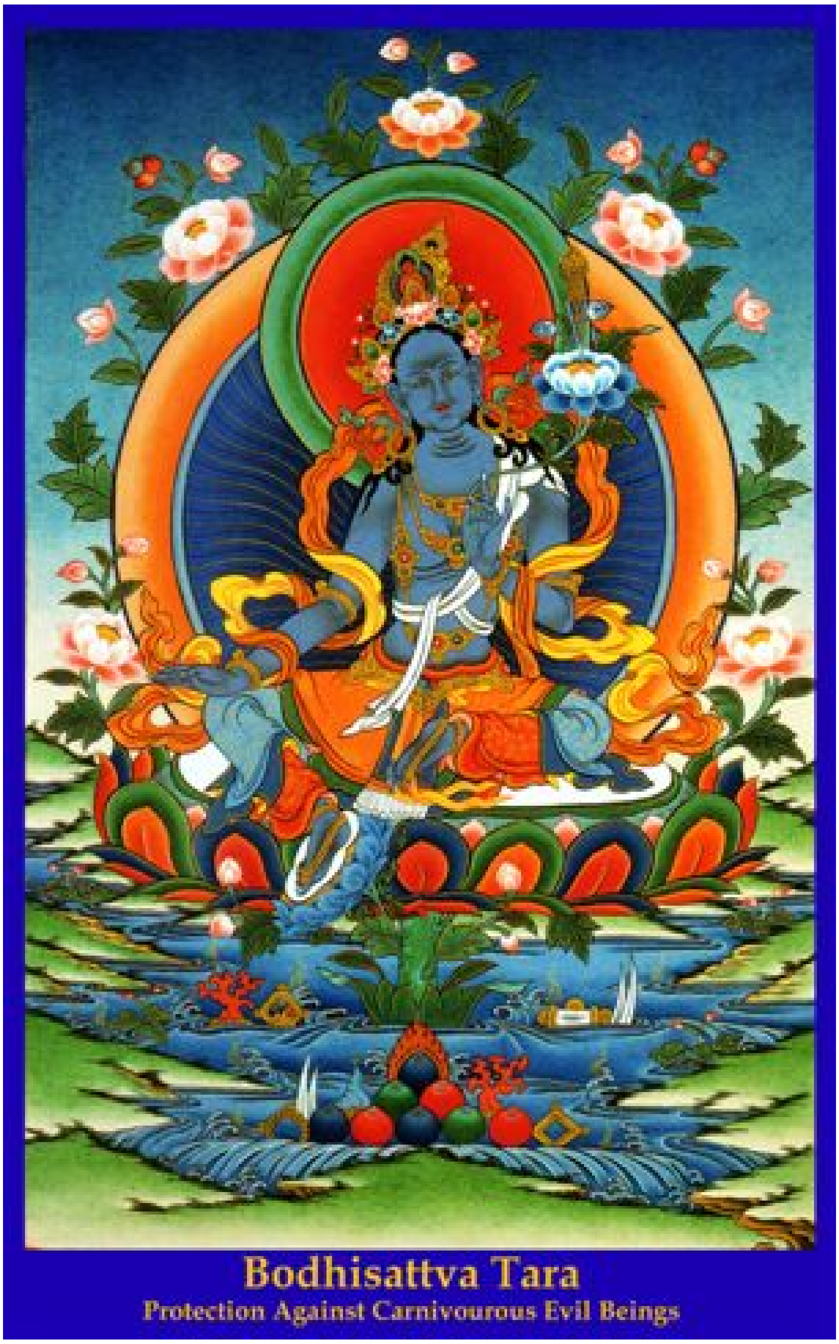


Bản Tôn có thân màu hồng, tướng mạo nhu hòa, tay phải cầm Hoa Câu hướng lên trên, tay trái cầm sợi dây. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay được uy quyền lớn khiến cho người khâm kính. Như Bộ Thuộc, dân chúng chẳng phục tùng thì hay khiến cho tuân phục. Lại vợ chồng chẳng hòa thuận, chân thành tu pháp của Bản Tôn hay khiến cho thuận hòa thương yêu nhau mãi mãi.

Tăng Uy Quyền Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Padma-tāre saṃdhāre Hrīḥ, sarva loka bhaṣiṃ kuru hoḥ

13) Cứu Ma Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái chày Giáng Ma có ba đầu (Tam Đầu Giáng Ma Xử). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả các bệnh quái về Cổ Mị, Linh Tinh và tất cả tai nạn về Thiên Ma, Địa Ma, Không Ma, Địa Long.

Cứu Ma Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva duṣṭan vighnān Hūṃ phaṭ svāhā

14) Cứu Súc Nạn Độ Mẫu:

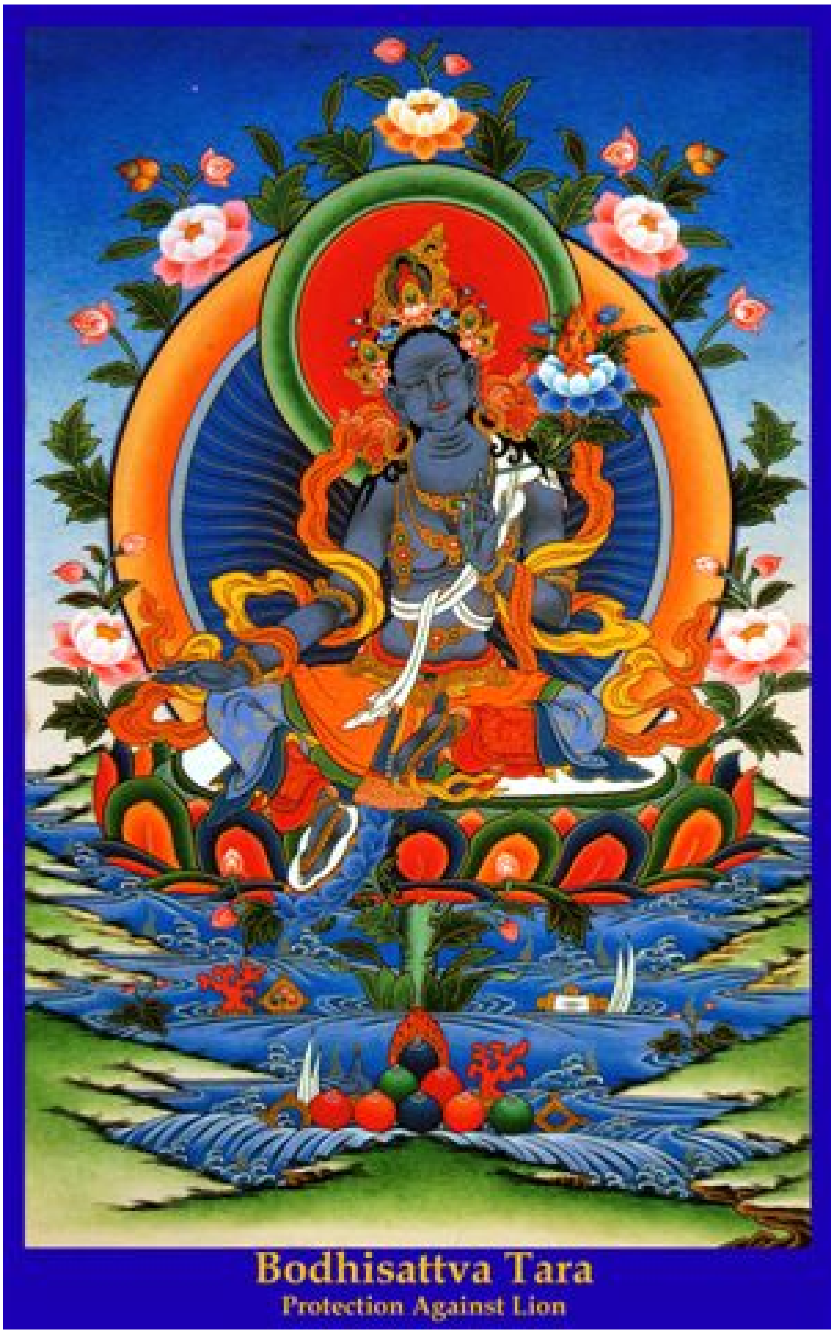


Bản Tôn có thân màu nâu đậm, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cây giáo dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay miễn trừ tất cả sự nguy hại về các loài vật không ăn thịt như voi, bò, ngựa, … làm cho người bị thương.

Cứu Súc Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, mama sarva haṃ haṃ duṣṭān hana hana trāsaya phaṭ svāhā

15) Cứu Thú Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có ngọn lửa. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay miễn trừ tất cả các loài thú mạnh ăn thịt người như sư tử, chó sói, cọp, heo, và sự nguy hại về tất cả động vật khác.

Cứu Thú Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, sarva He He, cale cale, bandha phaṭ svāhā

16) Cứu Độc Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình thủy tinh chứa đầy nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả thuốc độc, khí độc, trùng độc, với tất cả tai nạn về đất, nước, gió, không khí, chất độc tự nhiên, chất độc do con người tạo ra.

Cứu Độc Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, sarva viṣa-calāya, hara hara phaṭ svāhā

17) Phục Ma Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, một mặt ba mắt, tướng rất phẫn nộ, hai tay chắp lại cầm Tam Đầu Giáng Ma Xử. Nếu lúc gặp nạn cấp bách đem cái chày này chà chuyển chẳng ngừng thì hay đập vỡ tâm Ma. Trì tụng Chú này của Bản Tôn hay giáng phục Thiên Ma, chế ngự Ngoại Đạo.

Phục Ma Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Karma tāre, sarva śatrūn mārasena, Ha Ha, He He, Ho Ho, Ha,m Ha,m, bhindha bhindha phaṭ

18) Dược Vương Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có quả Ha Tử sáng như ánh mặt trời. (Ha tử chính là Thanh quả Liên Chi Diệp ở Tây Tang như vật cầm trong bàn tay phải của Đức Phật Dược Sư) phóng ra mũi nhọn ánh sáng như nước Cam Lộ tiêu trừ bách bệnh. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ bệnh truyền nhiễm với tất cả bệnh tai, ôn dịch.

Dược Vương Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, sarva jvara sarva duḥkha praśamanaya phaṭ svāhā

19) Trường Thọ Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình Trường Thọ chứa đầy nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay diên niên ích thọ , miễn trừ tất cả sự nguy hại về chết yểu, đoản mệnh và tất cả hung tai.

Trường Thọ Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, vajra-āyuṣe svāhā

20) Bảo Nguyên (Nguồn Báu) Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình Bảo Tàng chứa đầy châu báu nhiều vô cùng, vô biên – Trì tụng Chú của Bản Tôn hay đủ tài bảo, miễn trừ sự nghèo khổ và tất cả sự bức bách về kinh tế.

Bảo Nguyên Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, jambhe mohe dhana medhi Hrīḥ svāhā

21) Như Ý Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có Như Ý Kết (?). trì tụng Chú của Bản Tôn hay như Ngọc Báu Ma Ni, mọi sự như ý, tùy nguyện mong cầu không có gì không thành tựu, như cầu con kế tự, tu pháp của Bản Tôn rất linh nghiệm.

Như Ý Độ Mẫu Chú là:

Oṃ_ Tāre tuttāre ture, sarva artha siddhi, siddhi kuru svāhā

21 Độ Mẫu bên trên. Bình thường thì quán tưởng ngồi nhưng lúc cấp bách liền quán tưởng đứng. Tổng Tâm Chú thứ 22 là Tâm Chú chung của các Tôn Độ Mẫu. Niệm Chú này hay tổng quát tất cả Công Đức của 21 Độ Mẫu.

Lại nữa, trong mỗi tháng mùa hạ, ngày 25 là ngày kỷ niệm Độ Sinh của tất cả Phật Mẫu. Nếu ở ngày đó mở lập Pháp hội Độ Mẫu thì cảm ứng rất nhanh.

Độ Mẫu tổng Tâm Chú là:

Oṃ_ Tāre Tāṃ svāhā

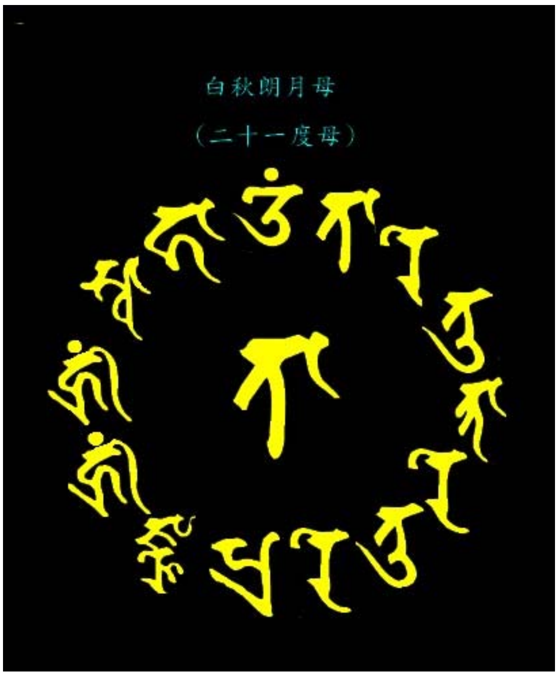
THẦN CHÚ CỦA 21 VỊ ĐỘ MẪU

1_Tốc Dũng Cứu Độ Mẫu (OṂ)



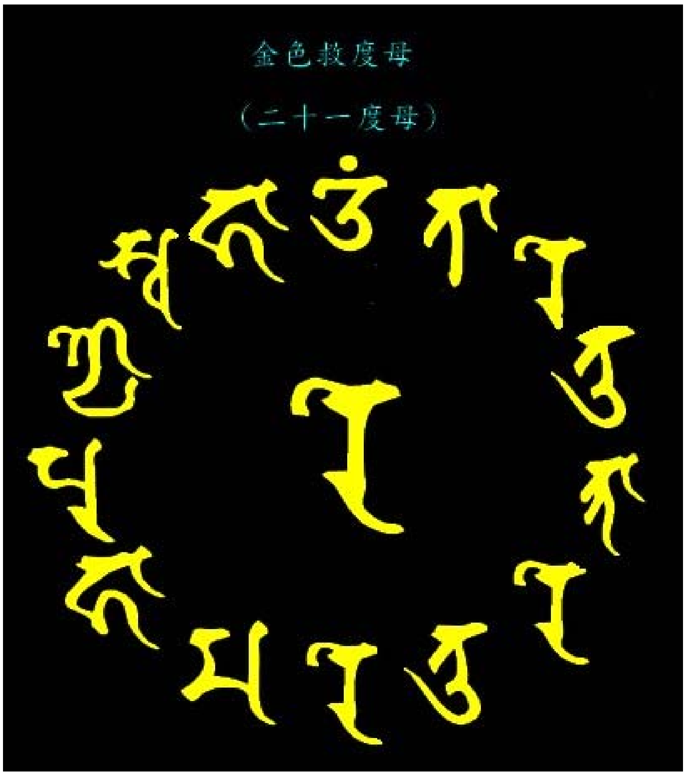
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE BHODHI-CITTA (?bodhi-citta) SVĀHĀ

2_Bách thu Lãng Nguyệt Mẫu (TĀ)



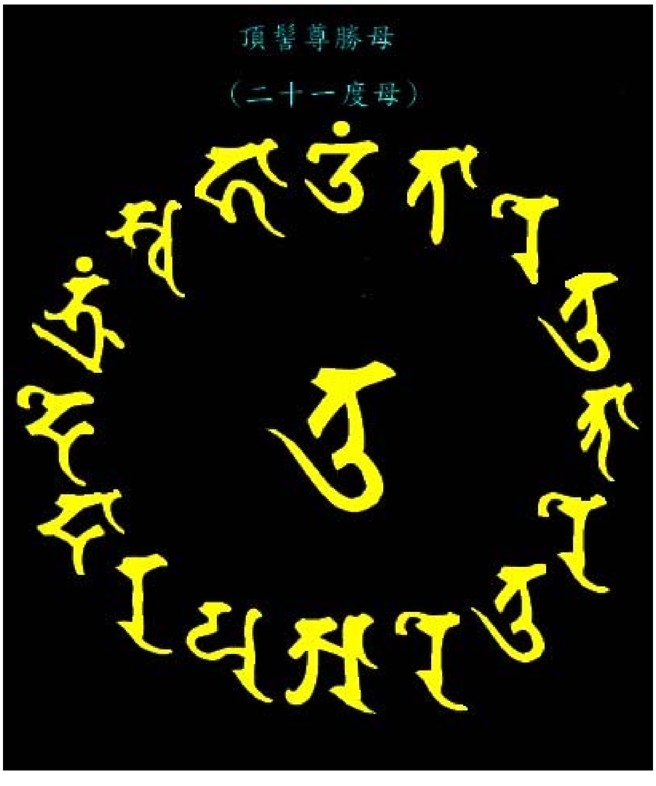
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE PRAJÑA HRĪṂ HRĪṂ SVĀHĀ

3_Kim Sắc Cứu Độ Mẫu (RE)



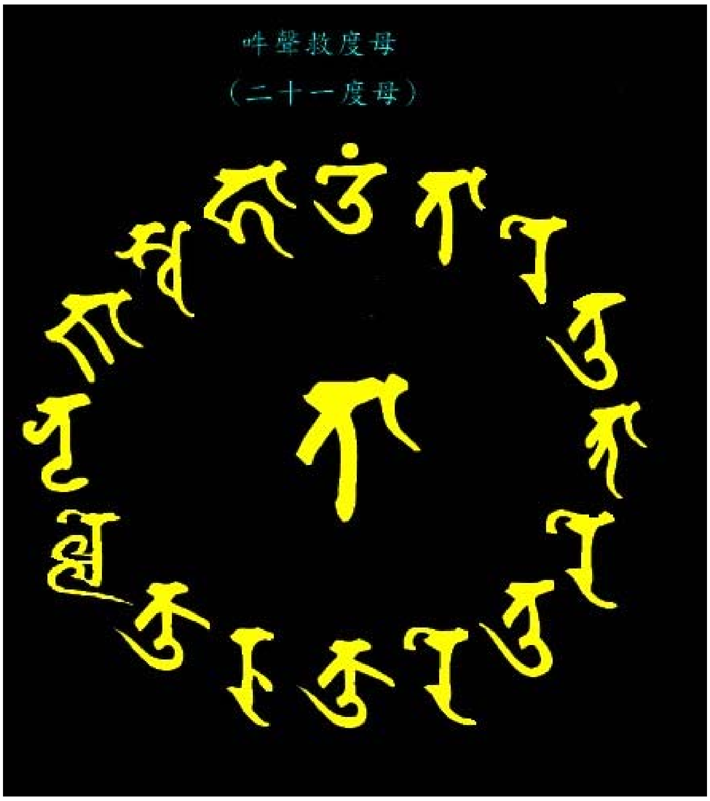
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE MAHĀ-PUṆYE SVĀHĀ

4_Đỉnh Kế Tôn Thắng Mẫu (TU)



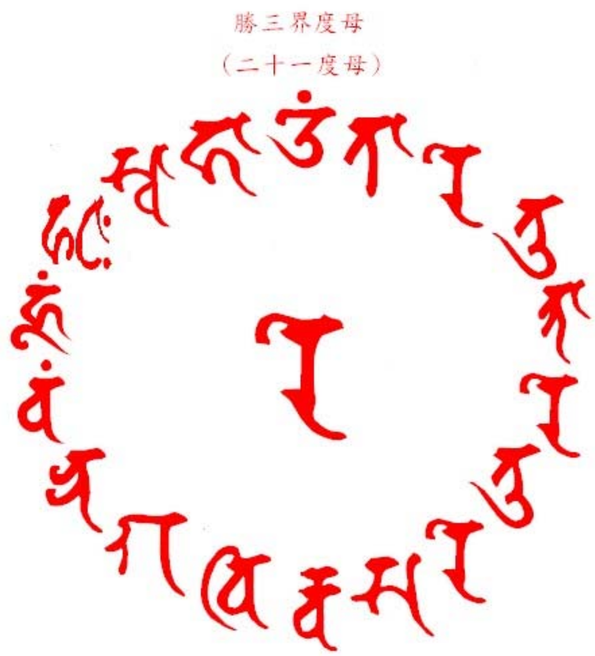
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE ĀYURA-DĀDE (?Āyurdāde) BHRUṂ SVĀHĀ

5_Hồng Thanh Cứu Độ Mẫu (TĀ)



OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE KURUKULLE NṚJA SVĀHĀ

6_Thắng Tam Giới Độ Mẫu (RE)



OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SARVA VIGANNA (?Vighnaṃ) VAṂ HŪṂ PHAṬAḤ (?Phaṭ) SVĀHĀ

7_Phá Địch Cứu Độ Mẫu (TU)



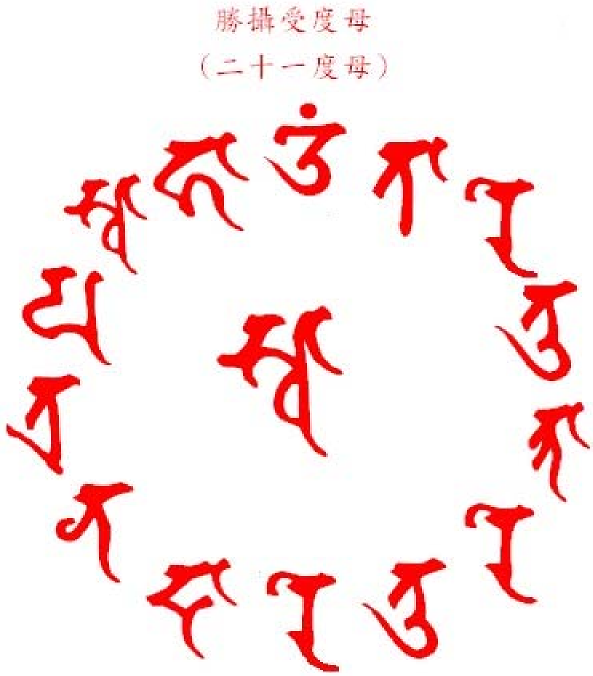
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE VAJRA TAKA HANA LICA PHAṬAḤ (?Phaṭ) SVĀHĀ

8_Phá Ma Cứu Độ Mẫu (RE)



OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE DAHA PACA HŪṂ PHAṬAḤ (?Phaṭ) SVĀHĀ

9_Thắng Nhiếp Thọ Độ Mẫu (SVĀ)



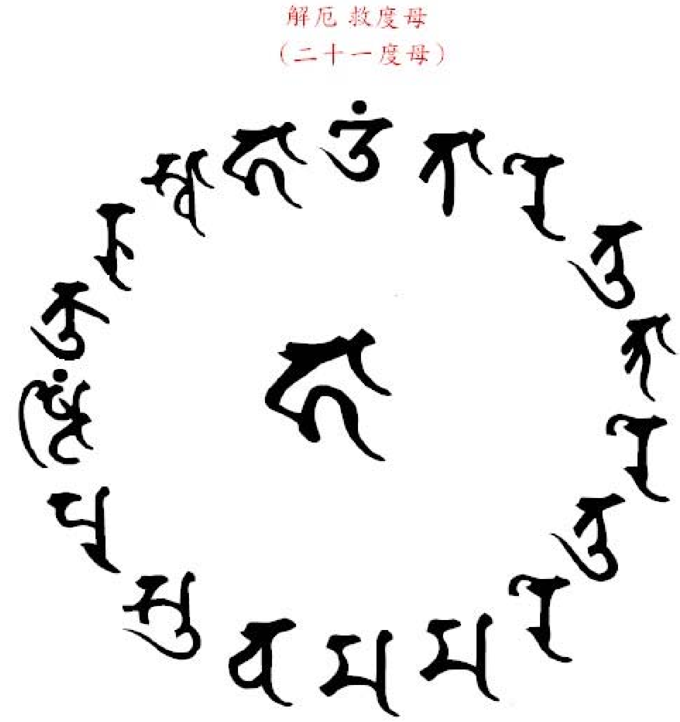
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE DĀNA-TRAYA SVĀHĀ

10_Trừ Ưu Cứu Độ Mẫu (SA)



OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE LOKA-PĀŚAṂ KURU SVĀHĀ

11_Giải Ách Cứu Độ Mẫu (HĀ)



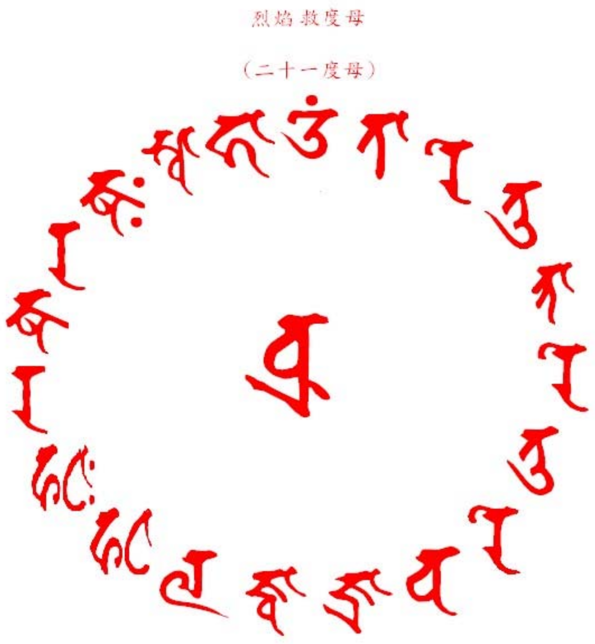
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE MAMA VASU PUṢṬIṂ KURU SVĀHĀ

12_Cát Tường Cứu Độ Mẫu (A)



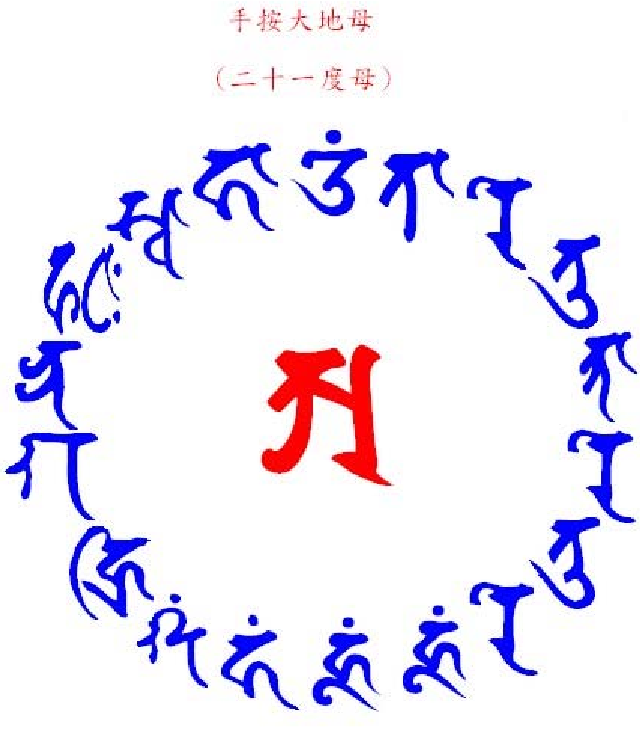
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE HŪṂ HŪṂ HAṂ ŚAṂ GANNA PHAṬAḤ (?Phaṭ) SVĀHĀ

13_Liệt Hỏa Cứu Độ Mẫu (BRU)



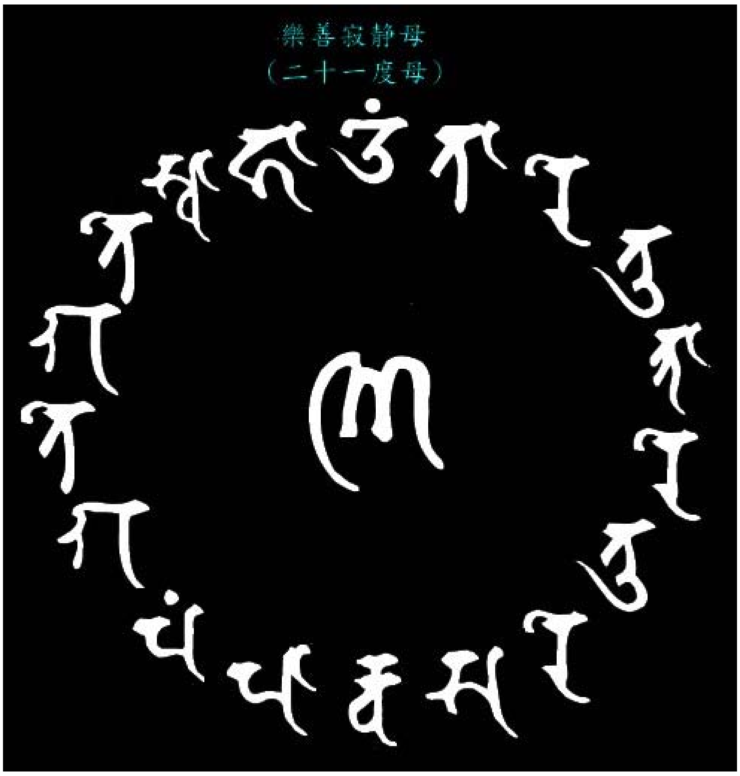
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE VAJRA-JVALA PHAṬA PHAṬAḤ (?Phaṭ phaṭ) RAKṢA RAKṢAḤ SVĀHĀ

14_Thủ Án Đại Địa Mẫu (A)



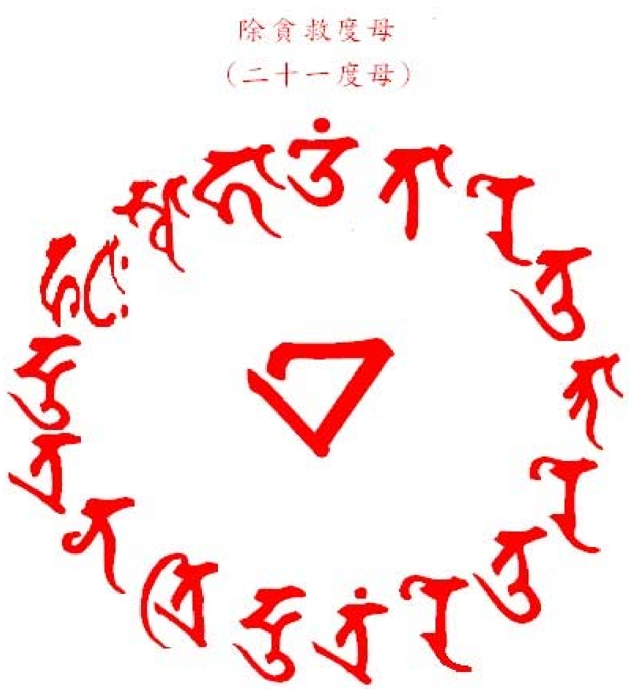
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE HŪṂ HŪṂ HAṂ ŚAṂ HRĪ GANNA PHAṬAḤ (?Phaṭ) SVĀHĀ

15_Lạc Thiện Tịch Tĩnh Mẫu (ṆI)



OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SARVA PĀPAṂ GATE GATE SVĀHĀ

16_Trừ Tham Cứu Độ Mẫu (E)



OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE TRAṂ DUTINI TRADU PHAṬAḤ (?Phaṭ) SVĀHĀ

17_Thành Lạc Cứu Độ Mẫu (ŚA)



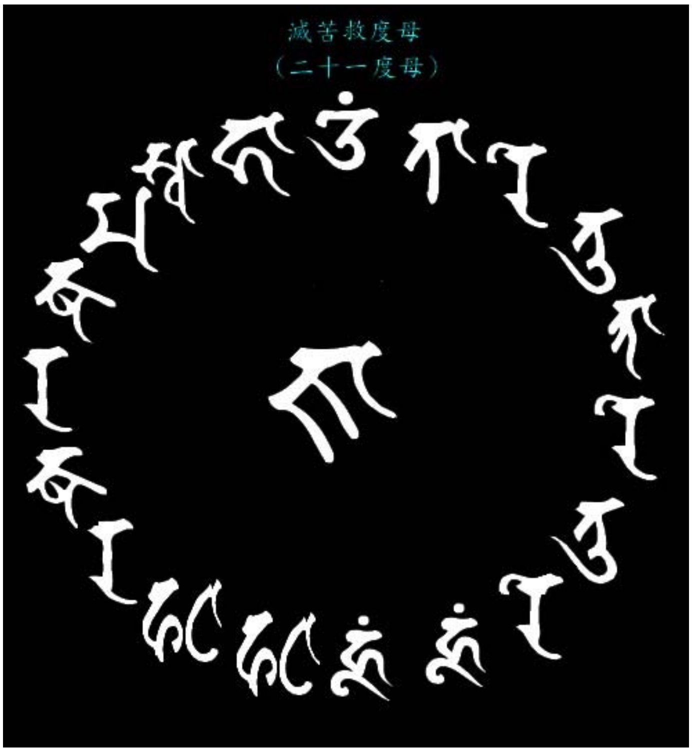
OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE HŪṂ HŪṂ VAṂ HOḤ SVĀHĀ

18_Thắng Lợi Cứu Độ Mẫu (KI)



OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SARVA VITĀRA (?Vetāla) PHAṬAḤ (?Phaṭ) SVĀHĀ

19_Diệt Khổ Cứu Độ Mẫu (JA)



OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE HŪṂ HŪṂ PHAṬA PHAṬA (?Phaṭ phaṭ) RAKṢA RAKṢA MA (?Māṃ) SVĀHĀ

20_Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu (CE)



OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE NĀMA TĀRE MANO HARA HŪṂ HARA SVĀHĀ

21_Viên Mãn Độ Mẫu (TAṂ)



OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE MURI CYAI-CHE BHRŪṂ NṚJA SVĀHĀ

Tóm lại, hình tượng Đa La Tôn thường được sùng bái, thờ phượng, quán tưởng nhiều nhất qua hai loại thân

1_ Thân nữ màu xanh lục, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn, ngồi theo thế Du Hý trên tòa sen và xưng là **Lục Độ Mẫu** (hay Thanh Tārā)



2_ Thân nữ màu trắng, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải kết Dữ Nguyện Ấn, ngồi theo thế Du Hý trên tòa sen và xưng là **Bạch Độ Mẫu** (hay Bạch Tārā)



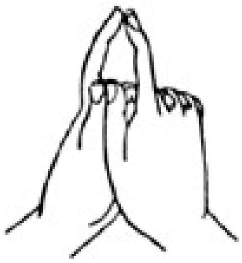
ĐA LA BỒ TÁT CHÂN NGÔN PHÁP

Theo truyền thống Hoa Văn thì Đa La Bồ Tát có mật hiệu là **Bi Sinh** (Kāruṇa-Udbhave:Nghĩa là do tâm Đại Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát mà sinh ra) hoặc có một mật hiệu là **Hạnh Nguyện Kim Cương** (Caryā Praṇidhāna-Vajra).

Tam Muội gia hình của Tôn này là "Hoa sen xanh hé nở" biểu thị cho nghĩa "***Hóa độ chúng sinh vượt thoát mọi trần cấu ô nhiễm, thực chứng được bản tính trong sạch không dơ bẩn***".

Chủng tử của Ngài là (TA) hay (Taṃ) hoặc (Tāṃ) minh họa cho nghĩa ***"Như Như bất khả đắc"***

Ấn căn bản của Ngài là **Thanh Liên Căn Bản Ấn**: Đem 10 ngón tay cài chéo nhau trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành Quyền (Nội phộc) dựng 02 ngón trỏ dính đầu ngón như cây kim, dựng thẳng 02 ngón cái dính vào 02 ngón trỏ. Đây cũng là Ấn căn bản của **Thanh Cảnh Quán Thế Âm BồTát**.



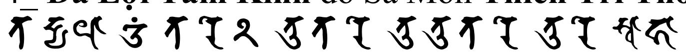
Tâm Chú của Đa La Tôn được ghi nhận qua nhiều bản khác nhau:

1_ Bản thường tụng của Tùy La Tăng ĐẠT MA MỘ XA là:
Đá điệt tha: Án – Đa lị đa lị– Đốt đa lị, đốt – Cấp bà ha.

2_ Bản của Nam Thiên Trúc Tăng A ĐỊA QUẬT ĐA là:
Đá điệt tha: Đa lợi, đa lợi, đốt đa lợi, đốt – Cấp bà ha.

3_ Bản do các Đại Đức cổ xưa kết tập là:
Đá điệt tha: Đa lợi, đa lợi, đốt đa lợi, đốt đa lợi, đốt đa lợi, sa bà ha.

4_ **Đa Lợi Tâm Kinh** do Sa Môn **Thích Trí Thông** dịch ghi là:



Đá điệt tha: Án – Đa lị, đa lị, đô đa lị, đô đô đa lị, đốt lị, sa bà ha.
(Tadyathā: Oṃ_ tare tare, tutare tututare, ture, svāhā)

Ấn căn bản của câu Chú này lại là **Ngoại Phộc Thanh Liên Hoa Căn Bản Ấn**: Đem 10 ngón tay cài chéo nhau bên ngoài, bên phải đè bên trái, sao cho 10 đầu ngón tay bám vào lưng 02 bàn tay rồ nắm lại thành Quyền (Ngoại phộc). Dựng đứng 02 ngón trỏ sao cho đầu ngón dính nhau như hình cánh sen. Dựng thẳng 02 ngón cái dính vào 02 ngón trỏ. Đây cũng là Ấn căn bản của **Kim Cương Pháp Bồ Tát** trong Kim Cương Giới Man Đa La Tứ Ấn Hội.



5_ Bản thường tụng của Diễm Tân Quốc Tăng ĐẠT MA THƯƠNG ĐÀ là:
Án, đá điệt tha: Đa lợi , đa lợi , đô đốt lợi, đốt lợi, đốt lợi, cấp bà ha.

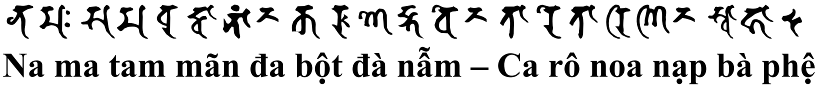
6_ Kim Cương Đỉnh Kinh Đa La BồTát Niệm Tụng Pháp ghi:
Đát nễ-dã tha: Án – Đa lê, đốt đa lê, đốt lê, tất phộc ha.

7_ Thánh Cứu Độ Phật Mẫu 21 Lễ Tán Kinh ghi là:

Oṃ – Tare tutare ture – Svàhà.

8_ Tây Khang NẶC NA Hồ Đồ Khắc Đồ truyền thụ Lục Độ Mẫu Chú là:
Án – Đạt liệt, đôi đạt liệt, đô liệt, toa hàm.
*) OOM – Dareh, Dudareh, Dūreh, Soha.
(OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ).



9_ Đại Nhật Kinh, quyển 02, phẩm Phổ Thông Chân Ngôn Tạng ghi là:

Na ma tam mãn đa bột đà nẫm – Ca rô noa nạp bà phệ đá lệ, đá lý nễ, sá ha.
(Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Kāruṇa-udbhave tāre tāriṇi svāhā)

Sớ thứ 07 giải thích câu Chú trên là:
→ **Namaḥ samanta-buddhānāṃ**: nghĩa là Quy mệnh khắp tất cả các Đấng giác ngộ

→ **Kāruṇa**: là Bi
→ **Udbhave**: là Sinh

Như thế **Kāruṇa-udbhave** nghĩa là ***theo Bi mà Sinh***, tức là trong Quán Tự Tại mà sinh ra.

→ Tāre: là con mắt, cũng có nghĩa là ĐỘ – Nay Chân Ngôn lấy chữ TA (𑖝) làm Thể. TA nghĩa là "**Pháp nghĩa Như".** vì tất cả các Pháp vốn chẳng sinh ra nên **Nhân** (Hetu) của Pháp cũng chẳng thể đắc, bởi vậy cho nên biết "**không có tướng khác**" Vì không có tướng khác nên **Như** cũng chẳg thể đắc, tức là nơi **Như** được **thật tướng** của các Pháp. Bên cạnh nó có 01 nét Tam Muội nên thành TĀ (𑖝𑖯) tức là Vạn Hạnh đều Như

RA (𑖨) là nghĩa 06 Trần. Vì các Pháp chẳng phải Như chẳng phải Khác, nên 06 Trần đều như THẬT TƯỚNG, tức bản tính của nó không có trần cấu, gọi là ***"Con mắt không bụi, thanh tĩnh, thấy biết như thật"***. Lại nữa, 06 căn 06 trần gọi là biển sinh tử, tất cả chúng sinh đều chìm đắm trong đó chẳng được bờ mé nào. Nay thấy 06 Trần như thật tướng mà đến bờ bên kia của Phật Nhãn nên gọi là "**được độ**"

→ Nói lập lại TĀRIṆI là cực độ, tự độ, được rồi lại hay phổ độ chúng sinh, tự được Phổ Nhãn không bụi, lại cũng khiến cho tất cả chúng sinh được Phổ Nhãn không bụi. Theo như Đại Bản thì có đến 500 Đa La Tôn đều từ mắ của Quán Tự Tại mà sinh ra. Mật Ngữ Du Già lấy chư vị đó làm Tam Muội của A Di Đà.

10_ Sớ thứ 10, phần Mật Ấn ghi câu Chú là:

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖝𑖯𑖨𑖰𑖜𑖰 𑖎𑖨𑖲𑖜𑖺𑖟𑖿𑖥𑖪𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Na ma tam mãn đa bột đà nam. Đá lệ, đá lý nễ, ca rô noa, ốt nạp-bà phệ, sá ha.

(Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Tāra tāriṇi kāruṇa-udbhave svāhā)

Rồi giải thích là:

_ **Tāre**: là người (tự độ).

_ **Tāriṇi:** là độ, như đưa người qua sông lớn đặt ở bờ bên kia.

_ **Kāruṇa**: là Bi.

_ **Udbhave**: là Sinh.

Do Bồ Tát này từ **Bi** mà sinh, cũng độ chúng sinh đến chỗ **Bi** vậy.

11_ Bất Không Quyến Sách Thần Biến Kinh, quyển 19, phẩm 37 Đa La Bồ Tát Hộ Trì có ghi là:

a) Ma Ni Đại Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:

"Án – A mô già bát đầu nhĩ nễ, đã lệ, sa-phộc ha"

𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖺𑖑𑖢𑖟𑖿𑖦𑖰𑖡𑖰 𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Oṃ_ Amogha-padmini tāre svāhā

b) Ma Ni Tiểu Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:

"Án – Ma ni, đã lê, hàm"

𑖌𑖼 𑖦𑖜𑖰 𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖮𑖳𑖽

Oṃ_ Maṇi-tāre hūṃ

12_ Bạch Cứu Độ Phật Mẫu Tán ghi là:

Án – Đáp liệt, đô đáp liệt, đô liệt, ma ma, A du lị bổ nột diệp, ni nạp bổ chân, cô lỗ diệp, sa ha.

(Oṃ_ Tàre tuttāre ture_ mama Āyuḥ puṇye jñāna puṣṭim kuru svāhā)

13_ Bản phổ thông lưu truyền trong nhân gian Trung Hoa thì ghi là:

Cúi lạy Viên Thông Chân Đại Sĩ
Tuyên dương Thần Chú phá ngu môn.
Nay con trì niệm mtộ triệu biến
Trí Tuệ nguyện bằng Quán Tự Tại.

"Úm– Tara, tara, tam ta ra nhân tha rị– Hê, vĩ thuật rị đa, vĩ thuật đa gia. Úm – Tara, tara, thất-rị duệ, ta-phạ ha"



OṂ (Nhiếp Triệu) **TĀRA** (tự cứu độ) **TĀRA** (tha cứu độ) **SAṂDHĀRA INDRI** (giữ gìn năng sinh, liên kết với quyền năng tự nhiên).

HE (Mừng thay) **VIŚRITA** (vang lại, dội lại, đáp ứng lại) **VIŚUDDHĀYA** (Khiến cho tấ cả đều được thanh tịnh).

OṂ (Nhiếp Triệu) **TĀRA** (Tự độ) **TĀRA** (tha độ) **ŚRĪYE SVÀHÀ** (quyết định thành tựu mọi sự tốt lành).

14_ Truyền thống Ấn Độ thường lưu hành câu Chú kèm với nghĩa căn bản là:



OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE - SVĀHĀ

.) **Oṃ**: Kính lễ
.) **Tāre:** dũng mãnh mau chóng
.) **Tuttāre**: trừ khử sự sợ hãi
.) **Ture**: hay truyền các thắng nghĩa
.) **Svāhā:** con tác kính lễ

15_ Truyền thống Tây Tạng thường lưu hành 02 câu Chú chính của Lục Độ Mẫu và Bạch Độ Mẫu là:

a) Lục Độ Mẫu Chú:

OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE - SVĀHĀ

.) **Oṃ**: Quy mệnh kính lễ mẹ Tārā.
.) **Tāre**: sự tự do thoát khỏi luân hồi
.) **Tuttāre**: sự tự do thoát khỏi 08 nạn
.) **Ture**: sự tự do thoát khỏi bệnh tật
.) **Svāhā**: thành tựu tốt lành.

b) Bạch Độ Mẫu Chú:

OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE - MAMA ĀYUḤ PUṆYE JÑĀNA PUSṬIṂ KURU – SVĀHĀ.

.) Oṃ – Tāre tuttāre ture
.) **Mama**: Tôi
.) **Āyuḥ**: thọ mệnh
.) **Puṇye**: công đức
.) **Jñāna**: Trí Tuệ
.) **Puṣṭiṃ kuru**: hãy làm cho tăng trưởng
.) **Svāhā:** thành tựu tốt lành

Ngoài ra, tùy theo từng Bộ tu tập, các vị Đạo sư Tây Tạng đã truyền dạy các câu Chú khác nhau là:

1_ Như Lai Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAḤ ĀRYA JÑĀNA – SĀGARĀYA VAIROCANA – VYŪHA – RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ.

2_ Liên Hoa Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAH ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–AMITĀBHA–DEVA–VYŪHA–RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ.

3_ Kim Cương Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAH ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–AKSOBHYA – VYŪHA– RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TURE TUTTĀRE – SVĀHĀ.

4_ Bảo Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAH ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–RATNASAṂBHAVA – VYŪHA–RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TĀRE - TUTTĀRE – TURE – SVĀHĀ.

5_ Nghiệp Dụng Bộ: Đa La Mẫu:

NAMO RATNA-TRAYĀYA.

NAMAH ĀRYA JÑĀNA–SĀGARĀYA–AMOGHASIDDHI– VYŪHA–RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHÀYA.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TURE TUTTĀRE – SVĀHĀ.

Để giúp cho đệ tử mau chóng diệt trừ mọi tội nghiệp ác đã gây ra, các bậc Đạo sư Mật Giáo Tây Tạng đã truyền dạy một trong ba bài chú sau:

1_OṂ- NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ- SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA!.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVA DUṢṬĀṂ PARA DUṢṬĀṂ MAMA KṚTE – JAMBHAYA, STAMBHAYA, MOHAYA, BANDHAYA HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ – SVĀHĀ.

NAMAḤ ĀRYA AVALOKABHAYĀ NARĀ BODHISATTVĀ MAHĀ SATTVĀNI ADHISṬHĀNA ŚUDDHE VIŚUDDHE ŚODHAYA VIŚODHAYA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ.

2_ NAMO RATNA-TRAYĀYA!.
NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA!.
TADYATHĀ: OṂ_ TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVA DUṢṬĀṂ PARADUSṬĀṂ MAMAKṚTE – JAMBHAYA, STAMBHAYA, MOHAYA, BANDHAYA HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ! SARVA DUṢṬA STAMBHANI – TĀRE SVĀHĀ.

3_ OṂ – TĀRAṆI – TĀRAṆI – MAHĀ- TĀRAṆI – SVĀHĀ

Do tín ngưỡng Tārā phát triển rất mạnh mẽ và sâu rộng trên đất nước Tây Tạng, nên các bậc Đại sư đã truyền dạy một số định thức về Thần chú để cho các Giáo đồ tiện dùng, Nay chúng tôi xin ghi lại phần định thức do **Đức Dalai Lama thứ nhất** truyền dạy và do **Stephan Beyer** biên soạn trong quyển “**The cult of Tārā**” từ trang 208 đến trang 210.

1. Định thức thứ nhất:

Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva …… śāntiṃ Kuru – Svāhā

_ Trừ Quỷ Thần: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva grahān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ chứng nạn: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva vighnān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ bệnh tật truyền nhiễm : **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva vyādhīn śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ nhiệt bệnh: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva jvarān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ bệnh hoạn: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva rogān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ phiền não: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva upadravān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ sự chết yểu phi thời**: Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva akāla-mṛtyūn śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ giấc mơ xấu: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva duṣvapanān śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ sự Bất Tường: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva durni mittāni śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

_ Trừ sự lầm lẫn: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva cittā kulāni śāntiṃ Kuru - Svāhā .**

2_ Định thức thứ hai:

Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva …… Rakṣaṃ Kuru – Svāhā

_ Trừ oan gia và kẻ thù: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva śatrūbhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

_ Trừ chất độc, các loại độc: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva viṣebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

_ Trừ Chú Trớ Yểm Đảo: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva kṛtyā-kākhordebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

_ Trừ binh trận: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva yudhebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

_ Trừ sự phiền não tai nạn: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva bhaya upadrvaebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

_ Trừ hành động xấu ác: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva duṣkṛtebhyo Rakṣaṃ Kuru – Svāhā**

3_ Định thức thứ ba:

Oṃ – Tāre Tuttāre Ture …… Svāhā.

_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva bhaya vimocana – Rāja, caura, Agni, Viṣa, Udaka bhayāni praśamaya – Svāhā.

(Oṃ Tāre Tuttāre Ture – Vượt thoát mọi sự sợ hãi, chận đứng, tiêu diệt sự sợ hãi về: vua chúa, trộm cướp, lửa, thuốc độc, nước - Svāhā)

_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva bandhana – Taḍana – Rāja, Taskara, Agni, Udaka, Viṣa śastrāni parimocaka – Svāhā.

(Oṃ Tāre Tuttāre Ture – Vượt thoát mọi sự trói buộc, sự đánh đập, vua chúa, trộm cướp, lửa, nước, thuốc độc, dao gậy - Svāhā)

_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Sarva pāpam Āvaraṇa viśuddhe – Svāhā.

(Oṃ Tāre Tuttāre Ture – Tinh lọc hoàn toàn mọi tội lỗi và chướng ngại – Svāhā)

_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture _ mama dhana sarva cora bandha _ Svāhā

(Oṃ Tāre Tuttāre Ture _Cột trói tất cả giặc cướp của cải của tôi _ Svāhā)

_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture _ Asmān apakāra sarva cora bandha _ Svāhā

(Oṃ Tāre Tuttāre Ture _Cột trói tất cả trộm cướp, kẻ gây ra thiệt hại cho chúng tôi _ Svāhā)

_ Oṃ – Tāre Tuttāre Ture_ Dhanaṃ me Dehi – Svāhā (Oṃ Tāre Tuttāre Ture – Hãy ban cho tôi sự giàu có - Svāhā)

4_ Định thức thứ tư:

Oṃ – Tāre Tuttāre Ture …… Puṣṭiṃ Kuru – Svāhā.

_ Tăng trưởng Thọ Mệnh, Phước Đức, Trí Tuệ: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture – Mama Āyuḥ puṇye jñāna Puṣṭiṃ Kuru – Svāhā.**

_ Tăng trưởng năng lực Công Đức: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture –puṇya Puṣṭiṃ Kuru – Svāhā.**

_ Tăng trưởng Trí Tuệ: **Oṃ – Tāre Tuttāre Ture –Prajña Puṣṭiṃ Kuru – Svāhā.**

Tóm lại: Tuy Thần chú căn bản của các Đa La Tôn có nhiều sự sai khác, nhưng đấy chỉ là pháp lưu truyền của từng Dòng Phái mà thôi. Thực tế muốn tu tập Chân Ngôn được hiệu nghiệm thì điều căn bản là phải biết **thành thật với chính mình** và người khác. Ngoài ra còn phải giữ gìn kỹ lưỡng Tam quy, Ngũ giới, tám Biệt Giới Giải Thoát đồng thời cần phải tránh xa và diệt trừ cho được tâm ý **tự ti mặc cảm và tự cao ngã mạn**, phát huy tâm ý **bình đẳng như thật.** Có như thế Hành Giả mới dần dần thâm nhập vào Tâm Đại Bi của Bản Tôn và thành tựu được mọi lợi ích mà Kinh Điển ghi nhận là: *"Nếu tu trì Chân Ngôn này thì hãy cắt đứt sinh tử luân hồi, tiêu trừ các ma chướng, nghiệp chướng, bệnh khổ,... và hay tiêu tai, tăng phước, sống lâu, rộng mở Trí Tuệ. Phàm có sự mong cầu thì không có gì không thành tựu, sau khi mệnh chung sẽ vãng sanh về Thế giới Cực Lạc."*



MAN ĐA LA CỦA ĐA LA BỒ TÁT

Do **Đa La Bồ Tát** hay Thánh Cứu Độ Phật Mẫu rất ư dung dị gần gũi, sự rất dung dị ấy giúp cho con người dễ đạt được Pháp Môn tương ứng. Trong thực tế có người một đời chuyên tu Pháp Độ Mẫu đắc được Trí Tuệ rất lớn

Nếu như con người thường siêng năng niệm tụng, ắt hay đoạn trừ dần dần nguồn cội của sự Luân Hồi. Người tu trì thành tựu Pháp Môn Độ Mẫu được miễn trừ tất cả Ma Chướng, Ôn Dịch, bệnh khổ. Tiêu trừ tất cả kiếp nạn về nước, lửa, đao binh, trộm cắp… kèm hay tăng trưởng Phước Tuệ, quyền uy, thọ mệnh. Phàm có sự mong cầu thì không có gì chẳng như nguyện, khi mệnh chung thời sinh về cõi Cực Lạc.

Người tu tập thành tựu Pháp Môn Độ Mẫu được trừ tất cả nghiệp tội, tiêu diệt Ma Chướng, hay cứu tất cả tai nạn, mau được vô lượng Công Đức viên mãn, sống lâu, phú quý đều hay như nguyện. Công Đức ấy lợi ích rộng lớn vô lượng chẳng thể nghĩ bàn.

Quá khứ, tại Ấn Độ với đất Tây Tạng, người tu thành tựu Pháp Môn này với đạt được dấu hiệu của điềm lành chẳng thể nêu bày hết được, đến nay vẫn rộng làm lưu truyền.

Do vậy, ngoài các Tôn Tượng, các bậc Đạo Sư Mật Giáo còn truyền thụ rất nhiều dạng thức Man Đa La của Đa La Bồ Tát

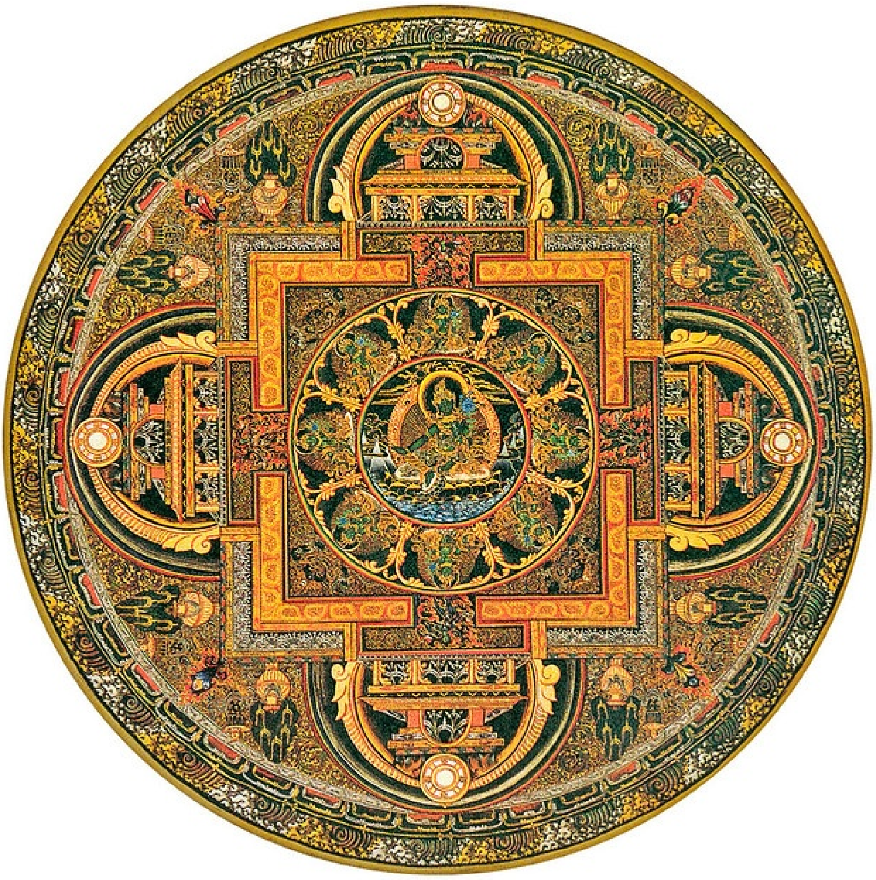
_Man Đa La của Lục Độ Mẫu:






薩迦
塔立仁波切親繪





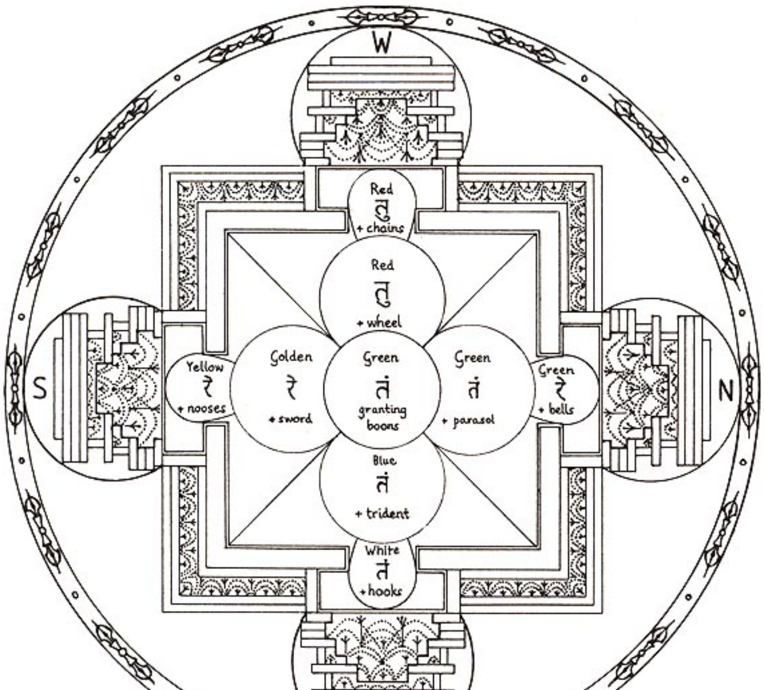


_Man Đa La của Bạch Độ Mẫu:





_Man Đa La của 9 Tārā:





.)Trung ương: Tārā màu xanh lá cây (chủng tử TAṂ)
.)Phương Đông: Tārā màu xanh dương (chủng tử TAṂ)
.)Phương Nam: Tārā màu vàng ròng (chủng tử RE)
.)Phương Tây: Tārā màu đỏ (chủng tử TU)
.)Phương Bắc: Tārā màu xanh lục (chủng tử TAṂ)
.)Cửa Đông: Tātā-aṅkuśī (Tārā Câu) màu trắng (chủng tử TAṂ)
.)Cửa Nam: Tārā-pāśī (Tārā Sách) màu vàng (chủng tử RE)
.)Cửa Tây: Tārā-sphoṭā (Tārā Tỏa) màu đỏ (chủng tử TU)
.)Cửa Bắc: Tārā Ghaṇṭā (Tārā Linh) màu xanh lục (chủng tử RE)

_Man Đa La của 21 Tārā:

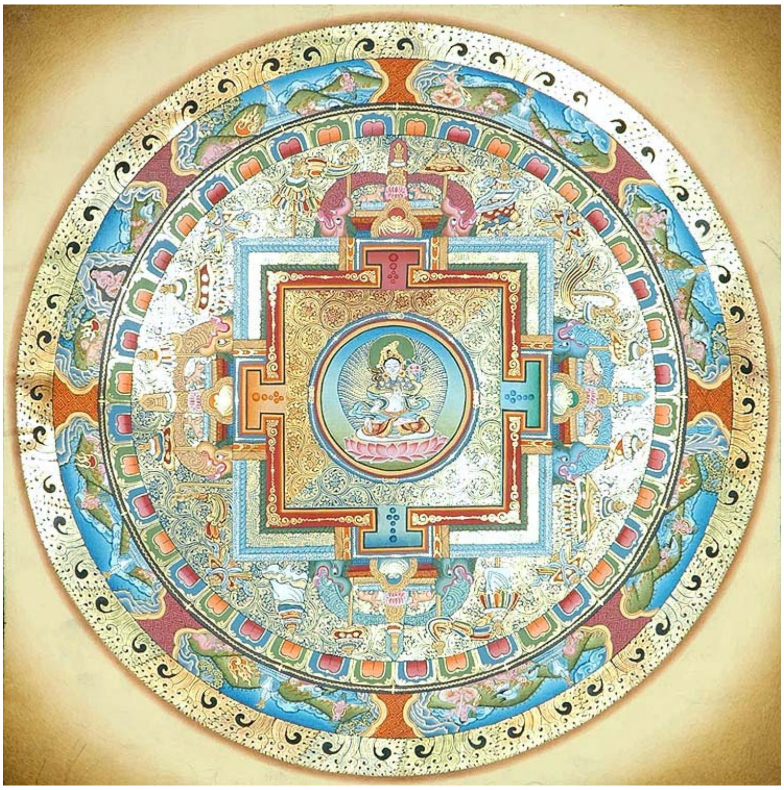




_Man Đa La **Tối Thượng Du Già** của Lục Tārā



_Man Đa La **Tối Thượng Du Già** của Bạch Tārā



(Ārya) tārānamaskāraikaviṁśatistotram

Oṃ namo bhagavatyai āryaśrī-ekaviṁśatitārāyai

namastāre ture vīre kṣaṇadyutinibhekṣaṇe|
trailokyanāthavaktrābjavikasatkamalodbhave|| 1||

namaḥ śataśaraccandrasaṁpūrṇeva varānane|
tārāsahasrakiraṇaiḥ prahasatkiraṇojjvale|| 2||

namaḥ kanakanīlābja-pāṇipadmavibhūṣite|
dānavīryatapaḥśā(kṣā)ntititikṣādhyānagocare|| 3||

namastathāgatoṣṇīṣavijayānantacāriṇi|
śeṣapāramitāprāptajinaputraniṣevite|| 4||

namastutārahuṁkārapūritāśādigantare|
saptalokakramākrā[nte] aśeṣakaruṇā(ṇe)kṣaṇe|| 5||

namaḥ śakrānalabrahmamarudviśveśvarārcite|
bhūtavetālagandharvagaṇayakṣapuraskṛte || 6||

namaḥ straditi phaṭkāra parajatra(yantra)pramardini|
pratyālīḍhapadanyāse śikhī(khi)jvālākulojjvale|| 7||

namasture mahāghore mālavīravināśini|
bhṛkuṭīkṛtavaktrābjasarvaśatrunisundanī(ṣūdini)|| 8||

namaḥ strīratnamudrāṅkahṛdayāṅgulibhūṣite|
bhūṣitāśeṣadikcakranikarasvakarākule|| 9||

namaḥ pramuditāśeṣamuktākṣīraprasāriṇi|
hasatprahasatuttāre māralolavaśaṅkari|| 10||

namaḥ samantabhūpālapata(ṭa)lākarṣaṇa(ṇe)kṣaṇe|
carabhṛkuṭihūṁkārasarvāpadavimocanī(cini) || 11||

namaḥ śrīkhaṇḍakhaṇḍendu[su]muktābharaṇa(ṇo)jjvale|
amitābhajitābhārabhāsure kiraṇoddhruve(ddhure) || 12||

namaḥ kalpāntahutabhugajvālāmālāntare(ra)sthite|
ālīḍhamudi(dri)tābaddharipucakravināśinī(ni)|| 13||

namaḥ karatarā(lā)ghāṭa(ta)caraṇāhatabhūtale|
bhṛkuṭīkṛtahuṁkārasaptapātālabhedinī(ni)|| 14||

namaḥ śive śubhe śānte śāntanirvāṇagocare|
svāhāpraṇavasaṁyukte mahāpātakanāśanī(śini)|| 15||

namaḥ pramuditābaddharigātraprabhedini|
daśākṣarapadanyāse vidyāhuṁkāradīpite|| 16||

nama[stāre] ture pādaghātahuṁkāravījite|
merumaṇḍalakailāśabhuvanatrayacāriṇī(ṇi) || 17||

namaḥ sure sa(śa)rākāraharinṇāṅkakare(ra)sthite|
haridviruktaphaṭkāra(re) aśeṣaviṣanāśiṇī(ni)|| 18||

namaḥ surāsuragaṇayakṣakinnarasevite |
abuddhamuditābhogakarī(ri) duḥsvapnanāśinī(ni) || 19 ||

namaścandrārkasampūrṇanayanadyutibhāsvare|
tārādviruktatuttāre viṣamajvala(ra)nāśini|| 20||

namaḥ strītattvavinyāse śivaśaktisamanvite|
grahavetāra(la)yakṣoṣmanāśini pravare ture|| 21||

mantramūlamidaṁ stotraṁ namaskāraikaviṁśatiḥ(ti)|
yaḥpaṭhetprātaḥ (paṭhetprayataḥ) dhīmān devyābhaktisamanvite(taḥ)||22||

sāyaṁ vā prātarutthāya smaret sarvābhayapradam|
sarvapāpapraśamanaṁ sarvadurgatināśanam|| 23||

abhiṣikto bhavet tūrṇaṁ saptabhirjinakoṭibhiḥ|
māsamātreṇa caivāsau sukhaṁ bauddhapadaṁ vrajet|| 24||

viṣaṁ tasya mahāghoraṁ sthāvaraṁ cātha jaṅgamam|
smaraṇānna padaṁ yāti khāditaṁ pi(pī)tameva vā|| 25||

grahajo(jā)laviṣārtānāṁ parastrīviṣanāśanam|
anyeṣāṁ caiva sattvānāṁ dvisaptamabhivartitam|| 26||

putrakāmo labhet putraṁ ghanakāmo labheddhanam|
sarvakāmānavāpnoti na vighnaiḥ pratihanyate|| 27||

iti śrīsamyaksaṁbuddhavailo(ro)canabhāṣitaṁ bhagavatyāryatārādevyā namaskāraikaviṁśatināmāṣṭottaraśatakaṁ buddhabhāṣitaṁ parisamāptam|

(Trích từ dharani Nepal của trang Web: www.dharanisangraha.com)

Mật Tạng Bộ 3 _No.1108A (Tr 478 – Tr 479)

KINH LỄ TÁN 21 LOẠI THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU

Hán dịch: Hàn Lâm Học Sĩ Thừa Chỉ Trung phụng Đại phu AN TẠNG phụng chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

- **Án** (OṂ**)** Kính lễ, **Đa Lị** (TĀRE) Tốc tật Dũng
Đốt Đa Lị (TUTTĀRE) trừ khử sợ hãi
Đốt Lị (TURE) hay truyền các Thắng nghĩa
Đủ chữ, **Sa ha** (SVĀHĀ) con tán lễ.

1_ Kính lễ **Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu** (Tāre Ture vīre)
Mắt như ánh điện chiếu chớp nhoáng
Tôn của ba cõi (Tam Thế Giới Tôn) mặt hoa sen.
Trong hoa màu nhiệm, hiện đoan nghiêm.

2_ Kính lễ **Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu** (Śata-śarac-candra)
Mặt vô cấu tròn đầy rộng khắp
Như ngàn tinh tú đồng thời tụ
Uy quang thù diệu vượt hơn hẳn

3_ Kính lễ **Tử Ma Kim Sắc Mẫu** (Kanaka-Nīlâbja)
Tay sen mầu nhiệm thật trang nghiêm.
Thí (bố thí), tinh cần hạnh, nhu thiện tĩnh
Nhẫn Nhục, Thiền Định Tính, vô cảnh (không có cảnh)

4_ Kính lễ **Như Lai Đỉnh Kế Mẫu** (Tathāgatôṣṇīsa)
Tối thắng hay mãn vô biên hạnh
Được đến bờ kia không dư sót
Thắng Thế Phật Tử rất kính yêu

5_ Kính lễ **Đát La Hồng Tự Mẫu** (Tuttāra – Hūṃ - Kāra)
Tiếng chứa phương sở đầy Hư không
Vận (xoay chuyển) chân che khắp bảy Thế Giới
Thảy đều câu triệu, nhiếp không sót

6_ Kính lễ **Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu** (Śakrânala- Brahma)
Thần gió (Marud), chúng Tự Tại(viśsêśvara)đều đến
Bộ Đa(Bhūta), Khởi Thi Quỷ(vetāla), Tầm Hương(gandharva)
Các chúng Dược Xoa(Yakṣa) đều xưng tán

7_ Kính lễ **Đặc La Đê phát Mẫu** (Traḍiti phaṭ - Kāra)
Nơi **Gia Hạnh** (Yantra: Linh phù) khác, cực tồi hoại.
Duỗi trái co phải làm chân đạp
Đỉnh kế rực rỡ rất sáng tỏ.

8_ Kính lễ **Đô Lị Đại Khẫn Mẫu** (Ture Mahā- Ghore)
Dũng mãnh đập tan loài Ma Oán
Trên mặt hoa sen, chau lông mày (nhíu 2 lông mày)
Tồi hoại tất cả chúng Oan Gia.

9_ Kính lễ **Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu** (Tri– Ratna - Mudrânka)
Tay chỉ ngay tim, tướng uy nghiêm
Tô điểm **phương Luân** (Dik-Cakra: chân trời, tầm kiến thức) không bỏ sót.
Tự thân rực rỡ tụ ánh sáng.

10_ Kính lễ **Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu** (Pramuditâṭopa)
Mão báu, chuỗi ngọc tô điểm sáng
Cười vui thỏa thích **Đô đát lị** (tuttàre)
Trấn Thế Gian Ma, tác nhiếp phục.

11_ Kính lễ **Thủ Hộ chúng Địa Mẫu** (Samanta– bhū– pāla)
Cũng hay câu Triệu các chúng Thần
Cau mặt chau mày, tiếng chữ **Hồng** (Hūṃ)
Độ thoát tất cả mọi suy bại.

12_ Kính lễ **Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu** (Śikhaṇḍa – khaṇḍêndu)
Mão hiện hào quang thắng diệu nghiêm.
A Di Đà Phật hiện trong tóc
Thường tỏa ánh sáng báu mầu nhiệm

13_ Kính lễ **Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu** (Kalpânta - hutabhug)
An trú rực rỡ trong Đỉnh Kế
Vui thích rộng khắp, ngồi Bán Già
Hay tồi diệt, phá Luân oan ác.

14_ Kính lễ **Thủ Án Đại Địa Mẫu** (Kara - Talâghāta)
Dùng chân đạp chéo làm trấn áp.
Hiện mặt cau mày, tác tiếng **Hồng.**
Hay phá bảy Hiểm, trấn giáng phục.

15_ Kính lễ **An Ẩn Nhu Thiện Mẫu** (Śive śubhe śânte)
Niết Bàn tịch diệt, cảnh cực vui.
Sa Ha (Svāhā) mệnh chủng dùng tương ứng
Khéo hay tiêu diệt họa lửa lớn

16_ Kính lễ **Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu** (Pramuditābandha)
Các chi thể oán, khiến thoát ly.
Câu Chú mười chữ bày diệu nghiêm.
Minh Chú (Vidya) tiếng **Hồng**, thường soi sáng.

17_ Kính lễ **Đô Lị Ba Đế Mẫu** (Ture padâghāta)
Thế chân bước nhẹ, chủng chữ **Hồng.**
Di Lỗ (Meru – tên núi) man đà (maṇḍara – tên núi) Kết lạt tát (kailāsa – tên núi)

Ở ba nơi này hay dao động.

18_ Kính lễ **Tát La Thiên Hải Mẫu** (Sura – sarâkāra)
Trong tay cầm giữ tượng Thần Thú
Tụng hai **Đát La** (Trāṭ) tác tiếng **phát** (phaṭ)
Hay diệt các độc không còn sót.

19_ Kính lễ **Chư Thiên Tập Hội Mẫu** (Sura – gaṇâdhyakṣa)
Trời (Deva) **Khẩn na la** (Kiṃnara) đều kính yêu
Uy đức hoan duyệt như (áo) giáp cứng
Diệt trừ đấu tranh với mộng ác.

20_ Kính lễ **Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu** (Candrârkâ – sampūrṇa)
Mắt nhìn giống Thắng Phổ Quang Chiếu.
Tụng hai **Hạt la** (Hara) **đốt đát lị** (Tuttāre)
Khéo trừ bệnh ác, dịch, độc, nóng.

21_ Kính lễ **Cụ Tam Chân Phật Mẫu** (Tri – Tattva – vinyāsa)
Uy lực Thiện Tĩnh đều đầy đủ
Dược xoa(Yakṣa), chấp mị(grahā), vĩ đát lạt(vetāla)
Đô Lị (Ture) Tối cực trừ viêm họa (họa nóng bức)

(1) Kính lễ Bậc Trí siêng tinh tiến
Chí Tâm Tụng niệm (Tán này) hai mươi mốt (21)
Thành Tín lễ nơi Cứu Độ Tôn.
Cho nên tán thán chú căn bản.

(2) Mỗi sáng thức dậy, đầu đêm, lễ
Ghi nhớ ban cho Thắng vô úy.
Tất cả tội nghiệp tiêu trừ hết
Đều hay vượt qua các nẻo ác.

(3) Nhóm này mau hay được Thông Tuệ
Bảy câu đê Phật đã quán đỉnh
Đời này giàu có, thọ diên an.
Ngày sau hướng đến các Phật vị.

(4) Có lúc uống nhầm các vật độc
Hoặc tự nhiên sinh, hoặc hòa hợp.
Ghi nhớ lực chân Thật Thánh Tôn.
Các thuốc độc ác, tiêu diệt hết.

(5) Hoặc thấy người khác bị Quỷ Mỵ
Hoặc phát bệnh nóng chịu các khổ
Nếu chuyển Tán này hai (2) ba (3) bảy (7)
Các khổ não kia đều trừ hết

(6) Muốn xin nam nữ được nam nữ
Cầu xin tài bảo được giàu có.

Khéo hay viên mãn tùy ý nguyện
Tất cả chướng ngại không thể lấn.

_Căn bản Thập Tự Chơn Ngôn:

Án Đa Lị Đốt Đa Lị Đô Lị Sá Ha
*)OṂ– TĀRE TUTARE TURE SVĀHĀ

_Cứu Độ Bát Nạn Chân Ngôn:

Án Đa Lị Đốt Đa Lị Đô Lị Tát lị_phộc

tha gia Na Xá Nễ Tát lị _phộc Đỗ Khô Đa

Lị Nễ Sá Ha
*) OṂ– TĀRE TUTARE TURE – SARVATHA YANA CANA – SARVA DUḤKHO TAREṆI – SVĀHĀ

Theo ý người dịch thì bài chú trên phải ghi lại là:

OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVATHĀ YĀNA CANA – SARVA DUḤKHA TĀRIṆI – SVĀHĀ.
Oṃ: Quy kính Mẫu Tàrà
Tāre: Vượt thoát khỏi biển luân hồi
Tuttāre: Vượt thoát khỏi 8 nạn
Ture:Vượt thoát khỏi bệnh tật
Sarvathā yāna cana: Làm hiển lộ con đường tất cả thềm bậc cao thượng
Sarva duḥkha tāriṇi svāhā: Quyết định Thành Tựu Mẫu cứu độ tất cả khổ não.

Hiệu chỉnh xong vào ngày 16/10/2011

KÍNH LỄ TÁN 21 LOẠI CỨU ĐỘ PHẬT MẪU

Hán dịch: NẠP MA A LẠT TÁP ĐÁP LẠT DIỆP
Việt dịch: HUYỀN THANH

Kính lễ **Thánh Đại Bi Tạng Quán Tự Tại Bồ Tát.**
- Thắng cảnh **Ba Đáp Lạp** (Potalaka)
Chữ **ĐÁP** (ताँ _ TĀṂ) màu lục sinh.
Tam Thế Phật Nghiệp Mẫu
Vô Lượng Quang (Amitābha) nghiêm đỉnh.
Cầu Ngài, quyến thuộc đến.
- Chư Thiên, phi Thiên nghiêm đỉnh kế.
Cung kính quỳ dâng sen dưới chân
Mẫu tế độ cho chúng nghèo khổ.
Đến lễ trước Cứu Độ Phật Mẫu

- ÁN – Kính lễ **Tôn Thánh Cứu Độ Mẫu**.

(H1): Màu xanh lục.



- **Án** (OṂ) Kính lễ, **Đa Lị** (Tāre) Tốc Dũng Mẫu.
Đốt đa lị (Tuttāre) trừ khử sợ hãi
Đốt lị (Ture) hay truyền các thắng nghĩa
Đủ chữ **toá ha** (Svāhā) con tán lễ.

(H2): Màu đỏ



- Kính lễ **Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu** (Tāre Ture vīre)
Mắt như ánh điện chớp chiếu soi
Thế Tôn ba cõi, mặt hoa sen.
Trong hoa màu nhiệm hiện đoan nghiêm.

(H3): Màu trắng



- Kính lễ **Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu** (śata –śarac –candra)
Chiếu tròn khắp cả mặt Vô Cấu.
Như ngàn tinh tú cùng tụ hội
Uy Quang Thù Thắng vượt hơn hẳn.

(H4): Màu vàng

色 黃



- Kính lễ **Tử Ma Kim Sắc Mẫu** (Kanaka - Nīlâbja)
Tay sen màu nhiệm rất trang nghiêm
Thí (bố thí) tinh Cần hạnh, nhu Thiện Tĩnh
Nhẫn nhục, Thiền Định Tính Vô Cảnh (không có cảnh)

(H5): Màu vàng

色 黃



- Kính lễ **Như Lai Đỉnh Kế Mẫu** (Tathāgatôṣṇīṣa)
Tối Thắng hay mãn vô biên hạnh
Đức đến bờ kia, không dư sót
Thắng Thế phật tử rất kính yêu

(H6): Màu vàng ròng

色 金



- Kính lễ **Đát La Hồng Tự Mẫu** (Tuttāra – Hūṃ - Kāra)
Tiếng chứa **phương sở** đầy Hư không.
Vận chân che khắp bảy Thế Giới
Đều hay Câu Triệu, nhiếp không sót.

(H7): Màu đỏ

色 赤



- Kính lễ **Thích Phạm Hỏa Thiên Mẫu** (Śakrânala - Brahma)
Thần Gió (Marud) chúng **Tự Tại** (Viśêśvara)
Bộ Đa (Bhūta) **Khởi Thi quỷ** (Vetāla) **Tầm Hương** (Gandharva)
Các chúng **Dược Xoa** (Yakṣa) đều xưng tán.

(H8): Màu xanh



- Kính lễ **Đặc La Đê Phát Mẫu** (Traḍiti phaṭ - Kāra)
Nơi Gia hạnh (Yantra-Linh phù) khác, cực tồi phá.
Duỗi trái co phải làm chân đạp.
Đỉnh Kế rực rỡ rất sáng tỏ.

(H9): Màu hồng



- Kính lễ **Đô Lị Đại Khẩn Mẫu** (Ture Mahā-Ghore)
Dũng mãnh hay tồi hoại ma oán
Trên mặt hoa sen hiển cau mày
Tồi hoại tất cả chúng oan gia.

(H10): Màu hồng

色 紅



- Kính lễ **Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu** (Tri-ratna-mudrânka)
Tay chỉ ngay tim, tướng uy nghiêm.
Nghiêm sức ***phương luân*** (Dik-cakra, chân trời) không dư sót.
Tự thân rực rỡ tụ ánh sáng

(H11): Màu hồng

色 紅



- Kính lễ **Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu** (Pramuditâṭopa)
Bảo quang, châu man, điểm (nghiêm sức) hào quang.
Cười thật vui tươi **Đổ đát lị** (Tuttāre)
Trấn **Thế Gian Ma**, tác nhiếp phục.

(H12): Màu xanh



- Kính lễ **Thủ Hộ chúng Địa Mẫu** (Samanta–bhū–pāla)
Cũng hay câu triệu các chúng Thần
Nhăn mặt cau mày, chữ tiếng **Hồng** (Hūṃ).
Tất cả suy bại khiến giải thoát.

(H13): Màu vàng ròng



- Kính lễ **Đỉnh Quang Nguyệt Tướng Mẫu** (Śikhaṇḍa – khaṇḍêndu)
Mão hiện hào quang Thắng Diệu Nghiêm
A Di Đà Phật hiện trong tóc
Thường phóng ánh sáng báu màu nhiệm.

(H14): Màu đỏ



- Kính lễ **Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu** (Kalpânta-hutabhug)
An trụ rực rỡ trong Đỉnh Kế.
Vui thích rộng khắp, ngồi Bán Già
Hay tồi diệt, phá Luân oan ác.

(H15): Màu xanh



- Kính lễ **Thủ Án Đại Địa Mẫu** (Kara-Talâghāta)
Dùng chân dày xéo, tác trấn áp
Nhăn mặt cau mày, tác tiếng **Hồng** (Hūṃ)
Hay phá bảy Hiểm, trấn giáng phục.

(H16): Màu trắng

色 白



- Kính lễ **An Ẩn Nhu Thiện Mẫu** (Śive śubhe śānte)
Niết Bàn Tịch Tĩnh, cảnh Tối Thắng
Toá ha (Svāhā) mệnh chủng dùng tương ứng
Khéo hay tiêu diệt tai họa lớn

(H17): Màu trắng

色 白



- Kính lễ **Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu** (Pramuditàbandha)
Các Chi Thể oán, khiến giải thoát
Câu Chú mười chữ bày diệu nghiêm.
Minh Chú (Vidya), tiếng **Hồng** (Hūṃ) thường soi sáng.

(H18): Màu vàng

色 黄



- Kính lễ **Đô Lị Ba Đế Mẫu** (Ture padâghāta)
Thế chân bước nhẹ, chủng chữ Hồng
Di Lô (Meru) **Mạn Đà** (Mandara) **Kết Lạt Tát** (Kailāsa)
Ở ba núi này hay dao động.

(H19): Màu vàng

色 黄



- Kính lễ **Tát La Thiên Hải Mẫu** (Sura–sarâkāra)
Trong tay cầm giữ tượng Thần Thú
Tụng hai **Đát La** (Trāṭ) tác tiếng **phát** (phaṭ)
Hay diệt các tội không dư sót.

(H20): Màu vàng ròng

色 金



- Kính lễ **Chư Thiên Tập Hội Mẫu** (Sura–gaṇâdhyakṣa)
Trời (Deva) **Khẩn na la** (Kiṃnara) đều kính yêu.
Uy đức hoan duyệt như giáp (áo giáp) cứng
Diệt Trừ đấu tranh với mộng ác.

(H21): Màu vàng

色 黃



_ Kính lễ **Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu** (Candrârkâ – saṃpūrṇa)
Mắt nhìn như Thắng phổ Quang chiếu.
Tụng hai **hạt la** (Hara) **Đốt đát lị** (Tuttāre)
Khéo trừ bệnh nóng, dịch, độc, ác.

(H22): Màu xanh



- Kính lễ **Cụ Tam Chân Thật Mẫu** (Tri–Tattva–vinyāsa)
Uy lực Thiện Tĩnh đều đầy đủ
Dược Xoa (Yakṣa) **Chấp My̱** (Grahā) **Vĩ Đát Lạt** (Vetāla)
Đô Lị (Ture) Tối cực trừ tai họa.

- Nếu có người Trí siêng tinh tiến
Chí Tâm tụng đây (bài tán này) hai mươi mốt (21)
Nơi Cứu Độ Tôn thành tín lễ
Cho nên ca ngợi Chú căn bản.

- Mỗi sáng thức dậy, đầu đêm, lễ
Ghi nhớ ban cho Thắng Vô Úy
Tất cả tội nghiệp tiêu trừ hết
Thảy hay vượt qua các nẻo ác
Hàng này mau hay được thông Tuệ
Bảy câu đê (700 Triệu) Phật đã quán đỉnh
Đời này giàu có, thọ diên an.
Ngày sau hướng tới các Phật vị

- Có lúc uống lầm các vật độc
Hoặc tự nhiên sinh, hoặc hòa hợp
Nhớ lực chân thật của Thánh Tôn.
Các thuốc độc ác, diệt trừ hết.

- Hoặc thấy người khác bị Quỷ My̱
Hoặc phát bệnh nhiệt chịu các khổ.
Nếu chuyển **Tán** này hai (2) ba (3) bảy (7)
Các khổ não kia đều trừ hết

- Muốn cầu nam nữ được nam nữ
Cầu Tài Bảo vị được giàu có

Khéo hay viên mãn tùy ý nguyện
Tất cả chướng ngại chẳng thể lấn

- Phật Mẫu Tôn, Thánh Cứu Độ Mẫu
Hết thảy Chư Phật với đệ tử
Ở trong ba đời khắp mười phương.
Nay con nhất tâm kính tán lễ.

- Hương, Hoa, đèn, nến với nước thơm
Diệu thực, kỹ nhạc mọi cúng dường.
Chân thật dâng hiến liền hiển hiện
Nguyện xin chúng thánh vui thọ nhận.

- Từ thuở vô thủy cho đến nay.
Mười điều bất thiện, năm vô gián
Do tâm phiền não đã tạo ra
Tất cả tội ác đều sám hối

- Thanh văn, Duyên Giác, các Bồ Tát
Cho đến phàm phu, các Hữu Tình
Ba đời gom chứa các phước thiện
Con đều tùy hỷ hết không dư.

- Tùy theo căn gốc các Hữu Tình
Thích nghi với mọi Trí sai biệt
Ứng với Đại, Tiểu, loại thông thường
Khuyến chuyển tất cả **Diệu Pháp Luân**

- Từ nay thẳng đến luân hồi, **Không** (Śūnya:trống rỗng)
Thỉnh thường trụ thế, chẳng **Niết Bàn** (Nirvāṇa)
Vì các chúng sinh trong biển khổ.
Xin **Thánh Mẫu** dùng **mắt Từ** (Maitra-cakṣu) quán.

- Nay con gom chứa các Phước Thiện
Đều thành nhân **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi)
Chỉ nguyện chẳng lâu ở chúng sinh.
Chứng được Vô Thượng Dẫn Đạo Sư.

- Tôn Thánh Phật Mẫu đủ Từ Bi
Giúp con với tất cả chúng sinh
Mau tĩnh các chướng, đủ **Tư Lương** (Sambhāra)
Nay nguyện khiến được chứng **Bồ Đề** (Bodhi)

- Thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề Vị
Đời đời luôn được thường an lạc
Ở tất cả xứ tu Bồ Đề
Gián đoạn các nơi **Ma** (Māra) tôn trọng

- Bệnh tật, tất cả loại Thiên Thọ
Các giấc mộng ác, tướng Bất Lợi
Tám Bố (8 sự sợ hãi) tất cả việc não hại
Nay nguyện gấp rút tiêu trừ hết

- Thế Gian cùng với xuất Thế Gian
Tất cả Thiện Lạc nơi phong túc
Tăng thịnh tất cả việc nhiêu ích
Nay nguyện khiến được tự nhiên thành

- Tinh tiến tu hành pháp Tăng ích
Tu đấy thường được thấy mặt Thánh
Ngộ nhập nghĩa **Không** (Śūnya), ý **Bồ Đề** (Bodhi)
Nay nguyện như Trăng mồng một tăng

- Chúng Hội Phật kia đều thanh tĩnh
Thời con sinh ở Thắng Liên Hoa
Nhìn thấy Như Lai **Vô Lượng Quang** (Amitābha-tathāgata)
Đời này nhận con, ký Bồ Đề.

- Con từ Trụ Thế, nơi Tu phật
Tất cả Phật nghiệp mẫu ba đời
Một mặt, hai tay, thân màu lục
Nguyện cầm hoa **Ưu Bà** (Utpāla) cát tường.

- Phật Mẫu thể vi diệu thế nào?
Cùng với quyến thuộc và thọ lượng
Cảnh giới, danh hiệu như thế nào?
Nguyện cho chúng con cũng như vậy.

- Tán chúc lực Thiện vi (nhỏ nhiệm) Tôn ấy.
Chúng con tùy phương sở, Trú xứ
Diệt hết bệnh, ma, nghèo, tranh đấu.
Cầu xin cho tăng trưởng tốt lành

- Lễ cúng Thế Tôn Mẫu
Con đem Thiện đã chứa
Nguyện chúng sinh Thế giới
Đều sinh Cực Lạc Giới

- Bỏ lỗi Thân, trang nghiêm tướng tốt
Bỏ lỗi Ngữ, được âm **Tần Già** (Kalaviñka)
Bỏ lỗi Ý, chứng **Nhất Thiết Trí** (Sarva jña)
Thành Tựu Công Đức thắng cát tường.

THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU 21 CHỦNG LỄ TÁN KINH (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 16/10/2011

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1101 (Tr.450 _ Tr.454)

PHẬT NÓI KINH
ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG MẠN THÙ THẤT LỢI

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

PHẨM THỨ NHẤT
QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT THỌ KÝ

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại quán sát khắp cung Trời Tịnh Cư rồi bảo Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông hay thương nhớ nhiều chúng sinh nên trụ hình Đà La Ni để vì chúng sinh diễn nói an lập, khuyến tinh tiến, tùy vui giải Lý Thú ấy. Vì người tu hành bày Pháp Yếu ấy với các **Hộ Ma** (Homa), phương tiện khéo léo hay đạt được Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề , với được quả Nhị Thừa, Người, Trời. Dùng thân thanh tịnh hay vì chúng sinh làm các Phật Sự, thị hiện thân Phật an lập Tịch Tĩnh Vô Trụ Niết Bàn

Nếu có chúng sinh cần phải dùng thân Ma Hề Thủ La Thiên để hóa độ thì liền hiện thân Ma Hề Thủ La Thiên vì chúng sinh ấy diễn nói Pháp bí mật của Đà La Ni. Cho đến cần dùng thân Đế Thích, thân Ca Lâu La, thân Khẩn Na La, thân Ma Hô La Già, Tất Địa Minh Tiên, Nhật, Nguyệt, Tinh Tú, Đồng Nam, Đồng Nữ, mọi loại thân… cho đến loài khác: hai chân, bốn chân, nhiều chân, không có chân…Hữu Tình, Vô Tình, thân của ba cõi … để hóa độ thì liền đều hiện để diễn nói. Do nghĩa đó cho nên gọi là **Quán Tự Tại**

Khi ấy Đức Thế Tôn lại khen Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Lành thay! Lành thay Thiện Nam Tử! Ông hay dùng phương tiện khéo léo như vậy lợi ích hữu tình, hiện mọi loại thân mở bày diễn nói, rất là hiếm có, là Chân Thanh Tịnh Bồ Đề Tát Đỏa. Ông ở đời sau, a tăng kỳ thế giới vi trần số kiếp, ở thế giới **Bình Đẳng Quang Minh Phổ Chiếu** sẽ được thành Phật, hiệu là **Bình Đẳng Quang Minh Phổ Chiếu Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn**. Khiến chúng sinh ấy trụ nơi không có sợ hãi (vô úy), không có các nhiệt não, không có biến dịch, rốt ráo tịch diệt, sau đó mới vào **Bát Đại Niết Bàn**"

Khi Đức Thế Tôn thọ ký cho Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát xong thời chư Thiên Tịnh Cư với vô lượng chúng Bồ Tát Ma Ha Tát trong Hội, dùng Thần Lực của Phật nương nhờ ánh sáng Phổ Quang Minh Biến Chiếu, chiếu khắp vô lượng Thế Giới ở mười phương đều được cực sáng (đại minh). Chúng sinh trong đó gặp ánh sáng này mau chóng được Thiện Lợi, lìa các khổ não đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Tất cả Đại Chúng nghĩ nhớ thân Phật đều ở chỗ ngồi của mình (bản tọa) lặng yên mà trụ, tuôn mưa mọi hoa Trời (Thiên Hoa) gió thơm mát mẻ, rải khắp Đại Hội

Lúc đó Đại Chúng đều thấy vô lượng Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong hư không vòng khắp hết thảy cõi nước ở mười phương. Thời các Đại Chúng cùng xưng tán rằng: "**Nam mô Phật Đà**". Đây là sức uy thần của Đức Thế Tôn.Tất cả Chúng Hội thấy Thần Biến này, tâm được vui vẻ, lìa các nghi hoặc"

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, cúi đầu làm lễ, chiêm ngưỡng Đức Như Lai không chớp mắt, vui vẻ mỉm cười, tay cầm cây phất trắng, thành tâm rồi trụ.

Thời tất cả chư Phật của Thế Giới nơi phương khác đều tuôn mưa mọi loại mây hoa đủ màu. Trong mây hoa ấy có áo màu nhiệm của cõi Trời, vòng hoa, sợi dây bằng bàng, Anh Lạc, phướng, lưới Bà Căng Ca Ni, vật dụng nghiêm sức… đầy trong hư không, che kín phía trên Đức Phật. Lại phát ra tiếng nói màu nhiệm khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Ngày nay Đức Như Lai vì Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát mà làm **Pháp Luân Vương Ma Ha Quán Đỉnh**"

Vô lượng vật trang nghiêm
Cùng với tiếng diệu âm
Hơn Người Trời khen ngợi
Như vậy đều đến hiện
Mười phương: các Như Lai
Tất cả chúng Bồ Tát
Sáu Dục với Sắc Giới
Và **Vô Cấu Tịnh Cư**
Phật Tử ấy quán đỉnh
Như vậy đều vân tập
Câu chi chúng **Ma La** (Māra: loài Ma)
Với nhiều loại chúng sinh
Đều cầm vật cúng diệu
Đến hiến Phật Bồ Tát
Đồng nguyện ở vị lai
Đều như Quán Tự Tại.

Khi Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đỉnh lễ chân của Đức Thế Tôn, khen Đức Như Lai xong, liền quay về chỗ ngồi của mình, nói lời như vầy: "Đà La Ni này đều được chư Phật đời quá khứ là nhóm Tỳ Bà Thi và Đức Thế Tôn của Ta là Thích Ca Như Lai cùng nhau tuyên nói, tùy vui ấn khả. Nơi đời vị lai, Đức Di Lặc Thế Tôn, a tăng kỳ đẳng tất cả chư Phật cũng sẽ tuyên nói"

Nói lời đó xong, nhập vào Tam Muội **Phổ Quang Minh Đa La**. Dùng sức của Tam Muội này, từ trong tròng mắt bên phải trên khuôn mặt phóng ra ánh sáng lớn, tùy theo dòng ánh sáng hiện ra hình người nữ màu nhiệm (Diệu Nữ), trụ ở Tam Muội **Thù Thắng Diệu Sắc** dùng đủ loại báu vô giá để trang nghiêm thân, như ánh vàng ròng sáng rực, báu Lưu Ly. Ấy là Mật Ngôn trọng yếu của Thế Gian với Xuất Thế Gian, hay chận đứng mọi thứ khổ não của chúng sinh, cũng hay vui thích tất cả chúng sinh vào khắp Tự Tính của Pháp Giới Phật giống như hư không trụ bình đẳng. Cho nên bảo khắp chúng sinh rồi nói lời như vầy: "*Ai đang bị khổ đau vì sự biến đổi, ai đang bị cuốn chìm trong biển sinh tử thời Ta thề cứu độ hết*"

Nói lời đó xong, dạo khắp vô lượng vô biên Thế Giới rồi quay trở lại, đến nơi Phật ngự, nhiễu quanh theo bên phải ba vòng, cúi đầu làm lễ chân của Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, chắp tay cung kính, cầm hoa sen xanh, chiêm ngưỡng Bộ Tát, nhận sự chỉ dạy rồi trụ.Nghĩ nhớ Thần Lực của Đức Như Lai, dùng ánh sáng trong mát chiếu khắp chúng sinh giống như vành trăng trong mát của Thế Gian hay trừ nhiệt não, tất cả Vô Minh không gì không chiếu rõ, lại vượt qua điều đó, vui vẻ mỉm cười, thương xót chúng sinh giống như mẹ hiền, dùng ánh sáng Từ Bi chiếu khắp cõi Phật khiến cho ánh sánh của chư Thiên đều chẳng thể hiện.

Khi ấy **Quán Tự Tại**
Cát Tường Thanh Tịnh Giả
Làm lễ Thế Tôn xong
Dùng Kệ, nói như vầy
"Ta ở câu chi kiếp
Diễn nói **Đa La** (Tārā) đó
Lý Thú với Mật Ngôn
Thời Tiết cùng Phương Vị
Như vậy, Phật quá khứ
Cũng đều rộng tuyên nói
Như hư không vô biên
Không thể có hạn lượng
Nay Ta ở chút phần
Tùy việc mà diễn nói
_Nếu người khéo tu hành
Thắng Nguyện đều thành tựu
Mười phương và Thọ Mệnh
Không gì không như ý
_Nếu có các chúng sinh
Hiện cầu quả Người, Trời
Thọ trì Diệu Pháp đó
Tùy **Thuyết** mà tu tập
Vô lượng câu chi kiếp
Thọ khoái lạc thượng diệu
_Nếu muốn cầu mười Địa
Đầy đủ Bồ Tát Vị
Nan Thắng và **Bất Động**
Thiện Tuệ với **Pháp Vân**
Thọ trì Đa La Tôn
Câu chi và ba ức
Tùy căn tính nhanh chậm (lợi độn)
Hoặc sáu mươi lạc xoa
Như vậy khéo Tu Hành
Đều được việc như trên
_Nếu muốn thấy **Quán Am**
Cát Tường Thanh Tịnh Giả
Tụng bảy lạc xoa số
Được thấy, không có nghi
_Nếu cầu thấy **Thế Chí**
Vô Cấu Ma Ha Tát
Tụng đủ câu chi biến
Thánh Giả hiện trước mặt
_Nếu ở trong ba thời
Tâm vắng lặng không nhiễm
Một lòng thường niệm tụng
Mau chóng mãn sáu Độ
Đầy đủ Tạng Như Lai
Niết Bàn với Thật Tế
Thân Quang Minh chẳng hoại

Vô Đẳng Đẳng Tam Muội
Ngồi ở Tòa Kim Cương
Chuyển Pháp Luân vô thượng
Mở mắt cho Người Trời
_Tu hành Đa La nên
Như trên đều viên mãn
_Muốn gặp Đà La Ni
Nghi Quỹ, các phương tiện
Liễu nghĩa với Tu Đa
Lý Thú thật thâm sâu
Với ngưng khổ **ba cõi** (Tam Hữu)
Nên tụng Lạc Xoa biến
_Nếu muốn cầu Phạm Thiên
Cùng với Thiên Đế Thích
Chuyển Luân Nhân Thiên Chủ
Tụng đủ lạc xoa biến.
_Nếu muốn dạo núi Tuyết
Cùng với Nê Đề Dạ
Tu Di với Thiết Vi
Tát Hề cùng Diệu Ký
Ma Lại Diệu Tràng Sơn
Cát Tường với A Bộ
Niết Bộ Kế La Sa
Chỉ Đát Câu Tra Đẳng
Diệu Sắc và Gian Thác
Thanh Tịnh với Thi Lợi
Nhà Tiên Thánh như vậy
Đều tụng lạc xoa biến
_Dược Xoa, Càn Thát Bà
La Sát, cung điện Rồng
Cho đến cung điện Trời
Tùy ý đều đi đến
Hỏi, dứt các nghi hoặc
Tùy việc đều hiểu rõ
Muốn cầu Nguyện như vậy
Nên tụng lạc xoa biến
_Muốn vào cung Tu La
Nơi Khẩn Na La ở
Hô triệu nữ Dược Xoa
Với Trì Minh Tiên Nữ
Long Nữ, Khẩn Na Dược
Ứng niệm đều đi đến
Dạo chơi bốn Ngu Lạc
Với cầu mệnh sống lâu
Thuốc Cam Lộ bất tử
Phong Tài (nhiều tiền của)với Bộc Sử (tôi tớ)
Tất cả năm Dục Lạc (niềm vui của năm Dục)
Nên tụng lạc xoa biến
_Nếu Ta với Như Lai

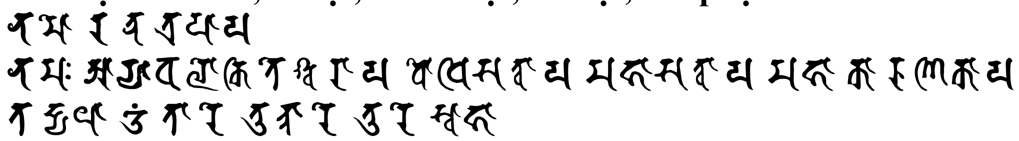
Ở câu chi số Kiếp
Diễn nói Công Đức ấy
Vẫn còn chẳng thể hết
Người trì Đa La này
Đáng nhận Người Trời cúng (xứng đáng nhận sự cúng dường của Người, Trời)
_Đấng **Đa La Đại Bi**
Mẹ hiền (Từ Mẫu) của tất cả
Trời, Người với Dược Xoa
Không ai không là con
Nên hiệu **Thế Gian Mẫu**
Cùng với Xuất Thế Gian
Quán Âm, Đại Thế Chí
Kim Cương với Thiện Tài
Văn Thù, Tu Bồ Đề
Từ Thị và Hương Tượng
Nguyệt Quang, Vô Tận Ý
Ly Cấu, Hư Không Tạng
Diệu Nhãn với Đại Huệ
Bồ Tát nhóm Duy Ma
Đều là con Đa La
Cũng là **Ba Nhược Mẫu** (Bát Nhã Mẫu)
Các Như Lai ba đời
Tất cả Ma Ha Tát
Không ai không là con
Đều xưng **Mẹ của Ta**
Hiền lành nuôi hữu tình
Ôm nâng như Đại Địa"

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát nói Kệ đó xong, liền vì Đa La Bồ Tát, nói Đà La Ni là:

"Ná mộ la đát-na đát-la dạ gia

Na mạc A lợi-gia phộc lỗ cát đế, thấp-phộc la gia, mạo địa tát đỏa gia, ma ha tát đỏa gia, ma ha ca lộ ni ca gia

Đát điệt tha: Án , đa lợi, đốt đá lợi, đốt lợi, toa-phộc ha"



* NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHISATVĀYA, MAHĀ SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát nói Đà La Ni xong. Dùng sức uy thần của Đa La Bồ Tát cho nên hết thảy chúng sinh trong tất cả Thế Giới, lìa các khổ não đều được an vui, đều phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề, đều cùng tương ứng với Thể Tính của Pháp Giới, vào nơi **Xuất Sinh Vô Biên Môn Tạng**. Tất cả Chúng Hội sinh tâm đặc biệt lạ kỳ, khen là chưa từng có

PHẨM THỨ HAI
QUÁN TỰ TẠI ĐA LA BỒ TÁT KINH _ MẠN ĐỒ LA

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát bảo Đa La Bồ Tát rằng: “Nếu người nữ vì muốn thành tựu **Nhất Thiết Chủng Trí** với muốn đầy đủ Thắng Nguyện của Thế Gian thì cần phải tu tập Bí Yếu như vậy. Mạn Đồ La (Maṇḍala:Đàn Trường) ấy mỗi mỗi vị trí như ngày nay, Đức Thích Ca Như Lai ngự tại cung Trời Tịnh Cư cùng với các Bồ Tát tập hội.

Người tu hành ấy, trước tiên nên lựa chọn Đất. Hoặc ở đỉnh núi, hoặc ở bờ sông, hoặc gần biển lớn, suối ao có hoa quả, nơi vắng lặng… Lìa các nguy nan với hàng Miệt Lệ Xa, oán tặc, trùng độc, Chiên Đà La, nơi tạp uế. Rộng khoảng bốn khuỷu tay hoặc tám khuỷu tay cho đến mười sáu khuỷu tay. Đào sâu xuống đất một khuỷu tay , loại bỏ các xương, tóc, tro, than, gai góc, vật bất tịnh rồi lấy đất bên bờ sông với các đất sạch. Thoạt tiên dùng **Ngũ Tịnh** rưới vảy xong, liền tụng **Bản Tôn Đà La Ni** 108 biến gia trì đất ấy , dùng lấp đầy đất đó, trong sạch nên sửa chửa xây đắp cho thật bằng phẳng. Lấy phân bò vàng chưa rơi xuống đất, cũng tụngt Đà La NI mà gia trì xong, sau đó xoa tô đất.

Ở **tháng Thần Thông** (tháng giêng, tháng năm, tháng chín) với ngày có sao tốt trực (Cát Tú) hoặc ngày 15 tháng Giêng, hoặc ngày 08, ngày 15 của tháng hai. Bắt đầu khởi thủ từ ban đêm , dùng **Thanh Liên Hoa Ấn** gia trì Đàn Địa, lấy chỉ lụa ngũ sắc hợp làm Giới Đạo ấy. Dùng phấn ngũ sắc vẽ làm. Hoặc phấn bằng bảy báu, tùy sức mà làm, hòa các bột hương, tụng Đà La Ni, rồi vẽ bốn phương ba viện.

Trước hết ở Trung Thai (Đài chính giữa), vẽ Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** ngồi trên tòa Sư Tử báu, tác tướng **Thuyết Pháp**

Bên phải nên vẽ **Quán Tự Tại Bồ Tát** ngồi trên hoa sen, chiêm ngưỡng chắp tay cầm hoa sen trắng, thân màu hồng trắng có Anh Lạc nghiêm sức, đầu đội mão báu, bên trái quấn sợi dây tơ Thần màu trắng.

Bên trái vẽ **Kim Cương Tạng Bồ Tát**, tay trái cầm chày Kim Cương, thân màu xanh lục nhạt.

Tiếp phía sau nên vẽ tám vị Đại Bồ Tát là: **Di Lặc** Bồ Tát, **Đại Thế Chí** Bồ Tát, **Mạn Thù Thất Lợi** Bồ Tát, **Địa Tạng** Bồ Tát, **Hư Không Khố** Bồ Tát, **Trừ Cái Chướng** Bồ Tát, **Tát Bà Đa Lôn** Bồ Tát, **Hư Không Tạng** Bồ Tát

Ở bên dưới **Kim Cương Tạng Bồ Tát** lại vẽ **Giáng Tam Thế Minh Vương Bồ Tát**, làm hình phẫn nộ với vẽ **Nguyệt Yểm Phẫn Nộ Bồ Tát**, làm thế Noa Chưởng (lòng bàn tay bóp nắn) tồi phục các Ma.

Gần **Quán Tự Tại Bồ Tát** vẽ **Tỳ Câu Chi, Bạch Y Quán Thế Âm, Mã Đầu Minh Vương** đều như bản sắc.

Gần **Mã Đầu Bồ Tát** vẽ **Đại Cát Tường Quán Thế Âm, Đại Bạch Quán Thế Âm, Nguyệt Quán Thế Âm, Phong Tài Quán Thế Âm, Danh Xưng Quán Thế Âm.**

Ở bên dưới tòa Sư Tử của Đức **Thích Ca Như Lai**, vẽ ao hoa sen. Ở trong ao ấy có hoa sen báu màu nhiệm, làm ánh sáng đỏ, màu như pha lê hồng phóng ánh sáng lớn. Trong hoa sen ấy vẽ **Đa La Bồ Tát**, tay trái cầm hoa sen xanh, ngửa tay phải an trên rốn như thế Tọa Thiền, mắt cũng như vậy, nghiêm sức Anh Lạc, khoác áo lụa mỏng có màu của ánh sáng mặt trời mới mọc, vui vẻ mà trụ.

Đàn ấy có bốn cửa, phướng, phan, hoa, lọng, hành lang, thềm bậc, lan can khó nâng, **thương khư** (Śaṅkha: vỏ ốc làm cái loa), âm nhạc của chư Thiên khen vịnh chúng Thánh.

Mặt Đông của Đàn vẽ chúng **A Ca Ni Tra Thiên**, **Thiểu Quang Thiên Tử, Vô Nhiệt Thiên Tử**

Cạnh Bắc, vẽ **Diệu Kiến Thiên Tử, Thiện Hiện Thiên Tử**

Hai bên cửa ấy, vẽ **Phạm Thiên, Phạm Phụ Thiên, Quang Âm Thiên, Đại Phạm Thiên**

Bốn phương đều vẽ hai vị Trời đều đội mão máu, khoác áo màu đỏ, hoặc vàng, hoặc trắng, thân không có Anh Lạc, Tọa Thiền mà trụ đều đem tay phải an ở trên đỉnh đầu, làm tướng Kính Lễ.

Ngoại Viện , bên cạnh cửa vẽ **Ngật Lý Noa Bàn Trà Ma Vương** có Anh Trang trang nghiêm, dung mạo thiếu niên.

Tiếp vẽ **Hóa Lạc Thiên** với nhóm **Đâu Suất, Dạ Ma, Đế Thích Thiên Tử** … ở gần cửa mà trụ.

Tiếp vẽ bốn vị **Thiên Vương, Ca Lâu La Thiên, Y Xá Na Quỷ Thần Chủ** với vẽ **Tỳ Nữu Thiên** cầm bánh xe (luân) mà trụ.

Tiếp vẽ **Bán Chi Ca Đại Dược Xoa Tướng**

Tiếp vẽ **Nhiễm Bà La Đại Dược Xoa** với nhóm **Mãn Hiền, Bảo Hiền Dược Xoa Vương** với vẽ **Ha Lợi Đế Đại Dược Xoa Nữ, Nhật, Nguyệt, Tinh Tú,** bốn chị em Thần Nữ, **Cát Để Ca Đồng Tử** và hai vị Long Vương **Nan Đà, Bạt Nan Đà**

Chúng Thánh như vậy đều nên một lòng nghinh thỉnh, dùng tâm Phát Khiển, lấy hoa màu trắng để trong cái bát At Già, cúng dường tất cả chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, tất cả Chú Tiên, Thế Xuất Thế Gian đều nên quán, tận tâm cúng dường

Dùng Bạch Đàn, Long Não, Uất Kim mà làm nước thơm, rưới vảy chúng Thánh. Lại đem hương này nghiền thành bột rồi thiêu đốt, nên bạch lời này: "*Nguyện xin chư Phật, Đại Bồ Tát, tất cả Thánh Giả cho con Tất Địa, khiến con mau ra khỏi bùn lầy sinh tử"* Xưng ba lần xong, tùy sức bày biện để mà cúng dường, tâm thường cột buộc thỉnh tất cả Chú Thiên thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, nguyện gia trì cho Ta, mỗi mỗi đều kết Bản Ấn ấy để mà tương ứng.

Dùng tám cái bình mới chứa đầy nước thơm kèm để tất cả hạt giống với bảy báu, vàng, bạc và các cỏ thuốc, cành cây A Ma La, dương liễu, Dạ Hợp. Lá cây tùng bách… Dùng lụa màu chưa cắt, cột che trên bình. Bốn bình để bốn góc bên trong, bốn bình để bốn góc bên ngoài

Lại để tám cái bình.

Thứ nhất, một bình cúng dường chúng **A Ca Ni Tra Thiên** thuộc Sắc Giới

Thứ hai, một bình cúng dường chúng **Tịnh Cư Thiên**

Thứ ba, một bình cúng dường Thiên Chúng thuộc cõi Dục

Thứ tư, một bình cúng dường các Dược Xoa, Thiên Nữ với Trì Minh Chú Tiên

Thứ năm, một bình cúng dường các Phật Thế Tôn

Thứ sáu, một bình cúng dường Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác

Thứ bảy, đặt một bình ở trước mặt Đa La để mà cúng dường

Thứ tám, một bình cúng dường tất cả chúng sinh

Như vậy tất cả tám cái bình đều nên mỗi mỗi như Pháp bố trí

Ở bốn mặt của Đàn đều thắp đèn dầu. Hương xoa bôi, hương đốt, vòng hoa, các món ăn, mỗi mỗi đều như **Mạn Thù Thất Lợi Mạn Đồ La Pháp** đều dùng **Bản Tôn Đà La Ni** gia trì vật cúng dường

Ở góc Tây Nam của Đàn, cách 20 khuỷu tay nên làm **Hộ Ma Quân Trà**. Lò đó hình vuông có bốn góc, hoặc một khuỷu tay, hai khuỷu tay , sâu có thể là nửa khuỷu tay. Trong lò làm hình hoa sen. Lò đó xuyên làm như Pháp chọn đất (Trạch Địa Pháp).

Lấy ngói sạch, lửa tịnh, dùng cây có sữa (nhũ mộc) làm củi, lấy tất cả hoa cỏ với năm hạt giống hòa bơ, mật, lạc (váng sữa)

Trước hết, dùng ba muỗng bơ thiêu đốt để cúng dường **Hỏa Thiên**. Tiếp Mật, Lạc đều dùng ba muỗng. Sau đó dùng năm hạt giống để trong lửa. Đà La Ni là:

"Án, a kỳ nễ, toa-phộc ha"

𑖌𑖼 𑖀𑖐𑖿𑖡𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ AGNI SVĀHĀ

Tụng Mật Ngôn này để gia trì

Lại lấy Bạch Đàn, Uất Kim, Long Não Hương… cùng hòa với nước thơm , chứa đầy vật khí sạch mới bằng đồng đã tôi luyện, vàng, bạc, gỗ, ngói rồi để bên phải. Thỉnh Hỏa Thiên xong, lấy hương hoa, tụng **Căn Bản Đà La Ni** thiêu đốt cúng dường Hỏa Thiên. Tay phải lấy nước thơm , vòng theo bên phải rưới vảy lửa với dùng **Bản Pháp.**

Trước tiên, tự hộ thân.

Tiếp kết **Thanh Liên Hoa Ấn**, tưởng Đa La Bồ Tát, tụng 1008 biến, lấy các hoa màu trắng bỏ trong nước At Già, tưởng nhớ Bản Tôn rồi nâng lên cúng dường. Trước tiên, nghiêng tế ba lần. Lại lấy Bạch Đàn, Uất Kim, Long Não hòa với bơ, mật, lạc kèm lấy cây có sữa làm củi, thẳng thắn không có lóng đốt dài mười hai ngón tay, chặt một ngàn đoạn, một lần tụng thì một lần ném vào trong lò thiêu đốt.

Đa La Bồ Tát liền hiện thân, bảo Hành Giả rằng: "*Ngươi cầu nguyện gì, Ta sẽ ban cho tất cả"*. Giả sử người tu hành có nghiệp xưa chướng nặng, cũng hiệm Cảnh Giới, hoặc phóng ánh sáng, hoặc nghe sấm nổ, tiếng của chuông khánh. Hoặc ở trong không, không có mây mà tuôn mưa. Hoặc hương hoa, gió nhiệm màu trong mát chạm thân Hành Giả. Gặp Điềm này xong, sinh đại khánh duyệt. Các chúng Trời Người nhìn thấy người tu hành liền sinh tâm vui vẻ. Nên biết Đa La Bồ Tát, chẳng bao lâu sẽ mãn nguyện

Nếu A Xà Lê làm điều này, Phát Khiển chúng Thánh, hiến Át Già xong, liền ở Đạo Trường như thường niệm tụng 1008 biến, nhiễu quanh ba vòng, tùy ý kinh hành. Mỗi ngày ba thời, hoặc bảy ngày, 14 ngày cho đến 21 ngày, cầu Bản Nguyện của mình, niệm tụng.

Niệm tụng xong, liền lấy nước cúng dường trong cái bình trước mặt Bổn Tôn Đa La Bồ Tát, kết Thanh Liên Hoa Ấn rưới lên đỉnh đầu người tu hành. Chỗ Quán Đỉnh ấy cách Đàn tám khuỷu tay, vẽ một hoa sen rồi Quán Đỉnh, xong nhiễu quanh ba vòng, lại hiến Át Già, tụng các Tán Thán, kết **Bản Tôn Ấn,** bên trên để sen trắng rải ở trên Đàn để cúng dường,sau đó như thường. Lúc Phát Khiển, Trong Đàn, để phấn hoa trong nước tuôn chảy trong sạch, chẳng nên đạp dẫm nơi có Mạn Đồ La. Lại dùng Cồ Ma Di (phân bò) xoa bôi.

Thức ăn uống cúng dường, nên cho chúng Tăng với các người nghèo. Người từng vào Mạn Đồ La tu hành chẳng nên ăn thứ này, cũng chẳng được ăn Gia Tử La Bặc, cọng rễ hoa sen. Cũng chẳng được dẫm đạp lên bóng ảnh của **Suất Đỗ Ba** (Stūpa: cái tháp) với bóng ảnh của cha mẹ. Bóng ảnh của Tỳ Khưu Thanh Tịnh, người tu hành cho đến bóng ảnh của bảy vị Phật, cây Bồ Đề cũng chẳng nên dẫm đạp lên

PHẨM THỨ BA
QUÁN TỰ TẠI ĐA LA BỒ TÁT KINH_ VẼ TƯỢNG

Bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật lại quán sát cung Trời Tịnh Cư rồi bảo Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Nay ông tiếp nên vì Đa La Bồ Tát, nói Pháp **vẽ tượng**"

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát nương theo Thánh Chỉ của Đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ hai chân Đức Phật, lại quán sát khắp cung Trời Tịnh Cư rồi Sắc (chỉ dụ) cho Trời, Rồng, Dạ Xoa, Kiện Thát Bà, A Tô La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hô La Già với Trì Minh Chú Tiên của tất cả Thế Giới. Nói lời thề là: "Các ngươi cần phải lắng nghe! Nhận nhớ **Bản Tam Muội Gia**, đừng sinh nghi hoặc. Nếu đời sau này, có người tu hành thì cần phải ủng hộ. Nếu khởi tâm khác thời Chấp Kim Cương Đại Dược Xoa Tướng sẽ dùng cái chày Kim Cương Hỏa Diệm đập nát đỉnh đầu của ngươi, sau khi chết bị đọa vào Nê Lê , ở vô lượng kiếp chịu khổ não lớn"

Khi ấy Bồ Tát cáo thệ xong, liền bảo Đa La Bồ Tát rằng: "Nếu đời vị lai, các người tu hành chí cầu viên mãn Tất Địa tăng thượng thì nên y theo Giáo của Ta, như Pháp **Vẽ Tượng**.

Lấy mảnh lụa trắng mới, các tơ lụa trắng chẳng được cắt sửa, liền lạc rất thanh tịnh không có lông, tóc, hoa, với màu sặc sỡ… đều nên mới sạch. Mảnh lụa dài tám khuỷu tay, hoặc bốn khuỷu tay cho đến một khuỷu tay.Chọn thợ vẽ giỏi nhất với phát tâm Bồ Đề, thân khí đầy đủ, thọ Bát Quan Giới

Trước tiên ở Đài chính giữa (Trung Đài) vẽ Đức **Thích Ca Thế Tôn** ngồi ở tòa ***Sư Tử Chúng Bảo,*** ở cung Trời Tịnh Cư, thân sắc như vàng ròng, làm tướng Thuyết Pháp

Bên trái vẽ **Mạn Thù Thất Lợi Đồng Tử**, với Anh Lạc nghiêm sức, làm màu đỏ, mặc quần màu xanh, khoác áo sa mỏng, quấn buộc làm sợi dây Thần (Thần Sách), tay phải cầm cây phất trắng, tay trái cầm cọng hoa sen xanh, chiêm ngưỡng mà trụ.

Bên phải vẽ **Quán Tự Tại Bồ Tát**, thân màu hồng nhạt, tóc đội mão báu Hóa Phật, đeo sợi dây thần màu trắng, ở trên hoa sen, quỳ gối mà ngồi, tay trái cầm hoa sen, tay phải ở trên đỉnh đầu làm thế rải hoa, mọi thứ Anh Lạc trang nghiêm thân ấy, làm dung mạo mỉm cười

Tiếp lại nên vẽ **Đa La Bồ Tát** với mọi báu vô giá trang nghiêm, thân màu vàng lục như hình người lớn tuổi, làm dung mạo thương nhớ, mỉm cười quán Hành Giả, hướng về Quán Tự Tại, cúi thân mà trụ, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải làm thế cầm quả Cát Tường.

Ở bên dưới Quán Tự Tại Bồ Tát, nên vẽ **Hành Giả** bưng lò hương, làm thế Đỉnh Lễ.

Ở bên phải Tòa, vẽ một cái bát bằng vàng chứa đầy quả A Ma La

Phương bên dưới, vẽ **Thiểu Quang Thiên Tử, Vô Nhiệt Thiên Tử, Thiện Kiến Thiên Tử** … làm tướng nghe Pháp

Phương bên trên, bên phải vẽ **A Ca Ni Tra Thiên Tử**, bên trái vẽ **Thiện Hiện Thiên Tử**, tay phải rải hoa, tay trái làm tướng Kính Lễ.

Bên trên vẽ cái lọng báu, kỹ nhạc của chư Thiên

Bốn bên, ở hư không đều vẽ Long Hoa

Nếu người tu hành chí thành cúng dường, đỉnh lễ một bái sẽ diệt trừ được tội trong ức kiếp sinh tử.

PHẨM THỨ TƯ
QUÁN TỰ TẠI ĐA LA BỒ TÁT KINH_ VẼ TƯỢNG THỨ HAI.

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát lại bảo Đa La Bồ Tát rằng: "Nếu người tu hành lại muốn thành tựu Pháp **vẽ tượng thứ hai.**

Trước tiên ở Đài chính giữa (Trung Đài) vẽ Đức **Vô Lượng Thọ Phật** ngồi dựa cây Bồ Đề.

Bên trái vẽ **Ly Cấu Bồ Tát** màu trắng với mọi loại áo trang nghiêm, áo sa mỏng, tay cầm cây phất trắng, nghiêng ngó hướng về Đức Phật.

Bên phải vẽ **Quán Tự Tại Bồ Tát** có bốn cánh tay. Bên phải: tay thứ nhất tác **Vô Úy Ấn**, dùng ngón giữa ngón cái vịn tràng hạt (Sổ Châu), duỗi bàn tay làm thế xoa đỉnh đầu; tay thứ hai làm hình cầm cây gậy (trượng). Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen hồng, tay thứ hai cầm Quân Trì.

Bên phải Quán Tự Tại Bồ Tát, vẽ **Đa La Bồ Tát** với diệu bảo trang nghiêm, thân màu vàng lục, chắp tay nâng hoa sen xanh, ngồi Bán Già, làm tướng cúi người cung kính.

Bên dưới Ly Cấu Bồ Tát, vẽ **Tỳ Câu Chi Bồ Tát** có ba mắt bốn tay, thân khoác áo trắng tinh. Bên trái: tay thứ nhất cầm hoa sen, tay thứ hai cầm Quân Trì. Bên phải: tay thứ nhất tác **Vô Úy Ấn**, tay thứ hai cầm tràng hạt (Sổ Châu)

Bên dưới Đa La Bồ Tát, vẽ **Nhất Kế La Sát**, mắt màu đen đỏ, vác bụng rũ xuống, rắn làm Anh Lạc, ló nanh chó lên trên, mặc quần da cọp, tóc đầy mãng xà. Tay phải cầm cây búa, tay trái cầm sợi dây rắn (Xà Quyến Sách), dùng máu xoa bôi thân. Chắp hai tay lại, cau mày trợn mắt làm tướng khủng bố, móng vuốt nhỏ bén, da voi quấn quanh

Bên dưới Tỳ Câu Chi, vẽ **Mã Đầu Bồ Tát** có bốn cánh tay. Hai tay kết **Căn Bản Ấn**, tay phải cầm cây búa, tay trái cầm hoa sen, đứng theo thế chữ Đinh (丁?), làm tướng phẫn nộ

Bên dưới tượng, vẽ Long Vương **Nan Đà, Bạt Nan Đà**, tay trái nâng cọng hoa sen, tay phải làm tướng Kính Lễ.

Bên dưới cái ao, vẽ **Địa Thiên** nâng cái bàn báu, quỳ gối chiêm ngưỡng

Bốn phương, bốn góc vẽ **Bát Phương Thần** (chư Thần ở tám phương)

Bên trên vẽ mặt trời, mặt trăng, Kỹ Nhạc của chư Thiên, thế trong mây ngũ sắc rải mưa Cam Lộ.

Bên dưới Quán Tự Tại Bồ Tát, vẽ Hành Giả mặc áo trắng, cầm lò hương, quỳ gối chiêm ngưỡng.

Nếu người tu hành vào ngày 08 hoặc ngày 15 trong thánh. Hoặc tháng Thần Thông, hoặc thuận Sao tốt (Cát Tú) nên ăn cháo sữa, hoa quả… hoặc chỉ ăn hương.Y theo Pháp trì tụng lúc trước, ba thời tắm gội, chẳng nên ngủ mê, thường ngồi trên cỏ trang, thân mặc quần áo trắng. Khi số hạn sắp kết thúc thời nhịn ăn ba ngày, không hạn niệm tụng đối trước Tượng này.

Ở bốn góc Đàn, để nước thơm trong bình; cắm nhóm Dạ Hợp, Liễu, các lá cây thơm… cũng để bảy báu với hạt giống Ngũ Cốc. Để lụa chưa cắt ở trên bình. Hành Giả ngồi bên trái. Trên an để **Mạn Châu Bát Nhã**, rải hoa trên Kinh. Tám phương để tám vật khí sạch cũng chứa đầy nước thơm. Lại để tám cái bát sữa nhỏ, thắp một trăm chén đèn bơ, mọi loại thức ăn uống đầy vật khí mới, để bốn góc Đàn. Đốt hương Trầm Thủy, dùng lửa Nhũ Mộc thiêu đốt. Lấy Trầm Hương dài mười hai ngón tay, chặt làm một trăm đoạn, thấm dầu Tô Hợp, một lần tụng thì một lần thiêu đốt, mãn 108 biến

Quán Tự Tại Bồ Tát Đại Bi Thánh Giả từ phương Đông đi đến, tay cầm một cây gậy (Trượng), thân mặc quần áo trắng với Diệu Bảo, Anh Lạc trang nghiêm. Dùng da hươu đen quấn quanh bắp tay phải, tóc đội mão báu, hiện trước mặt Hành Giả, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh. Chúng sinh bị khổ não vượt qua ánh sáng này xong thì thân được an, khoái lạc, phát tâm Bồ Đề.

Hành Giả thấy xong, rải các hương hoa, cúi năm vóc, đầu sát đất chí thành Quy Mệnh, cầm nước Át Già phụng hiến Bồ Tát.

Thời Quán Tự Tại Đại Bi Thánh Giả bảo Hành Giả rằng: "*Lành thay Hành Giả! Các ngươi có nguyện gì thì Ta sẽ cho tất cả*". Được ấn khả xong thời mọi điều tâm

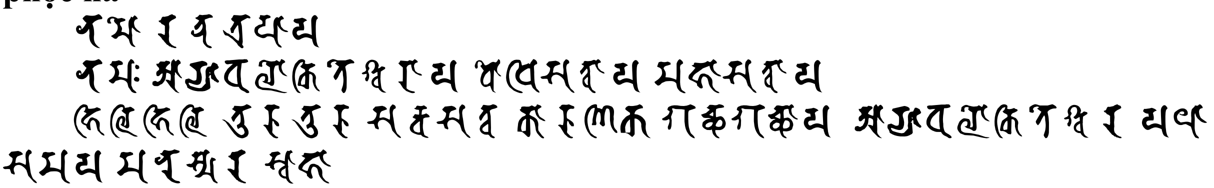
muốn cầu , không có gì không thành tựu. Hoặc bay trên hư không, hoặc An Đát Đà Na, hoặc Văn Trì sống lâu, hoặc các căn chẳng đủ cũng được tròn đầy, hoặc cầu Phục Tàng, vào hang Tu La, cũng được tùy vào Cung Điện của Quán Tự Tại. Tất cả Nguyện trên của nhóm như vậy thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian , không gì không thành tựu.

Lại tụng Mật Ngôn này Phát Khiển Thánh Giả. Đà La Ni là:

"Na mộ la đát-na đát-la dạ gia

Na mạc a lợi gia phộc lỗ cát đế thấp-phộc la gia, bồ địa tát đỏa gia, ma ha tát đỏa gia

Hứ lợi hứ lợi, tô lộ tô lộ, tát phộc tát đỏa ca lộ ni ca, nghiệt tha nghiệt tha gia, a lợi gia phộc lỗ cát đế thấp-phộc la, dã tha, tam ma gia, mãn nỗ tát-ma la, tát-phộc ha"



* NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA

HILI HILI, TURU TURU, SARVA SATVA KĀRUṆIKA GACCHA GACCHÀYA ĀRYA AVALOKITEŚVARA YATHĀ SAMAYAM ANUSMARA SVĀHĀ

Hành Giả nâng các hương hoa, tụng Chân Ngôn này bảy biến gia trì xong, rải dưới chân của Bồ Tát ắt thành **Phát Khiển**.

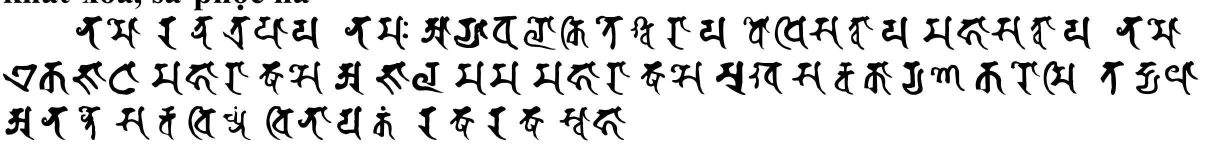
_**Nhất Kế La Sát Đà La Ni** là:

"Na mộ la đát-na đát-la dạ gia

Na mạc a lợi gia phộc lỗ cát đế thấp-phộc la gia, mạo địa tát đỏa gia, ma ha tát đỏa gia

Na mộ ế ca nhạ tra gia, ma ha la khất-sái tư, a dạ la, ma ma, ma ha la khất-sái tư, ma ma, mẫu ca, tát phộc ca lợi dã nê, ca lộ hứ

Đát điệt tha: A nan đế, tát phộc vĩ cận na, vĩ na dạ kiến, lạc khất-xoa, lạc khất-xoa, sa-phộc ha"



* NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA

NAMO EKAJAṬA MAHĀ-RĀKṢASE A JALA MAMA MAHĀ-RĀKṢASE MUKHA SARVA KĀRYAṆE KAROMI

TADYATHĀ: ANANTE SARVA-VIGHNAṂ VINĀYAKAṂ RAKṢA RAKṢA – SVĀHĀ

Đà La Ni này hay khiến cho dùng chút công sức mà mau thành tựu. Cũng là **Đa La Bồ Tát Sứ Giả** cho nên các người tu hành cần phải tụng niệm.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG MẠN THÙ THẤT LỢI

Hết

16/07/2008

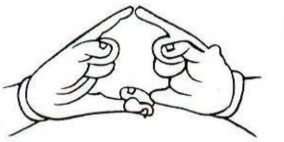
Mật Tạng Bộ 3 – No.1102 (Tr.454 → Tr.457)

KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH
ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh **Du Già Tự Tại Vương**.
Khéo trụ nơi Tam Muội **Như Huyễn**
Rộng khắp các biển cõi (sát hải) sâu tịnh
Hay hiển mọi thứ tùy loại Thân
Ta y **Liên Hoa Vương Ứng Môn**.
Mở bày Pháp **Đại Bi Đa La** (Mahā-kāruṇa-tārā)
Vì khiến tu tập các **Tam Muội** (Samādhi)
Xa lìa Định **Vô Bi Nhị Thừa**
Mau đủ Thần Thông, **Ba La Mật** (Pāramitā)
Liền hay đốn chứng **Như Lai Vị**
Hành Giả nên phát **Tâm Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-citta)
Theo Thầy nhận đủ Giới Kim Cương.
Chẳng nguyện: “Thân mệnh vượt **Tâm Từ**”
Liền hay thâm nhập **Luân Giải Thoát** (Mokṣa-cakra)
Nên theo Thầy nhận **Tam Muội Gia** (Samaya).
Khế Ấn, Mật Ngữ như Kinh nói
Kính **A Xà Lê** (Ācārye: Đạo Sư) tưởng như Phật
Đối với Đồng học, Tâm ân trọng.
Hoặc ở sườn núi, **A Lan Nhã** (Āraṇya: nơi tịch tĩnh)
Sông, suối, ao, đầm, nơi Thích ý
Ngọn núi, hang, hốc đá, bên cây.
Xây dựng **Đạo Trường** (Maṇḍala) như phép tắc.
Trang nghiêm ***Tinh Thất*** đặt Bản Tôn.
Tùy sức cúng dường, nhất tâm trụ
Quán khắp các Phật Hải mười phương.
Sám hối, phát nguyện đều như Giáo
Vì thành ba nghiệp Kim Cương nên.
Ngay trong hai tay, lưỡi, trái tim
Tưởng chữ **Hồng** (: Hūṃ) thành chày Ngũ Trí
Do đấy gia trì **Năng Tất Địa**
Tiếp nên kết Khế, tên **Cảnh Giác**
Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền
Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Hai Độ (2 ngón tay) dính nhau, tên Khởi Ấn



Chân Ngôn là:
"Án – phộc nhật-lộ đễ sắt-tra"
OṂ – VAJRA TIṢṬA – HŪṂ

_Tiếp, nên kính lễ **A Súc Tôn** (Akṣobhya-nātha)
Xả thân cầu thỉnh **Bất Thoái chuyển**
Kim Cương hợp chưởng, duỗi trên đỉnh
Toàn thân sát đất, dùng tim lễ



Chân Ngôn là:
"Án – Tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nho ba tát tha na dạ đáp-ma nam, niết lị-dạ đa dạ nhĩ. Tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la tát đát-phộc, địa sắt-xá, tát-phộc, Hàm"
*)OṂ – SARVA TATHĀGATA-PŪJA PASVANĀYA ATMANĀṂ – NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVĀMAṂ – HŪṂ

_ Tiếp lễ Nam phương **Bảo Sinh Tôn** (Ratna-saṃbhava-nātha)
Xả thân cầu thỉnh **Quán Đỉnh Vị**
Kim Cương hợp chưởng để ngang tim
Đặt Trán sát đất chân thành lễ.



Chân Ngôn là:
"Án, tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ tỳ sái ca già, đát-ma nam, niết lị-dạ đa, dạ nhĩ, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật la, la đát-ná, a tỳ tru giả hàm"
*) OṂ – SARVA TATHĀGATA PŪJA ABHIṢEKĀYA ATMANĀṂ NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-RATNA ABHIṢIṂCA MĀṂ TRĀḤ.

_Tiếp lễ **Quán Tự Tại Vương Tôn** (Avalokiteśvara-rāja-nātha)
Xả thân cầu thỉnh **Tam Ma Địa** (Samādhi)
Kim Cương hợp chưởng đặt trên đỉnh
Để miệng sát đất, thành tâm lễ



Chân Ngôn là:

"Án, tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ, bát-la miệt lật-la ná gia, đát-ma nam, niết lị-da đa, dạ nhĩ, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la đạt ma, bát-la miệt lật-đa dạ hàm"



*) OṂ- SARVA TATHĀGATA PŪJA PRAVARTTANĀYA. ATMANĀṂ NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-DHARMA PRAVARTTANĀYA MĀṂ HRĪḤ.

_ Tiếp lễ **Bất Không Thành Tựu Tôn** (Amogha-siddhi-nātha)
Xả thân cầu thỉnh **Thiện Xảo Trí**
Kim Cương hợp chưởng để ngang tim
Để đỉnh sát đất, cúi đầu lễ



Chân Ngôn là:

"Án, tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ yết ma ni, A đát-ma nam, niết lị-da đa, dạ nhĩ, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la yết ma, cú lỗ hàm"



*) OṂ - SARVA TATHĀGATA PŪJA KARMAṆI ATMANĀṂ NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-KARMA KURU MĀṂ AḤ.

_Tiếp lễ Chư Phật đầy Hư không
Nên kết giữ Ấn lễ khắp chân.
Thiền Tuệ (Ngón cái phải, ngón út trái) Đàn Trí (ngón út phải và ngón cái trái) cài ngược nhau
Gối phải sát đất, đặt (Ấn) trên Đỉnh



Chân Ngôn là:

"Án, tát phộc nhật-la, vi"

* OṂ– VAJRA VĪḤ

_ Tiếp dùng Chân Ngôn Diệu Thành Tựu
Nguyện khắp chúng sinh đồng Tất Địa
Tất cả Như Lai xưng tán Pháp
Nên nguyện Gia Trì mau thành tựu.
Chân Ngôn là:

“Án, tát phộc đát tha nghiệt đa hướng tất đa, tát phộc tát đát-phộc nam, tát phộc tất đà dược, tam bát đổ đam, đát tha nghiệt đa thất giả, địa để sắt-tống đam”

*) OṂ – SARVA TATHĀGATA ŚAṂSITĀḤ – SARVA SATVĀNĀṂ SARVA SIDDHAYAḤ SAṂPADYATNĀṂ TATHĀGATA-ŚCA ADHITIṢṬANĀ

_ Tiếp nên thẳng thân ngồi Kiết Già
Tĩnh trừ ba nghiệp khiến thanh tĩnh
Các pháp vốn có tính thanh tĩnh
Nguyện khiến ta, người (tự tha) đều không dơ.
Chân Ngôn là:

“Án, sa-phộc bà phộc thú đà, tát phộc đạt ma sa-phộc bà phộc, thú độ hàm”

*)OṂ– SVABHĀVA ŚUDDHA – SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHĀṂ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Tam Muội Gia**
Mười độ (10 ngón tay) cài nhau buộc bền chắc
Nhẫn nguyện (2 ngón giữa) hợp dựng như cánh sen
Tưởng Thân đồng với **Đa La Tôn** (Tārā)

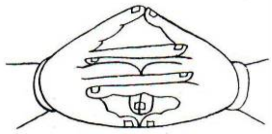


Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la bát ná-ma tam ma gia, tát-đát-noan”**

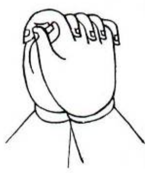
*) OṂ– VAJRA-PADMA SAMAYA STVAṂ

_ Tiếp kết **Cực Hỷ Tam Muội Ấn**
Hai vũ Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bền chắc
Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) hợp cài lóng ở giữa
Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau.



Chân Ngôn là:
"Án, tam ma gia, tố phộc đa, tát-đát-noan"
*) OṂ– SAMAYA HOḤ SURATA STVAṂ

_ Tiếp đến Khai Tâm vào Phật Trí
Gia Trì hai vú: **Đát la** (- vú phải) **Tra** (- vú trái)
Kết Kim Cương phộc để trước tim.
Ba kéo (mở đẩy) **Khai Tâm** như mở cửa.



Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la, mãn đà, đát-la tra"
*) OṂ– VAJRA BANDHA TRĀṬ.

_ Tiếp Quán Đài Sen: **A Tự Môn** ()
Hai điểm trang nghiêm (-AḤ) thành **Tịch Trí** (Trí Niết Bàn)
Thiền Trí (2 ngón cái) co vào Kim Cương phộc
Triệu chữ tuôn vào ở trong tim.



Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la phệ xa, ác"
*)OṂ– VAJRA AVIŚA AḤ

_ Tiếp kết Mật Hợp Kim Cương Quyền
Dùng đây gia trì khiến bền chắc
Tiến lực (2 ngón trỏ) vào Ấn, trụ Thiền Trí (2 ngón cái)
Nên hay giữ vững chẳng lui mất (thoái thất)



Chân ngôn là:
"Án, phộc nhật-la, mẫu sắt-tri, hàm"
*)OṂ – VAJRA MUṢṬI VAṂ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Tồi Ma Ấn**.
Dùng đây tĩnh trừ các chướng nạn
Nên dùng **Kim Cương hợp chưởng** nghi
Tiến Lực (2 ngón trỏ) như Nanh, dựng Thiền Trí (2 ngón cái)
Vào Trụ Tâm Từ, hiện uy nộ
Xoay phải ba vòng thành Giới Phương.

Chân Ngôn là:

"Án, ma ha chiến noa, vĩ thủy-phộc lộ ba, vĩ ca tra, bát ná-ma năng-sắt-tra, yết la la, vĩ sái noa, phộc tra, đát la, đát la sa gia, sa-phộc hàm, bát ná-ma dược khất-xoa, khư đà, địa lực"

*)OṂ – MAHĀ-CAṆḌA – VIŚSVA-RŪPA – VIKAṬA PADMA-DAṂṢṬRA – RĀGA RA RA VIṢĀNAVAT DHĀRÀ – TRĀŚAYA SVĀMAṂ – PADMA YAKṢA KHADA DHṚ

_ Tiếp, nên thẳng thân trụ Tam Muội
Hai vũ (2 bàn tay) cài nhau làm **Định Ấn**.



Không Giới bụi thân, các Phật Hải
Cảnh giác khiến Quán Tâm Chân Thật.
Chân Ngôn là:
"Án, chất đa bát-la để vĩ đăng, ca lỗ nhĩ"
*)OṂ– CITTA PRATIVEDHAM KARA-UMI

_ Liền quán chữ A ( ) làm vành trăng
Rồi dùng chân ngôn khiến sáng tỏ
Chân Ngôn là:
"**Án, mạo địa chất đa mẫu đát ba ná, dạ nhĩ**"
*)OṂ– BODICITTAM UTPĀDA YĀMI

_ Bản Tính Tự Tâm với Thanh Tĩnh
Nên khéo quán sát **Sen Kim Cương** (Vajra-padma)
Chân Ngôn là:
"Án, để sắt-tra bát ná-ma"
*)OṂ– TIṢṬA PADMA.

_ Để thành một Tướng Thanh Tĩnh nên.
Khiến hé nở dần đồng Pháp Giới

Liền được **Đại Bi Tam Ma Địa**
Đều hay tĩnh khắp chúng sinh giới
Chân Ngôn là:
“Án, tát phát la, bát-ná ma”
*)OṂ– SPHARA PADMA.

_ Vì khiến Tam Muội thuần thục nên
Đều khiến thu rút được Tự Tại
Sen Trí nhỏ dần bằng thân mình
Phát hào quang Tịnh chiếu Tam Muội
Chân Ngôn là:
“**Án, tăng ha la, bát ná-ma**”
*)OṂ– SAṂHARA PADMA.

_ Tiếp dùng Chân ngôn Diệu Kiên Cố
Gia Trì hay khiến chẳng lay động.
Chân Ngôn là:
“**Án, niết-lý trà, đề sắt_xá, bát ná-ma**”
*)OṂ– DṚḌHA TIṢṬA PADMA

_ Các Như Lai hiện ở Hư không.
Đều vào **Giác Hoa** làm một thể
Nên biết ngang đồng với chư Phật.
Bồ Đề Kiên Cố, Thệ Nguyện đến
Chân Ngôn là:
“Án, bát ná-ma, đát-ma cú hàm, Tam ma dụ hàm, ma ha Tam ma dụ hàm, tát phộc đát tha nghiệt đa tỳ tam mạo đề, bát ná-ma, đát-ma cú hàm”
*)OṂ – PADMA ATMAKA-UHAṂ – SAMAYA-UHĀṂ – MAHĀ-SAMAYA-UHAṂ – SARVA TATHĀGATA ABHISAṂBODHI, PADMA ATMAKA-UHAṂ

_ Liền quán **Diệu Liên** (Sen màu nhiệm) làm Bản Tôn
Thân Ngài thanh tĩnh màu vàng lục
Ma Ni, báu diệu làm châu lạc
Mão báu, đầu đội **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)
Tay phải **Ấn Dữ Nguyện** thù thắng
Tay trái cầm nắm hoa sen xanh.
Trụ ở Tam Muội nơi vành trăng
Tỏa khắp **Từ Quang** chiếu ba cõi
Tiếp dùng Căn Bản Thanh Liên Ấn
Tim, Trán, Họng, Đỉnh gia trì khắp.
Chân Ngôn là:
“Án, đa lị, đốt đa lị, hồng”

*)OṂ– TĀRE TUTTĀRE – HŪṂ

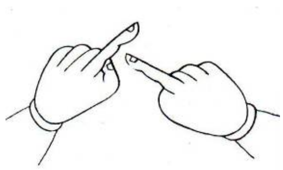
_ Tiếp kết Ấn **Tự Quán Đỉnh**
Hai Vũ (2 bàn tay) Kim Cương phộc kiên cố
Tiến lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) như hình báu
Gia Trì trên trán, buộc sau Đỉnh.



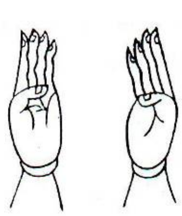
Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la la đát-na tỳ tru giả hàm, tát phộc mẫu nại-la mê, niết-lị câu cú lỗ, phộc la ca phộc chế ná hàm"

*)OṂ– VAJRA-RATNA ABHIṢIṂCA MĀṂ – SARVA MUDRA ME DṚḌHA KURU, VAJRA-KAVACENA VAṂ

_ Hai tay như rũ giải **hoa man** (tràng hoa)
Liền tự mặc áo giáp Kiên cố
Kết Kim Cương Quyền duỗi Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Tưởng chữ **Án** (: ngón trỏ phải) **Châm** (: ngón trỏ trái) trên mặt ngón



Tim, lưng, rốn, eo với hai gối
Họng, trán, sau đỉnh đều ba vòng
Đàn Tuệ (2 ngón út) buông trước, rũ Thiên Y (áo khoác ngoài)
Liền hay bền chắc không lay động.
Nên dùng hay vũ (2 bàn tay) vỗ ba lần
Đấy là Nghi Ấn Liên Hoa Hỷ.



Chân Ngôn là:
"Án, bát ná-ma, đổ sử dã, cốc"

*)OṂ– PADMA TUṢYA HOḤ

_ Tiếp nên nghiêm tịnh Quốc Thổ Phật.
Vì muốn phụng sự các Như Lai.
Đế Quán (chân thật quan sát) biển nước thơm vô tận.

Trên Sen Diệu, giữ HOA TẠNG GIỚI
Điện báu Ma Ni dùng trang nghiêm.
Vượt hơn vật cúng diệu của Trời
Hư Không chư Thiên là **thứ năm**
Ước muốn đều từ Hư không đến
Tâm vui cúng dường các thánh chúng
Nguyện khiến như ý, viên mãn khắp.
Dùng chân thật này Gia Trì xong
Nên kết Nghi **Kim Cương chưởng**.



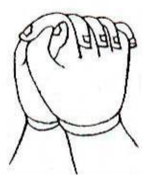
Chân Ngôn là:
"Án, nga nga nẵng, tam bà phộc, phộc nhật-la, cốc"
*)OṂ_ GAGANA SAṂBHAVA VAJRA HOḤ

_ Đất báu trang nghiêm trên tòa sen
Đốt-lượng tự môn (: TRĀṂ) thành Bản Tôn.
Phóng hào quang tịnh hơn Nhật Nguyệt
Quyến thuộc Liên Hoa đều quay quanh.
Tiếp dùng phương tiện Mật Thỉnh Triệu
Triệu tập **Tôn Thân** vào **Trí Thể**
Hai cánh Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bền chắc
Tiến Lực (2 ngón trỏ) đều co như móc câu



Chân Ngôn là:
"Án, Bát ná-mang, câu xá, ca lị-sái gia, ma ha bát ná-ma, câu lan, ha dã hật-lị phộc, tam ma diễm, Hồng nhược"
*)OṂ_ PADMA-AṄKUŚA AKARṢĀYA – MAHĀ-PADMA KURU HAYAGRĪVA-SAMAYAM HŪṂ JAḤ.

_ Tiếp kết Đại Ấn **Liên Hoa Sách**
Liên Hoa Trí (ngón cái trái) vào trong Tiến Thiền (ngón trỏ phải, ngón cái phải)
Dùng Mật Ấn này với Chân Ngôn
Triệu Thỉnh Bản Tôn hay dẫn vào.



Chân Ngôn là:

“Án, A mục già bá xả, cú lỗ đà, tam ma duệ, bát-la phệ xá, bát la phệ xá gia, tát phộc tam ma diên, hồng”

*)OṂ– AMOGHA-PĀŚA KRODHA-SAMAYE – PRAVEŚA. PRAVEŚĀYA – SARVA SAMAYAM – HŪṂ.

_Tiếp kết tay hoa làm **Tỏa Ấn**

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) đều móc kết
Dùng Liên Hoa Chỉ Lưu Ấn này
Hay Khiến Bản Tôn Trụ bền chắc.



Chân Ngôn là:

“Án , bát ná-ma, thương ca lị, hàm”

*)OṂ– PADMA ŚAṂKARE – HŪṂ

_Tiếp Kết Mật Ấn **Liên Hoa Linh**

Thiền Trí (2 ngón cái) co vào Liên Hoa chưởng
Dùng Mật Ấn này với Chân Ngôn
Hay khiến Bản Tôn Diệu hoan hỷ.



Chân Ngôn là:

“Án, bát ná-ma kiện tra, đà lị, thí già-la ma phệ xá gia, tam ma gia, sát mục khư, ác”

*)OṂ– PADMA-GHAṂṬA DHĀRI – ŚĪGHRAṂ AVIŚĀYA SAMAYA SAMUKHE – AḤ.

_Tiếp dùng **Diệu Già Đà** (Sugāthā) thích ý
Phụng trì **Át Già** (Ārgha), hiến nước thơm
Diệu âm (Mañju-ghoṣa) tràn đến cõi vô biên
Dùng Gia trì này mau thành tựu.

Chân Ngôn là:

“Ná mạc duệ ná, tát đế na, bà nga phộc đế, mạo địa mẫu đà la, nỗ đa la, phộc nhật-la đạt ma, bát-la dụ nghi ná, đế ná tát đế ná, tất đình hàm. Án, đa lợi, đốt đa lợi, đốt lợi, tát-phộc ha”

***)** NAMAḤ YENA SATYA-BHAGAVATE (Quy mệnh Đức Thế Tôn chân thật này) BODHI MUDRA (Giác Tuệ Ấn) ANUTTARA (tối thượng) VAJRA-DHARMA (Kim Cương pháp) PRAYOGINĪ (Thắng công bằng) SINA SATYA (cung cấp sự chân thật) SIDDHIṂ MAṂ (Tôi thành tựu)
OṂ– TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ.

_Tiếp nên rộng bày bốn NỘI CÚNG
Hoa chưởng, dựng thẳng cứng Thiền Trí (2 ngón cái)
Dùng **Liên Hoa Hỷ Hý** này nên.
Hay mãn **Đàn Na Ba La Mật** (Dāna-pāramitā:Bố Thí Độ)



Chân Ngôn là **:**
"Án, bát ná-ma, la để, bố nhi duệ, cốc"



*)OṂ_ PADMA-RATI PUṆYE HAḤ

_ Tiếp kết Mật Ấn **Liên Hoa Man**
Liên Hoa Chưởng trước duỗi cánh tay
Do hiến Hoa Man cúng dường nên
Sẽ mãn **Tịnh Giới Ba La Mật** (Śīla-pāramitā)

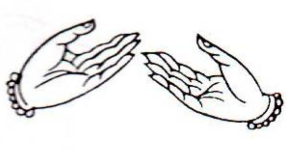


Chân Ngôn là:
"Án, bát ná-ma, bật sái ca, bố nhi duệ, đát-la tra"



*)OṂ_ PADMA-PUṢPA PUṆYE TRAṬ

_ Do kết Ấn **Liên Hoa Ca Vịnh**
Hoa Chưởng từ rốn đến miệng buông
Hiến Như Lai Diệu Pháp Âm này
Hay mãn **An Nhẫn Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā)

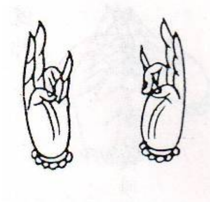


Chân Ngôn là **:**
"Án, bát ná-ma , nghĩ đa, bố nhi duệ, nghi"



*)OṂ– PADMA-GĪTA PUṆYE – GĪḤ

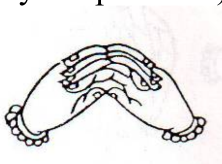
_Tiếp kết **Liên Hoa Vũ** cúng dường
Hoa chưởng chuyển múa đặt trên đỉnh
Do Mật Ấn này và chân ngôn.
Mau đủ **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā)

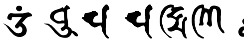


Chân Ngôn là:
“Án, bát ná_ma, niết-lị để-dã, bố nhi duệ, ngật-lị-tra”

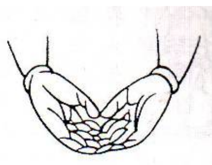
*)OṂ– PADMA-NṚTYE PUṆYE – KṚṬ

_Tiếp Kết Ấn **Liên Hoa Phần Hương**
Hoa chưởng buông xuống như đốt hương
Do uy lực của Ấn phần Hương
Sẽ chứng **Tĩnh lự Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā)



Chân Ngôn là:
“**Án, độ ba bát ná-nhĩ nễ, hồng**”

*)OṂ_ DHŪPA PADMINI – HŪṂ

_ Tiếp Kết **Liên Hoa Hoa** cúng dường.
Hoa chưởng dâng lên như hiến hoa.
Do hiến hoa màu nhiệm trang nghiêm
Mau chứng **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pāramitā)



Chân Ngôn là:
“Án, bát ná-ma, mẫu sắt-tri, hồng”

*)OṂ– PADMA-MUṢṬI HŪṂ

_ Tiếp Kết Ấn **Liên Hoa Đăng Minh**
Thiền Trí (2 ngón cái) che trước tay Hoa Sen (Liên Hoa Thủ)
Dùng Đăng Minh cúng dường này nên
Sẽ mãn **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya-pāramitā)



Chân Ngôn là:
“Án, bát ná-ma, cú la, trục nại lị, đạt ma lỗ kế, bố nhi duệ, bố nhạ da, hồng”

*)OṂ– PADMA-KULA-MUDRI – DHARMA ĀLOKE PUṆYE PŪJĀYA – HŪṂ

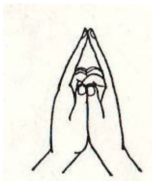
_ Tiếp kết Ấn **Liên Hoa Đồ Hương**.
Bung chưởng trên Tim như xoa hương.
Dùng Nghi Mật Ấn Chân Ngôn này
Hay mãn **Thệ Nguyện Ba La Mật** (Praṇidhana-pāramitā)



Chân Ngôn là:
“Án, bát ná-ma, nghiễn đề, hồng”

*)OṂ– PADMA-GANDHE – HŪṂ

_ Tiếp Kết **Bản Tôn Căn Bản Ấn**
Dùng Ấn Gia Trì trên tim mình
Hai vũ (2 bàn tay) Trí Quyền cùng ngược lóng
Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng hợp nhau.



Chân Ngôn là:
“Án, bát ná-ma, đa lê, hồng”

*)OṂ_ PADMA-TĀRE HŪṂ

_ Tiếp kết **Bất Không Đa La Tâm**
Đem Ấn gia trì ở trên đỉnh
Theo tướng Căn Bản Mật Ấn trước
Sửa dựng Đàn Tuệ (2 ngón út) khiến dính nhau
Chân Ngôn là **:**
“Án, Vĩ bổ la, đa lê, hồng”

*)OṂ_ VIPULA TĀRE   HŪṂ

_ Tiếp kết Bản Tôn **Bảo Quan** (Mão báu) **Ấn**
Đem Đại Ấn này đặt trên đỉnh

Theo Tâm Ấn trước dựng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa)
Tiến Lực (2 ngón trỏ) co tránh lưng hai Độ (2 ngón giữa)



Chân Ngôn là **:**
"Án, bát-la tát la, đa lê, hồng"
𑖌𑖼 𑖢𑖿𑖨𑖭𑖨 𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖮𑖳𑖽
*)OṂ– PRASARA TĀRE – HŪṂ

_ Tiếp kết **Chân Thật Gia Trì Ấn**
Dùng đây hay Triệu Thỉnh Tất Cả
Theo Ấn Bảo Quan Quán Đỉnh trước
Chỉ đưa Tinh Tiến độ (ngón trỏ phải) qua lại



Chân Ngôn là:
"Án, A mộ già, đa lê, Hồng"
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖺𑖓 𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖮𑖳𑖽
*)OṂ_ AMOGHA TĀRE – HŪṂ

_ Tiếp kết **Tồi Hoại Chư Ma Ấn**
Dùng đây hay phục kẻ khó phục
Theo Ấn Quán đỉnh Bảo Quan trước
Duỗi thẳng Lực Độ (ngón trỏ trái) xoay bên phải
Chân Ngôn là:
"Án, tam ma già, đa lê, hồng"
𑖌𑖼 𑖭𑖦𑖧 𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖮𑖳𑖽
*)OṂ_ SAMAYA TĀRE   HŪṂ

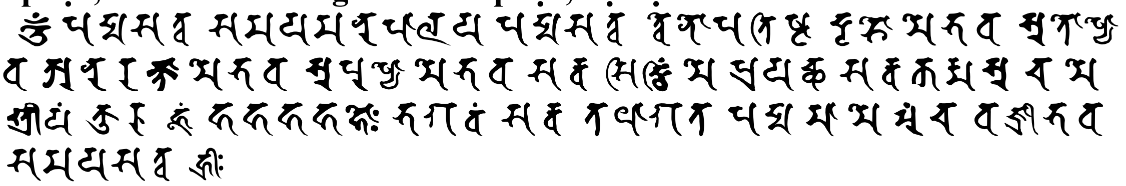
_Tiếp dùng Tự Môn bày trên Thân
Chữ **Án** (𑖌𑖼) trên đỉnh, **Đa** (𑖝𑖯) trên trán
Chữ **Lê** (𑖨𑖸) hai mắt, **Đốt** (𑖝𑖲) hai vai
Chữ **Đá** (𑖝𑖯) ngang tim, **Lê** (𑖨𑖸) ngay rốn
Chữ **Đốt** (𑖝𑖲) hai gối , **Lê** (𑖨𑖸) hai bắp chân
Tát phộc (𑖭𑖿𑖪) chân trái, **Ha** (𑖮𑖯) chân phải.
Bốn Minh dẫn Tôn vào thân mình
Dùng gia trì này, không hai Thể
Nên kết **Thanh Liên Căn Bản Ấn**
Xưng tụng Liên Hoa Bách Tự Minh
Hai vũ Định Tuệ (2 bàn tay) cài chéo trong

Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau



Chân Ngôn là:

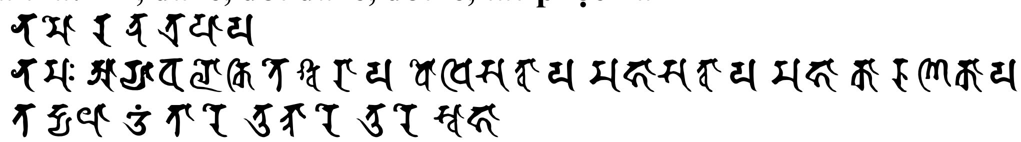
"Án, bát ná-ma, tát đát phộc, tam ma gia ma nỗ bá la gia, bát ná-ma, tát đát-phộc, đát vĩ nỗ ba để sắt-tra, niết-lị noa-hộ, mị bà phộc, tố đổ sử dụ, mị bà phộc, A nỗ la ngật-đỗ, mị bà phộc, tố bổ sử dụ, mị bà phộc, tát phộc tất địa, mị bát-la địa sai, tát phộc yết ma tố giả mị, chất đa thất-lệ dược, cú lỗ, hồng, ha ha ha ha, cốc, bạc già phạm, tát phộc đát tha nghiệt đa, bát ná-ma ma mị muộn giả, bát ná mị bà phộc, ma ha tam ma gia tát đát-phộc, hột-lị"



*)OṂ– PADMA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA – PADMA-SATVA TVENA UPATIṢṬA – DṚḌHO ME BHAVA – SUTOṢYO ME BHAVA – ANURAKTO ME BHAVA – SUPOṢYO ME BHAVA – SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA – SARVA KARMASU CA ME CITTAṂ ŚRĪYAM KURU HŪṂ – HA HA HA HA HOḤ – BHAGAVAṂ – SARVA TATHĀGATA-PADMA MĀ ME MUṂCA – PADMĪ BHAVA – MAHĀ-SAMAYA-SATVA – HRĪḤ

_Xưng tụng Chân Ngôn trăm chữ xong
Chẳng giải Ấn trước, niệm Bản Minh.
Chân Ngôn là:

"Ná mô la đát-na đát-la dạ dã. Ná mạc A lị-dã phộc lỗ chỉ đế, thất-phộc la gia, mạo địa tát đát-phộc gia, ma ha tát đát-phộc gia, ma ha ca lỗ ni ca gia. Đát nễ-dã tha: Án, đa lê, đốt đá lê, đốt lê, tát-phộc ha"



*) NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.
TADYATHĀ: OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ

_Lại dùng chân ngôn Gia trì châu (Tràng hạt)
Nâng lên đỉnh đội, ngang tim, niệm
Chân Ngôn là **:**

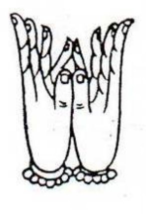
"Án, phộc nhật-la, bá vĩ đát-la, tam ma gia, hồng"



*)OṂ_ VAJRA PAVITRA SAMAYA HŪṂ

_Tiếp trì số hạn kết thúc xong
Lại hiến Át Già tụng Diệu Tán

Đặt bày tám Cúng, phát nguyện xong
Giải Giới tưởng Tôn về Bản Cung
Kết Liên Hoa Tam Muội Gia trước
Trên đỉnh bung Hoa, lễ dưới chân



Chân Ngôn là:

"Án, ngật lị đố phộc, tát phộc tát đát phộc lật thác, tất địa nại đa, dã tha nỗ nga, nghiệt sai đặc noan, một đà vi sái diễm, Bố na la nga, ma na dã đô. Án, Bát na-ma, tát đát-phộc, mục"



*)OṂ – KṚTOVAḤ – SARVA SATVĀRTHA – SIDDHIRDATTĀ YATHA ANUGĀGACCHADHVAṂ – BUDDHA VIṢAYAṂ – PUNARĀGA MANĀYATU – OṂ – PADMA-SATVA – MUḤ

Dùng đây Phụng Tống Bản Tôn xong
Gia Trì Quán đỉnh, mặc giáp trụ
Kiên Trú **Bản Tôn Tam Ma Địa**
Tự Ý ngưng nghỉ hoặc **Kinh Hành** (Caṅkramana)
Lại nên chuyển Địa **Ma Ha Diễn** (Mahā-yāna: Đại Thừa)
Thường khiến Tịnh Nghiệp chẳng gián đoạn
Sẽ được **Đa La** (Tārā) hiện trước mặt
Thắng Nguyện mong cầu đều Viên mãn
Đời này được vào HOAN HỶ ĐỊA (Pramiditā-bhūmi)
Mười sáu đời sau thành **Bồ Đề** (Bodhi)

KIM CƯƠNG ĐỈNH ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 20/05/2012

Mật Tạng Bộ 03 - No. 1103A (Tr.457 → Tr.463)

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÙY TÂM CHÚ KINH

(Cũng có tên là: ĐA LỊ TÂM KINH)

Hán dịch: Nước Đại Đường_, Chùa Tổng Trì, Sa môn THÍCH TRÍ THÔNG
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe: Một thời Đức Phật ngự trong núi Kỳ Xà Quật thuộc Đại Thành Vương Xá cùng với vô lượng Đại Tỳ Khưu đến dự hội. Lại có vô lượng Trời (Deva) Rồng (Nāga), Dạ Xoa (Yakṣa), Càn Đạt Bà (Gandharva), A Tố La (Asura), Già Lộ Trà (Garuḍa), Khẩn Na La (Kiṃnara) với hàng quyến thuộc đến dự.

Lại có vô lượng vô số Tỳ Khưu (Bhikṣu), Tỳ Khưu Ni (Bhikṣunī), Ưu Bà Tắc (Upāsaka), Ưu Bà Di (Upāsīka) cung kính vây quanh.

Bấy giờ, trong Hội có vị Bồ Tát tên là **Quán Thế Âm Tự Tại** (Avalokiteśvara) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật, trật áo hở vai bên phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay cung kính với Đức Phật rằng:

"Thế Tôn! Nay con muốn nói về pháp: Tâm Chú Căn Bản, với Ấn, Đàn của **A Lị Đa Lị** (Ārya-tāre) Chú ấy có uy lực chẳng thể luận bàn thường đem lại sự an vui và nhiều sự lợi ích cho Thế gian. Nếu có Trời, Người thọ trì Chú này thì bao nhiêu sự sợ hãi, oán đối, ác chướng thảy đều chận đưng được hết. Tất cả Cấm Chú của Ngoại Đạo đều bị đập nát, chẳng có thể làm hại được. Tùy theo Tâm nguyện cầu mà tất cả Thiện Nghiệp đều được hoàn thành. Các hàng chúng sinh có 04 chân, 02 chân … thảy đều cung kính quy phục.

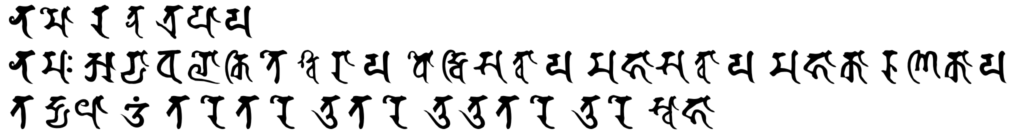
Nguyện xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương hứa cho, con vì Đại Bi thương xót tất cả chúng sinh nên nói về pháp Ấn Chú căn bản này"

Liền nói pháp của Đà La Ni ấy.

1) Thứ Nhất: Tùy Tâm Ấn Chú (cũng gọi là Thân Ấn Chú hoặc Đô Ấn Chú)

Đem các ngón: giữa, vô danh, út của hai bàn tay hướng ra ngoài, cài chéo nhau rồi chắp lại, bên phải đè bên trái, sao cho các đầu ngón bám vào lưng bàn tay, kèm dựng 2 ngón trỏ, dính nhau, đưa ngón cái đi qua lại . Liền nói Chú là:

"Na mô hạt la đát na đá_la dạ gia (1) Na mô A lê gia, bà lộ chỉ đế nhiếp-bà la gia (2) Bồ đề tát đỏa gia (3) ma ha tát đỏa gia (4) ma ha ca lô ni ca gia (5) Đá điệt Tha (6) Án (7) Đá lị, đá lị (8) Đô đa lị (9) Đô Đô Đa Lị (10) Đốt lị Sá ha (11)"



⇘ NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

TADYATHĀ: OṂ– TARE TARE, TUTARE, TUTUTARE, TURE – SVĀHĀ

2) Thứ Hai: Phụng Thỉnh Chú (dùng Thân Ấn, tụng Chú này)

"Đá Điệt tha (1) A già xa, A già xa (2) Bà già bạn (3) A lê gia (4) Bà lộ chỉ đế (5) nhiếp-bà la gia, la đá-na đát-la tát đế na (6) sá ha (7)"



⇘ TADYATHĀ: AKARṢA AKARṢA – BHAGAVAṂ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA RATNA-TRA-SATYA - SVĀHĀ

Dùng Chú này chú vào An Tất Hương 7 biến rồi thiêu đốt, thỉnh Bồ Tát ắt đến . Nếu muốn tụng Đa Lị Tâm Chú lúc trước, thoạt tiên tụng Chú này 7 biến, sau đó tụng Chú kia.

3) Thứ Ba: Khải Thỉnh Ấn Chú (Một Chú này Thông Thỉnh tất cả Bồ Tát)

Hướng tay phải về phía trước, nắm cổ tay trái , đưa lên trên đầu, dùng 04 ngón tay trái đưa qua đưa lại – Liền nói Chú này:

"Án (1) tát bà bồ đề tát đỏa xa (2) yên hế yên hế (3) sá ha (4)"

➩ OṂ– SARVA BODHISATVĀNĀṂ EHYEHI – SVĀHĀ.

4) Thứ Tư: Hoa Đài Ấn Chú:

Dựa theo Ấn trước, chỉ sửa hai lòng bàn tay ngửa hướng lên trên , 05 ngón tay đều hướng lên trên hơi co lại – Chú là:

"Án (1) Tát bà bả-la tị sắt-tra (2) Bồ đà na (3) Sá ha (4)"

➩ OṂ– SARVA PRATIṢṬA BODHĀNĀṂ – SVĀHĀ.

5) Thứ năm: Hương Hoa Ấn Chú:

Đem ngón cái của tay phải vịn trên móng ngón vô danh, ba ngón còn lại mở rộng duỗi thẳng, lại đem bàn tay trái nâng bên dưới bàn tay phải. Chú là:

"**Án, tát bà bả gia (2) Bố sắt-ba già gia (3) Sá ha (4) "**

➩ OṂ– SARVA PĀYA-PUṢPAYĀYA – SVĀHĀ

6) Thứ sáu: Hương Thủy Ấn Chú:

Hai tay: ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều nam ngón cái như Quyền pháp, hợp cổ tay rồi đặt 02 ngón trỏ dính nhau. Chú là:

"Án (1) Tát bà ô đà ca gia (2) hạt la xà (3) Sá ha (4)"

➩ OṂ– SARVA UDAKĀYA-RĀJA – SVĀHĀ.

Ấn này cúng dường hằng hà sa tất cả chư Phật Bồ Tát.

7) Thứ bảy: Hộ Thân Ấn Chú:

Trước tiên chắp hai tay lại, co hai ngón út sao cho móng ngón cùng ngược nhau, hai ngón cái phụ hai ngón trỏ, ba ngón còn lại đều hợp dính đầu ngón ở trong lòng bàn tay, hơi mở cách nhau. Đặt Ấn ở trên đỉnh, rồi đưa ngón trỏ qua lại. Chú là:

"Đá điệt tha (1) A lê (2) Đa Lê (3) đô đa lê (4) đô lê (5) Hê lan noa dạ (6) yết la tỳ (7) Hạt la xoa, hạt la xoa ma-xà (tự xưng tên mình) **(8) tát bà đột tát bì khê tệ-trị (9) Bồ tát bả đạt-la tỳ bệ-trị (10) sá ha (11)"**

➩ TADYATHĀ: ĀRYA-TĀRE TUTTĀRE TURE – HIRAṆYA-GARBHE– RAKṢA RAKṢA MĀṂ – SARVA DOṢABHĪTĪBHYAḤ – SARVA UPADRAVEBHYAḤ – SVĀHĀ

Tác Ấn này, tụng mãn 10 vạn biến thì tất cả nhóm đẳng, các Ma, Ngoại Đạo, người, Phi Nhân không dám làm hại. Dùng hộ thân này, lại tác Ấn này, tụng Thân Chú

lúc trước, ở trước tháp Xá Lợi chí tâm tỏ bày sám hối mọi tội lỗi ắt diệt được 04 tội nặng, 05 tội nghịch.

8) Thứ tám: Tâm Ấn Chú

Dựa theo Hộ Thân Ấn lúc trước, chỉ sửa hai ngón trỏ vịn móng hai ngón cái sao cho đầu ngón dính nhau. Đặt Ấn ở trên trái tim. Chú là:

"Án (1) Tát bà hỷlệ đà gia (2) bồ đà gia (3) Sá ha (4)"



➥ OṂ– SARVA HṚDAYA BODHĀYA – SVĀHĀ.

Tác Ấn này xong, tụng Tâm Chú thì hết thảy đều hay trừ diệt mọi tội lỗi của ba nghiệp.

9) Thứ chín: Khẩu Ấn Chú

Dựa theo Tâm Ấn lúc trước, chỉ sửa hai ngón cái co hướng và trong hai lòng bàn tay, kèm song song lóng trên của hai ngón út. Chú là:

"Án (1) Tỳ bà thí già gia (2) Sá ha (3)"



➥ OṂ– VIPAŚIYĀYA – SVĀHĀ

Tác Ấn này xong, tụng Khẩu Chú thì hay trừ tất cả tội chướng của Khẩu Nghiệp.

10) Thứ mười: Đại Sám Hối Ấn Chú:

Trước tiên dùng tay phải: ngón cái vịn trên móng ngón giữa, duỗi thẳng 03 ngón còn lại. Tay trái cũng vậy. Đem ngón cái phải đè trên móng ngón cái trái. Đặt Ấn ngay trước trái tim. Chú là:

"Án (1) Tát bà Bồ đà (2) Bồ đề tát đỏa gia (3) Sá ha"



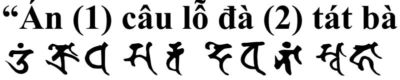
➥ OṂ– SARVA BUDDHA BODHISATVĀYA – SVĀHĀ

Tụng Chú Sám Hối hay trừ tội lỗi của tất cả nghiệp chướng.

11) Thứ 11: Triệu Hoán (Kêu gọi) **Nhất Thiết Đại Lực Quỷ Thần Thiên Long Bát Bộ Ấn Chú:**

Đem tay phải vịn trên lưng tay trái, 04 ngón hướng xuống dưới cài nhau. Đưa 04 ngón của tay trái qua lại. Chú là:

"Án (1) câu lỗ đà (2) tát bà đề bà na (3) Sá ha (4)"



➥ OṂ– KRODHA SARVA DEVANĀṂ – SVĀHĀ

12) Thứ 12: Đại Kết Giới Tịch Tỳ Na Dạ Ca Ấn Chú:

Trước tiên, đem ngón vô danh phải cài vào trên lưng ngón vô danh trái, ngón cái trái móc lấy ngón út phải ở lòng tay phải. Đem ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh của tay trái móc lấy ngón giữa của tay phải và đè trên móng ngón vô danh phải. Đặt ngón trỏ phải dính đầu ngón út trái, ngón cái phải đè trên lưng ngón trỏ và ngón giữa của tay trái, vặn cổ tay trái. Chú là:

"Án (1) Tát bà dược xoa (2) la xoa sa na (3) bàn đà bàn đà (4) Sá ha (5)"



➥ OṂ– SARVA YAKṢA RĀKṢASANĀṂ, BANDHA BANDHA – SVĀHĀ.

Tác Ấn này thời tất cả Quỷ Thần tự nhiên quy phục.

13) Thứ 13: Tùy Tâm Ấn Chú:

Dựa theo Ấn Kết Giới lúc trước, chỉ sửa ngón trỏ phải và ngón út trái cùng mở cách nhau một thốn. Đây gọi là Tùy Tâm Ấn. Tác ấn này xong, tụng **Tùy Tâm Thân Chú** thì đều được ước nguyện.

14) Thứ 14: Vị độ Ma Vương Ba Tuần Nhập Đạo Cái Mộ Ấn:

Trước tiên đem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải co lại dính nhau ở trong lòng bàn tay, duỗi thẳng 03 ngón còn lại, duỗi bung lòng bàn tay (thủ chưởng) hướng phía trước ngực. Tay trái cũng vậy, đem chưởng hướng ra ngoài.

Tác Ấn này thời **Ma vương Ba Tuần** (Māra-papiya) thống lĩnh các Đồ Chúng mộ nhập vào Phật Đạo, đỉnh lễ rồi lui ra. Tụng **Thân Chú**.

15) Thứ 15: Giáng phục Ngoại Đạo Lục Sư Ấn:

Dựa theo Ấn trước, chỉ sửa đem đầu ngón cái vịn trên móng ngón vô danh với ngón giữa. Tác Ấn này thời Lục Sư Ngoại Đạo thay đều quy phục. Tụng **Thân Chú**.

16) Thứ 16: Cứu Kiến Lục Đạo Chúng Sinh Linh Ly Khổ Giải Thoát Ấn Chú:

Đem 02 ngón cái, 02 ngón tro cùng vịn nhau, kèm song song 02 ngón giữa cùng dính đầu nhau, 02 ngón vô danh đầu đè trên móng 02 ngón út, khiến mở chính giữa rồi đặt Ấn dính lên trán. Chú là:

"Án (1) Tát ba giả sô đà la (2) già đa gia (3) sá ha (4)"



↳ OṂ_ SARVA CAKṢU TĀRĀ-JVALĀYA – SVĀHĀ

Bản của Thầy Thông tụng **Thân Chú**.

17) Thứ 17: Thí Cam Lộ Ấn Chú:

Dùng tay trái, lấy ngón trỏ vịn ngón cái, duỗi thẳng cứng 03 ngón còn lại hướng ra ngoài. Lại rũ cánh tay phải hướng xuống dưới. Làm pháp Thí Cam Lộ này thì chúng sinh trong 06 nẻo đều được no đủ, lìa khổ, giải thoát. Tụng **Thân Chú**.

18) Thứ 18: Phòng nạn Ấn Chú:

Đem ngón cái phải cài cạnh sườn phải, ngón trỏ hướng về phía sau, 04 ngón còn lại nắm quyền. Tay trái cũng vậy, hướng về phía trước, cánh tay làm như ráng sức. Chú là:

"Án (1) Tát bà đồ sắc tra na (2) sân đà, sân đà (3) Sá ha(4)"



↳ OṂ– SARVA DUṢṬĀNĀṂ , CCHINDA CCHINDA – SVĀHĀ.

Tác pháp của Ấn Chú này thời hàng phục tất cả Thiên Ma, loài khó giáng phục thảy đều quy phục không dám chống trả.

19) Thứ 19: Tự Tại Ấn Chú:

Hai tay đều cài ngược 04 ngón với nhau. Lại để hai ngón trỏ dính nhau, hai ngón cái cách nhau hướng lên trên duỗi thẳng. Chú là:

"Án (1) Tát bà bồ đà đá la gia (2) ma la gia (3) Sá ha (4)"



↳ OṂ– SARVA BUDDHA TĀRĀYA BALĀYA – SVĀHĀ.

20) Thứ 20: Tam Muội Ấn:

Ngồi Kiết Già ngay thẳng, dùng lòng bàn tay trái đỡ lưng bàn tay phải, cùng đè nhau. Đặt Ấn trước trái tim, tụng **Thân Chú**, Liền nhập vào **Diệt Tận Định**.

21) Thứ 21: Hoán (kêu gọi) Diêm La Vương Ấn Chú:

Đem 02 ngón út móc ngược nhau, bên phải đè bên trái. Co 02 ngón giữa, 02 ngón vô danh đều đè trên móng 02 ngón cái, thẳng 02 ngón trỏ cách nhau 05 thốn rồi cong ngón trỏ qua lại. Chú là:

"Án (1) Tát bà diễm ma la xà (2) đệ tỳ-gia (3) Sá ha (4)"



↳ OṂ_ SARVA YAMA-RĀJĀ- DEVYA – SVĀHĀ.

Nếu có người muốn biết số lượng tội nhân ở Địa Ngục nhiều hay ít hoặc hỏi tên thì Vua Diêm La tự thống lãnh các Sư Quan đi theo tự đến báo cáo đầy đủ cho Hành Giả biết.

22) Thứ 22: Hoán Triệu Tứ Thiên Vương Ấn Chú:

Dùng 02 tay: đem 04 ngón tay cùng cài ngược nhau bên trong, co 02 ngón cái vào lòng bàn tay khiến che đầu ngón rồi đưa đầu ngón qua lại. Chú là:

"Án (1) Tát bà đệ bà (2) yết la-ha na (3) Sá ha (4)"



↳ OṂ_ SARVA DEVA GRAHĀNĀṂ – SVĀHĀ.

Tác pháp của Ấn Chú này thì 04 vị Thiên Vương một thời đều đến. Hành Giả đều hỏi các việc trong bốn Thiên Hạ thì đều báo cho biết.

23) Thứ 23: Trì Giới Ấn Chú:

Quỳ dài, đặt gối phải sát đất, ngẫng đầu hướng lên trên, chắp tay để lên trên trái tim. Lại đem 02 ngón trỏ đè lóng thứ nhất của 02 ngón giữa, 02 ngón cái đều phụ bên cạnh 02 ngón trỏ.Chú là:

"Án (1) Tát bà ba-la đề mộ xoa (2) hỷ-lê đà già (3) Sá ha"



↳ OṂ– SARVA PRATIMOKṢA HṚDAYA – SVĀHĀ.

Tác Ấn này, tụng Chú này thì vô lượng các loài Chúng Sinh được Giới Thanh Tịnh.

24) Thứ 24: Ẩn Thân Tùy Hình Nhập Lục Đạo Ấn Chú:

Tay phải: đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh, ngón giữa – Dựng thẳng ngón trỏ và ngón út . Tay trái cũng vậy , đưa ngón cái phải từ dưới hướng lên trên móc lấy ngón giữa, ngón vô danh của tay trái, bên phải đè bên trái – Chú là:

"Án (1) câu lê gia vũ (2) tát bà ca lê gia (3) sá ha (4)"



↳ OṂ– KULIYASU SARVA-KĀLĪYA – SVĀHĀ.

Tác Ấn Pháp này thời tùy ý ẩn mất, du hành tự tại, tất cả như Nguyện.

25) Thứ 25: Hoán Triệu Ngũ Thông Đẳng Tiên Nhân Ấn Chú:

Hai tay đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều nắm quyền rồi hợp hai tay với nhau, 02 ngón cái đều phụ bên cạnh 02 ngón giữa, đưa 02 ngón trỏ qua lại. Chú là:

"Án (1) Tát bà ngật-lị trí-gia (2) yết ma bà la na (3) cù đá duệ (4) Sá ha (5)"



↳ OṂ– SARVA KṚṢYA KARMA AVARAṆA KUTTĀYE SVĀHĀ.
Tác Ấn pháp này thời tất cả Tiên Nhân kêu gọi cùng đến. Hành Giả hỏi vị ấy về phép Tiên thì mỗi mỗi trình bày đầy đủ.

26) Thứ 26: Quán Đỉnh Thanh Tĩnh Ấn Chú:

Dựa theo Ấn Ngũ Thông lúc trước. Bên trên chỉ sửa ngón trỏ đều đè đầu ngón cái sao cho đầu ngón dính nhau. Lại duỗi thẳng 02 ngón giữa cùng dính đầu ngón, hướng lên chạm trên đỉnh đầu. Chú là:

"Án (1) Đề kiện bà (2) Mộ đá-la tăng kiến (3) Sá ha (4)"



↳ OṂ- ŚIKYĀVAT MUDRA – SAṂKAN - SVĀHĀ

Hành Giả nếu làm 03 Mạn Trà La Đại Đạo Trường xong. Dùng Pháp Ấn này tụng chú Quán Đỉnh thì vô biên chúng sinh đều được Thanh Tĩnh.

27) Thứ 27: Thủy Nạn Ấn Chú:

Trước tiên đem ngón giữa, ngón vô danh của 02 tay cùng cài nhau, bên phải đè bên trái, dựng thẳng 02 ngón trỏ và 02 ngón út sao cho đầu ngón dính nhau, co 02 ngón cái vào trong lòng bàn tay.Chú là:

"Án (1) ô đà gia (2) Tất bà đệ bà (3) ô đà già (4) Sá hạ (5)"



↳ OṂ– UDAJA – SARVA DEVA UDAJA - SVĀHĀ

Tác Ấn Pháp này thì nước chẳng thể cuốn trôi, tất cả Thủy Thần đều quy phục.

28) Thứ 28: Hỏa Nạn Ấn Chú:

Dựa theo Ấn Thủy Nạn lúc trước, bên trên chỉ sửa 02 ngón trỏ, 02 ngón út cách nhau chừng một thốn (1/3dm). Dùng **Thủy Nạn Chú**.

Người tác Ấn Chú này thì lửa chẳng thể thiêu đốt, tất cả Hỏa Thiên thảy đều quy phục.

29) Thứ 29: Phong Nạn Ấn Chú:

Trước tiên, đem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải cùng cài vào trên lưng ngón vô danh của tay trái, 02 ngón trỏ và 02 ngón út tùy nhập vào đè ngón giữa của tay phải và trên tim ngón giữa (?).

Ngón trỏ và ngón út của tay phải đè trên lưng ngón giữa, ngón vô danh của ngón tay phải, ló 02 ngón cái cách nhau dựng thẳng, ngược lòng bàn tay hướng ra ngoài. Dùng **Thủy Nạn Chú**.

Tác Ấn này thì tất cả nạn về gió chẳng thể hại, Phong Vũ Thần Vương thảy đều quy phục.

30) Thứ 30: Thiên Nạn Ấn:

Trước tiên, đem ngón cái, ngón trỏ của tay phải vịn lóng thứ hai của ngón trỏ của tay trái. Lại đem ngón cái, ngón trỏ của tay trái vịn lóng thứ nhất của ngón cái của tay phải, 03 ngón còn lại dựng thẳng dính đầu ngón và đều cách nhau khoảng một thốn (1.3dm). Chú dùng **Thân Chú**.

Tác Ấn này thì thấy được sự việc trên cõi Tam Thập Tam Thiên, tất cả Thiên Thần thảy đều quy phục.

31) Thứ 31: Địa Nạn Ấn Chú:

Dựa theo Ấn Thiên Nạn lúc trước, chỉ sửa 02 ngón vô danh co ngang bằng đầu ngón cùng dính nhau. Chú là:

"Án (1) già tra bàng già(2) hạ tất-đá duệ (3) sá hạ (4)"

⇨ OṂ– KHAṬVAṄGA-HASTĀYE – SVĀHĀ

Tác Ấn pháp này thời tất cả Địa Thần thảy đều quy phục.

32) Thứ 32: Tặc Nạn Ấn Chú:

Đem ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út của tay phải móc ngược 04 ngón của tay trái, 02 ngón cái đều bung thẳng cứng. Chú là:

"Án (1) Tát bà đồ sắt-tra (2) Bả la đồ sắt-tra na (3) Sân đà gia (4) Sá hạ (5)"

⇨ OṂ– SARVA DUṢṬA, PARADUṢṬĀNĀṂ, CCHINDĀYA – SVĀHĀ.

Tác Ấn này thời tất cả nạn giặc cướp thảy đều tự cột trói, chẳng có thể làm hại.

33) Thứ 33: Vương Nạn Ấn Chú:

Dựa theo Ấn Tặc Nạn lúc trước, bên trên chỉ sửa ngón cái của tay phải móc lấy ngón cai của tay trái. Liền nói Chú là:

"Án (1) Tát bà hạt la xà (2) đồ sắt-tra na (3) Sá ha (4)"

⇨ OṂ – SARVA RĀJA-DUṢṬĀNĀṂ - SVĀHĀ

Tác Ấn Pháp này thời tất cả vương nạn (nạn do vua chúa gây ra), dụng cụ gây khổ, dao, gậy… chẳng thể làm hại được.

34) Thứ 34: Thí Vô Úy Ấn Chú:

Đứng dậy, đem cánh tay trái duỗi thẳng xuống dưới, 05 ngón tay dài duỗi hướng xuống dưới, lưng bàn tay hướng về phía sau. Tay phải cũng vậy, đem lòng bàn tay hướng về phía trước như ban Cam Lộ là Ấn pháp của tay phải. Chú là:

"Đá diệt tha (1) A lê (2) đá lê (3) Đô đá lê (4) Đô lê (5) Hê lan noa dạ già la_tỳ (6) La xoa, ma_xà (7) [tự xưng tên] tát bà đột khế bỉ-trị (8) Tát bà đá đạt_la tỳ bỉ_trị (9) Sá ha (10)"

⇨ TAYATHĀ: ĀRYA-TĀRE TUTTĀRE TURE – HIRAṆYA-GARBHE_ RAKṢA RAKṢA MĀṂ _ SARVA DUḤKHEBHYAḤ SARVA UPADRAVEBHYAḤ – SVĀHĀ.

Tụng Chú mãn 10 vạn biến. Tác Ấn này thì tất cả chúng sinh có sự sợ hãi đều được an tâm không lo sợ (Bản xưa Thiếu Chú này. Trong Bản ngày nay có Chú).

35) Thứ 35: Phòng Độc Nạn Ấn Chú:

Đem 04 ngón của 02 tay cùng cài ngược nhau, 02 ngón cái cùng dính đầu ngón, lật lòng bàn tay hướng ra ngoài. Chú là:

"Án (1) Bả_la già xả dạ diên (2) bàn đà, bàn đà (3) Sá ha (4)"

⇨ OṂ– PRAKṢĀYATI BANDHA BANDHA – SVĀHĀ.

Nếu vào núi, cốc. Tác Ấn Chú này thì tất cả rắn độc, bọ cạp, cọp sói, sư tử, các Cầm Thú độc chẳng có thể làm hại được , tất cả các loại độc cũng chẳng thể hại được.

36) Thứ 36: Cầu Thông Minh Ấn Chú:

Hai tay đem 02 ngón cái vịn trên móng 02 ngón vô danh, kèm dựng 02 ngón út cùng nắm nhau, đặt 02 ngón giữa cùng dính cạnh đầu ngón, co 02 ngón trỏ đều phụ trên vạch thứ hai của ngón giữa, sau cho đầu ngón cách nhau một thốn. Tác Ấn Pháp này đặt ngay trước trái tim, tụng **Thân Chú**.

Nếu có kẻ Độn Căn (Căn Tính ngu độn) kết tác Ấn này cúng dường cầu nguyện ắt được như ý, người ngu độn phải làm 07 ngày. Thuở xưa tại nước Pha Lê có một vị Trưởng Giả, tuy là bậc Đại Phú mà căn tính lại ngu độn, nhờ bậc Thầy y theo Pháp cầu nguyện trong 07 ngày liền được thông minh, một ngày tụng một ngàn bài kệ, tự chứng nghiệm các điều khác, chẳng thể nói hết được.

37) Thứ 37: Phá Địa Ngục Ấn:

Hai tay đều co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay sao cho chạm lưng nhau . 02 ngón cái, 02 ngón trỏ, 02 ngón út đều cách nhau nửa thốn, tụng **Thân Chú**.

Tác Ấn này thời cửa Địa ngục mở ra, chúng sinh đang chịu khổ nhất thời được giải thoát , Vua Diễm Ma La sinh tâm vui vẻ. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Từ Đại Bi vì thương xót Chúng Sinh nên nói Pháp này.

38) Thứ 38: Cầu Sinh Tĩnh Thổ Ấn:

Chắp tay để ngang trái tim, đem 02 ngón cái đều đặt dính trái tim (tụng **Thân Chú**)

Tác Ấn Pháp này, nhất Tâm tụng Chú thì tùy theo niềm vui, muốn sinh về quốc thổ của Phật nào sẽ tùy ý vãng sinh.

39) Thứ 39: Cứu Nhất Thiết Bệnh Khổ Chúng Sinh Ấn:

Đem 02 ngón giữa và 02 ngón giữa cùng móc nhau, bên phải đè bên trái, 02 ngón cái đều co trong lòng bàn tay, đem 02 ngón vô danh với 02 ngón út đè đầu 02 ngón cái, hướng lòng bàn tay vào bên trong (tụng **Thân Chú**).

Phàm tất cả nơi có bệnh khổ, vì người bị bệnh ấy mà tác Ấn Pháp này thì bao nhiêu bệnh khổ của vô lượng chúng sinh thảy đều trừ khỏi.

40) Thứ 40: Thủ Địa Trung Phục Tàng Ấn (Ấn lấy kho tàng trong lòng đất)

Hai tay đem 04 ngón đều cùng cài ngược nhau ở trong lòng bàn tay, kèm 02 ngón cái hướng xuống dưới chạm đất. Biết nơi có vật báu (Bảo xứ), tác Ấn này xong, tụng Thân Chú 108 biến thì vị Thần của bảy báu ấy một thời đều đến, tùy theo câu hỏi mà trả lời.

41) Thứ 41: Cầu Kiến (cầu thấy) **Quán Thế Âm Bồ Tát Ấn:**

Đem 02 ngón vô danh và 02 ngón út đều cùng cài ngược nhau, bên phải đè bên trái, kèm 02 ngón giữa dựng thẳng đầu ngón dính nhau, 02 ngón trỏ đều co lóng lóng thứ hai với lóng thứ ba sao cho 02 móng tay chung lưng, 02 ngón cái đè trên long 02 ngón trỏ, tụng **Thân Chú**.

Tác Ấn này xong, chí Tâm tụng Thân Chú, chuyên tâm chính niệm. Bấy giờ Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân ngay. Hành Giả nhìn thấy liền sám hối mọi tội.

42) Thứ 42: Cầu Kiến Phật Ấn Chú:

Dựa theo Ấn trước, chỉ sửa ngón giữa của tay trái co vào kẽ tay của ngón vô danh với ngón trỏ của tay phải, ngón giữa của tay phải đè trên lưng ngón giữa của tay trái. Chú là:

“Đá diệt tha (1) y lê (2) Đá lệ (3) Sá ha (4)”

𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯 𑖂𑖩𑖰 𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

⇘ TADYATHĀ: ILI TĀRE – SVĀHĀ.

Bản của Thầy Thông: “Nếu tác Ấn này, tụng Chú này mãn 10 vạn biến thì Chư Phật ở 10 phương đi đến vì Hành giả mà xoa đầu thụ ký”

Thầy Thông nói là: “**Thông** bị bệnh, trải qua 21 ngày chí cầu tác Ấn Pháp mong được xoa đỉnh thọ ký, sau đó tất cả pháp đều được thành tựu. Lúc tác Ấn này thì mỗi lúc đều có mùi thơm lạ bay đến”

43) Thứ 43: Tùy Thân Thành Tựu Mãn Túc Lục (6) Ba La Mật Ấn Chú:

Đặt ngược hai tay, chắp lại sao cho dính lưng nhau, vặn cổ tay hướng ra ngoài , đem 02 ngón cái đặt ngang lông mày (Tam tinh) hướng xuống dưới rũ buông. Liền nói Chú này:

“Đá diệt tha (1) Tát bà bồ đà gia (2) Tát bà bả-lạt thận nhạ ba la nhĩ đà duệ (3) Án (4) Hạ bà hạ bà (5) Sá ha (6) – Đá diệt tha (7) nhĩ lị, nhĩ lị, đá lị (8) Sá ha (9)”

𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖧 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖢𑖿𑖨𑖕𑖿𑖗𑖯𑖢𑖯𑖨𑖦𑖰𑖝𑖯𑖧𑖸 𑖌𑖼 𑖮𑖪𑖮𑖪 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯 𑖦𑖰𑖩𑖰𑖦𑖰𑖩𑖰 𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

⇘ TADYATHĀ: SARVA BUDDHĀYA – SARVA PRAJÑA-PĀRAMITĀYE – OṂ – HAVA HAVA – SVĀHĀ.

TADYATHĀ: MILI MILI TĀRE – SVĀHĀ.

Tác Ấn này thời khởi Tâm Bồ Đề, quán khắp tất cả chúng sinh giống như con đỏ (xích tử). Tác niệm này xong, chí Tâm tụng Chú 10 vạn biến. Do Pháp Lực này, tất cả chúng sinh thảy đều đầy đủ sáu Ba La Mật, mãn túc sở nguyện, hằng hà sa đẳng tất cả Thế Giới Chư Phật Thế Tôn thảy đều vui vẻ.

44) Thứ 44: Tùy Tâm Cụ Túc Nhất Thiết Công Đức Ấn:

Tay trái: co ngón cái vào trong lòng bàn tay, 04 ngón còn lại nắm quyền rồi đặt dính dưới nách bên phải. Tay phải cũng vậy, lại hướng đặt dính dưới nách bên trái, bên phải đè bên trái, tụng **Thân Chú**.

Tác Ấn này xong, tụng Thân Chú thời tất cả vô lượng vô biên chúng sinh thảy đều đầy đủ tất cả Công Đức.

45) Thứ 45: Tùy Tâm Thần Túc Ấn:

Trước tiên, dùng tay trái co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, lại đem ngón cái đè lên trên móng ngón vô danh, ngón giữa, duỗi mở thẳng ngón trỏ, ngón út, liền tụng **Thân Chú**.

Tác Ấn này xong, dùng xoa 2 bàn chân thì ngày đi ngàn dặm. Lúc tác Ấn này thời Địa Thần mỗi lần đem đài hoa 07 báu nâng đỡ chân của Hành Giả, kẻ phàm phu mắt thịt chẳng nhìn thấy. Có điều phải sinh tâm Đại Từ Bi cứu hộ, đừng vì cầu danh tiếng lợi dưỡng thì quyết định cảm được vạn Thần phò trợ.

46) Thứ 46: Tùy Tâm Kỳ Nguyện Ấn: (Ấn dùng của Thầy Thông**)**

Pháp Sư Thông dùng, kèm 02 bàn tay cùng nắm cạnh nhau. Dựng thẳng 02 ngón út hướng lên trên, giương ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh cùng nắm lấy nhau sao cho ngón vô danh dính cạnh nhau , đưa 02 ngón cái qua lại, tụng **Thân Chú**.

Lúc tác Ấn này thời nên khởi Thủy Đàn rộng 04 khuỷu tay, cầu tất cả nguyện thẩy đều mãn túc.

47) Thứ 47: Kỳ Nhất Thiết Nguyện Ấn:

Tay trái: co ngón cái hướng về lòng bàn tay, lại co ngón trỏ cách đầu ngón cái khoảng 4 hay 5 phân, từ ngón giữa trở xuống duỗi chung 03 ngón cùng nắm nhau. Đặt ấn nằm ngang sao cho cạnh Ấn dính trên trái tim, ngón trỏ hướng về bên phải. Tụng **Thân Chú**.

Một Pháp Ấn này, muốn cầu nguyện thời trước tiên, làm một cái **Thủy Đàn** ngang dọc khoảng 04 khuỷu tay. Treo các phướng, lọng, mọi thứ trang nghiêm. Ở trong Đàn ấy đặt riêng 04 cái chén , trong 04 cái chén ấy đều chứa một vị là Thạch Mật (mật ong), Sa Đường (đường cát), Sữa, Mật nên đựng các vật như thế mà cúng dường. Rải mọi thứ hoa, thiêu đốt hương Trầm Thủy cúng dường Tượng. Xong đối trước Tượng, chí Tâm bày tỏ sám hối; tùy theo ước nguyện ngưỡng mong cầu thỉnh. Xong rồi ở trước Tượng tác Ấn. Dùng áo Cà sa hoặc khăn sạch phủ Ấn đó. Tác Pháp xong, chí Tâm tụng Chú mãn 800 biến đừng nên duyên vào việc khác. Tùy theo việc lớn nhỏ một ngày cho đến 07 ngày, mỗi ngày 03 thời: sáng sớm, giữa trưa, chiều tối y theo Pháp trước tác Ấn ắt nguyện cầu thành tựu, ngoại trừ kẻ chẳng chí Tâm.

48) Thứ 48: Tùy Tâm Giải Nhất Thiết Quỷ Thần Kim Cương Đẳng Pháp Ấn:

Chắp 02 tay lại sao cho lưng bàn tay dính nhau, đặt ngang trái tim, hiển tướng giận dữ, chí Tâm tụng **Thân Chú** lúc trước 14 biến. Lật gấp 02 bàn tay thành Hợp Chưởng, xong lại tụng 07 biến. Tụng 07 biến xong, liền đem 02 bàn tay mở nhanh . Tác Ấn này thời hay phá tất cả người tác pháp khiến cho bao nhiêu pháp đã làm thảy đều chẳng thành.

Ấn này tức là Pháp Ấn "**Giáng Ma Thành Đạo**" của Quán Thế Âm Bồ Tát. Xin bậc Thiện Tri Thức đồng tâm đừng lưu truyền cho người chẳng cùng Căn Khí. Nếu vọng lưu truyền thì thân sẽ bị tai ương. Lại nói rằng: "Người chưa trãi qua ba Mạn Trà La Đại Pháp thì cẩn thận đừng cho nhìn thấy".

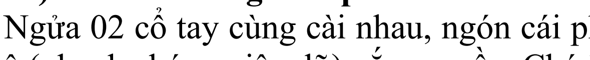
49) Thứ 49: Quán Thế Âm Bồ Tát Tùy Tâm Mẫu Đà La Ni Ấn:

Chắp 02 tay lại, đều dựng 10 ngón tay sao cho bên trong lòng bàn tay hơi để trống không và 02 cổ tay dính nhau, rồi đặt ngay trái tim. Ấn này là **Không Tâm Hợp Chưởng**. Vận Tâm đem tất cả hương hoa, cúng vật có được trong 10 phương Thế Giới dùng hết để hồi hướng Đẳng Quán Thế Âm Bồ Tát không sai khác với Tâm của Quán Thế Âm Bồ Tát, tự nhiên cúng dường rộng lớn tràn khắp.

50) Thứ 50: Tổng Nhiếp Ấn Chú:

Ngửa 02 cổ tay cùng cài nhau, ngón cái phải đè ngón cái trái, 08 ngón của 02 tay cấp nộ (nhanh chóng giận dữ) nắm quyền. Chú là:

"Án (1) Tát bà na dữu đa (2) mộ đà_la già (3) bàn đà, bàn đà (4) Sá ha (5)"



➭ OṂ– SARVA NAYOTHA-MUDRĀYA – BANDHA BANDHA – SVĀHĀ

Tổng Nhiếp Ấn Chú này hay gom nhiếp tất cả nhóm Ấn Chú. Nếu người thọ trì Chú này, hết một đời chẳng được ăn ngũ Tân, rượu thịt, Hồ Tuy, Vân Đài, đừng dâm dục, thanh tĩnh, phạm hạnh, thường niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, giữ Trai Giới, nhất Tâm tụng Chú này đủ 10 vạn biến xong sẽ diệt tội nặng của 08 vạn ức kiếp sinh tử.

Nếu mỗi ngày mới thức dậy, dùng nước sạch rửa tay, xúc miệng, tụng Chú vào áo 03 biến rồi mặc vào thời nơi đi đứng, nơi ngồi nằm chẳng hề gặp tai họa. Ác Thần nhìn thấy liền mau lìa xa trong vòng 100 bước, người ác chẳng dám làm hại.

Nếu muốn ăn thời chú vào tất cả thức ăn rồi ăn thì 444 bệnh đều được trừ khỏi, sức lực tăng gấp 10 lần, cũng tịch trừ Quỷ Thần. Nếu trước kia bị 95 loại Ma và Quỷ Thần nhập vào trong thân người hoặc nhiếp tâm thần của người chẳng cho niệm Phật, tụng Kinh. Khiến người vui nói không đâu, khiến người cống cao ngã mạn, khen mình chê người. Lúc bàn luận nghĩa lý chỉ tìm điều hơn người, muốn được lợi dưỡng và muốn được làm Thầy của người, làm Pháp Chủ, khinh mạn Kinh Tượng, tham, sân, ngu si, nằm nhiều, ngủ nhiều hoặc vui, hoặc giận thất thường. Như vậy chỉ cần chú vào thức ăn, chú vào nước uống rồi ăn uống thì các nhóm Ma, Quỷ, Thần thảy đều chạy ra và tâm lại được thanh tĩnh, trừ khởi các bệnh.

Nếu muốn đi xa thì tắm gội sạch sẽ, thân mặc quần áo sạch, tụng một Chú hộ tự thân, hai Chú hộ đồng bạn (bạn cùng đi) 03 biến đều hết 04 phương Pháp Giới Man Trà La, 05 biến thì loài 04 chân và 02 chân đều đến quy kính, 06 biến thì khi vào sâu trong rừng Thi Đà đều không sợ hãi loài quỷ La Sát hung ác, 07 biến thì tất cả chúng sinh nhìn thấy đều vui vẻ.

Nếu thân bị trúng độc trầm trọng thì chất độc ấy chẳng có thể hoạt động được. Liền sai Đồng Nữ xe chỉ làm dây rồi thắt gút, tụng Chú, chú vào gút thắt, cứ một lần kết 01 gút cho đến 07 gút, xong đem buộc vào cánh tay trên chỗ trầm trọng liền được thân nhẹ nhàng, khí lực sung mãn.

Nếu bị trúng thuốc sắp chết thì chú vào nước, rưới vảy lên thân, đầu mặt ắt khỏi ngay lập tức.

Lại có pháp: Chú vào 04 cái Thạch tử đặt ở 04 nơi trú ngụ, kết giới 04 phương cũng đều tịch trữ tất cả, muốn đi liền lấy giữ rồi đi.

Nếu đến chỗ nào bị người lăng nhục thì chú vào sợi dây trắng, chú một biến thì kết một lần, cho đến 21 lần thắt gút ắt người kia tự hôn mê chẳng có thể tiến tới trước. Tác pháp thì xa lìa được người ác ấy cho đến cả giặc cướp ác, khi đi xa rồi thì chú 01 biến cởi bỏ 01 gút kết, cỡi bỏ hết 21 gút kết xong thì kẻ kia mới hồi phục như cũ.

Nếu chẳng có thể giải được tội, hoặc không có sợi dây trắng thì dùng giải áo, cỏ… cũng được.

Nếu có người ác khinh chê Pháp, lại có tâm ác, lời nói ác, tính ác, hành động ác . Lấy tóc của kẻ ấy chú vào rồi ném vào trong lửa thiêu đốt thì người ấy bị tất cả mọi người dùng mắt hung ác mà nhìn. Chẳng giải liền thương hại đến mạng.

Nếu gặp các nhọt ác thì chú vào đất sạch, hòa với nước rồi bôi lên nhọt, liền khỏi . Gân thịt bị sưng phù lên cũng làm như vậy.

Lại có Pháp dùng cây có nhựa trắng (Bạch Trấp) thiêu đốt. Lấy hai loại gạo cánh và hạt mè hòa nhau giã quết rồi lấy chút ít chú vào, cứ 01 biến ném vào 01 lần trong lửa thiêu đốt, cho đủ 1008 biến . Một ngày làm 03 thời thì tự thân được gia tăng sắc lực (sắc đẹp và sức mạnh).

Lại có Pháp: lúc mặt trời chưa mọc, và sau lúc mặt trời lặn . Dùng tay trái nắm lấy cám nhỏ của gạo cánh rồi chú vào, cứ một chú ném một lần vào lửa thiêu đốt, mỗi một lần đều xưng tên họ. Như vậy làm 07 đêm, mãn 1008 biến thì tùy theo sở niệm của tâm, nam nữ đều vui vẻ yêu thích.

Lại có Pháp: lấy hạt cải trắng, cứ 01 hạt chú vào ấy 01 biến rồi ném vào lửa thiêu đốt. Như vậy mãn 1008 biến ắt Hạt La xà ba nhĩ (Rājapati: Vương Chủ) vui vẻ kính tin. Các Phi Chủ còn lai cũng đồng theo cách này. Tất cả việc thiện mong cầu đều được tốt lành , có điều chẳng được sinh tâm tham trước. Nếu khởi tâm tham trước mà làm thì Pháp chẳng thành.

Lại có pháp: Lấy Quân Đổ Lỗ Hương (tức Huân Lục Hương) chú 03 biến rồi một lan ném vào lửa thiêu đốt. Tác Pháp vào 03 lúc: sáng sớm, giờ Ngọ, mặt trời lặn, như vậy mãn 07 ngày sẽ được mọi thứ tài bảo quy về.

Lại có Pháp: chú vào hương hoa 03 biến rồi ném vào trong lửa thiêu đốt, một ngày làm 03 lần. Như vậy mãn 07 ngày thời được y thường (quần áo).

Lại có Pháp: vào ngày 08 của kỳ Bạch Nguyệt, trì Trai ở nơi thanh tĩnh, chú vào một cánh cơm gạo cánh, cứ 01 lần chú 01 lần ném vào trong lửa thiêu đốt. Như vậy mãn 1008 biến ắt Ngũ Cốc trong nhà thường dư dả không bị thiếu hụt.

Lại có Pháp: chú vào rễ Xương Bồ 108 biến rồi ngậm trong miệng, ắt tất cả nơi ngôn luận với nơi trình bày lý lẽ ở quan phủ hoặc nơi đấu tranh thảy đều thắng kẻ khác.

Lại có Pháp Triệu: lấy An Tức Hương hòa với dầu làm thành viên, mỗi viên chú vào 01 biến rồi ném vào lửa thiêu đốt . Như vậy mãn 1008 biến ắt tất cả **Ma Ha Đề Bà** (Mahā-deva: Đại Thiên) Đại Quỷ Vương với tất cả Quỷ Thần dưới quyền không có ai không quy phục.

Lại có Pháp: dùng cây Thọ Vương lúc trước làm củi thiêu đốt, mau mau chú vào Hùng Hoàng ném vào trong lửa thiêu đốt. Lửa ấy biến thành màu vàng ròng cũng như màu thuốc. Như vậy 07 ngày thì được vàng để dùng. Lại nói rằng: “Chỗ có thuốc này thành vàng vậy”. Liền lấy sữa màu đỏ của con bò có con nghé cũng màu đỏ, khiến Đồng Nữ nặn sữa làm thành Lạc, làm Sinh Tô quết lên thuốc rồi đặt vào trong lửa, để nguội rồi cắt từng khúc mà dùng. Đây gọi là Bí Pháp chẳng có thể vọng truyền . Lúc mua thuốc này chỉ nói một lời rồi lấy . Lại nói rằng: “chẳng được trả giá cao thấp. Nếu y như thói thường (thường pháp) tranh mua cao thấp thì làm Pháp chẳng thành”.

Lại có Pháp: chú vào rễ Xương Bồ 1008 biến, thường buộc trên cánh tay rồi đi ắt tất cả Quỷ ác chẳng có thể xâm tổn.

Lại có Pháp: chú vào rễ Xương Bồ 1008 biến, cầm cho Quý Nhân liền được tài vật.

Lại có Pháp: muốn được cầu tài, lấy An Tức Hương làm hột nhỏ, chú biến 01 lần ném vào trong lửa thiêu đốt. Như vậy mãn 1008 biến làm đủ 07 ngày.

Lại có Pháp: lúc Dịch khí lưu hành, 04 phương thành ấp đều có người bị bệnh. Tùy chọn một nơi làm Đàn Trường có 04 bờ rạch đều rộng khoảng 01 mũi tên. Ở trong ban đêm làm phép. Ban ngày 03 lần rải thức ăn, ban đêm cũng dùng Bạch Trấp làm củi để nhóm lửa, chú vào sữa bò, cứ 01 biến 01 lần ném vào trong lửa đốt. Như vậy mãn 1008 biến rồi đi đến bên cạnh người bị bệnh dịch ắt mọi bệnh đều được trừ khỏi. Nếu hay vận Tâm vòng khắp liền làm cho Địa Giới của 01 nước được nhờ ân.

Lại có Pháp: sáng sớm thức dậy, tùy theo Tâm tùy tiện bày biện cúng dường vừa sức, xong chỉ ở trước tượng Phật, chí tâm tụng Chú mãn 10 vạn biến rồi đi, chẳng cần phải làm Pháp khác thì tất cả nguyện cầu chỉ cần chí tâm tụng Chú thì sẽ không có gì không vừa ý. Hết thảy Cấm Chú của tất cả Ngoại Đạo, dùng Chú này chú thì đều phá chẳng cho thành vậy.

Lại có Pháp tác Chú: có mọi thứ việc chướng nạn khởi chẳng đúng thời. Lấy cây Tử Đàn, lấy Tiểu mộc Đinh Tử, lấy A Xoa Lợi Thảo Tử làm dầu, Đại Hữu của đất này nên hỏi Hồ Tăng, xoa tô một cây đinh, cứ Chú một biến thì ném vào trong lửa thiêu

đốt, mãn 1008 biến trải qua 03 ngày ắt Tỳ Na Dạ Ca, loài Quỷ gây chướng nạn đều bỏ đi xa.

Lại có Pháp: lấy lớp da mà rắn đã lột bỏ, hòa với tro rồi đem đốt cũng khiến cho Oan Gia bỏ đi.

Lại có Pháp: chú vào tóc người rồi thiêu đốt ắt khiến cho oan gia nam chẳng ra nam, nữ chẳng ra nữ, lại khiến cho mọi người mắt ác nhìn.

Lại có Pháp: Nếu phụ nữ khó sinh, lấy dầu sạch chú vao 03 biến rồi xoa lên Sản Môn thì dễ sanh đứa bé.

Lại có Pháp: muốn được kẻ đứng hầu bên phải bên trái của Đại Tự Tại Thiên thuận với ta. Lấy một miếng Bạch Giao Hương, cứ chú 01 biến 01 lần ném vào lửa thiêu đốt, cho đến 1008 biến thì chẳng dám trái nghịch với sự yêu cầu.

Lại có Pháp: Thọ 08 Tế Giới, 01 ngày 01 đêm mặc quần áo sạch, xoa tô đất làm Đàn Trường, dùng lượng của mũi tên làm phương tiện. Như trước bày thức ăn, lấy cây non đang sống của Đại Mạch, đủ 1008 thân cây, chú 1008 biến vào 06 cái lá nhỏ mới mọc của cây dương liễu, làm hình tượng con người, cắt từ đầu cho đến chân đủ 108 đoạn, rồi Hành Tụng đừng để đứt một phần nào. Liền chú 07 biến rồi ném vào trong lửa, cho đến 108 đoạn. Tức dùng tay trái duỗi ra xông lên khói . Khi đã hết thứ ném vào trong lửa thì dùng tay đã xông ướp nắm quyền . Tùy theo ý lựa chọn: hảo gia (nhà có lòng tốt) muốn họ đến thuận theo. Tùy nơi người tốt, liền dùng mắt mình nhìn vào mặt họ rồi buông quyền ra sẽ khiến họ tùy thuận chẳng dám làm trái với sự yêu cầu của mình.

Lại có Pháp: Đạo Trường như trước, tắm gội sạch sẽ, chọn lấy cành cây có nhựa trắng (Bạch Trấp) rĩ ra làm củi, Chú vào rồi nhóm lửa. Một ngày 03 thời đem Huân Lục Hương ném vào trong lửa, cho đến 1008 lần liền được 01 văn tiền vàng. Mỗi một thời Chú 1008 biến cho đến 07 ngày thì tùy ý mà dùng.

Lại có Pháp: Đạo Trường như trước, đến bên bờ sông, lấy hương hoa thanh tĩnh, cứ một lần Chú 01 lần ném vào trong lửa cho đến 1008 biến. Tác xong liền được ít nhiều quần áo vừa ý.

Lại có Pháp: Đạo Trường tác pháp như trước, lấy hạt Hồi Hương, rễ Thiên Môn Đông, Bạch Xương Bồ, hạt cải trắng, Đại Mạch với số lượng bằng nhau, hòa chung một chỗ rồi đặt trong một cái bình sạch, mỗi ngày 03 thời, mỗi một thời chú 21 biến, trãi qua 49 ngày xong, sau đó, bao nhiêu Thượng Nhân đều được tùy thuận theo mình.

Lại có Pháp: muốn được lúa gạo vô tận. Lấy một nắm lúa nếp, cây có nhựa trắng ném vào trong lửa thiêu đốt, Chú đến 1008 biến liền được.

Lại có Pháp: Vì người khác làm Công Đức, tùy ý tất cả đều nên thỉnh tất cả Chư Phật gia hộ sẽ được tịnh khẩu .Tụng Chú này. Chú là:

“Nam mô bà đế tra (1) Na lợi đế tra (2) Sá ha(3)”

𑖡𑖦 𑖪𑖭𑖰𑖬𑖿𑖙 𑖡𑖯𑖨𑖰𑖬𑖿𑖙 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

*) NAMO VASIṢṬHA NĀRIṢṬHA – SVĀHĀ

Tụng cũng 21 biến . Phàm muốn tụng Chú tác Pháp, nên dùng ngày 08, ngày 14, ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt mà làm thì tất cả đều thành tựu.

Hành Pháp Chú này phải ăn Đại mạch, sữa, mè hoặc dùng nước hòa với Đại Mạch nấu mì, hoặc thuần quả trái, hoặc chỉ khất thực như người tu Thiền, hoặc chẳng ăn. 07 loại như thế chỉ ăn được một loại, chẳng được ăn tạp. Một ngày 03 thời tắm gội mặc áo sạch màu trắng chẳng được dùng Chú Pháp bất chính. Như vậy, Chú một biến thì hộ thân của mình, 02 biến thì hộ thân kẻ khác, 03 biến thì làm Giới Trường, 04 biến tùy mình tự tưởng làm Giới Tưởng và loài oán ác chẳng thể vào, 05 biến thì loài 02 chân loài 04 chân đều bị Chú đánh ngã, 06 biến được vào rừng Thi Đà, 07 biến thì chúng sinh yêu mến chẳng khởi niệm ác với mình.

Lại có Pháp: lấy chỉ màu xanh, chú 01 biến thì gút 01 gút, như vậy 07 gút thì cột dưới rốn quấn quanh eo lưng của thân mình thời trừ được bệnh trĩ và bệnh kiết lị. Buộc ở cổ thì trừ được tất cả các bệnh. Người bị thuốc độc, Chú vào cũng trừ khỏi. Nếu có người bị chết, chú vào nước rồi rưới vảy lên liền sống lại. Nếu bị gánh trách nhiệm của người khác, lấy 01 bụm nước, Chú vào bảy biến rồi tự uống, chú vào kẻ bị gánh trách nhiệm thì người bị chết liền sống lại. Nếu chẳng đứng dậy được thì Chú 14 biến liền đứng dậy, cho đến bị hại bởi chất độc của Đức Xoa Ca Long Vương thì cũng khỏi ngay.

Lại lấy Xương Bồ, Chú 07 biến rồi buộc ở khuỷu tay liền được thắng (vượt hơn) ngay tại chỗ.

Chú vào sợi chỉ 07 biến rồi đeo trên cánh tay thì kẻ khác tự hợp các chất độc đem đưa cho ta cũng chẳng thể làm hại được. Tất cả người nhìn thấy chẳng dám đánh, nếu bị độc của người khác cũng có thể trừ khử được.

Chú Đa La này được tất cả chúng sinh cung kính . Ở trong Tĩnh Thất đặt Tượng Quán Thế Âm. Treo hoa sen, phướng, lọng, đốt Trầm Thủy Hương; 01 ngày 01 đêm hành đạo, tụng Chú 7000 biến đừng để cho tâm bị tán loạn. Nếu muốn diệt tội, ở trước Tượng quỳ dài xưng niệm, dùng hương hoa cúng dường, tụng 1000 biến sẽ diệt tội nặng trong vạn kiếp Sinh tử. Tụng Chú, chú vào tất cả người bệnh thì họ liền khỏi.

Nếu muốn **Văn Trì** (nghe giữ) chẳng quên, lấy Xương Bồ lột bỏ da, khắc ghi từng lóng. Thoạt tiên dùng tay nắm lấy, tụng Chú 40 biến xong đặt giữa ống chân của tượng Quán Thế Âm, Hành Đạo một vòng tụng một Chú, chú 30 biến thì chéo tay lấy một lóng, liền ra cửa chẳng cần nhiều lời. Như vậy mỗi ngày 01 lần như trên trải qua 40 ngày cho đến hết lóng cây liền được Văn Trì. Hãy cẩn thận, chẳng được nhìn thấy Tang Hiếu khóc than . Nếu nhìn thấy liền bị mất.

Nếu muốn thấy Quán Thế Âm Bồ Tát. Ở trong Tĩnh Thất, dùng đất màu vàng làm Đàn, trên Đàn đặt một chén đèn; đèn được thắp bằng bơ. Lại lấy cái chén bằng bạc đựng Thạch Mật hoặc nước sạch, bên trên rải hoa hồng che phủ. Tắm gội sạch sẽ, kiên trì Trai Giới, ở trong thất tụng 1000 biến thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền đến, ắt nhìn thấy hào quang, tướng lạ. Tùy theo cầu nguyện điều gì, Ngài liền ban cho.

Lại có Pháp: chú vào roi ngựa với cây gậy, 03 lần vạch trên đất thì mặt đất sẽ tuôn nước.

.) Quân Đỗ Lỗ Hương (tức là Huân Lục Hương)

.) **Đà La Ni Nhiếp (11) tróc tương lai, phộc (5) lặc (6) lực (6) Sá ha.**

.) Chú này tùy Tâm dùng nhiếp Quỷ. Một Ấn này, sư **Trí Thông** ở nơi Thầy Tam Tạng **Huyền Trang** Pháp Sư gần gũi thọ nhận. Thầy Tam Tạng biết Ấn Quyết này nên truyền cho sư Trí Thông.

.) Ở nước Trung Thiên Trúc có Trường Niên (? Trưởng lão) **Bạt Tra Na La Diên** và nước Kế Tân có Sa môn **Hạt La Na Tăng Già** đồng ở 03 Mạn Trà La Hội thọ trì Pháp này. Sau đó nhận Sắc Triệu vào Kinh. Lại có Tăng Trí Thông ở Chùa Đại Tổng Trì nghe giải phiên dịch, cùng với 10 vị Đại Đức cầu xin Ấn Pháp này để lưu truyền phiên dịch. Thầy Thông y theo làm Đàn, trải qua 49 ngày như Pháp thọ trì, nguyện đều mãn túc, uy lực đã khác với ngày thường, cũng chẳng dám lưu truyền ở đời. Cũng có 100 vị Tăng tụng Chú Sư ở bên cạnh Thầy Thông cầu học Pháp này mà rốt ráo chẳng hành. Số người được Ấn Pháp chẳng quá 03 vị. Thầy Thông tác Pháp này thì Quán Thế Âm Bồ Tát tự hiện thân, từ bên ngoài chẳng có thể thuật đủ. Y theo Phạn Bản dịch ra, tổng cộng có 47 món. Về sau người đồng hành thỉnh y Pháp tôn sùng. Chú Văn tuy ít mà Công Đức thì nhiều, rộng nói hết kiếp cũng chẳng nói hết được.

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÙY TÂM CHÚ KINH (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 17/06/2012

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT ĐÁT PHỘC ĐA LỊ TÙY TÂM ĐÀ LA NI KINH

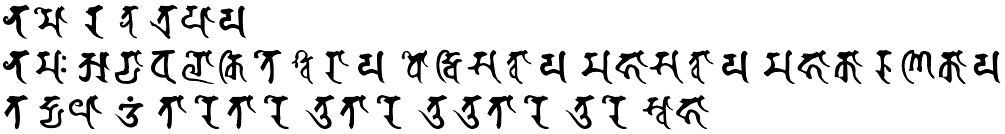
Hán dịch: Đời Đường- Chùa Tổng Trì _ Sa Môn TRÍ THÔNG
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe: Một thời Đức Bạc Già Phạm ngự tại Thế Giới Cực Lạc. Bấy giờ Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát đi đến nơi Phật ngự rồi bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Con có **Tùy Tâm Tự Tại Tâm Vương Đà La Ni** hay vì tất cả chúng sinh đời vị lai làm lợi ích lớn.

Thế Tôn! Nếu có Bật Sô, Bật Sô Ni, Ưu Bà Tắc, Ô Bà Tư Ca thọ trì Đà La Ni này sẽ mau chóng thành tựu Tam Ma Địa Môn, mau chóng thành tựu các Đà La Ni Môn, khiến cho nghiệp chướng của vô lượng vô biên Thế Giới đều được thanh tĩnh, tăng trưởng căn lành, gom chứa vô lượng vô biên tư lương Phước Đức, hay sinh vô lượng vô biên Trí Tuệ, hay vượt qua cảnh giới Thần Thông vào phương tiện, khéo tăng đầy đủ sáu Ba La Mật. Tăng trưởng: Sức lực, Vô Sở Úy, 18 Bất Cộng của tất cả Bồ Tát; Thánh Đế, Thần Túc, Căn, Lực, Giác Đạo của La Hán ; được Định Duyên Giải Thoát Tam Muội Tam Ma Bát Đề. Hay khiến cho bậc Kiến Giả, Thanh Văn, Duyên Giác chứng nơi Phật Địa…thành tựu Trí Tuệ, sức Uy Đức đã tu. Thành tựu thông minh, Phước Đức, cát tường. Siêng tinh tiến Kinh Hành cho đến đầy đủ Biện Tài, bay trên hư không, ẩn hình tự tại, địa vị của Trì Chú Tiên. Đầy đủ niềm vui của Thế Gian, nhiều tiền của giàu có. Thành tựu Hiền Bình, Như Ý, An Thiện Na. Chữa trị tất cả bệnh đau nhức, Quỷ Mỵ đều hay trừ khỏi. Tiêu diệt tai dịch, hay thành tất cả việc lành, hay diệt tất cả tội chướng, khéo hay thành tựu vô lượng vô biên Đà La Ni Tam Muội, được Pháp Yếu tối thắng rộng lớn"

Liền nói Đà La Ni là:

1_ Nẵng mô la đát-na đá-la dã gia
2_ Nẵng mô a lị-gia
3_ Phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la gia
4_ Mạo địa tát đát-phộc gia
5_ Ma ha tát đát-phộc gia
6_ Ma ha ca lô ni ca gia
7_ Đát nễ-dã tha
8_ An , đa lị, đa lị. Đốt đa lị
9_ Đốt đốt đa lị, đốt lị
10_ Sa-phộc ha



NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

TADYATHĀ: OṂ _ TĀRE TĀRE TUTTĀRE TUTUTĀRE TURE _ SVĀHĀ

Thế Tôn! Pháp Đà La Ni này thường làm nơi cúng dường, cát tường, ca ngợi lễ bái của tất cả hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Đạt Bà, A Tô La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Bộ Đa Na, Tất Xả Đa, Câu Bàn Trà, La Sát Sa, 7 Diệu, chư Bật Đạt Na, Tỳ Na Dạ

Ca… Thường làm cho Phạm Vương Hộ Thế, các Tiên Chúng, Thành Tựu Đà La Ni Tiên cúng dường tùy hỷ tin nhận gia trì đắc được Phạm Hạnh thanh tịnh. Xưng tán, cung kính, tôn trọng, cúng dường, tất cả điều Thừa Sự đều khiến cho mãn túc"

_Khi ấy Quán Thế Âm Bồ Tát lại nói Pháp **Thọ Trì** :

Nếu có người thọ trì Đà La Ni này, cần phải tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới sạch, thọ Luật Nghi, trụ vào Tâm Từ. Dùng Đại Bi, Ý lạc (niềm vui của ý), lời chân thật trừ bỏ tham lam trái lẽ. Đối với chúng sinh, sinh Tâm lợi ích. Ý vượt trội an vui, buông bỏ tâm Sân Dục. Thường nên ghi nhớ đừng để cho cắt đứt, tác cúng dường rộng lớn. Ở trước Tượng Quán Tự Tại Bồ Tát rải hoa, hương bột, vòng hoa, dầu thơm, phướng, phan, lọng báu trang nghiêm. Ở trước tượng Bồ Tát, một lòng bền chắc sinh Ý tin hướng về **Quán Tự Tại Đa Lị Tùy Tâm Đà La Ni**, mỗi ngày tụng 1008 biến chẳng để gián đoạn. Mãn 30 vạn biến xong thì tất cả việc đã làm đều được thành tựu, gom chứa Công Đức, chẳng bị nước lửa cuốn thiêu, tất cả việc độc ác chẳng thể xâm hại được.

Nếu vì bốn Chúng mà nói Pháp đều nên đốt hương, tụng Đà La Ni này 7 biến thì hay khiến cho điều nói ra được thông lợi không có chướng ngại, biện tài không sợ hãi. Lại khiến cho mọi việc Chú Trớ, tất cả Yểm Mỵ của tất cả Thiên Ma, Ngoại Đạo chẳng thể gây hại được, tăng trưởng thọ mệnh, hết thảy nguyện cầu tùy tâm đều được.

Người tu Chân Ngôn nên biết như vầy: Mỗi mỗi y theo lúc trước, mỗi khi vào Đạo Trường nên ở trước Tượng, ngồi Kiết Già rồi tác Gia Trì, kết **Liên Hoa Căn Bản Ấn**, tụng Chân Ngôn lúc trước, tùy theo Phạn Âm của tình hình thực tại mà cúng dường, âm thanh điều hòa như từ trong miệng Bản Tôn tuôn ra nhập vào trong thân của Hành Nhân. Ở trước Tòa ấy nên quán có hoa sen lớn, trên hoa tưởng có chữ **Đổ-long** (: TĀṂ) chữ ấy biến thành hoa sen màu xanh cho đến biến thành Đa Lợi Bồ Tát (Tārā-bodhisattva) với mọi thứ trang nghiêm, trên mão báu có **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-rājāya Tathāgata), tay trái cầm hoa sen xanh để ngay trên trái tim, tay phải ban cho các nguyện không sợ hãi. Lúc tụng niệm thì nên Quán như vậy. Chữ Chân Ngôn của Bản Tôn ấy ở trong vành trăng trong sạch xoay vòng bên phải như búi tóc giống như hạt châu thủy tinh bày ngay trong cái gương sáng. Ánh sáng tỏa chiếu trong ngoài rõ ràng, âm thanh như rung chuông đừng để bị cắt đứt, chẳng chậm chẳng gấp khiến vừa đủ nghe. Điều hòa hơi thở ra vào, an tường khảo xét ghi khắc. Như vậy mãn 30 vạn biến liền được thành tựu, các nguyện như ý. Khi ấy Quán Tự Tại Bồ Tát liền ở trong mộng thị hiện thân Tỳ Khưu, hoặc thân Bà La Môn, hoặc thân đồng nam đồng nữ, hoặc hiện thân quốc vương, hoặc hiện thân đại thần, hoặc hiện thân trưởng giả cư sĩ khen ngợi rằng: "Lành thay! Lành thay Đại Sĩ! Ngươi đã hay nhiếp hộ Giáo Pháp. Sở nguyện thành tựu của ngươi muốn được mong cầu như thế nào ?". Lúc đó Hành Giả đã tu nguyện gì cần phải mói ra, liền được thành tựu tất cả quả báo cát tường.

_ ẤN PHÁP THỨ HAI:

1_ Tổng Nhiếp Thân Ấn thứ nhất:

Hai tay đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều hướng ra ngoài cài chéo nhau rồi chắp tay lại, bên phải đè bên trái, ngón trỏ nắm dính lưng bàn tay, hai ngón cái đều kèm đứng song song dính nhau. Chú là:

Tụng Chú lúc trước 7 biến, tùy Tâm sở tác đều được thành tựu

2_ Triệu Thỉnh Ấn thứ hai:

Đem tay phải hướng về phía trước nắm cổ tay trái, đặt trên đỉnh đầu, đưa 4 ngón của tay trái qua lại. Chú là:

"Án, tát bà bồ đề tát đỏa phộc gia, di hê yên hê, sa phộc ha"

OṂ_ SARVA BODHI-SATVĀYA EHYEHI SVĀHĀ

Ấn Chân Ngôn này. Thiêu đốt An Tất Hương, tụng 7 biến, thỉnh Bồ Tát liền đến. Về sau muốn tụng **Đa Lợi Tâm Chân Ngôn**, trước tiên tác Pháp này

3_ Liên Hoa Đài Ấn thứ ba:

Hai tay cùng hợp nhau, ngửa lòng bàn tay hướng lên trên, các ngón đều hơi co như hình hoa sen hé nở. Liền tụng Chân Ngôn là:

"Án, Tát bà bả la tỵ sắt-tra bồ đà na, sa-phộc ha"

OṂ_ SARVA PRATIṢṬA BODHĀNĀṂ SVĀHĀ

Chân Ngôn Ấn này hay khiến cho vô lượng Bồ Tát đều đến tập hội

4_ Hoa Ấn thứ tư:

Tay phải: Đem ngón cái vịn trên móng ngón vô danh, co thẳng 3 ngón còn lại. Lại đem tay trái phụ bên dưới tay phải. Chân Ngôn là:

"Án, tát bà bả gia, bố sắt bà già gia, sa-phộc ha"

OṂ_ SARVA PĀYA PUṢPAYĀYA SVĀHĀ

Chân Ngôn Ấn này hay cảm được 8 Bộ Trời Rồng đều đến cúng dường.

5_ Hương Thủy Ấn thứ năm:

Hai tay đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều nắm ngón cái như Quyền pháp. Hợp cổ tay để 2 ngón trỏ cùng dính nhau. Tụng Chân Ngôn là:

"Án, tát bà ô đà ca gia la xà, sa-phộc hạ"

OṂ_ SARVA UDAKĀYA-RĀJA SVĀHĀ

Chân Ngôn Ấn Pháp này cúng dường hằng hà sa chư Phật Bồ Tát

6_ Hộ Thân Ấn thứ sáu:

Trước tiên chắp hai tay lại, co ngón út sao cho móng ngón chung lưng, 2 ngón cái phụ 2 ngón trỏ, 3 ngón còn lại hợp đầu ngón cùng trụ nhau. Hơi mở lòng bàn tay rồi đặt trên đỉnh đầu, đưa ngón trỏ qua lại. Chân Ngôn là:

"Án, a lị đa lị, đô đa lị, đô lị, tứ lan noa dạ, yết la tỳ, la xoa la xoa mãng, tát bà đột bệ-dã, tát bổ bá đạt la tỳ bệ-dã, sa-phộc hạ

OṂ_ ĀRYA-TĀRE TUTTĀRE TURE HIRAṆYA-GARBHE RAKṢA RAKṢA MĀṂ _ SARVA DUḤKHEBHYAH SARVA UPADRAVEBHYAḤ SVĀHĀ

Chân Ngôn này tụng mãn 10 vạn biến, giáng phục tất cả **Cổ Đạo** (đường lối xấu ác), trừ tất cả bè nhóm của các Ma và Ngoại Đạo khiến chúng chẳng thể gây hại và dùng Hộ Thân. Lại tác Ấn này, tụng Tâm Chân Ngôn lúc trước, ở trước Tháp Xá Lợi, chí Tâm tỏ bày sám hối thì tiêu diệt được mọi tội.

7_ Khẩu Ấn Chân Ngôn thứ bảy:

Dựa theo Tâm Ấn lúc trước, chỉ sửa 2 ngón cái, co vào trong lòng bàn tay và đè trên lóng 2 ngón út. Chân Ngôn là:

“Án, tỳ bà thí già già, sa-phộc ha”

OṂ_VIPAŚIYĀYA SVĀHĀ

Chân Ngôn Ấn này ấn lên miệng, tụng Chân Ngôn thời trừ được tất cả tội chướng của Khẩu Nghiệp.

8_ Đại Sám Hối Ấn Chân Ngôn thứ tám:

Trước tiên tay phải: Đem ngón cái vịn trên móng ngón giữa, duỗi thẳng 3 ngón còn lại. Tay trái cũng vậy, đem ngón cái phải đè trên ngón cái trái để ngay trước trái tim. Chân Ngôn là:

“Án, tát bà bồ đà mạo địa tát đa-phộc gia, sa-phộc ha”

OṂ_ SARVA BUDDHA BODHI-SATVĀYA SVĀHĀ

Ấn Chân Ngôn Sám Hối này hay trừ tất cả nhóm Nghiệp Chướng, hết thảy tội đều tiêu diệt

9_ Truy Hoán Nhất Thiết Đại Lực Quỷ Thần Thiên Long Bát Bộ Ấn thứ chín:

Đem tay phải đè trên lưng tay trái, hướng 4 ngón xuống dưới cùng cài chéo nhau, đưa 4 ngón của tay phải qua lại. Chân Ngôn là:

“Án, câu lỗ đà, tát bà đề bà gia, sa-phộc ha”

OṂ_ KRODHA SARVA DEVĀYA SVĀHĀ

10_ **Đại Kết Giới Tịch Trừ Tần Na Dạ Ca Ấn Chân Ngôn** thứ mười:

Đem ngón vô danh phải cài ngược trên lưng ngón vô danh trái, ngón cái phải móc lấy ngón út trái ở trong lòng bàn tay trái đè trên móng ngón trỏ, ngón giữa,ngón vô danh của tay trái. Ngón trỏ phải và ngón út trái cùng dính đầu ngón. Ngón cái phải đè trên lưng ngón giữa trái, vặn cổ tay phải. Chân Ngôn là:

“Án, tát bà dược xoa, la sát sa na, bàn đà bàn đà, sa-phộc ha”

OṂ_ SARVA YAKṢA RĀKṢASANĀṂ BANDHA BANDHA SVĀHĀ

11_Tùy Tâm Ấn Chân Ngôn thứ mười một:

Dựa theo Ấn Kết Giới lúc trước chỉ sửa ngón trỏ phải và ngón út trái cùng cách nhau khoảng bảy thốn. Tác Ấn này, tụng **Tùy Tâm Chân Ngôn** lúc trước thì ước nguyện đều đạt được

12_ Độ Ma Vương Ba Tuần Nhập Đạo Ấn thứ mười hai:

Tay phải: đem ngón giữa, ngón vô danh cùng co dính ngay trong lòng bàn tay, dựng thẳng ba ngón còn lại, duỗi lòng bàn tay hướng về lồng ngực. Tay trái cũng vậy đưa lòng bàn tay hướng ra ngoài. Tác Ấn này thời **Ba Tuần** (Māra-papiya) thống lãnh các Đồ Chúng đều mộ nhập vào Đạo, đỉnh lễ dưới chân. Tụng **Bản Chân Ngôn** lúc trước.

13_ Giáng Phục Ngoại Đạo Lục Sư Ấn thứ mười ba:

Dựa theo Ấn trước chỉ sửa ngón cái vịn trên móng ngón vô danh và ngón giữa. Tác Ấn này thời Lục Sư quy phục. Cũng tụng **Bản Chân Ngôn**

14_ Bồ Tát Ngũ Nhãn Thanh Tịnh Chân Ngôn Ấn thứ mười bốn:

Hai tay đem 2 ngón cái vịn 2 ngón trỏ, kèm cứng 2 ngón giữa sao cho đầu ngón dính nhau, 2 ngón vô danh đè trên móng 2 ngón út. Khiến mở chính giữa rồi đặt trên vầng trán. Chân Ngôn là:

"Án, tát bà chước sô, đà la già la gia, sa-phộc ha"

𑖌𑖼 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖓𑖎𑖿𑖬𑖲 𑖝𑖯𑖨𑖯𑖕𑖿𑖪𑖩𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ SARVA CAKṢU TĀRĀ-JVALĀYA SVĀHĀ

Tác Ấn Chân Ngôn này thời được nhìn thấy chúng sinh trong sáu nẻo xa lìa khổ được giải thoát

15_ Thí Cam Lộ Ấn thứ mười lăm:

Tay trái đem ngón trỏ và ngón cái cùng vịn nhau, dựng thẳng ba ngón còn lại hướng ra ngoài. Lại rũ bàn tay phải hướng xuống dưới, duỗi thẳng năm ngón. Pháp **Thí Cam Lộ** này khiến cho chúng sinh trong 6 nẻo thảy đều no đủ được giải thoát. Cũng tụng **Bản Chân Ngôn**.

16_ Phòng Nạn Ấn thứ mười sáu:

Tay phải: ngón cái cài cạnh sườn bên phải ngón giữa, hướng về phía sau, 4 ngón còn lại nắm quyền. Tay trái cũng vậy, hướng về phía trước Nộ Tý (cánh tay giận dữ) . Tác Ấn này xong, tụng Chân Ngôn là:

"Án, tát bà đồ sắt-tra gia, sân đà sân đà, sa-phộc ha"

𑖌𑖼 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖟𑖲𑖬𑖿𑖘𑖯𑖧 𑖔𑖰𑖡𑖿𑖟 𑖔𑖰𑖡𑖿𑖟 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ SARVA DUṢṬĀYA CCHINDA CCHINDA SVĀHĀ

17_ Tự Tại Ấn Chân Ngôn thứ mười bảy:

Hai tay trái phải cùng cài ngược 4 ngón với nhau, lại để 2 ngón trỏ dính nhau, 2 ngón cái cách nhau hướng lên trên dựng thẳng. Chân Ngôn là:

"Án, tát bà bồ đà đá la gia, ma la gia, sa-phộc ha"

𑖌𑖼 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠 𑖝𑖯𑖨𑖯𑖧 𑖤𑖩𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ SARVA BUDDHA TĀRĀYA BALĀYA SVĀHĀ

18_ Tam Muội Ấn thứ mười tám:

Ngồi Kiết Già ngay thẳng, đem lòng bàn tay trái đỡ lưng bàn tay phải cùng đè nhau để ngang trái tim, tụng **Tâm Chân Ngôn** lúc trước, liền được hay nhập vào **Diệt Tận Thiền Định Tam Muội**

19_ Triệu Diễm Ma Thiên Vương Ấn thứ mười chín:

Đem 2 ngón út cùng móc ngược nhau, bên phải đè bên trái. Co 2 ngón giữa 2 ngón vô danh đều đè trên móng 2 ngón cái. Dựng thẳng 2 ngón trỏ cách nhau 5 thốn, đưa ngón trỏ qua lại. Chân Ngôn là:

"Án, tát bà diễm ma la diệm, đệ tỳ-gia, sa-phộc ha"

𑖌𑖼 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖧𑖦 𑖨𑖯𑖕𑖯𑖟𑖸𑖪𑖿𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ SARVA YAMA-RĀJĀ-DEVYA SVĀHĀ

Tác Chân Ngôn Ấn này thời muốn biết tội nhân có số lượng nhiều ít, hỏi họ tên người ấy thì vua (Diêm La) tự áp lãnh các Quan từ hư không đi đến báo đầy đủ cho Hành Nhân biết

20_ Triệu Tứ Thiên Vương Ấn Chân Ngôn thứ hai mươi:

Hai tay đem 4 ngón cùng cài ngược nhau. Co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay khiến che dấu đầu ngón, đưa ngón trỏ qua lại. Chân Ngôn là:

"Án, tát bà đề bà, yết la ha na, sa-phộc ha"



OṂ_ SARVA DEVA GRAHĀNĀṂ SVĀHĀ

Tác Ấn này thời 4 vị Thiên Vương cùng đến một lúc, Hành Nhân hỏi việc của 4 thiên hạ thảy đều cho biết.

21_ Thanh Tĩnh Trì Giới Ấn thứ hai mươi mốt:

Quỳ gối phải sát đất , ngẩng đầu hướng lên trên, chắp tay ngang trái tim, lại đem 2 ngón trỏ đè lóng thứ nhất trên lưng ngón giữa, 2 ngón cái đều phụ bên cạnh 2 ngón trỏ. Chân Ngôn là:

"Án, tát bà ba la đề dược khất-xoa, tứ-lật đà na, sa-phộc ha"



OṂ_ SARVA PRATIMOKṢA-HṚDAYA SVĀHĀ

Tác Ấn Chân Ngôn này thời tất cả loại chúng sinh trong vô lượng vô biên Thế Giới đều được **Giới Thanh Tĩnh**

22_ Tùy Thân Ẩn Hình Nhập Đạo Ấn Chân Ngôn thứ hai mươi hai:

Tay phải: đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh, ngón giữa, dựng thẳng ngón trỏ và ngón út. Tay trái cũng vậy. Đem ngón cái phải từ dưới hướng lên trên nhập vào lòng bàn tay trái móc lấy ngón giữa và ngón vô danh của tay trái, bên phải đè bên trái. Chân Ngôn là:

"Án, câu lị dạ đế, tát bà ca lị gia, sa-phộc ha"



OṂ_ KULIYASU SARVA KĀLĪYA SVĀHĀ

23_ Hoán (kêu gọi) **Ngũ Thông Đẳng Tiên Nhân Ấn** thứ hai mươi ba:

Hai tay đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều nắm quyền, 2 tay cùng hợp nhau, 2 ngón cái đều phụ bên cạnh ngón giữa, đưa ngón trỏ qua lại. Chân Ngôn là:

"Án, tát bà cật lị-đa trí-gia, yết ma bà gia, cù đá duệ, sa bà ha"



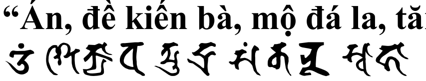
OṂ_ SARVA KṚTAṢYA KARMA BHAYA KUTTĀYE SVĀHĀ

Tác Ấn Chân Ngôn này thời tất cả Tiên Nhân được hô hoán đều đến, hỏi việc của Tiên Nhân ấy thì mỗi mỗi đều nói đủ.

24_ Quán Đỉnh Thanh Tĩnh Ấn Chân Ngôn thứ hai mươi bốn:

Dựa theo Ngũ Thông Ấn lúc trước, chỉ sửa 2 ngón trỏ đều đè đầu 2 ngón cái sao cho 2 ngón trỏ dính nhau, lại dựng thẳng 2 ngón giữa dính đầu ngón, hướng trên đỉnh đầu đặt Ấn. Chân Ngôn là:

"Án, đề kiến bà, mộ đá la, tăng kiến, sa ha"



OṂ_ ŚIKYĀVAT-MUDRA SAṂKAN SVĀHĀ

Nếu làm Đại Man Đà La Đạo Trường thời dùng Ấn này, tụng Chân Ngôn Quán Đỉnh vô biên chúng sinh đều được thanh tĩnh.

25_ Thủy Nạn Ấn thứ hai mươi lăm:

Hai tay: đem ngón giữa, ngón vô danh cùng cài chéo nhau, bên phải đè bên trái, dựng thẳng 2 ngón trỏ và 2 ngón út cùng dính đầu ngón, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay. Chân Ngôn là:

"Án, ô đà già, tát bà đệ bà ô đà già, sa-phộc ha"



OṂ_ UDAJA SARVA DEVA-UDAJA SVĀHĀ

Tác Ấn này thì nước chẳng thể cuốn trôi, chư Thiên quy phục

26_ Hỏa Nạn Ấn thứ hai mươi sáu:

Dựa theo Thủy Nạn Ấn lúc trước, chỉ sửa 2 ngón trỏ 2 ngón út đều cách nhau khoảng **một thốn** (1/3dm). Chân Ngôn đồng với **Thủy Nạn Chân Ngôn** lúc trước. Hay khiến cho lửa chẳng thể đốt cháy, chư Thiên quy phục.

27_ Phong Nạn Ấn thứ hai mươi bảy:

Đem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải cài vào trên lưng ngón vô danh (?ngón giữa) của tay trái. Hai ngón trỏ ngón út tùy nhập vào đè trên lưng ngón vô danh với ngón giữa của tay phải. Ngón trỏ và ngón út đè trên lưng ngón giữa, ngón vô danh của tay phải và ló ra. Dựng thẳng 2 ngón cái cách nhau, ngược lòng bàn tay hướng ra ngoài. Dùng **Thủy Nạn Chân Ngôn**.

Tác Ấn Chân Ngôn này thời tất cả nạn về gió (Phong nạn) chẳng thể gây hại, **Phong Vũ Thần Vương** thảy đều quy phục.

28_ Thiên Nạn Ấn thứ hai mươi tám:

Đem ngón cái ngón trỏ của tay phải vịn lóng thứ hai của ngón trỏ trái. Lại đem ngón trỏ trái vịn lóng thứ nhất của ngón cái phải. Dựng 3 ngón còn lại cùng dính đầu ngón và đều cách nhau khoảng một thốn. Dùng **Tùy Tâm Chân Ngôn** lúc trước.

Tác Ấn Chân Ngôn này thời hay thấy việc trên cõi Tam Thập Tam Thiên

29_ Địa Nạn Ấn thứ hai mươi chín:

Dựa theo Thiên Nạn Ấn trước, chỉ sửa co 2 ngón vô danh dính đầu ngón. Chân Ngôn là:

"Án, khư tra-bàng già, ha tất-đá duệ, sa-phộc ha"



OṂ_ KHAṬVAṄGA HASTĀYE SVĀHĀ

Tác Ấn Chân Ngôn này thời tất cả Địa Thần thảy đều quy phục.

30_ Tặc Nạn Ấn Chân Ngôn thứ ba mươi:

Đem ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út của tay phải móc ngược 4 ngón của tay trái, 2 ngón cái đều bung dựng thẳng. Chân Ngôn là:

"Án, tát bà đồ sắt-tra, bả la đồ sắt-tra na, chân đà gia, sa-phộc ha"



OṂ_ SARVA DUṢṬA PARADUṢṬĀNĀṂ CCHINDĀYA SVĀHĀ

Tác Ấn Chân Ngôn này thời tất cả nạn giặc cướp thảy đều tự cột trói, chẳng thể gây hại.

31_Vương Nạn Ấn thứ ba mươi mốt:

Dựa theo Tặc Nạn Ấn lúc trước, chỉ sửa ngón giữa phải móc lấy ngón cái trái liền thành. Chân Ngôn là:

"Án, tát bà la xà độ sắt-tra na, sa-phộc ha"



OṂ_ SARVA RĀJA-DUṢṬĀNĀṂ SVĀHĀ

Tác Ấn Pháp này thời tất cả nạn vua chúa, nạn đao binh chẳng thể gây hại

32_ Thí Vô Úy Ấn thứ ba mươi hai:

Đứng thẳng, đưa cánh tay trái duỗi thẳng hướng xuống dưới, cũng duỗi 5 ngón hướng xuống dưới, hướng lưng bàn tay về phía sau. Tay trái cũng vậy đem lòng bàn tay hướng về phía trước, như ban bố Cam Lộ là An Pháp của tay phải. Chân Ngôn là:

"Đát điệt tha: A lị, đa lị, đổ đa lị, đổ lị, ế lan noa dạ già la tỳ, la xoa la xoa, tát bà nậu khế tỳ gia, tát bát đạt la tỳ tỳ gia, sa-phộc ha"



TADYATHĀ: ĀRYA-TĀRE TUTTĀRE TURE HIRAṆYA-GARBHA RAKṢA RAKṢA _ SARVA DUḤKHEBHYAḤ SARVA UPADRAVEBHYAḤ SVĀHĀ

Tác Ấn Chân Ngôn này, tụng 10 vạn biến thì tất cả chúng sinh có việc sợ hãi đều được sự không sợ hãi.

33_ Phòng Độc Nạn Ấn Chân Ngôn thứ ba mươi ba:

Hai tay 4 ngón cùng cài ngược nhau, 2 ngón cái cùng trụ nhau, ngược lòng bàn tay hướng ra ngoài. Chân Ngôn là:

"Án, bả la già xá dạ diên, bàn đà bàn đà, sa-phộc ha"



OṂ_ PRAKṢĀYATI BANDHA BANDHA SVĀHĀ

Nếu vào núi, cốc. Tác Ấn này thời tất cả rắn độc, cọp, sói, sư tử , các cầm thú độc chẳng thể gây hại, tất cả thuốc độc chẳng thể gây hại.

34_ Cầu Thông Minh Ấn Chân Ngôn thứ ba mươi bốn:

Hai tay đem ngón cái đều vịn trên móng ngón vô danh, kèm dựng thẳng 2 ngón út nắm bên cạnh 2 ngón giữa dính đầu ngón, co 2 ngón trỏ đều phụ trên vạch thứ hai cạnh ngón giữa sao cho 2 đầu ngón cách nhau một thốn.

Tác Ấn này xong, ở ngay trước trái tim, cũng tụng **Tùy Tâm Chân Ngôn**. Nếu người **Độn Căn** vì tác Ấn này cúng dường cầu nguyện ắt được như nguyện. Xưa kia ở nước Pha Lê có một vị Trưởng Giả, nhà tuy giàu có lớn mà tính thuộc độn căn, nhờ vị Thầy y theo Pháp cầu nguyện 7 ngày thì được thông minh, một ngày tụng ngàn bài Kệ. Tự chứng nghiệm khác chẳng thể trình bày đủ

35_ Phá Địa Ngục Ấn thứ ba mươi lăm:

Hai tay đem 2 ngón giữa ngón, vô danh co chung lưng trong lòng bàn tay trái. Hai ngón cái, ngón trỏ, ngón út cùng cách nhau khoảng nửa thốn. Cũng tụng **Căn Bản Chân Ngôn** lúc trước.

Tác Ấn này thời cửa Địa Ngục mở ra, chúng sinh đang chịu khổ một thời được giải thoát. Vua Diêm La ấy sinh tâm vui vẻ. Vì Quán Thế Am Bồ Tát Đại Từ Đại Bi thương xót chúng sinh nên dạy Pháp Ấn này.

36_ Cầu Sinh Tĩnh Thổ Ấn thứ ba mươi sáu:

Chắp hai tay để ngay trái tim, kèm 2 ngón cái trụ trên trái tim. Tụng **Căn Bản Chân Ngôn**.

Tác Ấn này thời vì tất cả các hàng chúng sinh. Lúc lâm chung tác Pháp Ấn này, một lòng tụng Chân Ngôn , tùy lòng vui muốn sinh về cõi Phật nào ắt tùy ý vãng sinh

37_ Cứu Nhất Thiết Bệnh Khổ Chúng Sinh Ấn thứ ba mươi bảy:

Đem 2 ngón trỏ cùng móc 2 ngón giữa, bên phải đè bên trái, 2 ngón cái đều co trong lòng bàn tay trái. Hai ngón vô danh, ngón út đều vịn 2 ngón cái, hướng lòng bàn tay vào bên trong. Tụng **Căn Bản Chân Ngôn** lúc trước

Nếu có tất cả chúng sinh bị bệnh khổ, vì tác Pháp Ấn này nên hết thảy bệnh khổ của vô lượng chúng sinh đều được trừ khỏi

38_ Thủ (Lấy) **Địa Trung Phục Tàng Ấn** thứ ba mươi tám:

Hai tay đem 4 ngón cài ngược nhau trong lòng bàn tay, kèm 2 ngón cái hướng xuống dưới chạm mặt đất ắt biết có **nơi chứa vật báu** (Bảo xứ)

Tác Ấn này xong, tụng **Căn Bản Chân Ngôn** 108 biến thì **Thất Bảo Thần** ấy một thời đều đến trả lời tùy theo câu hỏi.

39_ Cầu Kiến Quán Thế Âm Ấn thứ ba mươi chín:

Đem 2 ngón vô danh với ngón út cùng cài ngược nhau, bên phải đè bên trái, kèm thẳng 2 ngón giữa cùng dính đầu ngón, đều co lóng thứ hai và lóng thứ ba của 2 ngón trỏ sao cho 2 móng ngón chung lưng, đem 2 ngón cái đè trên lóng của 2 ngón trỏ, cũng tụng **Căn Bản Chân Ngôn**.

Tác Ấn này xong, chí tâm tụng Chân Ngôn, chuyên Tâm chính niệm, khi ấy Quán Thế Âm sẽ hiện thân. Hành Nhân nhìn thấy xong, sám hội mọi tội, tiếp cầu thấy Phật.

40_ Kiến Phật Ấn thứ bốn mươi:

Dựa theo Ấn trước, chỉ sửa co 2 ngón trỏ nhập vào khỏang giữa của ngón vô danh và ngón trỏ phải, ngón giữa phải đè trên lưng ngón giữa trái. Chân Ngôn là:

"Đá điệt tha: Y lợi đa lị, sa-phộc ha"



TADYATHĀ: ILI TĀRE SVĀHĀ

Nếu tác Ấn này, tụng Chân Ngôn mãn 10 vạn biến thì mười phương chư Phật đều đến nghe Hành Nhân làm hành động gì, liền xoa đỉnh đầu thọ ký.

Thầy Thông ghi chú là: "**Thông** bị bệnh, trải qua 21 ngày chí cầu, tác Ấn Pháp này, hiện mong xoa đỉnh Thọ Ký. Việc này chẳng nên nói cho người khác chỉ tự mình biết thôi, sau đó tất cả Pháp đều được thành tựu. Tác Ấn này thời mỗi lúc có hương khói khác lạ bay đến. Nếu hay chuyên thành sẽ được thành Phật, chẳng thể luận bàn. Người đời nghe việc này chưa có thể sinh lòng tin, chỉ sợ kẻ sinh nghi bài báng nên chẳng muốn lưu truyền. Người đồng tu hành mới có thể biết. Chỉ tụng **Căn Bản Chân Ngôn**"

41_ Tùy Tâm Thành Tựu Mãn Túc Lục Ba La Mật Ấn thứ bốn mươi mốt:

Ngược hai tay hợp nhau, lưng chưởng cùng dính nhau, vặn cổ tay hướng ra ngoài. Để 2 ngón cái ở ngay tam tinh, hướng xuống dưới rũ. Chân Ngôn là:

"Đát điệt tha: Tát bà bồ đà gia, tát bà bạt la hiền nhương ba la nhĩ đa duệ. An, hạ bà hạ bà , sa-phộc ha"



TADYATHĀ: SARVA BUDDHĀYA SARVA PRAJÑA-PĀRAMITĀYE_ OṂ HAVA HAVA SVĀHĀ

Tác Ấn này thời khởi Tâm Bồ Tát quán khắp tất cả các loài chúng sinh giống như con đỏ. Tác niệm ấy xong, chí Tâm tụng mãn 10 vạn biến. Do lực của Pháp này mà tất cả chúng sinh thảy đều đầy đủ **6 Ba La Mật**, mãn túc sở nguyện, hằng hà sa hết thảy Thế Giới chư Phật Thế Tôn thảy đều vui vẻ.

42_ Tùy Tâm Cụ Nhất Thiết Công Đức Ấn thứ bốn mươi hai:

Tay trái: co ngón cái vào trong lòng bàn tay, 4 ngón còn lại nắm quyền, để bên dưới nách phải. Tay phải cũng vậy để bên dưới nách trái, bên phải đè bên trái. Tụng **Căn Bản Chân Ngôn**.

Tác Ấn Pháp này thời vô lượng chúng sinh thảy đều mãn túc tất cả Công Đức.

43_ Tùy Tâm Thần Túc Ấn thứ bốn mươi ba:

Tay phải: co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, ngón cái đè trên móng ngón giữa và ngón vô danh, duỗi thẳng ngón trỏ và ngón út. Tụng Chân Ngôn.

Tác Ấn này xong, đem xoa 2 lòng bàn chân thì trong một ngày đi được ngàn dặm.

Tác An này thời **Địa Thần** (Pṛthivi-devatā) đem hoa sen bảy báu nâng đỡ bàn chân Hành Nhân, mắt thịt chẳng nhìn thấy được. Có điều phải sinh Tâm Từ Bi cứu hộ, đừng vì tự cầu danh tiếng lợi dưỡng ắt quyết định đều được vạn Thần phò trợ. Tụng **Căn Bản Chân Ngôn**.

44_ Tùy Tâm Kỳ Nguyện (cầu nguyện) **Ấn** thứ bốn mươi bốn" (Ấn của Thầy THÔNG):

Tay phải: co ngón cái hướng về lòng bàn tay, lại co ngón trỏ cách đầu ngón cái khoảng 4,5 phân; duỗi chung 3 ngón còn lại (ngón giữa, ngón vô danh, ngón út) cùng nắm nhau. Đặt Ấn nằm ngang sao cho cạnh bên dính trên trái tim, hướng đầu ngón về bên trái. Tác Ấn này xong, tụng **Căn Bản Chân Ngôn**.

Nếu muốn cầu nguyện, trước hết làm một cái Thủy Đàn rộng 4 khuỷu tay. Treo các phướng, lọng, mọi thứ trang nghiêm. Ở trên Đàn ấy đặt **Tùy Tâm Tượng**, bày các thứ cúng dường trước Tượng, tụng Chân Ngôn ấy cầu nguyện thành tựu.

45_ Tùy Tâm Kỳ (Cầu đảo) **Nhất Thiết Nguyện Ấn** thứ bốn mươi lăm:

Tay phải: co ngón cái hướng về lòng bàn tay, lại co ngón trỏ cách đầu ngón cái khoảng 4, 5 phân. Duỗi chung 3 ngón còn lại (ngón giữa, ngón vô danh, ngón út) cùng nắm nhau. Đặt Ấn nằm ngang sao cho cạnh bên dính trên trái tim, hướng đầu ngón về bên trái. Tác Ấn này xong, tụng **Căn Bản Chân Ngôn**.

_ Nếu muốn cầu nguyện thời trước tiên làm một cái Thủy Đàn rộng 4 khuỷu tay; treo các phướng, lọng, mọi thứ trang nghiêm. Đặt Tượng **tùy Tâm** ở trong Đàn ấy. Nên ở trước Tượng đặt bày 4 cái chén đều chứa đầy mọi loại hoa, đốt hương Trầm Thủy cúng dường.

Trước Tượng, chí Tâm sám hối, tùy Tâm cầu nguyện đảo thỉnh xong.

Trước Tượng tác Án, dùng áo Cà Sa che phủ hoặc dùng khăn sạch che trên Ấn ấy, chí Tâm tụng Chân Ngôn mãn một vạn 108 biến (100108 biến) đừng theo Duyên khác. Tụng Chân Ngôn xong, tùy Tâm ước nguyện đều được vừa ý.

Tùy việc lớn nhỏ, một ngày cho đến 7 ngày tác Pháp, mỗi ngày 3 thời: Sáng sớm, giữa trưa, chiều tối y theo Pháp trước ắt được ***Quả ước nguyện***, chỉ trừ kẻ chẳng chí Tâm.

Nếu chẳng phải là Thiện Tri Thức đồng Tâm cầu thỉnh thì chẳng được lưu truyền, nếu chẳng phải đúng người ấy thì thân gặp tai họa. Lại nữa người chưa vào Quán Đỉnh cũng chẳng được truyền.

46_ Tùy Tâm Giải Thoát Nhất Thiết Thần Quỷ Kim Cương Đẳng Pháp Ấn thứ bốn mươi lăm:

Hai tay hợp ngược nhau sao cho lưng bàn tay dính nhau. Tùy Tâm sân nộ (giận dữ) tụng **Căn Bản Chân Ngôn** lúc trước 14 biến. Xong lật gấp 2 bàn tay thành Hợp Chưởng, lại tụng 7 biến rồi bung mở Ấn.

Tác Ấn Pháp thời hay phá tất cả các Pháp đều chẳng cho thành. Ấn này là **Quán Thế Âm Thành Đạo Giáng Ma Ấn**, chẳng phải Đại Thiện Tri Thức có cùng Tâm Hạnh hỏi thì đừng lưu truyền. Nếu chẳng đúng người mà hư vọng truyền ắt thân bị tai ương. Lại người chưa vào Đại Pháp Đàn Mạn Trà La Quán Đỉnh cũng chẳng được truyền.

47_ Quán Thế Âm Bồ Tát Tùy Tâm Mẫu Đà La Ni Ấn thứ bốn mươi bảy: (Tam Tạng QUẬT ĐA dịch Ấn này)

Trước hết hai tay hợp nhau sao cho 10 đầu ngón tay ngang bằng nhau, để 2 cổ tay dính nhau đưa ngay trên chắp tay lại khiến cho lòng bàn tay trống không (Không Tâm Hợp Chưởng), tụng **Căn Bản Chân Ngôn**

48_ Tổng Nhiếp Ấn Chú thứ bốn mươi tám:

Hai tay ngửa cổ tay cùng cài chéo nhau, ngón cái phải đè ngón cái trái, 8 ngón của 2 tay đều Cấp Nộ (gấp rút tức giận) nắm quyền. Chân Ngôn là:

"Án, tát bà na dữu đa mộ đà la gia, bàn đà bàn đà, sa-phộc ha"

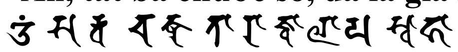


OṂ_ SARVA NAYOTHA-MUDRĀYA BANDHA BANDHA SVĀHĀ

Tổng Nhiếp Ấn Minh này đều hay nhiếp chung tất cả Ấn Pháp (Thầy TRÍ THÔNG nhận được Ấn này ở Ngài HUYỀN TRANG)

*) ***Ngũ Nhãn Thanh Tịnh Chân Ngôn:***

"Án, tát bà chước sô, đà la già la gia, sa-phộc hạ"



OṂ_ SARVA CAKṢU TĀRĀ-JVALĀYA SVĀHĀ

Mỗi ngày: sáng sớm thức dậy, tùy theo khả năng mà cúng dường. Ở trước Tượng chí tâm tụng Chân Ngôn mãn 10 vạn biến, xong rồi đi lại và chẳng tác Pháp khác thì tất cả sự mong cầu không có gì không vừa ý.

Bao nhiêu Cấm Chú của tất cả Ngoại Pháp, dùng Chú này đánh tan chẳng cho thành. Trước tiên tụng 30 vạn biến.

Đa La Chân Ngôn Pháp này là lực Thệ Nguyện của Đức Thánh Quán Âm. Giả sử trên thân có tội năng 5 Nghịch mà hay y theo Pháp làm thì chúng đều được tiêu diệt. Nếu được một lần làm Pháp thọ trì thì sẽ được ứng nghiệm. Sau đó tùy Tâm tụng 3 biến hoặc 1 biến đều được thành nghiệm.

_ Quán Thế Âm nói về **Đàn Pháp trị liệu tất cả bệnh**:

Đàn vuông 3 xích (1m), cái Thành chính giữa (**Trung Thành)** vuông 2 xích (2/3m), cái Thành bên trong (**Nội Thành**) vuông một xích (1/3m), tất cả đều đào bỏ đất nhơ uế rồi đem đốt sạch mà làm. Lấy bùn thấm chất nước thơm, lấp bằng phẳng rồi lau quét sạch sẽ. Đem bột gạo, mọi loại màu sắc của lụa tạp hòa với nhau làm Hoa Sen nâng đỡ Tượng Quán Âm. Ở Đàn trong Viện cuối cùng (**Tối Nội Viện Đàn**) trên 4 góc đặt 4 Tòa Thiên Vương, nên vẽ vuông vắn ở trên Đàn rồi làm .

Đốt mọi thứ hương thơm tối thượng diệu, hương **Trầm Thủy** thỉnh Phật Bồ Tát với các Thiện Thần, xong rồi rải hoa và ngồi xuống tụng Chân Ngôn 108 biến, liền nên phát Nguyện **làm điều thiện**. Xong rồi lại đứng dậy đốt hương, nhiễu quanh Đàn ba vòng rồi lại ngồi xuống tụng Chân Ngôn 108 biến cho đến khi đủ một vạn biến. Liền đứng dậy ở vị trí bên cạnh của cửa Nam đọc Chân Ngôn vào cái bát khiến cho nó chuyển động liền biết ứng nghiệm.

Trước hết thọ trì **Pháp Dụng**. Nếu đi đến nơi khác trị bệnh thì tùy Tâm tưởng niệm mà làm, tốt nhất hãy làm Đàn thì trị bệnh mau chóng ứng nghiệm.

_ Lại có Pháp **tác oan gia**: Lấy xương ống chân, vót làm 2 cái đinh (cái then) cầm tay, chú 1008 biến rồi để ở cửa thềm nhà Oan Gia 3 ngày thì oan gia tự lui. Nhổ cây đinh đi thì quay trở lại, chẳng nhổ cây đinh đi thì chẳng quay lại.

Ở Phật Pháp tác **chướng nạn điều phục giả** (Pháp điều phục chướng nạn) thỉnh lực ba Báu vào Phật Đạo. Nếu muốn được mau lìa khổ, nên lấy Khổ Luyện Tử, chú một biến ném vào trong nước, như vậy đủ 108 biến. Mỗi ngày riêng 3 thời, đủ 7 ngày ắt đều xa lìa, chẳng dám xâm phạm. Nếu muốn khiến cho người làm ác bỏ đi, như vậy tác Pháp, xưng tên họ người ấy.

_ Lại có Pháp: Lấy 4 cái Thạch Tử, tùy ý lớn nhỏ, có thể chú 7 biến để ở 4 phương thì tất cả trộm cướp chẳng thể vượt qua được nhà ấy.

_ Lại có Pháp: Lấy cái then bằng gỗ Đàn Hương, chú 108 biến rồi đem theo người tùy đi. Hoặc nơi đến có đường lộ hiểm ác, lúc muốn nằm ắt tất cả cọp, sói, sư tử, loài chim thú…. chẳng dám đến xâm phạm. Nếu muốn đi riêng, quay lại thì nhổ cây đinh này . Vào ban đêm, nếu muốn nằm thì quay lại, lại dùng tĩnh trừ tất cả ác.

_ Lại có Pháp: Lấy đai áo, chú 21 biến thì hết thảy ác hướng đến mình đều tự an bình (ninh tức)

_ Lại có Pháp: Chú vào chỉ ngũ sắc 7 biến, cứ môt biến thì thắt một gút, rồi tự buộc vào cánh tay trái thì đều được thắng ở tất cả nơi tranh cạnh

_ Lại có Pháp: Mất vật mà chẳng biết nơi chốn đã đánh rơi, đốt hương chí Tâm tụng Chú 7 biến. Nằm ngủ đừng nói chuyện với người khác, tức ở trong mộng có vị Thần hiện đến nói đủ danh tính của người lấy, cũng nhìn thấy hình dạng của người đó, tức biết nơi giữ vật ấy, chẳng được Đạo Thuyết (nói bảo)

_ Lại có Pháp: Chú vào Xương Bồ 7 biến rồi đưa lên mũi ngửi thì chẳng buồn ngủ, hoặc chỉ ngủ say chút ít

_ Lại có Pháp: Nếu bị trúng Cổ Độc, chú vào nước 7 biến rồi uống vào liền được trừ khỏi

_ Lại có Pháp: Chú vào nước 7 biến rồi cho tất cả người bệnh ăn uống vào cũng vậy, ắt vạn bệnh được trừ khỏi

_ Lại có Pháp: Nếu có người muốn hại mình. Lấy cây dao bằng thép già, chú 108 biến rồi chặt hình người ấy thì đi trên đường chẳng thể bị hại

_ Lại có Pháp: Muốn cầu tiền bạc. Trong hai ngày 14,15 của kỳ Hắc Nguyệt, ngày ngày riêng ba thời lấy 2 loại mè đen (Ô ma) hoa gạo tẻ đốt trong lửa 1008 biến, một biến thiêu đốt một lần, liền được tài bảo như ý

_ Lại có Pháp: Nếu có người giận nhau. Lấy chất cặn của mè đen, gạo tẻ, đường hòa với nhau rồi thiêu đốt, cứ một lần Chú thì một lần thiêu đốt, mãn 1008 biến tức đều vui vẻ

_ Lại có Pháp: Chú vào phân của **Bạch Hộc Linh** (con chim Chìa Vôi màu trắng) 21 biến rồi đem bôi xoa vào gông cùm thì tự nhiên được giải thoát

_ Lại có Pháp: Nếu có người ác tâm. Ở trong Thất, tắm gội sạch sẽ, lấy một đấu rượu Chú 21 biến tức tùy ý triệu người ác đến, liền Chú 108 biến thì người ấy nghe hơi rượu liền tự nhiên say

_ Lại có Pháp: Có các người ác đi đến. Lấy đất Chú 7 biến rồi rải chung quanh cái giường, ắt kẻ ấy chẳng thể gia hại, cũng hay miễn tất cả con muỗi (không bị muỗi đốt)

_ Lại có Pháp: Chú vào nước rải bốn phương kết Giới, Tâm trụ chính giữa thì tất cả các ác đều chẳng thể gây hại.

_ Lại có Pháp: Nếu bị quan phủ với oan gia, người ác giận dữ. Miệng ngậm rễ cây Xương Bồ, tụng Chú trong tâm, nên **Nộ Tụng** (tụng một cách giận dữ) liền ngưng . Phàm tụng Chú hoặc đối với Trời hoặc tụng thầm, nhậm ý dụng lực đều khởi **sắc tức giận** (Sân sắc) động khí tụng gấp ắt chỗ làm đều ứng nghiệm.

_ Lại có Pháp: Nếu có người ác, Cấp Tính Nhân, các quý nhân ác đồng tìm đến. Ở trong tĩnh thất, tắm gội sạch sẽ, chú vào đất 7 biến, hướng bốn phương rải tán ắt tất cả đều ngưng không còn sót, chẳng thể gây hại.

_ Lại có Pháp: Nếu muốn trói giặc, tùy Tâm tụng Chú, nhìn vào giặc cướp , thời lấy tay áo đơn hoặc cổ áo, sai khiến độ 7 lần, cột gấp tay cầm, tụng Chú đi qua thì tất cả giặc trộm đều đứng yên.

_ Lại có Pháp: Nếu có người ngang ngược, người dùng miệng lưỡi biện luận gây tội. Lấy rễ Xương Bồ thiêu đốt thành tro, chú 108 biến rồi rải ở trong nhà người ấy thì kẻ lớn người nhỏ trong nhà tự tranh đấu với nhau, chẳng thể hòa giải. Lấy một thăng nước hoa dưới giếng (Tỉnh hoa), chú 21 biến, rải dính thì nhà đó liền yên.

_ Lại có Pháp: Chú vào dao với gậy 7 biến. Nếu Hành Giả đi trong đêm thời dùng dao gậy vẽ lên mặt đất một vòng kín ắt tất cả thú ác, trộm cướp đều chẳng dám đến gần.

_ Lại có Pháp: Người ác vọng dùng miệng lưỡi tăng thêm các tội. Viết chép tên họ của người ấy lên giấy lụa rồi để dưới bàn chân. Người ấy muốn bày lý lẽ, ắt chẳng nói được. Muối giải thì bỏ tên dưới bàn chân, chú 7 biến thì trở lại như xưa.

_ Lại có Pháp: Nếu giặc cướp đến lấn bức người. Chú vào nước 7 biến, ngậm nước trong miệng hướng về phương ấy phun ắt miệng, lưỡi, mũi, môi, bụng của người ác ấy đều như bị lửa đốt, liền ngưng việc cướp hại.

_ Lại có Pháp: Phàm muốn tụng Chú. Trước tiên Chú Sư lễ Tam Bảo, lúc ấy tay cầm lò hương đứng trước mặt Phật, giữ niệm u hiển trong hư không và chú tưởng tám Bộ Trời Rồng. Nếu muốn biết được Tâm lực, có mùi thơm lạ, liền tụng Chú. Hoặc cầm cành dương liễu phủi phất trên người bệnh ắt kẻ ấy khỏi bệnh.

_ Lại có Pháp: Chú vào gỗ, than củi rồi thiêu đốt trong lửa ắt tất cả oan gia tự nhiên lui tan

_ Lại có Pháp: Ở nơi thanh tĩnh, Chú vào cơm gạo tẻ, một ngày ba thời, đủ 7 ngày thì thấy mọi thứ tài bảo, mọi mong cầu đều được.

_ Lại có Pháp: Chú vào Huân Lục Hương 3 biến rồi ném vào lửa đốt. Sáng sớm, giữa trưa, chiều tối, mỗi lần 7 biến sẽ khiến cho nhà người đều tràn đầy ngũ cốc

_ Lại có Pháp: Lấy lông bò, một lần Chú một lần đốt, mãn 108 biến sẽ khiến cho người chẳng thể gần phụ nữ. Mỗi lần Chú thì một lần xưng tên người ấy tức hiệu nghiệm.

_ Lại có Pháp: Nếu trị người nhiều lưỡi. Lấy bùn làm hình trạng người nhiều lưỡi ấy. Lấy cây vông làm cái then đóng, Chú vào 1008 biến rồi đóng trong miệng hình ấy, tức người đó chẳng nói được.

_ Lại có Pháp: Bị rắn cắn sắp chết. Lấy nước sao chép Chú 7 lần rồi uống vào liền đứng dậy. Nếu chưa đứng được, liền Chú vào chỗ bị rắn cắn 14 biến liền khỏi.

_ Lại có Pháp: Nếu người bị đau buốt đầu. Liền lấy nước thơm rửa đầu, rửa tay. Chú vào tay 14 biến, nghĩ nhớ đến chỗ đau ắt ngừng đau nhức.

_ Lại có Pháp: Bị đau mắt, lấy nước hương Trầm Thủy rửa mắt, lại Chú 21 biến. Hoặc Huân Lục Hương, Thanh Mộc Hương, hoặc Cam Thảo … đều chưng nấu làm nước nóng rồi rửa mắt, Chú 21 biến ắt được khỏi bệnh.

_ Lại có Pháp: Nếu bị chuột phá quấy rối người, Chú vào tro 7 biến để trước hang chuột, liền Chú vào nước 7 biến rưới vào trong hang ổ cho đến làm 3 ngày thì chuột sẽ chạy ra không quay trở lại.

_ Lại có Pháp: Muốn rửa mặt. Trước tiên lấy nước, Chú vào 7 biến sau đó rửa thì tất cả nơi đi qua, chẳng kể giàu hèn, người nhìn thấy đều vui vẻ, mong cầu như ý.

_ Lại có Pháp: Muốn tất cả người ác khởi tâm Từ Bi. Chú vào thức ăn 21 biến rồi đưa cho người ấy ăn, sẽ biến ác thành Tâm hiền lành (Tâm Từ)

_ Lại có Pháp: Lấy một nắm đất, Chú 21 biến để dưới cửa nhà người ác, qua 7 ngày người ấy sẽ biến ác thành Tâm lành.

_ Lại có Pháp: Lúc bị phát bệnh sốt rét. Dùng nước rửa sạch cành dương liễu, ở bên cạnh người bệnh, tụng Chú 7 biến liền khỏi. Nếu người chẳng tin, muốn khiết phát bệnh lại, tụng Chú 7 biến thì người ấy liền phát bệnh chẳng thể tự giải.

_ Lại có Pháp: Nếu người bị trúng bệnh chẳng nói được. Lấy lông chó, Chú 7 biến dùng xoa miệng người ấy thì kẻ ấy liền nói được.

_ Lại có Pháp: Tất cả loại nhọt. Chú vào **Tất Bát** (lá Lốt), cây gừng khô hoà với Mật rồi giã quết 108 biến, dùng xoa lên nhọt, liền khỏi.

_ Lại có Pháp: Lấy cây gừng khô, hạt tiêu, lá Lốt. Đem các thứ trên chia thành hạt nhỏ. Hàng ngày lúc sáng sớm thức dậy, lấy một phương **Thốn Chủy** (1 thìa) tụng Chú 21 biến , uống khô sẽ được thông minh. Nếu bị bệnh rét lạnh, cũng y theo cách uống này sẽ khỏi.

_ Lại có Pháp: Nếu đang bị Tà Ma gây não loạn khiến mê muội chẳng tỉnh. Ở bên cạnh lỗ tai người ấy, tụng gấp Chú 21 biến liền khỏi.

_ Lại có Pháp: Nếu bị trúng bệnh Quỷ chẳng thể nói được. Dùng góc áo Cà Sa, Chú 21 biến rồi đánh thì kẻ ấy liền nói được.

_ Lại có Pháp: Lấy lá cây Khổ Luyện, dùng lửa đốt, Chú 108 biến đều được khỏi bệnh. Dùng Khổ Luyện Tử cũng được.

_ Lại có Pháp: Lấy Khổ Luyện Tử, Chú 108 biến thiêu đốt ắt tất cả Quỷ Thần ác thảy đều lìa xa, chẳng dám gây chướng nạn cho người.

_ Lại có Pháp: Người đi, từ xa nhìn thấy tất cả bốn Chúng quý thắng, cách ngoài 7 bước, tụng Chú 7 biến liền sinh vui vẻ, đừng để cho người ấy nghe được. Muốn cách nhà người, cũng tụng 21 biến, niệm niệm tụng rồi xưng tên người ấy, thỉnh sức ban vui của Tam Bảo, Thiện Thần ắt chuyển người ấy hướng tâm lành đến mình.

_ Lại có Pháp: Nếu thân thể bị thủng (gân thịt sưng vù lên). Lấy dầu, Chú 21 biến rồi xoa lên chỗ bị Thủng, liền khỏi.

_ Lại có Pháp: Nếu bị đau tim. Sáng sớm thức dậy, lấy nước hoa dưới giếng (Tỉnh hoa) hòa với muối cục (thạch diêm) nhiều ít tùy ý, Chú 7 biến rồi khiến người bệnh uống vào và phun lên chỗ bị đau, liền khỏi.

_ Lại có Pháp: Nếu bị đau màng mắt, Chú vào nước 21 biến rồi rửa mắt, trải qua 7 ngày liền khỏi.

_ Lại có Pháp: Nếu bị bệnh Ly. Chú vào nước muối 21 biến rồi uống vào, liền khỏi.

_ Lại có Pháp: Nếu trên thân người sinh tất cả nhọt ác. Chú vào đất 21 biến, hòa với bùn rồi xoa trên nhọt, liền khỏi.

_ Lại có Pháp: Nếu người muốn **đoạn cốc** (không ăn ngũ cốc). Lấy một thìa muối trắng, dùng nửa thăng gạo tẻ nấu cháo, hòa muối nung khiến cho điều hoà rồi uống vào. Được 7 ngày, nên Chú 21 biến rồi uống, cũng có thể được 21 ngày chẳng bị đói.

_ Lại có Pháp: Nếu có chó dữ muốn đến cắn người. Gấp tụng Chú 7 biến thì con chó ấy cũng chẳng thể đi. Nếu muốn giải, Chú 7 biến mong con chó chạy tức giải được.

_ Lại có Pháp: Nếu người nữ bị kinh nguyệt chẳng dứt, ngày ngày chảy ra. Chú vào gạo tẻ, rửa lấy nước cốt hòa với Mật rồi khiến người nữ ấy uống, cũng Chú 21 biến rồi uống,tức ngưng bệnh

_ Lại có Pháp: Nếu người bị bệnh Trĩ nhiều năm tháng chẳng khỏi. Có thể lấy một tiền Hồ Phấn, 3 tiền Thủy Ngân Kiền Thác, 7 hột Khư Hạnh. Giã vỡ ba vật ấy làm thành viên, đặt bên trong mảnh lụa mỏng rồi để trong hạ bộ, chưa quá 3 lần. Chỉ 5 lần liền khỏi. Phần lớn người làm thuốc đều chia ra làm, Chú 21 biến để bên trong liền khỏi

_ Lại người bị Ly Hạ (đi tiêu chảy) chẳng thể khỏi. Lấy Xích Thạch, mỡ, cơm hoà làm viên, phơi nắng cho khô, Chú 21 biến rồi cho nuốt uống, một ngày uống hai lần, một lần uống 36 viên, **Cấm** (điều kiêng kỵ) như phép làm thuốc (Dược Pháp). Người bệnh bị lạnh, phần lớn dùng gừng khô cũng tốt, đều dùng hai phần

_ Lại có Pháp: Nếu người bị nổi hạch ở hông sườn. Chú vào dầu 21 biến rồi xoa lên trên, liền tiêu hạch.

_ Lại có Pháp: Nếu người bị thương do dao chém, đau nhức chẳng thể nhẫn chịu. Hoặc rơi từ trên cao xuống bị thương. Chú vào **bùn đọng** (bùn ở chỗ nước ứ đọng) 7 biến rồi xoa lên, liền khỏi

_ Lại có Pháp: Nếu người bị bệnh: Bạch Lại, Hoàng Lại… hoặc bị chó điên cắn, hoặc trên thân sinh nhọt ác. Hoặc bị tên bắn, dao chém, bể nhọt bị thương… Chú vào đất 21 biến hoà với bùn rồi xoa lên trên đều khỏi. Chân thật như thế.

_ Lại có Pháp: Chú vào bơ 1008 biến dùng xoa mắt sẽ không ngủ. Ăn vào sẽ chẳng bị đói

_ Lại có Pháp: Nếu mắt người bị kéo màng trắng khoảng một năm trở lại. Lấy lá Lốt thấm nước rồi mài, Chú 21 biến rồi bôi trong mắt, liền khỏi

_ Lại có Pháp: Nếu tai bị điếc. Chú vào 108 biến. Nếu người bị chướng nặng, lấy dầu với bơ, vỏ cây hoa, Thanh Mộc Hương. Mỗi thứ Chú 7 biến qua tai rồi uống vào liền khỏi

_ Nếu đau răng. Chú vào cành dương liễu 7 biến rồi xỉa răng, liền khỏi

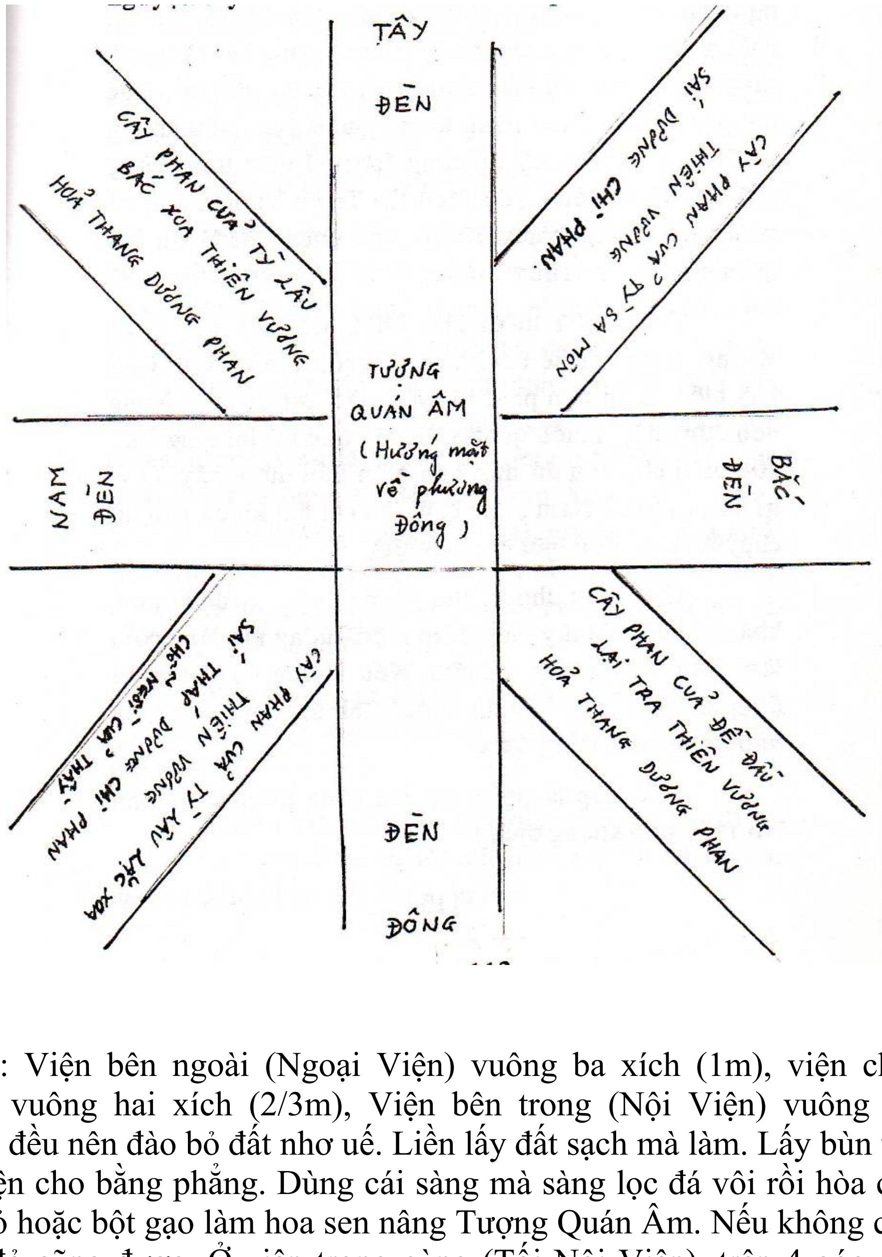
_ Lại có Pháp: Nếu bị đau tai. Chú vào vỏ cây hoa rồi cho uống thì chỗ tai bị nghẽn tắc liền khỏi.

_ Lại có Pháp: Nếu người nữ bị họa khi sinh đẻ muốn chết. Mở rộng tóc, Chú 7 biến rồi kết trở lại liền khỏi. Nếu chẳng ăn được, Chú vào nước 7 biến rồi cho uống liền khỏi.

_ Lại có Pháp: Nếu bị rét lạnh, hoặc bị gió lạnh làm cho thân bị sưng vù, xương có nước. Lấy Xương Bồ hòa với Mật trắng, đứng trước tượng Phật, đốt hương tụng Chú một ngàn biến, để bụng trống rồi cho uống liền khỏi. Hay khiến cho người thông minh.

Đức Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn! **Đa Lợi Tâm Chú** này có công năng và uy đức chẳng thể luận bàn, hay đem lại sự an vui nhiêu ích rất nhiều cho Thế Gian. Nếu có người trong bốn Chúng thọ trì thì tất cả đều yêu kính, được sinh về Tĩnh Thổ, chẳng xa lìa Bồ Tát. Nếu ngày đêm tụng trì thì con thường che giúp. Nguyện xin Đức Thế Tôn rũ lòng thương, nghe hứa cho con vì lòng thương xót tất cả chúng sinh"

Liền nói **Tùy Tâm Tạo Tượng Thủy Thiên Tượng Pháp** Dùng gỗ Bạch Đàn khắc làm hình tượng, thân cao 5 thốn (5/3dm) tạo hình Thiên Nữ, mặt có 3 mắt, đầu đội mão Trời (Thiên Quan), đeo chuỗi Anh Lạc trang nghiêm, hai tay nâng viên ngọc Như Ý. Thân cao hai thốn rưỡi cũng được. Làm Tượng xong, đặt bên trong cái hộp gỗ, lấy lụa gấm phủ rồi buộc ở cánh tay trái. Các Nguyện tùy theo **Tâm Đàn** mà nhiếp tất cả Đàn.



Đàn này: Viện bên ngoài (Ngoại Viện) vuông ba xích (1m), viện chính giữa (Trung Viện) vuông hai xích (2/3m), Viện bên trong (Nội Viện) vuông một xích (1/3m). Tất cả đều nên đào bỏ đất nhơ uế. Liền lấy đất sạch mà làm. Lấy bùn thấm chất nước thơm, nện cho bằng phẳng. Dùng cái sàng mà sàng lọc đá vôi rồi hòa chung với Chu Sa, đất đỏ hoặc bột gạo làm hoa sen nâng Tượng Quán Âm. Nếu không có Chu Sa thì dùng đất đỏ cũng được. Ở viện trong cùng (Tối Nội Viện), trên 4 góc đặt 4 Tòa Thiên Vương. Nên vẽ vuông vức trên Đàn rồi làm. Chỉ được đốt Huân Lục Hương với Trầm Thủy Hương.

Trước tiên thỉnh Phật Bồ Tát với Thiên Vương. Xong rồi liền rải hoa và ngồi xuống tụng Chú 108 biến. Liền nên Phát Nguyện làm điều lành. Xong liền đứng dậy, nhiễu quanh Đàn ba vòng rồi lại ngồi xuống tụng Chú 108 biến cho đến đủ một vạn biến thì đứng dậy. Ở vị trí bên cạnh cửa Nam, Chú vào cái bát khiến nó chuyển động, liền biết ứng nghiệm.

Thoạt đầu thọ trì Chú Pháp dùng. Nếu đi đến nơi khác trị bệnh thì tùy theo Tâm tưởng mà làm. Nếu làm Đàn thì rất ứng nghiệm. Nếu không có vật bằng đồng dùng để rửa vẩy thì dùng cành dương liễu nhúng vào trong nước cũng được.

_ Lại có Pháp: Dùng nước cốt của sữa trắng, gỗ, vỏ, than củi thiêu đốt. Lấy hai loại gạo tẻ, mè giã quết. Lấy chút ít nước, Chú một biến thì một lần thiêu trong lửa, mãn 100 biến, một ngày ba thời làm ắt tự thân được tăng sắc đẹp sức khỏe.

_ Lại có Pháp: Vào lúc mặt trời chưa mọc và sau khi mặt trời lặn, dùng tay trái nắm gạo tẻ, Chú một biến thì quăng một lần vào trong lửa đốt, xưng tên họ kẻ ấy. Như vậy 7 đêm mãn một ngàn biến, tùy Tâm ghi nhớ thời Nam Nữ thảy đều vui vẻ.

_ Lại có Pháp: Chú vào bơ một biến, một lần ném vào lửa đốt. Mãn 7 biến ắt tất cả Cầm Thú thảy đều quy phục. Muốn đi qua chỗ có thú ác, trước tiên nên tác Pháp này.

_ Lại có Pháp: Lấy Mộc Hoạn Tử, gỗ, than củi thiêu đốt trong lửa ắt khiến tất cả qoan gia ác tiêu tan. Cũng có thể dựa theo Pháp khác mà làm.

_ Lại có Pháp: Dùng nước cốt của sữa trắng, gỗ, than củi, tro…một đấu lớn. Đem Lạc, Mật, Bơ hòa với nhau rồi bôi trên cây Tùng, Tùng Minh, Mộc Hương, than củi . Chú một đoạn thì một lần ném vào lửa đốt, đốt đủ 25 lần , một ngày ba thời. Đi đại tiểu tiện đều tắm gội. Chú Sư giữ tám Trai Giới.

Lại nói rằng: Một ngày ba thời tắm tẩy, mỗi mỗi **Đoàn Thực** cúng dường. Ngày ngày như vậy, mãn 7 lần. Tùy tâm triệu thỉnh, Thiên Thần đều đến, tùy người sai khiến không dám trái ngược.

_ Lại có Pháp: Lấy một hạt cải trắng, Chú một biến thì một lần ném vào lửa đốt. Như vậy mãn 1008 biến. Một ngày ba thời thì tất cả kẻ quý thắng đều quy kính.

_ Lại có Pháp: Lấy cháo sữa hòa với bơ, Chú một chút . Một biến thì một lần ném vào lửa đốt, như vậy mãn 1008 biến ắt **Hạt La xà** (Rāja: vua chúa) vui vẻ, Hậu (vợ vua), **Nễ Nhĩ** (Devi:Thiên Nữ) vui vẻ, tin tưởng lẫn nhau. Phi Nữ quý thắng khác cũng giống như vậy ắt tất cả việc Thiện mong cầu đều tốt. Có điều chẳng được sinh tâm nhiễm dính, nêu không thì Pháp chẳng thành tựu.

Lại có Pháp: Lấy cây **A Lê Sắt Ca**, Chú 1008 biến rồi thiêu đốt trong lửa. Sáng sớm, giữa trưa, chiều tối, một ngày ba thời. Như vậy 21 ngày thì Chú Sư được mọi loại tài bảo, sóng nước chẳng thể cuốn chìm hoặc có thể đi trên nước chẳng chìm. Lại Chú vào Cư Lỗ Hương ba biến rồi ném vào lửa thiêu đốt.

_ Lại có Pháp: Vào ngày mồng tám của kỳ Bạch Nguyệt. Ở tại đất thanh tĩnh, Chú vào cơm gạo tẻ, một nắm. Chú một biến thì một lần ném vào lửa đốt, như vậy mãn 1008 biến ắt trong nhà thường tràn đầy ngũ cốc.

_ Lại có Pháp: Chú vào Xương Bồ 108 biến, ngậm trong miệng ắt tất cả chốn ngôn luận với nơi quan phủ hoặc nơi tranh cãi đều được thắng.

_ Lại có Pháp: Chú Sư muốn được cúng dường chư Phật ở mười phương. Muốn tịch trừ tất cả chướng nạn, trừ tất cả bệnh đau nhức nên tác Pháp này.

Nếu biết có bệnh Quỷ. Làm Thủy Đàn rộng 4 khuỷu tay, chính giữa để lò lửa, thiêu đốt cành cây Bách, mỗi mỗi số tụng Chú liền khỏi. Ngày ngày tác làm cho đến 7 ngày liền khỏi.

Pháp **Đa Lị** này là sức Thệ Nguyện của Thánh Chúng của Quán Thế Âm Bồ Tát. Giả sử trên thân có tội **5 Nghịch, 7 Giá**… chỉ hay y theo Pháp thọ trì, hành dụng thì tất

cả tội chướng thảy đều tiêu diệt, mọi việc làm đều được vừa ý và được thành tựu. Đừng nên vọng truyền ắt chịu quả báo khổ đau ở nẻo Súc Sinh, Địa Ngục.

_ Lại có **Cam Lộ Pháp Ấn** :

Dựng thẳng 2 ngón út, 2 ngón vô danh. Hai ngón út phụ cạnh trên của 2 ngón vô danh sao cho đầu ngón cách nhau chừng 3 phân. Đem 2 ngón trỏ quấn trên lưng 2 ngón giữa, liền co song song 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay sao cho đầu ngón dính vào vạch giữa của 2 ngón vô danh. Đưa 2 cổ tay chạm dính nhau. Tiếp đưa gốc 2 cổ tay đặt trên trái tim rồi hướng xuống dưới rũ ắt tất cả bệnh tật đều tùy theo Ấn mà diệt.

Tụng Chú rồi nên thương xót tất cả loài Quỷ đói bị đau khổ. Tác Tâm Ấn thì Quỷ Thần vui vẻ, tất cả đều được ăn uống no đủ dư thừa. Rất là hiệu nghiệm, khiến cho tất cả không có các bệnh tật.

Nếu thường trì Pháp Ấn này liền vượt 10 Địa qua các cõi Phật. Pháp này rất thâm sâu vi diệu, chẳng thể luận đủ.

Pháp Chân Ngôn này hay diệt gốc rễ của tất cả tội. Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện trì Chân Ngôn này thì đời đời được 5 loại quả báo:

1_ Đời đời gặp Đức Thế Tôn, có Túc Mệnh, Biện tài vô ngại, luôn được thanh tịnh

2_ Khiến được **Phật Nhãn** (con mắt của Phật)

3_ Sinh ra thường được 32 tướng không sai khác với Ta (Đức Phật)

4_ Thường ở trước mặt Đức Phật

5_ Hành xử ở Thế Gian đều được chấn động

Bấy giờ Đức Thế Tôn khen ngợi Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: "Lành thay! Lành thay! Ông vì tất cả chúng sinh khiến được an vui"

Khi Quán Thế Âm Bồ Tát nói Pháp Chân Ngôn này xong. Tất cả các Đại Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di với các hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Đạt Bà, A Tố La, Ca Lỗ Trà, Khẩn Na La, tất cả chúng sinh… nghe nói Pháp **Tùy Tâm** này xong đều rất vui vẻ, phát **Vô Sinh Pháp Nhẫn**, làm lễ phụng hành.

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT ĐÁT PHỘC ĐA LỊ
TÙY TÂM ĐÀ LA NI KINH
Hết



NAMO RATNA-TRAYĀYA



NAMAḤ ĀRYA- AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA



TADYATHĀ: OṂ_ TARE TARE TUTARE TUTUTARE TURE SVĀHĀ

Hiệu chỉnh xong vào ngày 18/06/2012

Mật Tạng Bộ 03- No.1104 (Tr.470 – Tr.472)

PHẬT THUYẾT THÁNH ĐA LA BỒ TÁT KINH

Hán dịch: Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng – Triều Tán đại phu Thí Quang Lộc Khanh – Minh Giáo Đại Sư PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch.
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe: Một thời Đức Phật ngự tại núi HƯƠNG TÚY trong cung của Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương. Nơi đấy có mọi loại kỹ nhạc, đàn ca phát ra âm thanh vi diệu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi trong Cung điện lớn cùng với các chúng Bồ Tát Ma Ha Tát đến dự. Lại có các chúng Đại Thánh đến tập hội là các chúng Thanh Văn Hữu Học, Vô Học cùng với vô lượng vô biên Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Sát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, Phi Nhân, …

Lại có vô lượng vô biên bậc Thành Tựu Trì Minh, Trì Kim Cương, Kim Cương Thủ với trăm ngàn chúng của Hoàng Phẫn Nộ Vương, Trì Minh Vương…

Lại có ***đủ mọi loại chúng của hàng Trì Minh,*** Bảo Kế Phật Đỉnh Luân Vương.

Lại có Tú Diệu Mẫu, Quỷ Mẫu, Quỷ Vương, với các Trời Đế Thích, Phạm Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Na La Diên Thiên, Khánh Tự Tại Thiên, Đại Hắc Thiên Thần, Đồng Tử Thiên,Dạ Ma Thiên, Thủy Thiên, Phong Thiên, Tứ Thiên Vương Thiên và Ngũ Thông Tiên Nhân … đều đến dự hội, tác cúng dường rộng lớn, vây quanh Thừa Sự, chắp tay cung kính.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở nơi chúng hội ví như núi Tu Di hiện trên biển lớn. Khi ấy Càn Đạt Bà Vương cùng với 72 trăm ngàn Nữ Càn Đạt Bà tấu mọi loại kỹ nhạc đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu mặt lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, quay lại ngồi một bên rồi chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng:

"Thế Tôn! Nay con nguyện nghe về việc lợi ích. Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con diễn nói. Thánh Đa La Bồ Tát kia tức là Tâm Từ của Chư Phật Như Lai, là ĐẠI MINH VƯƠNG Giáng Ma Tối Thắng, là Đại Trì Minh, là Đại Luân Vương có đầy đủ thế lực lớn thâm sâu rộng rãi. Nguyện xin Đức Thế Tôn thương xót con với Trời, Người, A Tu La, … khiến cho người thường được lợi ích an vui mà diễn nói về 108 tên của Thánh Đa La Bồ Tát ."

Lúc đó, Đức Thế Tôn nhận lời của Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương xong thì khen ngợi rằng:

"Lành Thay! Lành Thay Càn Đạt Bà Vương! Ông hay hỏi Như Lai về nghĩa như vậy khiến cho các Trời, Người, tất cả chúng Hội được lợi ích lớn và được an lạc – Ông nên lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ! Nay ta vì ông mà diễn nói thứ tự"

Thời vị Càn Đạt Bà Vương kia nghe Đức Phật xong, liền tin nhận lắng nghe – Bấy giờ Đức Thế Tôn vì Càn Đạt Bà Vương ấy với tất cả chúng hội, thoạt tiên nói **Thánh Đa La Bồ Tát Đà La Ni** là:

1)Na mô tam mãn đa na lị-thủy tỳ-dược
2)Tát lị-phộc đát tha nga đế tỳ_du
3)A la-hạt nột-tỳ-dược
4)Tam miệu tam một đề tỳ-dược
5)Na mô bà nga phộc đới-duệ
6)A lị-dã đa la duệ
7)Án, tát lị-phộc đát tha nga đa

8)Đát tha đa, bộ đa, cổ trí
9)Ba lị thú đề, một đề, tát lị-phộc đát tha nga đa
10)Tát lị-phộc đạt lị-ma đa
11)Nga nga na, A mạt la, vĩ thú đà, đạt lị-ma đế
12)Ma hạ na dã, ba lị phộc lị, sá ha.

Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong, lại vì Càn Đạt Ba Vương với tất cả chúng hội diễn nói 108 tên của Đa La Bồ Tát, rồi nói kệ rằng:

Đa La Bồ Tát này
Vốn từ chữ A (अ) sinh.
Hoặc sinh các Hành Tướng
Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Tướng ấy như Hư không.
Vì tính Hư không sinh
Tùy ứng, hiện Bản tính
Tướng một, Nhiều không ngại
Sắc tướng hiện vô biên.
Thuần một Thể Thiện Tịch
Thường hiện tướng Huyễn Hóa
Mật Ngữ, Chân Thật Ngữ
Nhiếp lý Đại Chân Thật
Thường hành Hạnh chân thật
Cho nơi không sợ hãi
Vắng lặng thường Trừ giận.
Lìa các Khổ đáng sợ
Khéo phá lồng phiền não
Hay giải (cởi bỏ) **Tam Hữu phộc** (sự trói buộc của ba cõi)
Đền lìa hẳn biển khổ
Hay làm pháp Thành Tựu
Tự, Tha đều thành tựu
Chỉ cho Pháp Tối Thượng
Tổng Trì Tự Tại Vương
Cũng từ Tổng Trì Sinh
Cho Đại Nghĩa Tổng Trì
Tương ứng Đại Tự Tại
Tâm ý, tương ứng đủ.
Chẳng là tướng tương ứng.
Tướng tương ứng chẳng lìa
Định ý thường bất động
Có động thường lặng lẽ
Thường ở Tòa hoa sen.
Cũng từ hoa sen sinh
Mắt tịnh như sen xanh
Thường làm mắt chúng sinh.
Thanh tịnh rất thù diệu
Mắt Từ (mắt hiền lành) nhìn chúng sinh
Mắt Phật Tuệ **vô lậu** (không dò rỉ)
Đủ Đại Bi thuần nhất.
Thường phát tâm Đại Bi

Thường hành hạnh Đại Bi
Cũng từ Đại Bi sinh
Xót thương kẻ khó phục
Dùng Bi giáng khắp cả
Bao nhiêu điều khổ não
Trừ khổ khiến vui vẻ
Vị Cam Lộ Pháp thí
Cứu khổ được an vui
Làm trong mát biển khổ
Gọi là Tự Tại Mẫu.
Chiếu sáng khắp các cõi
Dung mạo sáng rực rỡ.
Mọi ngọc báu, mão tóc
Sáng thanh tịnh viên mãn.
Ma Ni, ngọc Trang sức
Tóc kết màu xanh biếc
Xoắn ốc xoay bên phải
Trang nghiêm **Thể Vô Vi**
Người Bất Thiện khiến Thiện
Tất cả nguyện đều tròn
Thân trang nghiêm khó sánh
Thiện Ý và Thiện Thệ
Vắng lặng thường an lạc
Đại Lạc Như Ý Thông.
Sáu niệm đủ sáu thông
Được các Ba La Mật
Khéo nói Pháp **Bốn Đế** (Tứ Diệu Đế)
Đại Biện Tài khai mê.
Trong biển khổ huyễn hóa
Hiện hành tướng huyễn hóa
Cầm kiếm phá phiền não
Cung, Tên và Tam xoa
Bát, Gậy với cây thương
Đô ma la Thước Để
Một Nga La Kim Cương
Đủ mọi loại Khí Trượng
Quán nhìn chỗ cầm Tên (mũi tên)
Đều cho vô sở úy (không còn sợ hãi)
Tay ném chày Kim Cương.
Hiện tác Vô Ngại Thông.
Hay giáng phục quân địch
Biểu Sát, hiện tướng phướng.
Đủ lực Trí Tuệ lớn
Khéo phá quân dũng mãnh
Làm tan phiền não ám
Đều phá giặc ma oán
Như Nhật (mặt Trời) trừ tăm tối
Đây là Thượng Tối Thắng.
Khéo vượt biển luân hồi

Tối Thượng Đại cát tường
Thực tế trụ duy chân
Nghe Tên, xưng phổ biến.
Thường cho, nhận, kính, nguyện.
Thắng mình lại thắng người
Thường hành Hoan Hỷ Thí.
Vi diệu tối thượng tịch
Đây là Trí Như Lai
Báu Như Ý ngửa khắp
Giữ đầy đủ Giới Tướng
Dùng Giới, hành Chánh Đạo
Phạm Âm rất vi diệu
Âm Tối Thượng ba đời
Một tiếng vang vi diệu
Như Đại Tạng Hư Không
Khéo sinh các Thế Gian
Không tranh vật nương tựa
Ba Thừa là chỗ nương
Y hạnh, hành ba Thừa
Giáo ba Thừa giải Thoát
Chư Phật y ba Thừa
Năm mặt cũng năm mắt
Y năm Trí Tính Sinh.
Chính Giác Thành Bồ Đề
Tức là Đại Chính Đạo.
Tất cả mọi loại Tướng
Thân Thanh Tĩnh thù diệu.
Đều tùy ứng hiện sinh.
Soi đời như Tú Diệu
Tự hay đạt bờ kia.
Cũng khéo độ người khác
Tùy ý hóa trăm ngàn
Khéo nhiếp các Thiện Nghĩa
Đầy đủ trăm ngàn phước
Thuần nhất hóa Thế Gian
Khéo buông (xả bỏ) mọi tiền tài
Mọi loại tướng huyễn hóa
Thế Gian Đại Tự Tại
Cát tường các Thiên Tôn
Cầm sen xanh mầu nhiệm
Đủ Giới, Thí, các nguyện
Vui Thiện thường vắng lặng
Ánh lửa Tuệ đại Tịnh
Trừ sạch các ác chướng
Tất cả ma chủ kia
Cứu nạn cho an vui
Tâm bình đẳng vô đẳng
Trừ hết cả đấu tranh
Bộ Đa chủ Tể mẫu

Bảo là Dược Xoa Vương
Hiện thân làm Rồng lớn
Đủ trăm đầu ngàn mắt
Trăm lưỡi, tướng đại ác
Tâm Vô Úy chân thật
Đủ trăm ngàn chủng thắng.
Địa Thiên khéo **Trì Thế** (giữ gìn Thế Gian)
Thường vui, lời vô úy
Trừ hết: bệnh, dịch, độc
Hào quang lớn thù diệu
Không dơ thường thanh tĩnh
Tất cả Thế Gian Mẫu
Giữ Pháp Lợi Thế Gian
Tối Thắng Quán Đỉnh Vương
Làm xong điều cần làm
Đủ mười Ba La Mật
Thường ở mười địa vị
Tạng hiển mười pháp thừa
Mười lý đại chân thật
Trụ mười câu Kim Cương
Biểu sát, mười Pháp Giới
Mười Trí Trừ Ám Tối
Mắt Quán Thế Tự Tại
Đủ sắc tướng đại diệu
Ngang hư không vô biên
Hoặc hiện Ngũ Thông Tiên
Đủ Giới, tướng tự tại
Thân ly dục, ứng cúng
Thường an đạo Tịch Tĩnh
Chính Giác đã ca ngợi
Đa La Bồ Tát này.

_Khi Đức Thế Tôn nói Kệ này xong, bảo Càn Đạt Bà Vương với tất cả chúng hội rằng:

"Đấy là 108 Tên của Đa La Bồ Tát. Ta vì Ông diễn nói, các ông cần phải chí Tâm thọ trì 108 tên của Đa La Bồ Tát với Đa La Ni mà chư Phật đời quá khứ với vị lai đã nói và sẽ nói vì lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ Thiện phát Tâm chí thành. Vào buổi sáng thanh tịnh hoặc vì mình vì người tụng 108 tên với Đa La Ni của Đa La Bồ Tát cho đến niệm thầm (mặc niệm), hoặc dùng 4 miếng lụa trắng làm thành nền vẽ tượng, hoặc trên một bức tường sạch, y như phép dùng màu sắc tối thượng diệu vẽ tượng Bồ Tát, hoặc dùng gỗ Đàn Hương làm thành tượng Bồ Tát, dùng Tâm thanh tĩnh tùy ý thực hiện. Sau đó ở trước tượng Bồ Tát, bày mọi thứ cúng dường, một ngày ba thời chắp tay làm lễ, y như Pháp chí Tâm quán tưởng, tụng 108 tên với Đà La Ni này. Vị Đa La Bồ Tát này có đủ thế lực lớn, tối thượng cát tường, cầu tiêu tan các tội, khéo phá quân Ma hay phá pháp thành tựu của người ở hoặc sơ thiện, trung thiện.

Nếu lại có người phát Tâm chí thành, trì niệm một biến thì tất cả việc tốt lành, giàu sang với pháp thành tựu của người đó tùy theo Bản Nguyện đạt được vĩnh viễn không có chướng ngại, được các Hiền Thánh đích thân ủng hộ. Lại được hàng Trời,

Rồng, Dạ Xoa, Thích Phạm, Hộ Thế, Na La Diên Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Mẫu Quỷ chủ, Đại Hắc Thiên Thần, Tần Na Dạ Ca, Khánh Tự Tại Thiên… cho đến được Chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, tất cả Phẫn Nộ Vương, Đại Uy Đức Minh Vương … đều nói lời này:

“Lành Thay! Lành Thay Thiện Nam Nữ! Các người đối với hạnh của Chư Phật Bồ Tát đã đủ, ngươi sẽ sinh vào Tô Kha phộc Đế Phật Sát (cõi Cực Lạc: Sukha-vatī)”

Bấy giờ, Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương vui vẻ hớn hở, sinh tâm Tín Trọng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy cởi mọi loại vật nghiêm thân, châu báu, ngọc Ma Ni, Trân Châu, bạc vàng, chuỗi anh lạc vô giá cúng dường Đức Phật, chắp tay cung kính chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn rồi nói kệ rằng:

Lành Thay! Thế Tôn!
Thiện Thệ kỳ đặc! (Đặc biệt kỳ lạ)
Thường dùng Tâm Bi
Cứu hộ Tất cả
Mà hay vì con
Cùng với chúng Hội
Nói nghĩa chân thật
Của Tối Thượng này.

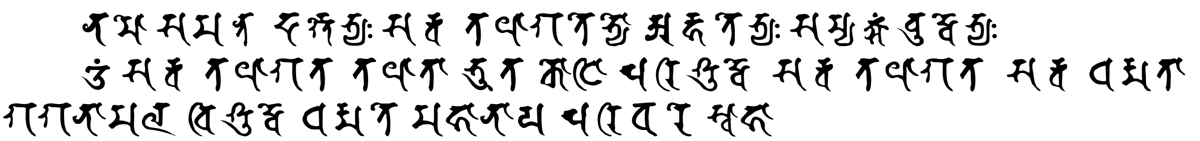
Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Kinh này xong thời các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, các vị Thanh Văn, bậc Trì Minh, Đại Phẫn Nộ chủ, tất cả Minh Vương, các chúng Trời Rồng với Ngũ Kế Càn Đạt Bà Vương nghe điều Phật nói điều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT THUYẾT THÁNH ĐA LA BỒ TÁT KINH
Hết

15/02/2002

THÁNH ĐA LA BỒ TÁT ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú thích Phạn văn: HUYỀN THANH



NAMO (Quy mệnh) **SAMANTA** (bình đẳng) **DARŚEBHYAḤ** (Thị Sát Chúng: chúng xem xét kỹ lưỡng)

SARVA TATHĀGATEBHYO (Tất cả Như Lai Đẳng)

ARHATEBHYAḤ (A La Hán Đẳng)

SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ (Chính Đẳng Chính Giác Đẳng)

OṂ (Nhiếp Triệu)

SARVA TATHĀGATA, TATHĀTĀ BHŪTA-KOṬI, PARIŚUDDHE BUDDHE (Giác ngộ cõi chân như thực tế tràn đầy thanh tịnh của tất cả Như Lai)

SARVA TATHĀGATA, SARVA DHARMATĀ, GAGANA AMALA VIŚUDDHA (Tất cả Như Lai Tính, Tất cả Pháp tính đều thanh tịnh không nhơ bẩn như hư không)

DHARMATE MAHĀ-NĀYA PARIVARE – SVÀHÀ (quyết định thành tựu viên mãn Thắng nguyện đại lý thú của Pháp Tính)

Tạm dịch là :

“Quy mệnh Bình Đẳng Thị Sát chúng. Tất cả Như Lai Chúng, Ứng cúng Chúng, Chính Đẳng Chính Giác Chúng

OM! Giác ngộ cõi Chân Như Thực Tế tràn đầy Thanh Tịnh như tất cả Như Lai. Tất cả Như Lai Tính, tất cả Pháp Tính đều Thanh Tịnh vô cấu như Hư không, quyết định thành tựu viên mãn Thánh Nguyện đại lý thú của Pháp Tính”

Hoàn chỉnh Phạn Văn vào ngày 12/02/2008



Mật Tạng Bộ 2 _ No.1105 (Tr.472 _ Tr.474)

KINH THÁNH ĐA LA NHẤT BÁCH BÁT DANH ĐÀ LA NI

Hán dịch: Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Thiếu Khanh_Truyền Giáo Đại Sư (kẻ bầy tôi là) PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh **Chủng Chủng Ma Ni Anh Lạc Thù Diệu Trang Nghiêm Tăng Cái Tối Thắng Đại Thế Giới Đa La Bồ Tát.**

Bấy giờ **Đa La Bồ Tát** (Tārā-bodhisatva) nguyện ban bố tuyên nói hết thảy Pháp Đại Đà La Ni xưa kia chưa từng được thấy nghe.

1_ Án (OṂ)
2_ Đát-lại lộ cát-dã (TRAILOKYA)
3_ Vĩ nhạ dã (VIJAYA)
4_ A nhạ đán (AJITAṂ)
5_ Nhạ dã (JAYA)
6_ A nễ-dần nhạ đá (ANIRĀJITA)
7_ Nhạ dã (JAYA)
8_ A nhạ dã (SUJAYA)
9_ Vĩ nhạ dã (VIJAYA)
10_ Ma hạ nhạ dã (MAHĀ-JAYA)
11_ Vĩ nhạ dã (VIJAYA)
12_ Nhạ dã, nhạ dã (JAYA JAYA)
13_ Hứ hứ (HI HI)
14_ Sa-ma la, sa-ma la (SMARA SMARA)
15_ Tả la, tả la (CALA CALA)
16_ Phộc la nỉ, phộc la nỉ (VARADA VARADA)
17_ Ca lỗ ni kế, nỉ vĩ (KĀRUṆIKA DEVI)
18_ Vĩ la sa, vĩ la sa (VILASA VILASA)
19_ Vĩ la sa (VILASA)
20_ Phộc nhật-la (VAJRA)
21_ Mô na ca lý (AMOTA-KARI)
22_ Vị nhạ dã nỉ vĩ (VIJAYA-DEVI)
23_ Hứ hứ (HI HI)
24_ Cát-dựng, cát-dựng (KINI KINI)
25_ Vĩ lãm ma tế (VILAMPASE)
26_ Sa-ma la, sa-ma la (SMARA SMARA)
27_ Ma hạ bát-la đế nghệ (MAHĀ-PRAJÑA)
28_ A nễ phộc lý đá (ANIVARTA)
29_ Bát-la sa lý (PRAŚĀRI)
30_ Ma hạ ca lỗ ni kế (MAHĀ-KĀRUṆIKA)
31_ Đá lãm nghệ nễ (TĀRĀṂGINI)
32_ Hồng, hồng (HŪṂ HŪṂ)
33_ Tát-phả tra, tát-phả tra (SPHARA SPHARA)
34_ A vĩ sắt-tra dã, tam vĩ sắt-tra dã (AVIṢṬĀYA SAṂVIṢṬĀYA
35_ Độ nẵng, độ nẵng (DHUNA DHUNA)
36_ Vĩ độ nẵng, vĩ độ nẵng (VIDHUNA VIDHUNA)

37_ Kiếm ba, kiếm ba (KAṂPA KAṂPA)
38_ Kiếm ba ba dã (KAṂPAYA)
39_ Tô la tỳ (SURABHI)
40_ Hiến đà (GANDHA)
41_ Địa phộc tất đá mục khế (DHĪVAK-SITA MUKHE)
42_ Hạ la, đà la, đà mạt la (HARA-DHARA-DAPĀLA)
43_ Tán nga lý-nhạ nẵng tỳ (SAṂGARĀJANI)
44_ Ma ni lỗ (MAṆIRU)
45_ Vĩ xả na, vĩ xả na (VIŚANA VIŚANA)
46_ Hứ hứ (HI HI)
47_ Bà nga phộc đế (BHAGAVATE)
48_ Tán đát-la sa dã (SAṂTRASAYA)
49_ Vĩ cận-nam (VIGHNĀṂ)
50_ Ba lý ba la dã (PARI-BALĀYA)
51_ Sa-ma kiếm (ASMĀKAṂ)
52_ Ma nễ nễ, ma nễ nễ (MADANI MADANI)
53_ Na ma nễ na ma nễ (NĀMA DĀNA-MAṆI)
54_ Tam một đà nễ (SAṂBODHANI)
55_ Tam một đà dã (SAṂBODHĀYA)
56_ Tam mô hạ dã, tam mô hạ dã (SAṂMOHAYA SAṂMOHAYA)
57_ Hạ la, hạ la (HARA HARA)
58_ Hứ lý, hứ lý (HIRI HIRI)
59_ Hộ lỗ, hộ lỗ (HURU HURU)
60_ Vĩ đá la tế (VITARĀSE)
61_ Vĩ la nhạ hám (VIRAJA HAṂ)
62_ Vĩ la nhạ hám (VIRAJA HAṂ)
63_ Đá-lỗ tra dã (TROṬĀYA)
64_ Đát-lỗ tra dã (TROṬĀYA)
65_ Tán đát-lỗ tra dã (SAMTROTÀYA)
66_ Tán đát-lỗ tra dã (SAṂTROṬĀYA)
67_ Mãn lý-na, mãn lý-na (MARDA MARDA)
68_ Na ma, na ma (NĀMA NĀMA)
69_ Tam mạt la, tam mạt la (SAṂVARA SAṂVARA)
70_ Cụ la, cụ la (GURA GURA)
71_ Vĩ nga, vĩ nga (VEGA VEGA)
72_ Vĩ nga phộc đế (VEGA-VATI)
73_ Nẵng mô (NAMO)
74_ Nẵng ma (NAMAḤ)
75_ Sa-phộc hạ (SVĀHĀ)

Nói Chú này xong. Bấy giờ hàng Trời, Người, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Ca, La Sát, Bộ Đa, Tần Nẵng Dạ Ca... nghe câu **Đại Chú** đều che mặt sợ hãi, xin dừng Đại Thần Lực, cầu xin thương xót cứu giúp, quy mệnh khen ngợi Đa La Bồ Tát:

"*Mắt trong dài rộng*
Tâm hành chân thật
Ngắm nhìn ba cõi
Tất cả bình đẳng

Mắt phóng Từ Quang (Ánh sáng hiền lành)
Như Quán Tự Tại
Lợi ích chúng sinh
Như hoa sen nở"

Bấy giờ Tự Tại Thiên Vương trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất với tất cả hàng Trời, Người, A Tu La, chúng Trì Minh... tập hội, quỳ thẳng lưng cũng đều như vậy.

Lúc đó Tự Tại Thiên Vương liền nói Chú là:

"Nẵng mô, nẵng ma, đát sa-muội đá la, duệ nỉ bát-đá vãn lý-tả tế, phộc cật-xoa-dã, mạt-dã nỗ ba, ma nỉ phộc-diệm, nẵng ma sắt-tra thiết đá mẫu-dựng đá hàm sắt-tra, sa-phộc tất đế ca, vĩ nhạ dã, tô thất-lý cật-sử, bát-la tỳ nhạ-noa, bát-la tế thấp-phộc lý, y thấp-phộc lý, thất-tá tất-lý dã, tỳ sắt-ma tán noa, ma hạ tả la phộc đế

Ba nạp-ma nễ đát-la, ba nạp-ma mục khế, ba nạp-ma nẵng tỳ tô tảo cật-xoa na, tô lộ tả nẵng vĩ xá, lạc cật-sử, nễ la nễ lộ đát-bát la, bát-la bà đát-la đá, xá la noa-dã, tô khư na mạt la na, lỗ ba na đát tha, nẵng tha nẵng tha ca lý, nạo nại-la, la đát-nẵng, đát-la dã, vĩ xá lệ nễ đát một-nạo sắt-sỉ đá, mạt-la nẵng khế, la cật-đổ đát-bát la, lộ tả nẵng, nan na nan na, mạt la

Bát nạp-ma, bát nạp-ma bà, bát nạp-ma đá la ca, đát-lại lộ chỉ-dã, na ma nễ phiến đá tỳ ma vĩ nga, ma hạ mạt la, na ma nễ na ma nễ, tái phộc xá lệ nễ, nễ-lý phộc la ba la, bát-la noa đá, phộc nhật-lý, vĩ nhạ duệ, bát-la bà thấp-phộc lý, vĩ la nhạ, ma la tát phộc, một địa thất-tán nại-lý, tô la phộc la lý-tức đá

A hộ đế, bát-la hộ đế thất-tái phộc, phộc lỗ ni tả lỗ phộc lý-tả, sa phộc lỗ ni dụ địa nễ lệ noa, bổ-cảo sắt-ba, nẵng ma ma nỗ hạ lý đát-lý thi khư, đát-lý mạt lệ thất-tái phộc, đát-lý nễ đát-la, đát-lý ma la ba hạ, đát-lý sắt-noa ba nẵng dã, nẵng sa địa-vĩ đát tha, sa la thấp-phộc đá, ma đế, bố sắt-trí na

Bôn ni-dã na tái phộc bá ba hãn đế, vĩ xả la, na đà nẵng na, kiến đế na, táo ma-dã, tô lỗ bá, tố câu tổ na lý, ma dã ma dã phộc đế, nan đế nan đế, lạc cật-xoa la tế, ma hạ ma lệ nễ, na ma tái phộc, na ma nẵng, na ma nẵng, ba hạ ca la, lệ kiến đế ma đát-bát-la, nhạ-noa, đà phộc lộ ma na, xả ma nễ đát tha tô khư

Bát-la nhạ ba đế, đế lý-tha, một-la hám-ma phộc đế, một-la hám-ma na, ba la nhĩ xá-phộc lý tán nại-la, bát-la bà tán nại-la, mục khế tán nại-la, kiến đát-dã, ba lý hạ ni, tô lý-dã, nỉ bát-đế hạ la, la ma-dã la ma ni, tô mục khế, thi phộc cật-sử ma, cật-sử ma phộc đế, đế-lý-tha mộng nga la-dã, vĩ cận-nẵng, nẵng xá nễ đà nễ-dã

Bôn ni-dã vĩ tái đá tả đá bát-đá, nhạ-cảm mô nẵng na, bát-la bà bà dã hãn vĩ, a bà dã na, đá la đá la, địa ba nẵng nẵng, tát lý-phộc tát đát-phộc, nỗ ba la đá, bố nhạ-dã vãn nỉ-dã, bát-la sa na nễ nễ la kế xá, tô vĩ xá tả, la đát-nẵng bà la noa, bộ sa noa bế đán, mạt la đà la nỉ, vĩ thương lý-ngu nại-bà tất đổ, nhập-phộc la, vĩ lỗ tả nẵng, lỗ tả nẵng, đế la kiểu-dựng đế ca la bế.

Phộc nhật-la đà lý ni, mạn noa la, nga-la đà lý tỳ ma, hám sa hám sa, thú tức tất-nhĩ đá kế dụ la, quân noa đà la, hạ la, nhập-phộc la ca la, bế nễ tô nỉ khư la lỗ, mục khế nễ-dần nẵng nẵng, tỳ đà la tô khế.

Ma ni bát-la bà, ma ni đà la, ma ni bộ sa noa, bộ sử đá, ma ni bát-la phổ nỉ-dụ đá phộc đế ma hứ, mạn noa la, mạn noa nẵng nỉ bát-đế kiến đế đà lý, phộc nhật-lý nẵng la nẵng lý.

Bát-la một đà nễ, năng sắt-trí-lý, nan noa đà lý, tô ma-dã, một-la hám-ma, vĩ nga tam ma hứ đá, nga nga nẵng tam ma, nga nga nẵng tả lý ni, phộc la ba-bà la hạ la, bát-la bà ca nhĩ nễ, na ma nễ, tát lý-phộc ca ma, câu-lỗ đà, bát-la ma lý-phộc ca tô noa, đà lý-nhạ trí, nạo nại-lý

Một-la hám-nhĩ, một-la hám-ma, xá-phộc la dã, nhạ ca la vĩ-dựng ca, bà ni tô bộ-lỗ nhạ lộ kế, xá-phộc la, câu la, nga-la nhạ nan ni, nan noa phộc đế.

Tán ni phộc nhật-lý, la đát-nẵng bát-la bà, vĩ bộ sa noa, quân noa la, ma la, tam phộc đà dã, đá dã ma-dã, ma nỗ nỗ nga, vĩ nễ-dã đà lý, lỗ ba đà lý, mạt la ca lý, mạt la mạt la, đà la tái phộc.

Bát-la nhạ-noa, thiết tát đát-la, bát-la hạ lý ni, ca la ca la, phộc đế tái phộc, bát-la nhạ ba la ma nẵng, tát-đát tha hạ lý-nỉ, hạ lý ma-dã, tô hạ lý ma-dã tả, tán ba cúng na ma bà

Tô la, tân nga la, sa ma, xá-lý dã, nhạ sắt-nô, ca la lệ ca la na ba nễ, tô bà nga, bát-la lãm nhĩ nễ tát phộc, đát tha tả, hạ lý-số, đát-ca tra câu la nỗ, lỗ ba đế mạt la, phộc cật-la câu-lỗ đà, bát-la sa na nễ vĩ-dựng nỗ, phộc nhật-la mục khế, địa ma địa ca lý

Bát-la nhạ-noa, phộc lý-đà nễ mưu lệ, vĩ lỗ tả nễ nỉ vĩ, tát lý-phộc nỉ phộc, địa ca phộc la, a nẵng già, nẵng la dã, ni ba ba hạ lý, lạc cật-sử-nhĩ, lãm nhạ phộc đế, tất-lý dã, tô tất-lý dã, tất-lý dã, tán phộc sa, tất-lý dã,

Tức sắt-tra, tất-lý dã, phộc đế tất-lý dã, tất-lý đế ca lý tái phộc, tát lý-phộc đạt lý-ma, tam ma thất-la dã, một đã nễ lý-ma noa, nễ lý-ma noa, ma nẵng ba nẵng dã nam, ca lý, yết lý-ma cật-lệ xá

Bát-la mạt thể nễ ca ma tái nễ-dã, bát-la mạt thể nễ na xả nhạ-noa nẵng, đà lý, một đà na xả, ba la nhĩ đá, thất-la dã na xả bộ nhĩ phộc thi, bát-la bát-đá, ma hạ na xả mạt lộ, nhạ-phộc la

Phộc nhật-la lỗ ni, phộc nhật-la đà lý, phộc nhật-la tô sô-ma tô la, ma hạ ca la, phộc nhật-la tô ma nẵng na, phộc nhật-lãm câu thế tô khế bà trí, phộc nhật-la bá xá, tô bá xá tả.

Phộc nhật-la hạ sa-đá, vĩ la tất nễ, ma nỗ nhạ-noa ma nam, tán phộc đà ba la, vĩ cận-nẵng, vĩ nẵng xả nễ, bát-la hạ-la na nễ đế một-la, mục khế, cật-lý noa nẵng tra ca, nại lý-xá nễ, hạ la hạ la, bát-la bà đạt lý-nhĩ, đạt lý-ma, nan đá, phộc lộ cát nễ, nẵng mô sa-đổ đế

Ma hạ nỉ vĩ nỉ bát-đá, phộc nhật-la, ma hạ vị la dã, đát-tông, di phộc, phộc nhật-la sa lý ni, bà sử ni, mật-lý đá, phộc nhật-lý ni, sa-phộc hạ"

Khi ấy, Tự Tại Thiên Vương khen nói 108 tên (nhất bách bát danh) này xong, rồi lại bảo rằng:"Ngài ! Đa La Bồ Tát khéo hay tuyên nói"

Bấy giờ Đa La Bồ Tát duỗi cầm lửa rực sáng chiếu khắp mười phương rồi tự nhớ nghĩ Đức Phật quá khứ nói:"Tự Tại Thiên Vương với các Trời, Người chí tâm lắng nghe ! Tất cả Như Lai đủ mười lực lớn, luôn làm che giúp. Có uy đức rộng lớn, Bồ Đề Đạo Hạnh như vậy cứu thoát nỗi sợ to lớn sinh tử, luân hồi trong biển khổ của các ngươi, đưa đến bờ kia của Niết Bàn Cứu Cánh, khiến cho tâm phát hạnh, tin nhận **Minh Pháp** (Vidya-dharma).

Khi ấy có Đức Phật hiệu là **Quang Diệm Chủng Chủng Trang Nghiêm Như Lai** lại nói rằng:"Sức của Đại Minh này, nơi tất cả chúng sinh trên bờ dưới nước ấy làm Đại Cứu Hộ. Ở chốn hắc ám kia, làm ánh sáng lớn. Nơi các tội chướng, sinh ra căn lành. Đại Kim Cương Đà La Ni này, nghe Đức Phật quá khứ làm Hạnh tương ứng.

Người biết, tâm được trong sạch biến thành **Tối Thượng Cát Tường Tam Muội**, tất cả điều ác quá khứ rồi tự tiêu trừ, tất cả nghiệp tội rồi tự chẳng sinh

Nếu lại có người lắng nghe thọ trì, chuyên tâm đọc tụng như lời Phật nói thì tất cả sự nghiệp đều được thành tựu, tất cả phiền não đều được giải thoát, thành mãn ước nguyện của tất cả chúng sinh. Pháp Trí của Như Lai ở Thế Gian không có gì ngang bằng được.

Lại nữa đọc tụng 108 tên này, Đa La Bộ Tát cứu giúp dẫn lối được gặp Chính Giác, thành tựu mong cầu.

Nếu Quốc Vương, Đại Thần, Trưởng Giả đối với chúng sinh lúc trước, thảy đều quy phục, hay phá tất cả mê vọng phiền não của Thế Gian"

Bấy giờ Đức **Quang Diệm Phật** nói rằng: "Người ấy vào Như Lai Tộc (Tathāgata-kulāya), là Chân Sư Tử Quang Minh Lực Đẳng, hay hiểu Trời Người, đủ sức đại tinh tiến, được tối thượng đoan nghiêm của Đức Như Lai ấy, nổi danh Đại Sĩ, khéo giải Pháp Tướng, lợi ích tối thắng"

Lại Đức Phật ấy nói rằng: "Lìa dục, Tâm vui, chẳng sinh phiền não, khéo trụ ưa thích, phát Tâm rộng lớn, ngày đêm an ổn, Đa La Bồ Tát yêu thích thủ hộ. Lại được tất cả Trời, Rồng, Quỷ, Thần...kinh ngạc chưa từng có, vui vẻ yêu thích, đỉnh lễ, chắp tay đứng thẳng khen ngợi"

KINH THÁNH ĐA LA NHẤT BÁCH BÁT DANH ĐÀ LA NI

Hết

07/12/2009

Mật Tạng Bộ 3_ No 1106 (Tr 474 → Tr 476)

KINH TÁN DƯƠNG 108 DANH CỦA ĐỨC ĐA LA TÔN BỒ TÁT

Hán dịch: Tây Thiên Trung Ấn Độ, nước Nhạ Lan Đà La, Chùa Mật Lâm Tam Tạng Minh Giáo Đại Sư_ Sa Môn được ban áo tía là THIÊN TỨC TAI phụng chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Nhất Tâm quy mệnh lễ!
Núi **Bổ Đa La Ca** (Potalaka)
Tốt lành đáng yêu mến.
Cõi đó dùng mọi thứ
Châu báu để nghiêm sức
Mọi loại rừng cây báu
Rũ cành lá rậm kín
Có mọi thứ thành tựu
Hoa diệu, **Câu Tô Ma** (Kusuma)
Hoa ấy chiếu sáng khắp.
Có mọi thứ ao hồ
Suối tuôn đủ mọi tiếng
Cũng có mọi màu sắc
Hương Tượng (Voi lớn) với Lộc Vương (vua Nai)
Phong Vương (Ong chúa) tiếng ca hay.
Nữ Khẩn Na (Kiṃnarī) múa đẹp
Càn Đạt Bà (gandharva) tấu nhạc.
Thánh Thiên với nhân dân
Mâu Ni (Muṇi) chúng Ly Dục
Luôn tập hội trong đấy.
Còn có chúng Bồ Tát
Với Mười Địa Tự Tại
Thánh Đa La Bồ Tát (Ārya Tārā Bodhisatva)
Cùng ngàn đẳng **Minh Phi** (Vidya-rājñī)
Vây quanh đẳng **Mã Đầu**
Phẫn Nộ đại Minh Vương (Hayagrīva-krodha mahā-vidya-rāja)

_Lúc đó **Thánh Cụ Đức**
Quán Tự Tại Bồ Tát (Ārya Avalokiteśvarāya-bodhi-satva)
Vì lợi các Hữu Tình
Đã đầy đủ hạnh lớn (Đại Hạnh)
Đấng Từ Bi Hỷ Xả
An lành ngồi ngay thẳng
Trên tòa sen Cát Tường
Trong Thai Tạng Sinh kia.
Cùng đại chúng người, Trời
Vì họ nói Diệu pháp.
Bấy giờ **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi)

Đại Lực Phẫn Nộ Vương (Mahā-bala krodha-rāja)
Vì thương sót kẻ khác
Nên hỏi Quán Tự Tại
"Sư tử, voi, cọp, rắn
nước, lửa, giặc, gông cùm
Tám nạn tai như vậy.
Hữu Tình kém cỏi lười
Làm sao miễn lìa được?
Biển luân hồi, ở lâu
Bị tham, dục, sân, nghi
Xoay chuyển vòng buộc quấn
Nếu khiến được giải thoát
Tôi nói NĂNG NHÂN ấy
Được Thế Gian tôn trọng".
Khi ấy Quán Tự Tại
Tuôn lời nói mỹ diệu.
Cảnh giác Kim Cương Thủ:
"Bí Mật Chủ! Lắng nghe
Tôi từ Vô Lượng Thọ (Amitāyus-buddha)
Đã khởi sinh Thệ Nguyện
Làm mẹ các Thế Gian.
Tay cầm hoa Ưu bát (Utpala:hoa sen màu xanh da trời*)*
Phóng quang chiếu cõi này.
Nhân gian với cõi Trời
Kinh động loài Dược Xoa (Yakṣa)
La Sát (Rākṣasa) ***của cõi đó***
Bảo rằng: Đừng Kinh Sợ!
Ta từ Phật biến hóa
Hộ giúp cho Thế Gian.
Mọi hiểm nạn, sợ hãi
Đao binh với đói khát
Mọi sợ hãi luân hồi
Ta cứu Hữu Tình nên
Đời xưng là Đa La (Tārā)
Nói là con của Phật
Lành thay! Nên tôn kính"
Nói xong liền chắp tay
Nhảy lên trụ trong không.
Hào quang thân rực lửa
Diễn bày lời nói này:
" Một trăm lẻ tám tên
Phật đời trước đã nói
Hàng Thập địa Tự Tại
Vô lượng các Bồ Tát
Nghe xong, sinh vui vẻ
Nếu có người thọ trì
Các tội đều tiêu diệt
Tăng Phước, danh xưng rộng
Nhiều tiền của, tốt lành

Các bệnh tiêu tan hết
An lành trụ ruộng phước
Sống lâu và an vui
Hiền lành độ Hữu Tình
Tên ấy: Đại Mâu Ni
Đủ Đức như đã nói”

_Quán Tự Tại mỉm cười
Xem xét khắp mười phương.
Vận **Tâm Từ** biến hóa
Liền duỗi bàn tay phải
Tay phước tướng trang nghiêm
Bảo đấng Đại Trí rằng:
“ Lành Thay! Kim Cương Thủ!
Nay nghe Đại phước đức
Tên Diệu Tịch Tĩnh ấy.
Thẳng thắn vì ông nói
Nếu nghe được an vui
Giàu có và tự tại
Các bệnh được giải thoát
Đầy đủ các công đức
Ngưng dứt nạn chết yểu
Cuối cùng sinh Cực Lạc
Hàng chư Thiên nên biết
Lắng nghe! Nay ta nói
Các ngươi hãy tùy vui
Trăm lẻ tám tên là:
1)Án- Thất-lị ca lý-dã ni, ma ha đế nhạ
2)Lộ ca đà đát-lị, ma ha dã xả
3)Tát la sa-phộc đễ
4)Vĩ sa lạc khất-sử
5)Bát-la chỉ-nhương
6)Thất-lị
7)Một địa
8)Phộc lị-đạt ninh
9)Địa-lị để na
10)Bổ sắt-trí na
11)Sa-phộc hạ
12)Án, ca la
13)Ca ma lộ nhĩ ni
14)Tát phộc tát đát-phộc, tứ cấu nễ-dụ ngật-đá
15)Tăng nghiệt-la mộ đa la ni
16)Nhạ dã
17)Bát-la chỉ-nhương, bá la mạt đá, nhĩ vĩ-duệ
18)A lị-dã đá la
19)Ma nỗ la ma
20)Nộ nỗ tỵ
21)Thương xí nễ

22)Bố la-noa
23)Vĩ nễ-dã la nghê dĩ
24)Phả lị-diễm phộc na.
25)Tán nại-la nẵng nẵng
26)Ma hạ kiểu lị
27)A nỉ đá
28)Tỷ đá phộc tát sa
29)Ma hạ ma dã
30)Ma hạ thất-phệ đá
31)Ma hạ mạt la phả la ngật-la ma.
32)Ma hạ lỗ nại-la
33)Ma hạ tán noa
34)Nột sắt-tra tát đát-phộc, nễ tố na nễ.
35)Bát-la tán đá
36)Tán đá lỗ bá tả
37)Vĩ nhạ dã
38)Nhập-phộc la nẵng, bát-la bà
39)Vĩ nễ-dụ la-ma lý.
40)Đặc phộc Nỉ
41)Thương xí
42)Già nặc nghệ
43)Tác ngật-lị
44)Đạt nỗ la-đạt la
45)Nhiễm bà nễ
46)Tát diêm bà nễ
47)Ca lý
48)Ca la, la đát-lị
49)Nễ xả tạt lị
50)Lạc khất-sái Tỷ
51)Mệ ha nễ
52)Tán để
53)Kiến đá lị
54)Nại-la vĩ nị
55)Thú bà
56)Một-la hám-ma ni
57)Phệ na ma đá tả
58)Ngu tứ la
59)Ngu hạ, phộc tất nễ
60)Mãng nghệ-lị dã
61)Thương ca lị
62)Táo mỹ ca
63)Nhạ đá phệ na
64)Ma nỗ nhạ phộc
65)Ca ba lý nễ
66)Ma hạ nhĩ vĩ
67)Tán địa dã
68)Tát đá dã
69)Phả la nỉ đá

70)Sa la-tha phộc hạ ngật-lị bá vĩ sắt-tra
71)Nẵng sắt-tra, ma la-nga, bát-la na lị-xả nễ
72)Phộc la na
73)Xả tát nễ
74)Xả tất đát-lị
75)Tất-đá-lị lỗ bá
76)Mật-lị đá, vĩ ngật-la ma
77)Xa phộc lị
78)Dụ nghiệt nễ
79)Tất đà
80)Tán noa lý
81)A nhĩ đá, độ-lỗ phộc
82)Thán ni-dã
83)Mãng ni-dã
84)Ma hạ bà nga
85)Tố bà nga.
86)Tất-lị dã, nại lị-xả nẵng
87)Ngật-lị đát đá
88)Đát-la tát nễ
89)Tịch ma
90)Ổ nghệ-la, ổ nghệ-la
91)Ma ha đá bá
92)Nhụ nga nhĩ ca
93)Tứ nộn nhĩ-dụ ngật-đá
94)Tát la ni-dã, bà ngật-để, phộc đát-sa la.
95)Phộc nghiệt thất-phộc lị
96)Thất phộc
97)Tố khất-sắt ma
98)Nễ đễ-dã tát phộc đát-la nha nỗ nhạ
99)Tát phộc la-tha, sa đạt ninh
100)Bạt nại-la
101)Ngu tất-đát-lị
102)Đà đát-lị
103)Đạt nan na ná
104)A bà dã
105)Kiểu đá nhĩ
106)Mãng ni dã
107)Thất-lị hàm
108)Lộ kế thấp-phộc la, ma tổ đế.

_Đem nói trăm lẽ tám
Tên Tịch Tĩnh bí mật
Hay lợi các Hữu Tình
Ruộng Phước kín (bí mật) hiếm có.
Trên Trời và Nhân Gian.
Cũng khó thể gặp gỡ.
Khiến tất cả Hữu Tình
Chiêm ngưỡng được an vui

Bậc Trí nên nhất Tâm
Tắm rửa thân sạch sẽ
Ba thời chuyên niệm tụng
Chẳng bao lâu người ấy
Được vua chúa yêu kính
Lìa khổ được an vui
Người tham được tài bảo
Ngu được trí tuệ lớn.
Thông sáng chẳng nghi ngờ
Giải thoát được gông cùm
Khó thắng lại được thắng
Oán phản làm bạn lành
Nanh nhọn với sừng bén
Đấu tranh và hiểm nạn
Hết thảy sự sợ hãi
Ghi nhớ các tên này.
Hay cứu sự hãi ấy
Ngưng dứt mạng chết yểu
Danh xưng được rộng bày
Thường sinh giòng Thiện quý.
Chỉ riêng một thân mình
Hoặc do đi, ngồi, nằm.
Sẽ được người khen ngợi
Thọ mệnh được tăng trưởng
Nhận vui sướng nhân gian.
Trời (Deva), Rồng (Nāga) với Dược Xoa (Yakṣa)
La Sát (Rākṣasa), Càn Đạt Phộc (Gandharva)
Xú Thần (Pūtaṇa), Thực uế Thần (Piśāca)
Ma Đát Lỗ (Mātṛ), Tâm ác (Māra)
Nữ Mỵ , Noa Chỉ Nỗ (Ḍākiṇī)
Ổ Bà, Đát La đẳng (Tāraka)
Điên, cùi và Bác hạnh
Phệ Đát Noa (Vetāla) Đại Quỷ
Nhóm Noa Chỉ Nễ (Ḍākiṇī), Thần (Devatā)
Với loài Tâm ác khác
Chẳng dám vượt hình bóng
Huống chi nơi chiến đấu.
Các Hữu Tình bạo ác
Cấm chú và Huyễn Thuật
Đều chẳng thể xâm hại
Tự Tại có Uy Đức
Con cháu, tiền, súc vật
Tăng trưởng không hạn lượng
Được Túc Mệnh Trí Thông.
Thượng Tộc nhìn đều vui
Đại biện tài vô ngại
Liễu đạt các luận nghĩa
Được gặp Thiện Tri Thức
Trang nghiêm Tâm Bồ Đề

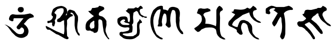
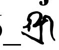
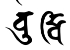
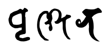
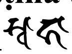
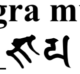
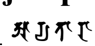
Nơi đời đời kiếp kiếp
Luôn gần gũi chư Phật.

TÁN DƯƠNG THÁNH ĐỨC ĐA LA BỒ TÁT 108 DANH KINH
Hết

13/01/2002

108 TÊN CỦA TÀRÀ

Phục hồi và chú thích Phạn văn: HUYỀN THANH

1_ 
Oṃ (Quy mệnh) **śrī-kalyāni** (Đạo đức nữ) **mahā-teja** (Đại Uy nghiêm mẫu)
2_ 
Loka-strī (Thế gian nữ) **mahà yaśa** (Đại danh xưng mẫu)
3_ 
Sarasvati (Biện tài Thiên Nữ)
4_ 
Visarākṣu (Đại Nhãn mẫu)
5_ 
Prajña (Trí Tuệ Mẫu)
6_ 
Śrī (Cát Tường Nữ)
7_ 
Buddhi (Giác Tuệ Nữ)
8_ 
Vardhani (Tăng Trưởng Nữ)
9_ 
Dhṛ-śina (Trì chủng loại mẫu)
10_ 
Puṣṭina (Tăng Ích Mẫu)
11_ 
Svāhā (Thành tựu cát tường)
12_ 
Oṃ (Quy mệnh) **Kāra** (Tạo tác mẫu)
13_ 
Kamalo Jīni (Liên hoa Thắng Nữ)
14_ 
Sarva sattvā hīta adhyuṣṭa (Tăng trưởng lợi ích nhất thiết Hữu Tình mẫu)
15_ 
Sāgra mudrani (Hải Ấn Nữ)
16_ 
Jaya (Tôn Thắng Thần Nữ)
17_ 
Prajña paramartha devīye (Trí Tuệ Tối Thượng Thiên Nữ)
18_ 

Ārya Tārā (Thánh Cứu Độ Mẫu)
19_
Mano rāmā (Thích Duyệt ý nữ)
20_
Duṇḍubhi (Cổ Thần Nữ: Nữ thần Đánh trống)
21_
Śaṃkhini (Tù Và Thần Nữ)
22_
Pūrṇa (Viên Mãn Mẫu)
23_
Vidya-raśmi (Minh Quang Nữ)
24_
Paryaṃ-vacana (Thích Duyệt Ngôn Ngữ Mẫu)
25_
Candra-nānā (Nguyệt Diện Mẫu)
26_
Mahā-Gaurī (Đại Bạch Huy Quang Mẫu)
27_
Ajitā (Vô Năng Thắng Thần Nữ)
28_
Pīta-vastraṃ (Hoàng Y Mẫu)
29_
Mahā-mayā (Đại Huyễn Hóa Mẫu)
30_
Mahā-śveta (Đại Bạch Sắc Mẫu)
31_
Mahā-prakrama (Đại Anh Hùng Mẫu)
32_
Mahā-rudra (Đại Tự Tại Mẫu)
33_
Mahā-caṇḍa (Đại Bạo Nộ Mẫu)
34_
Duṣṭa-sattvā-nīsūdanī (Trảm ác Hữu Tình Nữ)
35_
Praśānta (Bình Loạn Mẫu)
36_
Śānta rūpaṣya (Kiến Tạo Hòa Bình Mẫu)
37_
Vijaya (Tối Thắng Thần Nữ)
38_
Jvala-prabha (Uy Diễm Quang Mẫu)
39_
Vidyurmale (Điển Man Mẫu: người nữ đeo Tràng Hoa lóe ánh điện)
40_
Dhvajī (Thắng Tràng Nữ: người nữ cầm cây Phướng Chiến Thắng)

41_𑖫𑖽𑖏𑖰
Śaṃkhi (Bình Bát Nữ: người nữ ôm bình bát)
42_𑖏𑖝𑖿𑖪𑖒𑖿𑖐𑖱
Khatvaṅgī (Lợi Kiếm Nữ: người nữ cầm cây kiếm sắc bén)
43_𑖓𑖎𑖿𑖨𑖱
Cakrì (Luân Nữ: người nữ cầm bánh xe)
44_𑖠𑖜𑖿𑖚𑖺𑖨𑖿𑖠𑖯𑖨
Dhaṇḍordhāra (Trì Nhân Đầu Bổng Mẫu)
45_𑖕𑖦𑖿𑖥𑖡𑖱
Jambhanī (Tồi Phục Nữ)
46_𑖭𑖕𑖦𑖿𑖥𑖡𑖱
Sajambhanī (Thiện Tồi Phục Nữ)
47_𑖎𑖯𑖩𑖱
Kālī (Hắc Mẫu Thiên)
48_𑖎𑖯𑖩𑖨𑖯𑖝𑖿𑖨𑖱
Kāla-rātrī (Hắc Dạ Thần Nữ)
49_𑖡𑖱𑖫𑖓𑖨𑖿𑖧𑖸
Nīśa-carye (Dạ Hành Thần Nữ)
50_𑖨𑖯𑖎𑖿𑖬𑖭𑖱
Rākṣasī (La Sát Nữ hay Hộ Vệ Nữ)
51_𑖦𑖺𑖮𑖡𑖱
Mohanī (Mê Hoặc Nữ)
52_𑖫𑖯𑖡𑖿𑖝𑖰
Śānti (Tịch Tĩnh Nữ)
53_𑖎𑖲𑖜𑖿𑖚𑖩𑖱
Kuṇḍalī (Quân Trà Lợi Nữ: người ôm ấp yêu thương)
54_𑖟𑖿𑖨𑖦𑖰𑖩𑖱
Dramilī (Dũng Mãnh Nữ)
55_𑖫𑖲𑖥
Śubha (Đức Hạnh Mẫu)
56_𑖤𑖿𑖨𑖮𑖿𑖦𑖜𑖰
Brahmaṇi (Phạm Thiên Nữ)
57_𑖪𑖸𑖟𑖦𑖯𑖝𑖯𑖬𑖿𑖧
Veda-mātāṣya (Vệ Đà Mẫu Đẳng)
58_𑖐𑖲𑖮𑖸𑖨
Guhera (Bảo Hộ Mẫu)
59_𑖐𑖲𑖮𑖪𑖯𑖭𑖰𑖡𑖱
Guha-vāsinī (Ẩn Cư Nữ)
60_𑖦𑖒𑖿𑖐𑖩𑖿𑖧
Maṅgalya (Cát Khánh Mẫu)
61_𑖫𑖒𑖿𑖎𑖨𑖱
Śaṅkarī (Thuận Lợi Mẫu)
62_𑖭𑖻𑖦𑖿𑖧
Saumya (Hiền Thiện Mẫu)
63_𑖕𑖯𑖝𑖪𑖸𑖟

Jaṭa-veda (Thông Minh Mẫu)
64_
Mano-japa (Thiện Xảo Ý Mẫu)
65_
Kāpalinī (Độc Lâu Thần Nữ)
66_
Mahā-devī (Đại Thiên Nữ)
67_
Satya (Chân Thật Mẫu)
68_
Sādhaya (Nghi Thức Thành Tựu Mẫu)
69_
Parājita (Năng Thắng Thần Nữ)
70_
Sārtha-vāha kṛpā-dṛṣṭi (Bi Mẫn Kiến Thần Nữ)
71_
Nāṣṭi-marga pradarśani (Hướng Đạo Nữ)
72_
Varada (Dữ Nguyện Mẫu)
73_
Śārani (Huấn Luyện Nữ)
74_
Sastrī (Giáo Viên Nữ)
75_
Strī-rūpa (Trì Nữ Hình Mẫu)
76_
Amṛta vikrama (Bất Tử Anh Hùng Mẫu)
77_
Śabarī (Đa Sắc Nữ: người hay ẩn thân)
78_
Yoginī (Du Già Nữ)
79_
Siddhe (Thành Tựu Nữ)
80_
Caṇḍari (Bạo Nộ Nữ)
81_
Ajita-śruta (Vô Năng Thắng xuất chúng Mẫu)
82_
Sannya (Ly Hành Mẫu)
83_
Maṇiya (Như Ý Đẳng Mẫu)
84_
Mahā-bhaga (Đại Đức Tính Mẫu)
85_
Subhaga (Thiện Đức Tính Mẫu)

86_
Śrīya-darśana (Cát Tường Kiến Mẫu)
87_
Kṛtva (Khởi Tạo Mẫu)
88_
Trasani (Tam Lợi Nhuận Nữ: người nữ có 3 thứ sắc đẹp, danh vọng, của cải)
89_
Sīmā (Giới Đàn Mẫu)
90_
Urga-durga (Uy Mãnh Bạo Ác Thần Nữ)
91_
Mahā-sarpa (Đại Xà Mẫu)
92_
Jagat-jik (Thắng Thế Gian Mẫu)
93_
He!(Mừng thay) **Anu-adhyuṣṭa** (Thuận Tăng Trưởng Mẫu)
94_
Sara-adhya Bohakti-vassara (Tín Giáo Thiện Hữu Mẫu)
95_
Bhageśvari (Đức Tính Tự Tại Mẫu)
96_
Svāk (Ngôn Ngữ Chủ Mẫu)
97_
Sukṣmā (Hoan Hỷ Mẫu)
98_
Nitya-sarvathā anugate (Nhất Thiết xứ đồng hành Mẫu)
99_
Sarvārtha sādhani (Thành Tựu nghĩa lợi nữ)
100_
Bhadra (Hiền Mẫu)
101_
Guhya-strī (Bí Mật Nữ)
102_
Strī (Y Tá Nữ)
103_
Dhana-danī (Tài Thí Nữ)
104_
Abhaya (Vô Úy Mẫu)
105_
Gotamī (Cồ Đàm Mẫu)
106_
Malya (Thắng Man Mẫu : người đeo vòng hoa chiến thắng)
107_
Śrī maṃ (Tôi khen ngợi ca tụng)
108_

Lokeśvara masuti (Người con gái mỹ lệ của Thế Tự Tại)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 21/03/2012



Mật Tạng Bộ 03 (Tr 331 – Tr 332)

ĐA LA BỒ TÁT HỘ TRÌ

(Trích trong Kinh **Bất Không Quyến Sách Thần Biến**, quyển 19, phẩm 37)

Hán dịch: BỒ ĐỀ LƯU CHI
Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ **Đa La Bồ Tát** từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay cung kính, đỉnh lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng theo bên phải, quay trở về trụ một bên, rồi bạch với Đức Phật rằng:

"Thế Tôn! Tôn Giả Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ấy hay khéo diễn bày **Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Đà La Ni Chân Ngôn Đàn Ấn Tam Muội Gia** này cho người trì Chân Ngôn ở Thế Gian được lợi ích lớn.

Thế Tôn! Nay con cũng có **Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Đa La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia**. Nếu người tu Chân Ngôn ở trong 21 ngày thanh tịnh như Pháp, tinh tiến niệm tụng, hoặc thường tụng trì Chân Ngôn này. Con thề sẽ tùy theo ủng hộ, dùng mọi thứ Thần Biến của Tam Muội, thị hiện ban cho các Nguyện Quả. Con muốn ở trước mặt Đức Phật diễn bày, nguyện xin rũ lòng thương nhận cho"

Bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai bảo Đa La Bồ Tát rằng "Lành thay! Lành thay! Ngươi nên nói, Ta sẽ gia bị cho"

Khi ấy Đa La Bồ Tát liền nói ***Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Ma Ni Tâm Đà La Ni Chân Ngôn*** là:

1)Na mạc tắc-trất lệ duệ, đặc tẫn ca nam.
2)**Đả tha nga đá nam**
3)Xá chỉ dã, la nhạ
4)A địa sắt xá na
5)Na mạc tắc khất lị đa nam.
6)Na mô la đát na đát la gia dã
7)Na mạc a-lợi gia
8)Phộc lộ chỉ đế thấp phộc la dã
9)Bồ địa tát đỏa dã
10)Ma ha tát đỏa dã
11)Ma ha ca lỗ ni ca dã
12)Na mạc tắc đả la duệ
13)Ma la nhĩ mê
14)Án- Đả la ni, đả la ni
15)Đả lệ, bát đầu ma
16)Nhĩ bộ sử đa, đả lệ
17)Ma ni, ca ná na
18)Nhĩ chất đát, ma lê
19)Nhạ tra, ma câu tra.
20)Ma ni đả, bát-đầu mê
21)Độ lỗ, độ lỗ
22)Bát_đầu ma, bá xã, bộ nan
23)A mô già, bá xã, ca tắc đê.
24)Đả la dã, bả già phộc để.
25)Ma ha tất địa, bà la ni

26)Đổ lỗ, đổ lỗ
27)Ma ha đả la ni
28)Bà la nê, sa đa dã, tất đệ
29)A mộ già, bả la nê
30)Sa_phộc hạ

- Ma Ni Đại Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:
"Án – A Mô già, bát đầu nhĩ nễ, đả lê, sa_phộc ha"
Ma Ni Tiểu Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:
"Án – Ma Ni, đả lê, Hàm"

Thế Tôn! Ma Ni Tâm Đà La Ni Chân Ngôn này ban cho người tu Chân Ngôn mãn các điều cầu nguyện.

Nếu tô điểm Đạo Trường, đặt Tượng Đa La. Lấy An Tất Hương, Tô Hợp Hương, Tái Tất Lật Ca Hương, … hòa hợp như Pháp. Dùng chân ngôn ấy, ngày đêm như pháp gia trì vào Hương, rồi thiêu đốt thừa sự cúng dường, tụng 10 vạn biến thì Con (Đa La Bồ Tát) liền hiện thân ban cho điều nguyện cầu , trừ bỏ tai nạn về các Dược xoa, La sát, Quỷ Thần, đấu tranh,…

Thế Tôn! Nếu người tu Chân ngôn, mỗi khi muốn nằm thì ở trước Tượng, đốt hương, tụng 21 biến rồi nằm ngủ, con mau chóng hiện trong mộng, ở trước mặt người ấy diễn nói tất cả việc Pháp trong ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai) khiến cho người ấy được viên mãn tất cả tri giải, thành tựu phước đức, trừ diệt tất cả tai quái bệnh não. Sau khi người ấy chết, con sẽ hiện thân ban cho chính niệm và đưa người ấy vãnh sanh về cõi Phật, hóa sinh trong hoa sen, viên mãn mọi sắc tướng, được Túc Trụ Trí, được các Như Lai thọ ký riêng, được thân Kim Cương trụ trong Đàn Hội chủng tộc của các Như Lai cho đến chẳng bị thoái chuyển nơi vô Thượng chính đẳng Bồ Đề."

Lúc bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai bảo Đa La Bồ Tát rằng:

"Lành thay! Lành thay! Ngươi hay nói về ***Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Ma Ni Chân Ngôn*** để hộ trì cho tất cả người tu Chân ngôn được Tất Địa Tối Thắng. Ngươi nên Gia bị tối thượng Nguyện Địa mà ủng hộ cho họ".

Hết

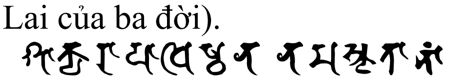
14 /02/ 2002

***)Bất Không Vương Căn Bản Liên Hoa Đỉnh Ma Ni Tâm Đà La Ni Chân Ngôn**

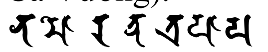
Phục hồi và chú thích Phạn văn: HUYỀN THANH



NAMAḤ STRIYA-DHVIKĀNĀṂ TATHĀGATĀNĀṂ (Kính lễ các Đấng Như Lai của ba đời).



ŚĀKYA-RĀJA ADHIṢṬHANA NAMASKṚTĀNĀṂ (Kính lễ lực gia trì của Thích Ca Vương).



NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo).



NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA (Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát ma ha tát).



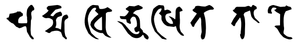
NAMAḤ SADHĀRĀYE MĀLĀ NIMI (Kính lễ Đẳng Diệu Trì với chuỗi ngọc lấp lánh).



OṂ (Quy mệnh).



TĀRĀṆI (Đấng Chiến Thắng) TĀRĀṆI (Đấng Tự Do) TĀRA (Đấng Cứu Độ Mẫu).



PADMA VIBHŪṢITA TĀRE (Đấng Cứu Độ Mẫu dùng hoa sen để trang sức).



MAṆI, KANAKA, VICITRA MĀLE JAṬA MAKUṬA, MAṆḌITA PADME (Ngài ngự trong hoa sen được trang điểm bằng mão báu vòng hoa nhiều màu; vàng; ngọc như ý).



DHURU DHURU (lóe sáng, tỏa những tia sáng của lửa)



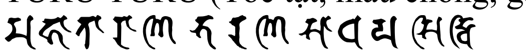
PADMA-PĀŚA BHŪTĀṂ AMOGHA-PĀŚA KṢATI TĀRĀYA (Sợi dây hoa sen trở thành sợi dây Bất Không cứu giúp vượt qua sự tổn hại bất lợi).



BHAGAVATE MAHĀ-SIDDHI BHARAṆI (Thế Tôn Đại Thành Tựu ủng hộ).



TURU TURU (Tốc tật, mau chóng, gấp rút)



MAHĀ-TĀRĀṆI BHARAṆI SĀDHAYA SIDDHI (Thành Tựu hoàn toàn phong thái của Đại Cứu Độ Mẫu).



AMOGHA BHARAṆI SVĀHĀ (Thành Tựu viên mãn phong thái của Đấng Bất Không)

***) Ma Ni Đại Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:**



OṂ– AMOGHA-PADMINI TĀRE – SVĀHĀ. (Quy mệnh Bất Không Liên Hoa Cứu Độ Mẫu, thành tựu cát tường)[1]

[Quy mệnh – Người đàn bà tuyệt hảo của Đấng Bất Không, thành tựu cát tường]

***) Ma Ni Tiểu Tâm Đà La Ni Chân Ngôn:**



OṂ– MAṆI TĀRE – SVĀHĀ (Quy mệnh Như Ý Cứu Độ Mẫu, thành Tựu cát tường).

Hoàn chỉnh Phạn Văn vào ngày 11/02/2007

Mật Tạng Bộ 3 – No 1109 (Tr. 484)

BẠCH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU TÁN

Hán dịch: Trụ Trì chùa Tĩnh Trụ ở Bắc Kinh – A VƯỢNG TRÁT THẬP
Việt dịch: HUYỀN THANH



白救度佛母

*** Nạp ma Chí Tôn Thánh Cứu Độ phật Mẫu**

- **Án** (Oṃ) **Cứu Độ Du Hồi Đáp Liệt Mẫu** (Saṃskāra-tāre: Độ thoát luân hồi Mẫu)

Dùng **Đô Đáp Liệt** (Tuttāre) thoát tám nạn.
Tất cả bệnh tội, **Đô Liệt** (Ture) cứu
Trước Cứu Độ Mẫu kính tán lễ
- Chính giữa hoa sen màu Trắng tịnh
Trên đó an bày tòa Nguyệt Luân.
Tòa hiện **Kim Cương Du Già Mẫu** (Vajra yoginī)
Trước Thí Nguyện Mẫu, chí kính lễ.
- Mặt như tướng ánh sáng Trăng Thu
Thân Phật Mẫu tựa Hạo phách luân.
Mọi thứ trang nghiêm đầy đủ cả
Trước Đấng cầm hoa (Ulpāla: Hoa sen xanh da trời) xin kính lễ
- Đầy đủ Thể tướng mười sáu tuổi.
Tất cả chính Giác đều là con
Đảm đương ban bố tùy ước muốn
Kính lễ trước Cứu Độ Phật Mẫu.
- Luân Trắng tinh tỏa hào quang trắng
Trên tám cây căm hiện tám chữ.
Tất cả đồng với tướng xoay chuyển
Hướng trước Cụ Luân, chí kính lễ.
- Tất cả sát Thổ (cõi, nước) đều thanh tịnh
Trong đó rải đầy nhiều hoa báu
Đản sinh Mẹ của Phật ba đời

Trước Mẫu Tôn ấy, chí kính lễ.
- Thánh Mẫu, Độ Mẫu, Cứu Độ Mẫu
Tăng ích Thọ Mẫu, Như Ý Luân.
Trước phật Mẫu Tôn xin cầu đảo
Làm tiêu thọ duyên Ma của con.
- Bệnh tật, tất cả nạn khổ đau.
Cầu xin bảo hộ giúp cho con.
Các Thành Tựu Thắng với Thông Thường
Ban bố cho con không dư sót
- Trước Thánh Mẫu Tôn, thành kính lễ
Xin thường ghi nhớ như con đỏ
Trước Tôn con cũng chí khẩn cầu
Cầu xin thường cầm Từ Bi Câu (móc câu Từ Bi)
- Thắng Thân Phật Mẫu như ánh trăng.
Yểu điệu nhu thiện thể đoan nghiêm.
Diệu tướng điểm tô nhiều vật báu
Dùng lụa là tốt tạo quần xiêm
- Trên tòa báu vành trăng hoa sen.
Hai chân ngồi Kim Cương Kiết Già
Một mặt, hai tay, dung mạo vui
Sinh làm mẹ của Phật ba đời.
- Trước Phật Mẫu Tôn thường quì lạy
Nay đối trước Tôn dùng diệu tán
Xin giúp chúng con lúc tu đạo
Từ nay cho đến được Bồ Đề
Tiêu trừ mọi nghịch duyên trong đó.
Nguyện được đầy đủ nơi Thuận duyên.

"**Án – đáp liệp, đô đáp liệp, đô liệp, mạ mạ, a du lị bổ nột diệp, ni nạp, bổ chân, cổ lỗ diệp, sá ha".**

* Bạch Độ Mẫu Chú:



OṂ – TĀRE TUTTĀRE TURE – ĀYUḤ PUṆYE JÑĀNA PUṢṬIṂ KURU – SVĀHĀ.

BẠCH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU TÁN (Hết)

14/01/2002

Vạn Tự Tục Tạng Kinh _ Tập 59 _ No.1054

LIÊN HOA BỘ ĐA LỢI TÂM BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán văn: Nam Thiên Trúc Tam Tạng BẠT CHIẾT LA BỒ ĐỀ (Vajra-bodhi) tập soạn

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Ngài Tam Tạng của Nam Thiên Trúc là **Bạt Chiết La Bồ Đề** (Vajra-bodhi: Kim Cương Trí) đã góp nhặt rồi biên soạn **Khu Yếu Niệm Tụng Môn.** Trong đó ý muốn khéo thành **Đa Lợi Tâm Bồ Tát** cũng thông tất cả các Bộ. Nếu dùng Bộ khác thời nên theo bậc **Minh Pháp** (hiểu rõ Pháp), gần gũi hỏi han, quyết lược bỏ định liệu **Minh Chú Ấn**, các thứ tự khác, đừng nên thêm bớt

Pháp Môn này kết hợp với Pháp Môn của các Kinh và Du Già Môn tạo thành. Vì người sơ Tâm cầu giải thoát đều được địa vị, cho nên tu tập thành tựu Hạnh đó

Người tu Môn này. Trước tiên nên vào **Đại Tam Muội Gia Đàn** (Mahā-samaya-maṇḍala), thọ **Bồ Tát Giới** (Bodhisatva-vinaya), hành **Bồ Tát Hạnh** (Bodhisatva-caryā), khởi ý **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa), buông bỏ tiền tài thân mệnh, làm lợi ích cho Hữu Tình. Chuyên tâm mong cầu kính ngưỡng **Phật Bồ Đề**, chẳng dính tham giận, siêng năng dũng mãnh nhiếp Tâm chẳng loạn, **Từ Bi Hỷ Xả** luôn không tạm ngưng, Tâm thường phát Nguyện thảy đều khiến cho vô biên chúng sinh vượt qua bờ kia.

Người hành Pháp này, bên trong bên ngoài của thân mình trong sạch, khiến thật nghiêm khiết. Ở chỗ của các bậc Trưởng Túc, Hoà Thượng, **A Xà Lê** (Ācārye)...thường nên tôn trọng, tâm không có nịnh hót quanh co (xiểm khúc), nói năng thành thật, chẳng trái ngược với Tín Mệnh, tuỳ phần hành **bố thí** (DĀna), đừng tham dính tài thí, Tâm không gián đoạn nơi bốn uy nghi đừng để khuyết đứt, thường tu **Phạm Hạnh** (Brahma-caryā), đừng nghĩ đến sắc dục, buông thả phóng túng với các việc mua bán.

Như vậy khoảng giữa, mỗi một sát na thời phần, lắng niệm chân thật nhìn các **Hành** đều **Vô Thường**. Lược nói là*:"Tất cả các Pháp giong như hình tượng trong gương".* Đã biết điều đó xong, cần phải mặc áo giáp tinh tiến, phá hoại quân phiền não, trì Minh Chú, nghiệm phá tận lưới mê, ra khỏi biển hư vọng của Sinh Tử đến **Bồ Đề Trường** (Bodhi-maṇḍa) ngồi trên **toà Kim Cương** (Vajrāsana), quyết định Tâm của mình đừng khiến thoái chuyển.

Người tác ý như vậy mới nên tu tập Pháp Môn tối thắng trong **Đại Thừa Giới Tạng** này. Chính vì thế cho nên Ta theo thứ tự nói:

Người muốn niệm tụng, trước tiên làm sạch đất. Pháp làm sạch đất là: Chọn lựa đất ấy hoặc rộng bốn khuỷu tay, tám khuỷu tay, mười một khuỷu tay, mười sáu khuỷu tay... ở trong lượng ấy tuỳ theo sức mà chọn. Xong đào sâu xuống đến đầu gối, hoặc sâu một khuỷu tay. Lựa bỏ trùng, kiến với các nhóm vật uế ác thuộc nhóm các ngói, đá vụn, tóc, xương, tro, than, vỏ trấu, hạt lúa lép, gai góc, gốc cây…. Lấy đất sạch lấp đầy rồi nện chặt cho thật bằng phẳng. Xong, nên ở bên trên dựng Diệu Tịnh Xá, xoa tô cái thất ấy. Thoạt tiên định phương hướng

Nếu người cầu Pháp **Trừ Tai** (Śāntika) thì thất ấy nên mở cửa Nam, ngồi hướng mặt về phương Bắc. Lúc ngồi thời giao hai ống chân.

Nếu người cầu Pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika). Nên mở cửa Tây, ngồi hướng mặt về phương Đông, ngồi theo thế Kiết Già

Nếu người làm Pháp **Sân Nộ.** Nên mở cửa Bắc, ngồi hướng mặt về phương Nam, ngồi xổm, hai bàn chân, bên trái đè bên phải.

Nếu người làm Pháp **Bằng Hữu Tương Thân**. Nên mở cửa Đông, ngồi hướng mặt về phương Tây, kèm hai ống chân, dựng mở hai đầu gối.

Đây gọi là làm Tinh Xá với ý cầu việc. Chú Sư ngồi, khởi kết Ấn, làm Pháp. Đã lược nói xong.

Nếu trước tiên có Tịnh Thất, hoặc ở đất ở ngoài đồng trống, hoặc ngay trên nhóm đá, núi... chỉ làm Đàn ấy cũng được, tuỳ theo việc mong cầu, y như Pháp làm ắt được tuỳ nguyện.

Thất ấy, trước tiên dùng nơi có xoa bôi tô điểm. Liền lấy Chú sau mà chú, sau đó mới dụng.

Nếu muốn làm sạch đất ấy thì lau quét khiến cho trong sạch.



Lúc mới lau quét thời nên tụng Chú này. Chú là:

"Án, ha la ha la, la nho, yết la, ha la noa gia, toa ha"

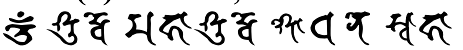


OṂ _ HĀRA HĀRA RAJA-UGRA AHĀRAṆYA _ SVĀHĀ

Tụng ba biến rồi lau quét.

Lau quét xong, lúc trừ bên trên thời lại tụng Chú sau là:

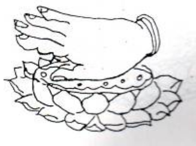
"Án (1) thuế đề, ma ha thuế đề (2) thú đạt nễ (3) toa ha"



OṂ_ ŚUDDHE MAHĀ-ŚUDDHE ŚODHANE _ **SVÀHÀ**

Tụng Chú xong, trừ bên trên đó.

Lúc dùng phân bò xoa tô Đàn thời Chú là:



"Án (1) yết la lệ (2) ma ha yết la lệ (3) toa ha"

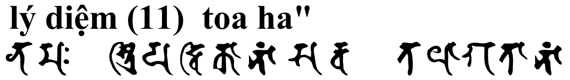


OṂ_ KARĀLE MAHĀ-KARĀLE _ SVĀHĀ

Tụng Chú đó dùng xoa bôi đất của Đàn.

Tẩy rửa vật khí cúng dường với vật khí chứa nước thơm. Chú là:

"Na mô tất để lý na (1) trụy phì ca nam, tát bà đát tha yết đa nam (2) Án (3) vĩ la nhĩ vĩ la nhĩ (4) ma ha bạt chiết lý, tát đa tát đa (5) tát la đế tát la đế, đa la duệ đa la duệ (6) tỷ đà ma nễ (7) tam bạn xà nễ (8) đa la ma để (9) tất đà (10) yết lý, đế lý diệm (11) toa ha"



NAMAḤ STRIYA-DHVIKĀNĀṂ SARVA TATHĀGATĀNĀṂ

OṂ_ VIRAJI VIRAJI , MAHĀ-CAKRA-VAJRI , SATA SATA, SARATE SARATE, TRAYI TRAYI, VIDHAMANI SAṂBHAṂJANI TRAMATI, SIDDHA AGRI TRĀṂ SVĀHĀ

Tụng Chú đó ba biến xong, tẩy rửa các vật cúng. Sở dĩ tụng Chú này vì muốn Tịnh Trừ tội lỗi phạm ***Tam Muội Gia Pháp***, tất cả xúc uế.

Nếu vật khí chứa thức ăn với hương hoa, vật cúng dường...mà chưa cúng dường, khoảng giữa gom chung lại để ở một chỗ sạch sẽ, tụng **Minh Chú** này kết Ấn phòng hộ.



Chú là:

"Án (1) thủy khư lý (2) bạt chiết lý (3) hàm"

OṂ_ ŚIKHIRA VAJRI AṂ

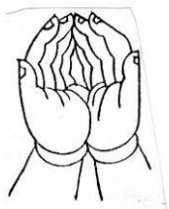
Kết Ấn xong, tay phải đem ba ngón từ ngón giữa trở xuống, nắm ngón cái làm Quyền, dựng thẳng ngón trỏ, liền thành.



Đem Ấn này ấn bên trên các vật, chuyển theo bên phải khua múa dùng để phòng hộ tất cả vật của nhóm hương, hoa, đèn, hương xoa bôi với thức ăn uống

Sau đó người làm Pháp đi đến nơi muốn tác Pháp đó thời hoặc tự mình làm, hoặc khiến đệ tử làm, đều được. Nếu muốn kết Ấn thời trước tiên nên kết **Tam Muội Gia Ấn** xong, sau đó mới được kết các Ấn Tam Muội Tướng.

Thứ nhất là **Phật Tam Muội Gia Ấn**: Hai tay kèm bên cạnh thân tưởng dính nhau, như thường bụm vật. Đem đầu ngón trỏ phụ ở vạch bên trên của ngón giữa, tiếp đem đầu ngón cái phụ ở vạch bên dưới của ngón trỏ liền thành Ấn đó.



Chú là:

"Án (1) đát tha yết đổ (2) nạp bà ba gia (3) toa ha"

OṂ_ TATHĀGATA-UDBHAVĀYA _ SVĀHĀ

Tụng Chú này xong, nâng Ấn an trên đỉnh đầu, nên tác tưởng là*:"Ấn này tức là thân Phật"*

Tiếp nói **Liên Hoa Tam Muội Gia Ấn**. Đem hai cổ tay cùng dính nhau, dựng hai bàn tay, bung mở mười ngón tay, hai ngón cái kèm dính nhau, hai ngón út cũng vậy, liền thành.



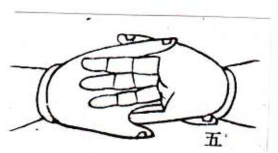
Nâng Ấn này để trên đỉnh đầu như tướng sát bên phải. Nên tác tưởng này:"*Ấn này tức là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát".* Liền nói Chú là:

"Án (1) bát đầu mâu (2) nạp bà ba gia (3) toa ha



OṂ_ PADMA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tiếp nói **Kim Cương Tam Muội Gia Ấn**. Hai tay, bên phải đè bên trái. Tức ngón út phải cài chéo với ngón cái trái, ngón cái phải cài chéo với ngón út trái, liền thành.



Chú là:

"Án (1) bạt chiết lô (2) nạp bà ba gia (3) toa ha"



OṂ_ VAJRA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

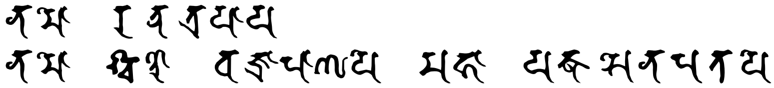
Nâng Ấn này an trên đỉnh đầu như tướng sát bên trái, tưởng làm Kim Cương.

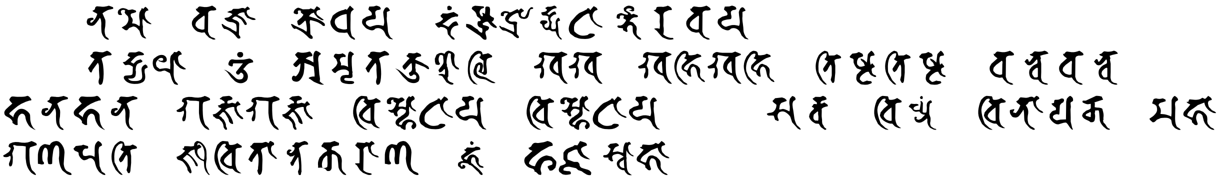
Tác ba **Tam Muội Gia Ấn** xong, sau đó mới có thể kết tất cả các Ấn. Nên tuân theo ba **Bộ Chú Vương Bí Tạng**, nên y theo Pháp đó hành dụng. Đã nói xong điều cần thiết.

Phàm người tu hành, lúc sáng sớm, mới thức dậy, chưa có làm gì. Muốn đi ra, nên làm Pháp này, sau đó ra vào. Trước tiên nên kết Ấn, niệm Minh Chú xong, sau đó mới đi. **Minh Chú** đó là:

"Nam mâu la đát na đát la gia dạ (1) Na mô thủy chiên đồ bạt chiết la ba noa duệ (2) ma ha dược xoa, tê na ba đa duệ (3) Na mô bạt chiết la câu lô đà gia (4) đặng sắt đổ lô gia tra, bội dị la ba gia (5) Đát địa tha (6) Án (7) a mật lý đa quân đồ lý (8) khư khư (9) khư hề khư hề (10) để sắt đà, để sắt xá (11) bạn đà bạn đà (12) ha na ha na (13) yết xà yết xà (14) tỳ tất bố tra gia, tỳ tất bố tra gia (15) tát bà tỳ cận na, tỳ na dạ ca, ma ha già na bạt để (16) thị tỷ đan đa yết la na (17) hồng phán (18) toa ha"







NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMO ŚCAṆḌA-VAJRA-PĀṆĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE
NAMO VAJRA-KRODHAYA-DAṂṢṬRA-UDGHATA BHAIRAVAYA
TADYATHĀ: OṂ_ AMṚTA-KUṆḌALI_ KHAKHA KHAHI KHAHI _ TIṢṬA TIṢṬA _ BANDHA BANDHA _ HANA HANA _ GARJA GARJA_ VISPHOṬAYA VISPHOṬAYA _ SARVA VIGHNAṂ VINĀYAKA MAHĀ-GAṆAPATI JIVITA ANTAKARĀṆA HŪṂ PHAṬ_ SVĀHĀ

Tụng Chú này xong. Hai tay đều đem ngón cái vịn trên móng ngón út, duỗi ba ngón còn lại. Liền giao hai cánh tay, bên phải đè bên trái, đều phụ trên bắp tay, liền thành.

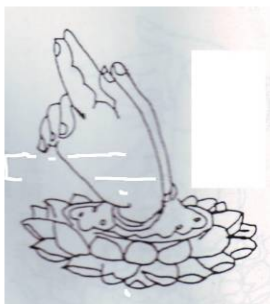


Trong Tâm nên tác tưởng, hai bàn chân đứng như chữ **Bát** (八) trương gò má cắn môi bên phải, làm dạng giận dữ, tụng Chú bảy biến. Đây gọi là **Tịch Ma** (trừ bỏ Ma, xa lánh Ma)

Nếu muốn cột trói các Quỷ Thần gây chướng ngại. Liền nâng hai bàn tay chỉ ba lần, liền cột trói các chướng. Lúc cột trói các chướng thời nên nói là:"**Bạn đà, bạn đà"** (Bandha bandha). Tác Pháp này xong, sau đó mới ra khỏi phòng.

Nếu người trì tụng lúc tắm gội thời nên lấy đất sạch, dùng lửa thiêu đốt khiến cho nóng kỹ xong, làm bụi nhỏ. Đem bụi ấy để trong một vật khí, liền thành. Dùng Ấn tụng Chú xong liền làm sạch vật dụng chưa sạch.

Tướng của Ấn đó là: Hai tay, ba ngón từ ngón trỏ trở xuống, bên phải đè bên trái, hướng ra ngoài cùng cài chéo nhau, kèm hợp dựng cạnh hai ngón trỏ, dựng hai ngón cái.



Tức Chú đó là:
"Án (1) nễ khư na (2) ba tô đệ (3) toa ha"



OṂ_ NIKHANA VASUDHE _ SVĀHĀ

Tụng Chú này xong, ba lần dùng Ấn tiếp chạm trên đất ấy. Khởi đầu gọi là **làm sạch**, mới có thể thọ dụng

Người trì Pháp nếu muốn đi đến các nơi, trước tiên dùng Ấn hộ thân. Ấn đó là: Hai tay đem hai ngón út, hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, hướng vào bên trong cài chéo nhau, dựng thẳng hai ngón giữa dính nhau, hai ngón trỏ phụ vạch bên trên của hai ngón giữa cùng cách nhau một phân, kèm dựng hai ngón cái vịn vạch ở giữa hai ngón trỏ.



Liền Chú là:

"Án (1) bạt chiết la (2) kỳ nễ, bát la niệm ba đa gia (3) toa ha"

OṂ_ VAJRA-AGNI PRADIPTĀYA _ SVĀHĀ

Dùng Ấn này ấn ở năm chỗ: cái đầu, hai vai, trên trái tim với cổ họng. Đó gọi là **Ngũ Xứ** rồi mới có thể đi. Đây gọi là Pháp **Hộ Thân**

Nếu đi nhà xí thời trước tiên nên búng ngón tay ba lần để Cảnh Giác, sau đó đi.



Chú búng ngón tay (**Đàn Chỉ Chú**) là:

"Án (1) chỉ lý, chỉ lý (2) chỉ la, lao chỉ la (3) hồng phán"

OṂ _ KILI _ KĪLIKĪLA RAUDRA _ HŪṂ PHAṬ

Một lần tụng, một lần búng ngón tay cho đến ba lần thì mới có thể đi nhà xí.

Nếu lúc **Tẩy Tịnh** thời trong Tâm giữ niệm, tưởng Chú với hình của **Quân Trà Lợi** (Kuṇḍali) lúc trước, sau đó rửa tay xong, liền xúc miệng. Xúc miệng xong đem ấn miệng. Tay phải: co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, duỗi thẳng ngón cái, ngón trỏ, ngón út, nâng nước. Dùng ba lần xúc nhổ.

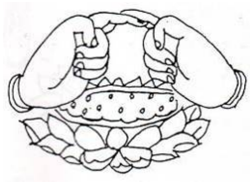
Chú là:

"Án (1) trụ trụ lễ (2) câu lỗ câu lỗ (3) toa ha"

Oṃ_ TUTULA KURU KURU SVĀHĀ

Dùng Ấn Chú đó, xúc nhổ xong.

Lại tác Ấn Chú **Tịnh Trừ** nhóm Quỷ Thần gây chướng ẩn hình trong thân.Hai tay đều nắm quyền, liền duỗi hai ngón trỏ, đem ngón trỏ phải để ở trong quyền trái rồi nắm lại, ngón trỏ trái đối với tay phải cũng vậy.



Chú là:

"Án (1) ha na ha na (2) a mật lý đế (3) hồng phán"

OṂ_ HANA HANA _ AMṚTE _ HŪṂ PHAṬ

Tụng Chú ba biến xong, đem Ấn từ cái đầu từ từ xoa, hướng xuống dưới ba lần để hay khiến cho tất cả Ma Chướng trong thân thảy đều tiêu diệt. Tưởng biết các nhóm Ma xuất ra xong.

Lại tác **Phộc Chư Ma Ấn**, Ấn đó là **Đại Nộ Kim Cương Ấn**. Đem tay trái hướng ra ngoài nâng nhấc, liền đem tay phải lật nghiêng lưng ở trên lưng tay trái xong, đem tám ngón tay cùng cài chéo nhau. Tức bên trái lật xoay lại, hướng trên trái tim, gom thành quyền xong, kèm dựng hai ngón cái để ngang trái tim, lại để bên trong chùi chỏ phải ở trong cùi chỏ trái, hướng xuất ra ngoài. Đem Ấn an trên đầu xong, liền mở Ấn ấy từ từ hạ xuống. Chú là:

"Án (1) chỉ lý chỉ lý (2) tỳ ma lao đạt la (3) bát la cật lý đế (4) ma ha câu lỗ đà (5) tỳ xã gia (6) nễ cật lan đa (7) hồng hồng (8) phán (9) bàn đà bàn đà (10) toa ha"

OṂ_ KILI KILI_ SĪMĀ RAUDRA PARAKṚTE _ MAHĀ-KRODHA VIJAYA _ NIKRĀNTA _ HŪṂ HŪṂ PHAṬ _ BANDHA BANDHA _ SVĀHĀ

Dùng sức của Ấn Chú đó hay khiến tất cả nhóm Ma bị cột trói. Lại tưởng thân mình mặc áo giáp Kim Cương khiến cho cung Ma chấn động chẳng yên đều đến quy hàng.

Lại đem đất sạch chia làm ba phần. Lúc chia đất thời lại tác Ấn Chú xong, tay phải:đem ngón cái vịn đầu ngón út.



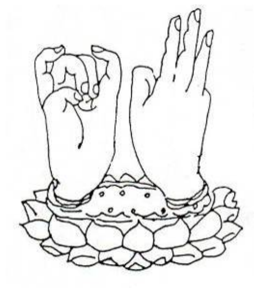
Liền an Ấn ở cạnh eo phải. Tay trái cũng tác Ấn này đem nước rưới vảy ở trên đất. Chú là:

"Án (1) a mật lý đề (2) hồng phán"

OṂ_ AMṚTE HŪṂ PHAṬ

Tụng Chú này ba biến xong, dùng rưới vảy xong sau đó dùng đất.

Lại tác Pháp **Tịnh Thuỷ.** Tay trái: co ngón cái vào lòng bàn tay, liền co ngón giữa ngón vô danh đè trên ngón cái, tiếp co ngón trỏ ngón út như móc câu, đầu của hai ngón trỏ kèm nhau ở lưng lóng giữa của ngón giữa ngón vô danh. Tay phải đem ngón cái vịn đầu ngón út, duỗi thẳng ba ngón còn lại, dùng bàn tay chống eo, co cánh tay trái hướng ra ngoài, liền thành.



Chú là:

"Na mâu bạt chiết la, hồng (2) ha na, độ na (2) ma tha vĩ thời phụng sa du sai la gia, hồng phán"

NAMO VAJRA HŪṂ_ HANA DHUNA MATHA VIDHVAṂSAYA UDSARĀYA HŪṂ PHAṬ

Tụng Chú này bảy biến, tác Ấn lúc trước, vào ở trong nước. Hoặc trong sông lớn, hoặc biển, hoặc ao... đều tác Ấn đó. Nếu dùng Chú chứa nước thời chỉ dùng Ấn đó tiếp chạm, sau đó tắm.

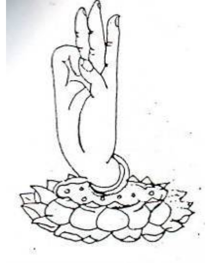
Vào trong nước, liền nâng bàn tay phải chẳng buông Ấn ấy, dùng khoa múa phương bên dưới với bốn phương, phương bên trên dùng để Kết Giới. Lúc khua múa Ấn thời nên tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) thương yết lý (2) tam muội duệ (3) toa ha"

OṂ_ ŚAṂKARE SAMAYE SVĀHĀ

Tụng Chú đó ba biến, dùng khua múa kết Giới xong, liền thành bờ mé của Giới

Lại nếu lúc dùng đất sạch thời dùng tay phải: đem ngón cái vịn đầu ngón út, duỗi thẳng ba ngón còn lại, đem nước rưới vảy trên đất với trên nhóm Táo Đậu dùng.



Chú là:

"Án (1) chỉ lý chỉ lý (2) bạt chiết la (3) hồng phán"

OṂ_ KĪLIKĪLA VAJRA _ HŪṂ PHAṬ

Lại nữa **Tịnh Thuỷ Ấn**. Hai tay, ba ngón từ ngón trỏ trở xuống hướng vào bên trong cùng cài chéo nhau, co đầu hai ngón trỏ cùng trụ nhau, như vật hơi tròn, kèm dựng hai ngón cái.



Chú là:
"Án (1) ha na, bạt chiết la (2) bạt chiết lý noa, ha"
𑖌𑖼 𑖮𑖡 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖸𑖜 𑖮
OṂ_ HANA VAJRA VAJREṆA HĀ
Tụng Chú trên ba biến xong. Ở bên trong nước, quấy nhiễu hay khiến cho tất cả loài Cá, Rồng với các trùng độc và các nhóm chướng trong nước chẳng thể gây hại.

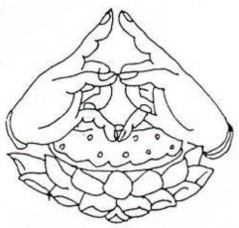
Lại nếu dùng nhóm Táo Đậu, muốn mở xoa thân thể thời nên dùng tay phải:đem ngón giữa, ngón vô danh co song song vào lòng bàn tay. Đem ngón cái vịn trên móng hai ngón ấy, duỗi thẳng ngón trỏ ngón út.



Nhóm Táo Đậu, tro, đất phải dùng kèm an trong lòng bàn tay. Trước tiên dùng xoa đầu, nếu tẩy rửa phần bên trên thời Chú là:
"Án (1) a mật lý đế (2) hồng phán"
𑖌𑖼 𑖀𑖦𑖴𑖝𑖸 𑖮𑖳𑖽 𑖣𑖘𑖿
OṂ_ AMṚTE HŪṂ PHAṬ

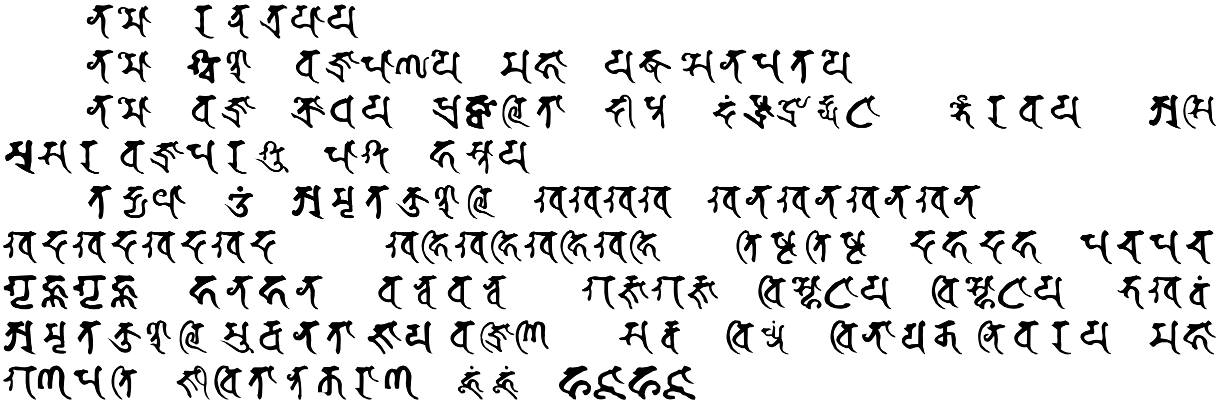
Tiếp tẩy rửa phần bên dưới của thân thời Chú là:
"Án (1) bộ (2) thập ba la (3) hồng"
𑖌𑖼 𑖥𑖳 𑖕𑖿𑖪𑖩 𑖮𑖳𑖽
OṂ_ BHŪR-JVALA HŪṂ

Tiếp nếu tẩy rửa phần bên dưới của thân xong. Lại dùng Ấn Chú xúc miệng lúc trước tẩy sạch rồi mới tiếp chạm cái đầu.... Khi tắm rửa xong thời rửa sạch bàn tay, xúc miệng... cũng làm giống như vậy. Tắm xong, liền dùng **Quân Đồ Lợi Giáp Trụ** dùng khoác mặc nơi thân. Pháp đó nên dùng hai tay: co ngón giữa ngón vô danh vào lòng bàn tay, liền đem ngón cái vịn trên móng của hai ngón ấy, lưng lóng giữa của ngón giữa ngón vô danh dính nhau. Hai ngón trỏ, hai ngón út trụ nhau liền thành.



Chú là:

"Nam mâu la đát na đát la gia dạ (1) Na mô thủy chiên đồ (2) bạt chiết la ba noa duệ (3) ma ha dược xoa, tê na ba đa duệ (4) Na mô bat chiết la câu lô đà gia (5) bát la thập phộc lý đa niệp ba đa (6) đặng sắt đổ lô yết tra, bội la ba gia (7) a tư mẫu bà la (8) bạt chiết la, ba la du ba xá ha bà đa gia (9) Đát địa tha (10) Án (11) a mật lý đa quân đồ lợi (12) khư khư khư khư (13) khư na, khư na, khư na, khư na (14) khư đà, khư đà, khư đà, khư đà (15) khư hề, khư hề, khư hề, khư hề (16) để sắt đà, để sắt xá (17) đà ha đà ha (18) ba già, ba già (19) ngư lỗ ha na, ngư lỗ ha na, ngư lỗ ha na (20) bàn đà bàn đà (21) yết xà yết xà (22) tỳ tất bố tra gia, tỳ tất bố tra gia (23) bà già bàn, a mật lý đa, quân đồ lợi (24) mẫu lật đạt na đa xà gia (25) bạt chiết lợi noa, tát bà tỳ cận na, tỳ na dạ ca, nễ bà la (26) ma ha già na bà để, thị tỷ đan đa ca la (27) hồng hồng (28) phán phán"



NAMO RATNA-TRAYĀYA

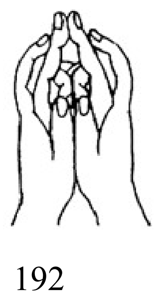
NAMO ŚCAṆḌA-VAJRA-PĀṆĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE

NAMO VAJRA-KRODHAYA PRAJVALITĀ-DĪPTA_ DAṂṢṬRA-UDGHATA BHAIRAVAYA _ ASI MUSARA VAJRA PARAŚŪ PĀŚA HASTĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ AMṚTA-KUṆḌALI _ KHAKHA KHAKHA_ KHANA KHANA KHANA KHANA_ KHADA KHADA KHADA KHADA_ KHAHI KHAHI KHAHI KHAHI _ TIṢṬA TIṢṬA _ BANDHA BANDHA _ DAHA DAHA_ PACA PACA_ GṚHṆA GṚHṆA_ HANA HANA_ GARJA GARJA_ VISPHOṬAYA VISPHOṬAYA _ BHAGAVAṂ AMṚTA-KUṆḌALI _ MĀRDHANATĀ JAYA_ VAJRIṆI SARVA VIGHNAṂ VINĀYAKA NIVARAYA_ MAHĀ-GAṆAPATI JIVITA ANTAKARĀṆA HŪṂ HŪṂ _ PHAṬ PHAṬ

Tụng Chú này bảy biến xong, dùng Ấn quấn quanh thân, cột buộc. Tưởng thân mặc áo giáp.

Lại dùng Chú đó chú vào nước, rưới rót đỉnh đầu (quán đỉnh). **Quán Đỉnh Ấn** là: Hai tay: đem hai ngón út hướng vào bên trong, bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau; liền đem hai ngón vô danh kèm đè lên, hai ngón giữa cùng dính đầu ngón, hai ngón trỏ đều phụ lóng trên của hai ngón giữa, hai ngón cái đều phụ bên cạnh hai ngón trỏ, liền thành.



Dùng Ấn này múc lấy nước dùng làm Quán Đỉnh. Chú là:

"Án (1) hạc, khư lý lý (2) hồng (3) phán"

OṂ_ HAḤ_ KHAKALI _ HŪṂ PHAṬ

Tụng Chú này ba biến Quán Đỉnh xong, lau thân khiến cho khô ráo

Tức lại kết tóc ở đỉnh đầu, làm một búi tóc. **Kết Đỉnh Phát Ấn**: Tay phải nắm quyền, duỗi thẳng ngón cái tức là **Kết Đỉnh Phát** (kết tóc ở đỉnh đầu), sau đó mới kết Ấn.



Chú là:

"Án (1) thuỷ khế, toa ha"

OṂ_ ŚIKHI _ SVĀHĀ

Lại nếu lúc tắm gội thời chẳng nên gần chỗ bùn lầy, hoặc gần chỗ có gai góc, những nơi nguy hiểm, vùng có nước xoáy chảy nhanh cho đến rất sâu hoặc lúc rất cạn... đều chẳng nên tắm. Nếu ở suối, ao, sông , giếng... đều chẳng được đi tiểu tiện, chảy nước mũi, nhổ nước bọt.... Trên bờ sông, ao, suối đều chẳng được ném vứt vật chẳng sạch. Hoặc lúc vượt qua, hoặc lúc lặn chìm, hoặc thả nổi đùa giỡn, hoặc nằm, hoặc chuyển, hoặc là hình đó mà sinh tâm Dục... Mọi điều này đều chẳng nên làm.

Một lòng nhớ niệm chư Phật, Bồ Tát...đừng để tán loạn. Tưởng **Bản Chú Thiên** cùng với thân của mình không có khác. Tưởng **Bản Chú Thần** với nhóm **Tam Bảo** như ngay trước mắt. Dùng ba bụm nước muốn tắm để hiến.

Ấn đó là: Hai tay như thường làm thành bụm tay, chỉ đem hai ngón cái với hai ngón trỏ cùng vịn nhau, trước tiên dâng phụng Tam Bảo với Bản Thiên. **Hiến Thuỷ Chú** là:

"Án (1) đế lý đế lý (2) bột đà (3) toa ha"

OṂ_ TERALE BUDDHA _ SVĀHĀ

"Án (1) đế lý đế lý (2) đạt ma (3) toa ha"

OṂ_ TERALE DHARMA _ SVĀHĀ

"Án (1) đế lý đế lý (2) tăng già (3) toa ha"

OṂ_ TERALE SAṂGHA _ SVĀHĀ

Hiến Bản Thiên Thuỷ Chú là:

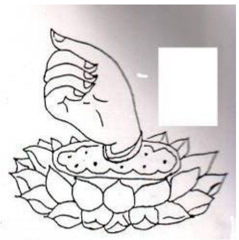
"Án (1) đa lý (2) đốt đa lợi (3) đốt lợi (4) a lý kiềm (5) bà già bà đế (6) bát la để xa, ế hàm (7) toa ha"



OṂ_ TĀRE TUTTĀRE TURE ARGHAṂ BHAGAVATE PRATĪCCHA IMAṂ SVĀHĀ

Làm nước bên trên của Pháp đó xong, tuỳ theo sức nhiều ít, ở trong nước niệm nơi Bản Chú xong, từ từ ra khỏi nước, lấy áo mặc. Lúc mặc áo thời dùng nước rưới vảy ở trên áo, sau đó lấy mặc vào.

Tiếp hai tay lấy nước làm quyền, dùng rưới vảy liền thành.



Chú là:

"Án (1) tát bà đát tha yết đa (2) địa sắt-sỉ đa (3) a ma chí bà la (4), toa ha"



OṂ_ SARVA TATHĀGATA-ADHIṢṬITA AVA-JVALA SVĀHĀ

Tiếp Ấn Chú mặc áo. Ấn ấy là:Hai tay đều nắm quyền, liền thành.



Chú là:



OṂ_ VIMALA PARIVARTTA-VAJRI _ HŪṂ

Tụng Chú đó mặc áo kèm với đeo Anh Lạc, đội mão, đeo vòng xuyến với các vật nghiêm thân đều cùng dùng Chú lúc trước.

Ngay lúc tắm gội, mặc áo kết Hộ. Ở khoảng giữa ấy chẳng nên khởi tức giận với nhớ nghĩ tà bậy. Tất cả vật của nhóm uế ác với chẳng lành đều chẳng nên nhìn.

Nếu tắm gội xong, đi đến Tịnh Xá thời chẳng thể để chân không mà đi, trong Tâm tác tưởng có hoa sen tám cánh nâng bàn chân ấy. Thân của mình cùng với hình của **Bản Thiên** cùng một loại, tưởng hai bên trái phải đều có đủ tám Bộ Trời Rồng, Thần Vương vây quanh theo hầu. Lại quán **Bản Thần** ở ngay trước mặt của mình, nghiễm nhiên trụ trong ba cõi.

Tất cả người trì tụng, lúc muốn xuất hành thời không kể xa gần, trong đường đi có cỏ tươi với các hàng súc sinh... chẳng nên ngồi cỡi lên. Các vật cúng dường với bóng tháp, ảnh của Tôn tượng với bóng ảnh của sư tăng, cha mẹ... đều chẳng nên đạp lên.

Đến trước Tịnh Xá, lại rửa sạch xúc miệng rồi vào Tịnh Xá. Lúc mới mở cửa thời tác một tiếng **Hồng** (HŪṂ) rồi vào. Vào xong rồi làm lễ. Lúc làm lễ thời tác Tâm như

vầy:*"Chư Phật, Bồ Tát, tất cả Pháp Vương của ba đời, thường trụ không biến đổi, chỉ vì người phàm mắt thịt chẳng gần gũi nhìn thấy"*

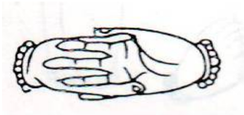
Tác tưởng đó xong, nên trừ ba **Si**, phát tu ba **Phước**, cúi năm vóc sát đất ân trọng mà lễ.

Lúc lễ bái thời Tâm, miệng tương ứng nói lời như vầy:"*Nay con quy mệnh tất cả chư Phật với các Bồ Tát".*

Nói lời đó, lễ xong liền quỳ hai gối, chắp tay chí tâm sám hối tất cả tội lỗi do tự mình làm hoặc dạy người khác làm, thấy nghe chỉ dẫn vui mừng....các Ác của nhóm như vậy, thảy đều sám hối.

Sám hối xong, lại nên tuỳ vui tất cả Công Đức, rộng phát Nguyện lớn, thề tu các điều lành chẳng gây hại cho vật.

Tác Pháp đó xong, liền quỳ gối phải sát đất, y theo **Kim Cương Tam Muội Ấn** lúc trước, tụng Chú này.



Chú là:

"Án (1) bạt chiết la, mật (2) toa ha"

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖪𑖰𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ VAJRA VIḤ _ SVĀHĀ

Lúc tác Ấn đó thời đồng với dùng ba Nghiệp cúng dường chư Phật, hay khiến cho Hành Giả mau được thân bền chắc của Kim Cương.

Tác Pháp đó xong, nên ngồi Bán Già, mở hai mắt ấy. Ở trên con mắt bên phải tưởng một chữ **Ma** (𑖦-MA), tức chữ **Ma** này biến thành mặt trời sáng rực. Ở trên con mắt bên trái, tưởng một chữ **Tra** (𑖘_Ṭ), tức chữ **Tra** này biến làm mặt trăng trắng sạch

Tác tưởng đó xong, ngoái nhìn bốn chung quanh như Sư Tử Vương. Ở trong mắt ất bắn ra uy quang Kim Cương sáng rực, bốc lửa đỏ rực thiêu tan tất cả **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka:Loài gây chướng). Tác Pháp đó hay khiến cho **Chú Thần** thảy đều vui vẻ.

Tác tưởng đó xong thời Chú là:

"Án, bạt chiết la (2) đạt lữ sắt sỉ, ma tra"

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖟𑖴𑖬𑖿𑖘𑖰 𑖦𑖘𑖿

OṂ_ VAJRA-DṚṢṬI _ MAṬ

Lại nên đốt hương, dùng khói hương này xua đuổi tất cả các Ma trong cõi hư không ở phương trên. Chú là:

"Án, bát đầu di nễ (2) mâu a gia, mâu ha gia (3) xà ngải mâu ha nễ (4) toa ha"

𑖌𑖼 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖰𑖡𑖰 𑖦𑖺𑖮𑖧 𑖦𑖺𑖮𑖧 𑖕𑖐𑖟𑖿𑖦𑖺𑖮𑖡𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ PADMINI MOHAYA MOHAYA JAGAD-MOHANI _ SVĀHĀ

Tụng Chú này đốt hương tịnh trừ Ma trong cõi hư không ở phương trên xong.

Liền tụng **Bộ Tâm Chú** chú vào hương bột hoà với nước, dùng để kết Giới bốn phương. Chú là:

"Án (1) a lộ lực (2) toa ha"

𑖌𑖼 𑖁𑖨𑖺𑖩𑖰𑖎𑖿 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ AROLIK_ SVĀHĀ

Tác Pháp đó xong. Lại tác quán này: một chữ **Hột-lý** (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾_HRĪḤ), **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) từ chữ đó khởi thân, tuôn ra nước sữa màu nhiệm tạo thành biển lớn. Ở trong biển đó, tưởng một chữ **Bát-la** (𑖢𑖿𑖨_ PRA), toàn chữ **Bát-la** này hoá thành một con rùa với thân hình rộng dài vô lượng, màu sắc như vàng ròng. Ở trên lưng rùa, tưởng một chữ **Hột-lý** (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾_ HRĪḤ), tức chữ này lại hoá làm một hoa sen. Hoa ấy màu đỏ đều có tám cánh, cánh có ba lớp. Lại ở trong hoa này, tưởng chữ **Tô** (𑖭𑖲- SU), hai bên chữ **Tô** đều tưởng có một chữ **Hồng** (𑖮𑖳𑖽_HŪṂ) rồi hoá thành một núi Tu Di (Sumeru), núi có tám ngọn do mọi báu hợp thành

Ở trong núi này, lại quán năm cát thất. Thất chính giữa từ chữ **Hồ** (𑖪𑖽_VAṂ) khởi, thất ở phương Đông từ chữ **Hồng** (𑖮𑖳𑖽_ HŪṂ) khởi, Thất ở phương Nam từ chữ **Đát-lạc** (𑖝𑖿𑖨𑖯𑖾- TRĀḤ) khởi, Thất ở phương Tây từ chữ **Hột-lý** (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾_ HRĪḤ) khởi, thất ở phương Bắc từ chữ **A** (𑖁𑖾_ AḤ) khởi

Tức năm cái thất này, bên ngoài tựa như có năm cái, nhưng bên trong là một cái thất. Trong đó có tám cây cột Kim Cương lớn do mọi báu tạo thành, bên cạnh tràn đầy đồ quý báu hiếm có xen kẽ, đá báu trang sức. Bên trên có đầu cá **Ma Kiệt** (Makāra) lộ răng nanh ngậm viên ngọc báu. Lại treo chuông bằng vàng, chuỗi Anh Lạc rũ chung quanh. Lại giăng trướng báu, Giác Hoa trang nghiêm, lưới tơ, dây đai, hoa **Nuy Nhuy** (hay Ngọc Trúc) giao liền nhau, ánh sáng trong sạch cùng soi rọi đều nhau. Báu của nhóm Lưu Ly làm mặt đất, ở trên đất rải bày nhóm Diệu Hoa, **Câu Tô Ma** (Kusuma). Tịnh Giới có Hương xoa bôi thơm phức thù đặc, đốt hương Giải Thoát toả mùi thơm hoà hợp với Trí Siêu Thắng, đèn Ma Ni toả sáng chói rực rỡ, cây báu bày hàng, gió thơm chạm nhẹ khéo đều thổi qua phan the lụa quấn quít trợ nhau che bóng rợp mọi thứ. Vô lượng đẳng loại Dược Xoa, La Sát, chư Thiên... trước sau vây quanh, tấu các âm nhạc, múa điệu múa Kim Cương, tán bài ca Kim Cương. Mây lành che tràn tuôn mưa hương hoa màu nhiệm tràn ngập trong hư không rối rít thong thả rơi xuống. An bày mọi loại thức ăn uống cúng dường.

Người hành Pháp nên thường như vậy lắng dừng, chân thật quán cùng Tâm tương ứng.

Lúc vào Quán đó thời trước tiên tụng Chú này. Chú là:

"Na mâu tam mạn đa bột đà nam (1) tát bà đa tha, khiếm (2) ốt na ngải đế (3) tất phả la, hề hàm (4) già già na căng (5) toa ha"



NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ_ SARVATHĀ KHAṂ UDGATE SPHARA HĪMAṂ GAGANAKAṂ_ SVĀHĀ

Tụng Minh Chú này, vào các Tam Muội, tuỳ theo chỗ quán của Tâm thảy đều thành tựu. Đó là lời chân thành của Đức Phật, đừng nên nghi ngờ.

Sở dĩ trước tiên tác Quán đó là muốn khiến cho bên trong bên ngoài trong sạch giống như hư không chẳng dính mắc. Tất cả Tự Tính trong sạch là thân trong sạch, cho nên lại tụng Chú này cùng với Tâm Ấn đều Chú là:

"Án (1) toa bà bá phộc du đà (2) tát bà đạt ma (3) toa bà bá du độ hàm"



OṂ– SVABHĀVA ŚUDDHA – SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAṂ

Tụng Minh Chú này tịnh thân xong. Lại nói lời này:*"Vô lượng Kiếp đến nay trôi lăn sống chết, chìm đắm trong trong bùn lầy phiền não, chẳng gặp bạn lành để tuỳ an,*

*tâm chẳng thể xa lìa, chẳng thể khởi cầu nơi Đạo Vô Thượng. Chính vì thế cho nên nay phát Tâm Bồ Đề, cần phải miệng xưng chữ **A*** (𑖀_A). *Chữ này có nghĩa là **Vô Sinh**, hướng đến Môn **Không Tịch**. Chỉ riêng một Môn này hay xa lìa bụi dơ"*

Người thuận theo Pháp này, hay trừ vi trần số tội trong vô lượng kiếp của Hành Nhân. Ví như hư không trong sạch thì mặt trời sáng khéo chiếu soi tất cả u ám, tự nhiên bừng sáng. **Nhật** (mặt trời) là **Tuệ Nhật** (mặt trời Tuệ), **Không** (Śūnya) là **Chú Không**. Dùng mặt trời Tuệ chiếu nơi Chú Không, trừ ám tối phiền não xong. Lắng Tâm tịnh, quán cõi hư không có các Như Lai nhiều như số hạt mè, đầy đủ tướng tốt. Các Như Lai đó đều hiện ngay trước mặt, búng ngón tay cảnh giác bảo rằng*:"Thiện Nam Tử ! Ngươi muốn phát Tâm Bồ Đề thì nên tự quán Tâm"*

Bấy giờ Hành Giả được lời này xong, cần phải hớn hở, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến nơi của Phật, cúi năm vóc sát đất, một lòng kính lễ. Lúc lễ chư Phật thời nên tụng Chú này là:

"Án (1) tát bà đát tha yết đa (2) bà đà, bàn đạt na (3) yết lô nhĩ"



OṂ – SARVA TATHĀGATA-PĀDA VANDANĀṂ KARA-UMI.

Tụng Minh Chú đó, tưởng lễ các Như Lai xong. Liền tự quán Tâm.

Lúc quán Tâm của mình thời nên tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) chất đa, bát la để phệ đà (2) yết lô di"



OṂ– CITTA PRATIVEDHAṂ KARA-UMI

Tụng Minh Chú đó, tự tưởng trong trái tim làm tướng vành trăng. Nếu chưa rõ ràng, liền bạch Phật rằng*:"Con đã tác quán nhưng chưa rõ ràng".*

Đức Phật bảo:*'Thiện Nam Tử ! Ngươi nên tụng Chú đó lần nữa, quán tâm ấy khiến cho rất sáng trong".* Chú là:

"Án (1) bồ đề chất đa mẫu đát ba đà, dạ nhĩ"

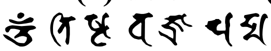


OṂ– BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

Tụng Chú đó, quán mặt trăng ở trái tim rất sáng trong xong, được Bồ Đề bền chắc. Ở trên mặt trăng quán một hoa sen Kim Cương.

Lúc quán hoa đó thời tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) để sắt-xá (2) bạt chiết la (3) bát đà ma"

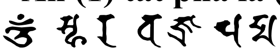


OṂ– TIṢṬA VAJRA-PADMA

Tụng Chú này dùng quán nơi hoa. Ở trên hoa ấy có một Kim Cương. Dùng tướng đó nên gọi là **Kim Cương Liên Hoa** (Vajra-padma). Nên tác *"Tâm đó tức là Ta, thân này cùng với hoa Kim Cương chẳng phải một chẳng phải khác, dần dần mở bày ánh sáng rực rỡ vượt qua vô lượng cõi".*

Lúc nhập vào **Kim Cương Liên Hoa Khai Phu Quang Minh Tam Muội** đó thời lại tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) tất phả la (2) bạt chiết la (3) bát đà ma"



OṂ– SPHARA VAJRA -PADMA

Tụng Chú đó, quán hoa nở bày. Ánh sáng của hoa chiếu soi vô lượng hằng hà sa số cõi màu nhiệm của chư Phật. Ở trong ánh sáng đó diễn xướng tiếng của **Đa Lợi Bồ Tát** (Tārā-bodhisatva), tiếng màu xanh sáng thuận cong theo.

Như Lai của các cõi ở các phương đều nhập vào trong hoa đó. Các Như Lai đó nhập vào hoa này xong, liền lại từ từ rút nhỏ hoa này lại, như lúc xưa không có khác. Tuỳ theo sức hay quán thân đó lớn nhỏ mà khiến trụ. Lúc tác **Liễm Hoa Tam Muội** thời nên tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) tăng ha la (2) bạt chiết la (3) bát đà-ma"



OṂ– SAṂHARA VAJRA-PADMA

Tụng Chú thu nhỏ hoa này (liễm hoa), tuỳ theo lớn nhỏ, trụ xong.

Lại nhập vào **Kim Cương Liên Hoa Chi Thân Tam Muội**, toàn hoa sen này thành thân của Ta. Lúc nhập vào Quán đó thời lại tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) bạt chiết-la (2) bát đà-ma (3) hằng-mãng cú hàm (4) tam ma dũu hàm (5) ma ha tam ma dũu hàm"

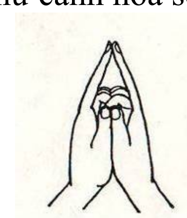


OṂ– VAJRA-PADMA ATMAKA-UHAṂ _ SAMAYA-UHAṂ_ MAHĀ-SAMAYA-UHAṂ

Quán thân của hoa sen Kim Cương đó xong, liền quán nơi thân này là nơi **Thánh Giả Quán Thế Tự Tại Bồ Tát** (Ārya-avalokiteśvara-bodhisatva). Thân tướng ấy là: Ngồi trên hoa sen báu, đội mão hoa báu, ở trong mão ấy có Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathàgata) ngồi trên hoa sen báu, tác tướng nói Pháp. Đây gọi là Tướng của Như Lai trong mão.Tay trái cầm giữ hoa sen Kim Cương, tay cầm hoa ấy: trước tiên tác Liên Hoa Quyền xong, sau đó duỗi đem vạch của ngón giữa với đầu của ngón trỏ cùng với ngón cái cùng vịn nhau; ngón út, ngón vô danh như Quyền. Dùng tay Ấn này cầm hoa Kim Cương. Bên phải cũng như vậy, chỉ ở trên hoa vịn một cánh hoa làm thế bóc lật hoa.

Như vậy Quán. **Đa Lợi Tâm Bồ Tát Thánh Giả** đến Quán, bởi thế trước tiên nhập vào Quán này, vì muốn dựng lập thân này mau được thân của Kim Cương bền chắc.

Lại muốn đời đời được như thân của Thánh không có khác, dựng lập thân này dùng Ấn Chú đó. Hai tay: ba ngón từ ngón trỏ trở xuống, hướng ra ngoài cài chéo nhau, hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón như cánh hoa sen, kèm duỗi dụng hai ngón cái.



Chú là:

"Án (1) cật-lý tát bà ca lý (2) a địa sắt-đà, bà phộc hàm (3) hột-lý"



*) OṂ – GRI - SARVA-KARI ADHIṢṬA SVĀMAṂ_ HRĪḤ

Dùng Ấn Chú đó ấn ở bốn chỗ. Bốn chỗ là: trên trái tim, tam tinh (my gian), trên cổ họng, trên đỉnh đầu. Đây là bốn chỗ.

Tiếp tác Pháp **Tự Quán Đỉnh** hay khiến cho Hành Giả mau được thành tựu đầy đủ ba thân. Tướng của Ấn đó là: Hai tay như thường, chắp lại, liền đè ép bốn ngón từ ngón trỏ trở xuống, cùng trụ đầu ngón, xếp nép lưng ngón tay ấy làm hình cánh hoa sen báu.

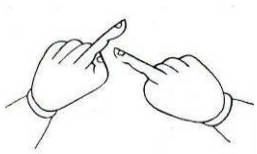


Chú là:

"Án (1) địa lý, ma nễ, bát đầu-ma (2) a tỳ săn giả hàm, hột-lý"

OṂ_ DHṚ_ MAṆI-PADMA ABHIṢIṂCA MĀṂ_ HRĪḤ

Tụng Chú này, nâng Ấn ấy trụ trên trán, liền chia bung tay quấn quanh đầu đến phía sau đỉnh đầu. Từ từ lần theo thân cho đến trụ ở trái tim, trước tiên lại dùng hai tay nắm Kim Cương Quyền, liền duỗi ngón trỏ khiến ngay thẳng, ở mặt ngón trỏ phải tưởng có một chữ **Án** (_OṂ), ở mặt ngón trỏ trái tưởng một chữ **Châm** (_ ṬUṂ), liền đem hai ngón tay cùng quấn quanh nhau, trên chữ của ngón tay ấy phóng ra ánh sáng rất có uy đức.



Lại đem hai tay quấn quanh thân hướng đến ở trên lưng, cũng lại từ trên lưng quấn quanh, đến trên rốn cũng thế. Lại từ trên rốn quấn quanh, đến ở sau eo lưng. Từ sau eo lưng quấn quanh, giáp vòng chỗ ngồi ấy. Từ bên dưới hướng lên trên, đến ở phía trước cổ họng cũng như thế. Lại từ phía trước cổ họng đến ở sau đỉnh đầu cũng như vậy. Từ sau đỉnh đầu đến ở trên trán cũng thế. Từ trên trán quấn quanh đến sau đỉnh đầu. Quấn quanh như vậy xong, từ tư bung tán mười ngón của hai tay.

Tác Pháp đó xong thì tất cả hàng Trời, Rồng, Người, Phi Nhân đều nhìn thấy Hành Giả là thân Kim Cương, mặc áo giáp Kim Cương. Các hàng Tà Ma chẳng dám nhìn thẳng, lui tan chạy trốn, chẳng thể gây hại.

Tác Pháp đó. Tiếp lại ở trước mặt quán Tượng của Bản Pháp từ hình tướng của **Quán Âm** như thường. Lại nữa như trước đã nói núi Diệu Cao, quán trong năm cái thất báu, ở trong ấy một lòng chân thật quán Đức Phật **Vô Lượng Quang** (Amitābha) có 32 tướng, 80 chủng tử ánh sáng rực rỡ. Ở bên phải Đức Phật có một vị **Quán Âm Thánh Giả**, ở bên trái của Đức Phật có một vị **Vô Cấu Hạnh Bồ Tát**, ở trước mặt Đức Phật, hơi gần mé bên phải có vị **Thánh Giả Đa Lợi** (ārya-Tārā)

Đức **Di Đà Như Lai** từ chữ **Hột-lý** (_ HRĪḤ) khởi hình, **Quán Âm Bồ Tát** từ chữ **Sa** (_ SA) khởi hình, **Vô Cấu Hạnh Bồ Tát** từ chữ **Bà** (_VA) khởi hình, **Đa Lợi Thánh Giả** từ chữ **Đông-lộng** (_ TĀṂ) khởi hình. Bên phải Đa Lợi Bồ Tát có một vị Sứ Giả tên là **Nhất Kế** (Ekajaṭa-bodhisatva) là vị Thánh Giả từ chữ **Ế** (_E) biến khởi nơi hình. Ở bên phải của Vô Cấu Hạnh Bồ Tát có một vị **Tỳ Câu Chi Bồ Tát** (Bhṛkuṭi-bodhisatva) là vị Bồ Tát từ chữ **Bì** (_BHṚ) mà khởi. Ở bên trái có một vị **Mã Đầu Bồ Tát** (Hayagrīva-bodhisatva) là vị Bồ Tát lại từ chữ **Hà** (_HA) mà khởi nơi hình

Hình tướng của nhóm như vậy rộng như Kinh nói. Ở trước mặt Đức Phật có một vị **Địa Thiên** (Pṛthivīye-deva) là vị Trời từ chữ **Ba** (_PA) mà khởi nơi hình.

Ở bốn phương đều tưởng có **Thần** (Devatā) dùng làm thị vệ.

Vị Thần ở phương Đông tên là **Ấn Đạt La** (Indra) là Thần Nữ mặc áo giáp Kim Cương, tay cầm Kim Cương hộ giúp phương Đông

Phương Nam có vị Thần tên là **Diệm Ma** (Yama) là Thần Nữ mặc áo giáp, tay cầm cây gậy Diêm Ma hộ giúp phương Nam

Phương Tây có vị Thần tên là **Bà Lô Nễ** (Varuṇī) mặc giáp trụ, cũng làm dung nghi người nữ, cầm cung tên thủ hộ phương Tây.

Phương Bắc có vị Thần tên là **Câu Tỳ Lý** (Kuverī) khoác mặc áo giáp, y như lúc trước, tay cầm một cây gậy hoa thủ hộ phương Bắc.

Nhóm Thần như vậy đều có uy quang, thảy khiến rõ ràng như thế, tưởng quán như đối trước mắt.

Tác Pháp đó, quán xong. Lại dùng chữ của Chú trong Bản Minh Chú, tưởng ngay trên thân.

Trước tiên dùng chữ **Án** ( ) trên, tưởng ở trên đỉnh

Tiếp dùng chữ **Đa** ( ) tưởng ở ngay trán

Lại dùng chữ **Lê** ( ) tưởng ở hai mắt

Lại dùng chữ **Đốt** ( ) tưởng an trên cổ

Tiếp dùng chữ **Đa** ( ) tưởng ở vai vai

Lại dùng chữ **Lê** ( ) tưởng ngay trên trái tim

Tiếp dùng chữ **Đổ** ( ) tưởng ngay trên rốn

Lại tưởng chữ **Lợi** ( ) ở ngay hai lá lách

Lại tưởng chữ **Toa** ( ) ở trên hai cẳng chân

Lại tưởng chữ **Ha** ( ) ở trên hai bàn.

Nay tưởng mười chữ này an bày vòng khắp nơi thân xong

Lại tác **Bảo Xa Ấn** dùng nghênh đón các hàng Thánh Giả. Bởi thế trước tiên tác **Bản Thần Thân Quán** lúc trước, sau đó mới thỉnh Thánh Giả. Ấy là mỗi mỗi quán chư Thiên, biết tướng ấy xong mới thỉnh **Tuệ Thân** đi đến **Pháp Thể.** Do nghĩa đó cho nên trước tiên Quán Thỉnh.

Bảo Xa Ấn là: Hai tay ngửa ngang bằng nhau, ba ngón từ ngón trỏ trở xuống hướng vào trong cùng cài chéo nhau, để cạnh của hai ngón trỏ cùng trụ nhau, đem ngón cái hướng vào bên trong, bật hai ngón trỏ ra. Đây gọi là **Bảo Xa Ấn.**



Tưởng xe báu ấy đi đến chỗ của các Tôn. Chư Tôn đều cùng ngồi trên xe báu ấy đi đến. Tưởng ở trên xe đó có bảy báu, mọi báu trang nghiêm, giăng che lưới báu, chuông, dây đeo rũ vòng quanh. Ở khoảng giữa của lưới ấy đều có ngọc Ma Ni màu nhiệm toả sáng rực rỡ, nương theo mây năm màu, bay trên không đi đến.

Chú của Ấn đó là:

"Án (1) đổ lô, đổ lô (2) hồng"

OṂ_ TURU TURU HŪṂ

Tụng Chú đó xong, dùng Ấn lúc trước, tưởng đến chỗ của Thần. Bởi thế lại dùng **Bản Bộ Tâm Chú** thỉnh Thánh Giả giáng phó.

Tâm Ấn là: Đem mười ngón tay hướng vào bên trong cài chéo nhau làm quyền, liền rút ngón cái phải ra, hướng vào bên trong, chiêu mời.



Chú là:

"Án (1) a lô lực (2) toa ha"

OṂ_ AROLIK_ SVĀHĀ

Lúc trước dùng **Bảo Xa Ấn Chú** trước tiên nghênh đón. Tiếp nên dùng **Bộ Tâm Chú ấn** thỉnh giáng xuống và đều đi đến, nhận cúng vật của Hành Giả, lợi ích cho Người, Trời.

Lúc đi đến thời lại dùng **Mã Đầu Bồ Tát Ấn Chú** để triệu mời. Ấn ấy là: Hai tay: ba ngón từ ngón trỏ trở xuống, hướng ra ngoài cùng cài chéo nhau làm quyền. Hai ngón cái, bên phải đè bên trái, cùng giao nhau. Co lóng giữa của hai ngón trỏ cùng dính lưng nhau, liền thành.



Chú là:

"Án (1) ha gia cát lợi bà (2) ma ha bát na ma (3) củ xá, yết lý bà gia (4) thí già-lam (5) tát bà bát đầu ma của xá (6) tam ma diễn, bát đầu ma (7) củ xa, đạt la (8) hồng xà"

(Ấn này xuất từ Kinh **Hằng Tăng Kiệt La Ha**)

OṂ– HAYAGRĪVA MAHĀ-PADMĀṄKUŚA AKARṢĀYA – ŚĪGHRAṂ SARVA PADMA-KULA SAMAYAṂ_ PADMĀṄKUŚA-DHĀRA_ HŪṂ JAḤ.

Nên dùng Ấn Chú đó triệu mời. Lúc triệu mời thời dùng ngón trỏ chiêu mời cái xe ấy đến.

Lại dùng **Bản Chú Ấn** hạ xuống dưới, đem tay trái nắm cổ tay phải xong, đưa tay trái an trên đỉnh đầu, hướng về phía trước chiêu mời. Chú là:

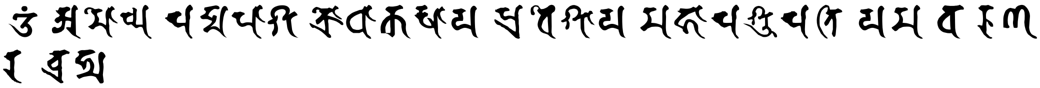
"Án (1) tát bà tát đoả nam (2) ế hề ế hề (3) toa ha"

OṂ_ SARVA SATVĀNĀṂ _ EHYEHI _ SVĀHĀ
Dùng Ấn Chú đó đưa xe báu hạ xuống. Xe báu hạ xuống xong.

Lúc vào cái Thất báu thời lại dùng Ấn Chú này nhập vào. Chắp hai tay lại, giữa rỗng, khiến đầu ngón cùng trụ nhau, liền giao vạch trên của hai ngón trỏ, bên phải đè bên trái, liền thành.

Chú là:

Án (1) a mâu già, bát đạt ma, ba xá (2) câu lô đà (3) a ca lý sa gia (4) bát la phệ xá gia (5) ma ha ba du ba để (6) diệm ma bà lô noa (7) câu tỳ la, bột la ma (8) Án, phệ sa đạt la (9) bát đầu ma câu la (10) tam ma diễn (11) hồng hồng (12)"





OṂ– AMOGHA PADMA-PĀŚA KRODHA AKARṢĀYA PRAVEŚĀYA – MAHĀ-PAŚŪ-PATI _ YAMA _ VARUṆA _ KUVERA _ BRAHMA

OṂ_ VEŚA-DHĀRA _ PADMA-KULA SAMAYAṂ – HŪṂ HŪṂ

Dùng Ấn Chú đó thỉnh tất cả các hàng Chú Thiên trong Liên Hoa vào cái Thất báu. Vào xong mới bày toà ngồi khiến ngồi.

Toạ Ấn là: Hai cổ tay cùng dính nhau, dựng thẳng mười ngón tay, mở bung, tưởng như hoa sen tự nở.



Tức Chú đó là:

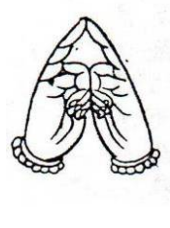
"Án (1) tát bà bát la tỳ sắt-tra (2) bồ đà na gia (3) toa ha"



OṂ_ SARVA PRATIṢṬA BUDDHA-NĀYA_ SVĀHĀ

Dùng Chú Ấn đó bày toà ngồi xong, thỉnh chư Thiên ngồi xong.

Liền hiến nước thơm, nước ấy tên là **Át Già Thuỷ.** Ấn là: Hai tay:ba ngón từ ngón trỏ trở xuống, nắm ngón cái làm quyền, co hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón.



Chú là:

"Án (1) tát bà ô đặc ca, yết la xà gia (2) toa ha"



OṂ_ SARVA UDAKA-AKARṢĀYA_ SVĀHĀ

Dùng **Ấn Hương Thuỷ** đó cúng dường. Nước ấy nên dùng nhóm bùn Bạch Đàn Hương hoà với nước cúng dường xong.

Liền tác **Bế Môn Ấn.** Chắp hai tay lại, giữa rỗng, co vạch trên của hai ngón trỏ, bên trái đè bên phải, cùng cài chéo nhau. Đem hai ngón cái, bên phải đè bên trái, cài chéo nhau đều vịn đầu ngón trỏ. Chú là:

"Án (1) bát đầu ma (2) tắc bố tra, bàn đà (3) tát bà bát đầu ma, câu la (4) tam ma diễn (5) thử yết lam (6) hồng (7)"

OṂ_ PADMA-SPHOṬA BANDHA _ SARVA PADMA-KULA-SAMAYAṂ_ ŚĪGHRAṂ HŪṂ

Tụng Chú đó, dùng Ấn đó để đóng bốn cửa của cái Thất báu.

Tác Pháp đó xong. Lại tác Pháp **Hoan Hỷ Ấn Chú** khiến cho các hàng Thánh Giả đều rất vui vẻ. Chắp hai tay lại, co hai ngón trỏ cùng trụ đầu nhau, kèm co ngón cái vào lòng bàn tay.

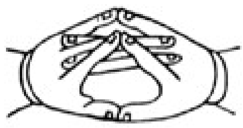
Chú là:

"Án (1) sa mâu khư, bà nại la, câu ma la (2) phệ sa đạt la (3) bát đầu ma, kiến tra gia, tỳ xá gia (4) tát bà bát đầu ma, câu la (5) tam ma diễn (6) tát bà một tấu lam (7) bàn đà gia (8) tát bà tất địa dụ di (9) bát-la duệ xa (10) bát đầu ma, phệ xá (11) a a a a (12)"

OṂ_ SAḌ-MUKHA-BHADRA KUMĀRA VEŚA-DHARA PADMA GHAṂṬĀYA _ SARVA PADMA-KULA-SAMAYAṂ_ SARVA MUDRAṂ BANDHĀYA _ SARVA SIDDHI SUME PRAYĀCCHA _ PADMA-VEŚA AḤ_ AḤ AḤ AḤ

Tác Pháp đó xong.

Liền tác **Tịnh Địa,** kết **Hạ Phương Kim Cương Quyết Ấn**. Đem ngón giữa, bên phải đè bên trái, cùng giao nhau, đều dùng đầu an ở khoảng ngón trỏ. Hai ngón vô danh cũng bên trái đè bên phải cùng giao nhau, dùng đầu an ở khoảng ngón út. Đem hai ngón út cùng trụ đầu ngón, đầu ngón trỏ cũng trụ nhau, hợp đầu hai ngón cái cùng dính nhau.



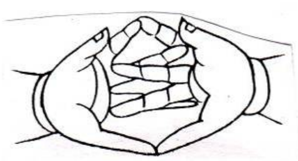
Chú là:

"Án (1) chỉ lý chỉ lý (2) bạt chiết la, bộ la (3) bàn đà bàn đà (4) hồng (5) phán (6) toa ha"

OṂ_ KILI KILI_ VAJRA VAJRI BHŪR_ BANDHA BANDHA _ HŪṂ PHAṬ _ SVĀHĀ

Dùng Ấn này tiếp chạm mặt đất, hay khiến cho tất cả Tỳ Na Dạ Ca ở phương dưới thảy đều xa lìa.

Tác Pháp này xong, lại tác **Kết Hộ Tứ Phương Ấn**. Dựa theo lúc trước, chỉ sửa dụng hai ngón cái liền thành.



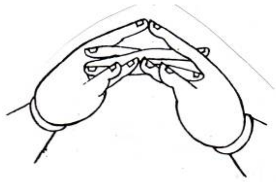
Chú là:

"Án (1) sa la sa la (2) bạt chiết la (3) bát la ca la (4) hồng (5) phán (6) toa ha"

OṂ_ SARA SARA _ VAJRA PRAKARA _ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

Tụng Chú đó xong, đem Ấn này quấn quanh thân, chuyển ba lần, liền thành **Tứ Phương Giới**. Pháp đó trừ Ma Chướng của bốn phương.

Tác Pháp đó xong, liền **Kết Thượng Phương Giới**. Ấn ấy dựa theo lúc trước, chỉ sửa hai ngón trỏ cùng giao nhau, đem đầu của hai ngón cái và đầu của hai ngón trỏ cùng trụ nhau.



Chú là:

"Án (1) tỳ tất phổ la (2) nại lạc cật xoa (3) bạt chiết la, bàn xà la (4) hồng (5) phán (6) toa ha"

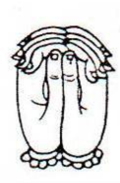
OṂ_ VISPHURAD RAKṢA VAJRA-PAṂJALA HŪṂ PHAṬ_ SVĀHĀ

Dùng Ấn Chú này kết ở Thượng Phương Giới xong.

Tác Pháp **Kết Hộ** đó xong.

Nay thứ tự nói Pháp của bốn loại cúng dường **Bí Mật Nội Ngoại.** Trước tiên nói bốn loại Ấn của **Nội Cúng Dường.**

Thứ nhất tên là **Bát Đạt Ma La Tả** (Padma-lāsya: Liên Hoa Hỷ Hý). Tướng của Ấn này là: hai tay: bốn ngón từ hai ngón trỏ trở xuống, như thường chắp lại, rồi mở ở giữa. Lại giương hai ngón cái dính thân.



Chú là:

"Án (1) bát đạt ma la tế (Hỷ Hý) **la yết na (2) ma ha la để, la yết (3) bố xà, tam ma duệ (4) hồng"**

OṂ– PADMA-LĀSYE RĀGĀNĀṂ _ MAHĀ-RATI-RĀGA _ PŪJA SAMAYE HŪṂ.

Thứ hai tên là **Bột Địa Na Già Ma La** (Man: vòng hoa) **Ấn** (Buddha-nāya-māla-mudra). Dựa theo Ấn lúc trước, duỗi dài, dẫn hướng về phía trước liền thành.

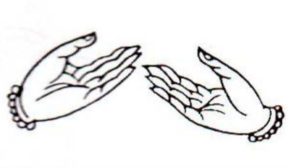


Chú là:

"Án (1) bát đạt ma, ma lệ (2) tỳ săn giả (3) a tỳ lệ ca (4) bố xà, tam ma duệ (5) hồng"

OṂ –PADMA-MĀLA ABHIṢIṂCA_ ABHIRIKA _ PŪJA SAMAYE HŪṂ

Thứ ba tên là **Bát Đạt Ma Nghĩ Đa** (ca) **Ấn** (Padma-gīta-mudra). Dựa theo Ấn lúc trước, lại thâu nhỏ dần ngang trái tim từ từ hướng lên trên, mở bàn tay bung tán, liền thành.

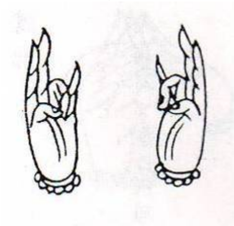


Chú là:

"Án (1) bát đạt ma nghĩ đế (2) nga đà, nghĩ đa (3) bố xà, tam ma duệ (4) hồng"

OṂ –PADMA-GĪTE _ GĀTHA GĪTA _ PŪJA SAMAYE HŪṂ

Thứ tư tên là **Bát Đạt Ma Nại Lật Trí Đế Gia** (Vũ:múa) **Ấn** (Padma-Nṛtya-mudra). Ấn này dựa theo lúc trước, ngang phía trước trái tim, để bàn tay phải ở trên bàn tay trái, chuyển từ từ lên trên, đến cái đầu, liền thành.



Chú là:

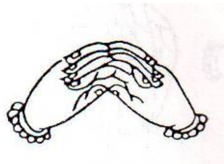
"Án (1) bát đạt ma, nại lật để gia (2) tát bà bố xà (3) bát la bà, lật đa na (4) tam ma gia (5) hồng"

OṂ–PADMA-NṚTYA_ SARVA PŪJA PRAVARTTĀNĀṂ _ SAMAYA HŪṂ.

Phần bên trên gọi là **Bốn loại Pháp cúng dường của Nội Viện.**

Ngoại Cúng Dường có bốn loại.

1_ **Thiêu Hương Ấn**: Hai tay hợp mười ngón tay, bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau. Liền từ từ hướng xuống dưới, mở bàn tay, liền thành.

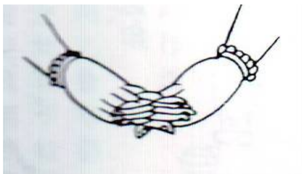


Chú là:

"Án (1) bát đầu ma độ ba (2) bố xà, tam ma duệ (3) bát la ha la nại gia (4) bát đầu ma câu la, nãi đế (5) ma ha yết nễ (6) bát đầu ma la đế (7)"

OṂ_ PADMA-DHŪPA PŪJA SAMAYE _ PRAHLA-NĀYA _ PADMA-KULA DINI_ MAHĀ-KAṆI _ PADMA RATI

2_ **Hoa Ấn**: Hai tay như thường, chắp lại xong liền mở ra hướng lên trên bung tán, liền thành.



Chú là:

"Án (1) bố sắt ba, bố xà, tam ma duệ (2) bát đạt ma, ma lý nễ (3) ma ha thất lý duệ (4) bát đạt ma câu la (5) bát la để ha lý (6) tát bà át tha (7) sa đạt dạ (8) hồng"

OṂ_ PUṢPA PŪJA SAMAYE _ PADMA-MĀLINI _ MAHĀ-ŚRĪYE _ PADMA-KULA PRATIHĀRE _ SARVĀRTHA SĀDHAYA _ HŪṂ

3_ **Đăng Ấn**: Hai tay, bên phải đè bên trái, hướng ra ngoài cùng cài chéo nhau làm quyền, kèm hai ngón cái đè trên quyền ấy.

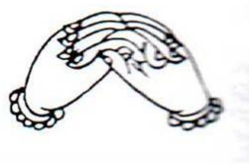


Chú là:

"Án (1) địa ba, bố xà, tam ma duệ (2) bát đạt ma, tôn nại lý (3) ma ha nô để dạ (4) lộ hôn tán xà na dạ (5) bát đạt ma, sa la bà để (6) hồng"

OṂ_ DĪPA PŪJA SAMAYE PADMA-SUNDARĪ MAHĀ-DŪTIYA ROHA-SAJ-JANĀYA PADMA-SĀRAVATĪ HŪṂ

4_ **Đồ Hương Ấn**: Tướng của Ấn đó như thường, chắp tay lại, giữa rỗng. liền mở cổ tay, đưa tay hướng đến trái tim, bung tán liền thành.

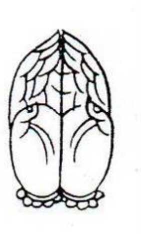


Chú là:

"Án (1) kiến đà, bố xà, tam ma duệ (2) ma ha bát đạt ma, câu la, chế chi (3) câu lô, tát bà yết ma nễ di (4) bát đạt ma, tất địa (5) hồng"

OṂ_ GANDHA PŪJA SAMAYE _ MAHĀ-PADMA-KULA-CEṬI KURU_ SARVA KARMAṆI ME _ PADMA SIDDHI _ HŪṂ

Tiếp nói Pháp **Hiến Thực Ấn Chú**. Nên ngửa hai bàn tay bằng nhau, cạnh bàn tay cùng dính nhau, liền thành.



Chú là:

"Án (1) tát bà đát tha yết đa (2) la sa la sa (3) ngu lô, đát la, bố xà, tam ma duệ, hồng"

OṂ_ SARVA TATHĀGATA _ RASA RASA _ GURU TĀRĀ_ PŪJA SAMAYE _ HŪṂ

Các Ấn bên trên gọi là **Ẩm Thực Cúng Dường Ấn Chú.**

Tiếp nói Pháp **Thân Cúng Dường** của **Ấn Bộ.**

Sám Hối Ấn: Hai tay như thường chắp lại, liền co hai ngón út cùng dính lưng nhau, hai ngón trỏ cùng trụ đầu nhau, liền thành. Chú là:

"Đát địa-gia tha (1) a lợi lệ, đa lợi (2) đốt đa lợi (3) đốt lợi (4) hề lan noa dạ, yết la tỳ (5) la xoa, la xoa, hàm (6) tát bà nậu khế tỳ-gia (7) tát bà ô ba nại la phệ tỳ-gia (8) toa ha"

TADYATHĀ: OṂ_ ĀRYA TĀRE TUTTĀRE TURE HIRAṆYA-GARBHE RAKṢA RAKṢA MĀṂ _ SARVA DUḤKHEBHYAḤ SARVA UPADRAVEBHYAḤ SVĀHĀ

Đây gọi là **Căn Bản Ấn**. Ấn này đối trước Đức Phật, hối hận sửa chữa tội lỗi, hay diệt vô lượng tội nặng.

Lại tác **Tâm Ấn**. Chỉ sửa hai ngón cái vịn ngón trỏ xong, để ngang trái tim. Chú là:

"Án (1) tát bà (2) ha lý đà gia (3) tam bồ đà gia (4) toa ha"

OṂ– SARVA HṚDAYA SAṂBODHĀYA – SVĀHĀ.

Lúc làm cúng dường đó thời hay trừ tội thuộc ba nghiệp của Hành Giả.

Tiếp nói Pháp **Khẩu Ấn.** Dựa theo Tâm Ấn trước, chỉ sửa hai ngón cái, co vào trong lòng bàn tay vịn trên móng ngón út, liền thành. Chú là:

"Án (1) tỳ bà la thuỷ (2) già già na (3) toa ha"

OṂ– VIPAŚIYĀYA – SVĀHĀ

Sức của Ấn Chú này hay trừ tất cả lỗi thuộc về miệng của Hành Giả.

Tiếp nói **Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Ấn**. Tay phải đem ngón cái vịn trên móng ngón giữa, tay trái cũng vậy. Liền đem tay phải hợp ở trên tay trái.



Chú là:

"Án (1) tát bà bột đà, bồ đề tát đoả gia (2) toa ha"

OṂ– SARVA BUDDHA BODHI-SATVĀYA – SVĀHĀ

Tiếp nói **Triệu Nhất Thiết Thiên Long Ấn**. Đem tay trái úp che, duỗi dài năm ngón tay. Liền đưa tay phải hướng xuống dưới cài chéo nhau làm quyền. Đưa tay trái chỉ hướng về phía trước chiêu mời. Chú là:

"Án (1) câu lô đà (2) bà bà đệ bà nam (3) toa ha"

OṂ– KRODHA SARVA DEVĀNĀṂ – SVĀHĀ.

Tụng Chú này dùng triệu các tám Bộ Trời Rồng

Tiếp nói **Kết Hộ Nhất Thiết Phương Giới Tịch Trừ Chướng Ấn**. Trước tiên đem hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau. Liền đem ngón giữa phải đè ở trên ngón vô danh trái. Đem ngón cái trái đè đầu ngón út phải. Tiếp đem ngón giữa, ngón trỏ với ngón vô danh của tay trái nắm đầu ngón trỏ phải và cùng trụ với đầu ngón út trái. Đem Ấn quấn quanh thân khua múa. Tuỳ theo Tâm của Hành Giả muốn xa gần... làm phòng hộ đều được thành tựu. Chú là:

"Án (1) tát bà dược xoa, la xoa bà (2) bàn đà bàn đà (3) toa ha"

OṂ– SARVA YAKṢA RĀKṢASA_ BANDHA BANDHA – SVĀHĀ.

Tiếp tác **Ngũ Tịnh Nhãn Ấn**. Chắp hai tay lại, giữa rỗng, liền co hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón, đem ngón cái vịn lên, tiếp hai ngón vô danh phụ trên móng ngón út. Chú là:

"Án (1) tát bà chước sô (2) kiến la, yết la gia (3) toa ha"

OṂ_ SARVA CAKṢU TĀRĀ-JVALĀYA – SVĀHĀ

Người kết Ấn này thì năm loại mắt thường được trong sạch.

Tiếp tác **Thí Nguyện Ấn**. Tay trái đem ngón cái vịn đầu ngón trỏ, duỗi ba ngón còn lại. Tay phải cũng vậy. Xong dựng tay trái, rũ tay phải, dùng **Thân Ấn** lúc trước. Lúc tác Ấn này thời hay khiến cho Hữu Tình trong sáu nẻo không có các khổ não.

Tiếp tác **Triệu Tứ Vương Ấn**. Hai tay: ba ngón từ ngón giữa trở xuống, bên phải đè bên trái, hướng vào bên trong cùng cài chéo nhau, co hai ngón cái ở trong lòng bàn tay, đem hai ngón trỏ hướng vào bên trong móc nhau. Chú là:

"Án (1) tát bà đệ bà, a yết lý sa gia (2) toa ha"

𑖌𑖼 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖟𑖸𑖪𑖁𑖎𑖨𑖿𑖬𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ SARVA DEVA AKARṢĀYA _ SVĀHĀ

Tác Ấn này dùng triệu bốn vị Thiên Vương, hỏi việc của thiên hạ thảy đều tuỳ theo ý.

Tiếp tác **Cấm Thuỷ Ấn**. Hai tay: mười ngón hướng vào bên trong cùng cài chéo nhau, liền rút dựng hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón, hai ngón út cũng vậy. Chú là:

"Án (1) tát bà đệ bà, ô đặc ca (2) toa ha"

𑖌𑖼 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖟𑖸𑖪𑖄𑖟𑖎 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ–SARVA DEVA UDAKA - SVĀHĀ

Lúc tác Ấn này thời hay khiến cho **Thuỷ Thiên** hàng phục

Tiếp tác **Cấm Hoả Ấn**. Ở trên Thuỷ Ấn, chỉ sửa ngón trỏ ngón út sao cho đầu ngón cách nhau chút ít. Chú là:

"Án (1) a kỳ na duệ (2) tát bà đệ bà đa (3) a kỳ na duệ (4) toa ha"

𑖌𑖼 𑖀𑖐𑖿𑖡𑖯𑖧𑖸 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖟𑖸𑖪𑖝𑖯 𑖀𑖐𑖿𑖡𑖯𑖧𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ AGNĀYE _ SARVA DEVATĀ AGNĀYE _ SVĀHĀ

Tiếp tác **Cấm Phong Nạn Ấn**. Trước tiên đem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải cài chéo nhau nhập vào trên lưng ngón vô danh của tay trái. Hai ngón trỏ, ngón út tuỳ nhập vào đè trên tâm ngón vô danh với ngón giữa của tay trái. Ngón trỏ với ngón út của tay trái đè trên lưng ngón giữa, ngón vô danh của tay phải. Ló hai ngón cái cách nhau, dựng thẳng. Lật ngược lòng bàn tay hướng ra ngoài.

Tác **Phong Ấn** này trị tất cả nạn về gió đều chẳng thể gây hại. **Phong Vũ Thần Vương** đều quy phục tuỳ Phong Ấn. Chú là:

"Án (1) ma gia phệ (2) tát bà ma câu lô đà (3) nễ phộc đa gia (4) toa ha"

𑖌𑖼 𑖪𑖯𑖧𑖪𑖸 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖦 𑖟𑖸𑖪𑖝𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ VĀYAVE _ SARVA MĀ KRODHA-DEVATĀYA_ SVĀHĀ

Tiếp tác **Tịnh Giới Ấn**. Quỳ gối phải sát đất, liền như thường chắp tay lại, giữa rỗng, đem hai ngón trỏ đều phụ vạch bên trên lưng của hai ngón giữa, hai ngón cái đều phụ vạch bên dưới của hai ngón trỏ. Chú là:

"Án (1) tát bà ba la đề (2) mâu cật xoa, hạt lý đà na dạ (3) toa ha"

OṂ_ SARVA PRATI-MOKṢA HṚDA-NĀYA _ SVĀHĀ

Lúc kết Ấn này thời hay khiến cho vô tận hữu tình đều được thân Tịnh Giới

Tiếp tác **Cấm Tặc Ấn**. Hai tay đem ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh với ngón út bên phải câu móc bốn ngón của tay trái, đều bung hai ngón cái dựng thẳng.

Lúc tác Ấn này thời tất cả nạn giặc cướp đều bị cột trói chẳng thể gây hại. Chú là:

"Án (1) tát bà đột sắt tra (2) bát la đột sắt tra nam (3) sân đà gia (4) toa ha"

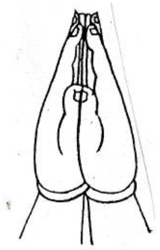
OṂ– SARVA DUṢṬA, PARADUṢṬĀNĀṂ, CCHINDĀYA – SVĀHĀ.

Thông Minh Ấn. Hai tay đem ngón cái đều vịn trên móng hai ngón vô danh, kèm dựng thẳng hai ngón út cùng nắm nhau, hai ngón giữa cùng dính cạnh đầu ngón, co hai ngón trỏ đều phụ trên vạch thứ hai của cạnh ngón giữa, sau cho đầu ngón cách nhau một thốn. Tác Ấn pháp này đặt ngay trước trái tim.

Nếu có kẻ ***Độn Căn*** (Căn tính ngu độn) kết tác Ấn này cúng dường thời cầu nguyện ắt được như ý. Bên trong vương quốc Pha Lê có một vị Trưởng Giả, căn tính ngu độn, vì bảy ngày cầu nguyện liền được thông minh, một ngày tụng một ngàn bài kệ, tự chứng nghiệm các điều khác, chẳng thể luận đủ được. Tụng **Căn Bản Chú** lúc trước.

Khai Địa Ngục Môn Ấn. Co hai ngón giữa, ngón vô danh ở trong lòng bàn tay sao cho chạm lưng nhau. Hai ngón cái, ngón trỏ với ngón út đều cách nhau nửa thốn. Lúc tác Ấn này thời cửa Địa ngục mở ra, chúng sinh đang chịu khổ, một thời được giải thoát, vua Diêm Ma La vui vẻ khen ngợi. Đức Quán Âm Đại Bi vì thương xót Chúng Sinh nên nói Pháp Yếu này cứu khổ cho chúng sinh. Cũng tụng **Căn Bản Chú**

Sinh Thập Phương Tịnh Thổ Ấn. Chắp tay để ngang trái tim, kèm hai ngón cái đều trụ trên trái tim.



Lúc tác Ấn pháp này thời vì tất cả chúng sinh sắp chết, tụng Chú, một lòng vì họ tác Ấn Pháp thì thì tùy theo niềm vui, muốn sinh về quốc thổ của Phật nào sẽ tùy ý vãng sinh. Tụng **Căn Bản Chú**

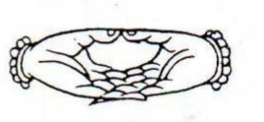
Kiến Quán Âm Bồ Tát Ấn. Đem hai ngón vô danh với hai ngón út đều cùng cài ngược nhau, bên phải đè bên trái, kèm hai ngón giữa dựng thẳng đầu ngón dính nhau, hai ngón trỏ đều co lóng thứ hai với lóng thứ ba sao cho hai móng tay chung lưng, hai ngón cái đè trên lóng của hai ngón trỏ.



Chuyên tâm chính niệm, sẽ hiện thân. Khi nhìn thấy xong thời sám hối. Quán Thế Âm Bồ Tát nói với Hành Giả rằng*:"Ngươi muốn ước nguyện gì thời tuỳ theo nguyện đều đầy đủ"*

Người tác Pháp này nên tụng **Căn Bản Chú.**

Tổng Nhiếp Ấn. Ngửa hai cổ tay cùng cài chéo nhau, ngón cái phải đè ngón cái trái, bật tám ngón của hai tay nhanh chóng nắm quyền.



Ấn này nhiếp chung tất cả **Mẫu Đà La Ni**.

Tổng Nhiếp Ấn Chú là:

"Án (1) tát bà na dữu đa (2) mẫu đà la gia (3) bàn đà bàn đà (4) toa ha"

⇘ OṂ– SARVA NAYOTHA-MUDRĀYA – BANDHA BANDHA – SVĀHĀ

Mãn Lục Độ Ấn. Đặt ngược hai tay, chắp lại sao cho dính lưng nhau, vặn cổ tay hướng ra ngoài, đem hai ngón cái đặt ngang lông mày (Tam tinh) hướng xuống dưới rũ buông

Lúc tác Ấn này thời khởi Tâm Bồ Đề, quán tất cả chúng sinh giống như con đỏ (xích tử) ắt tất cả chúng sinh đều đầy đủ sáu Ba La Mật, đầy đủ ước nguyện, chư Phật Thế Tôn của hằng hà sa Thế Giới thảy đều vui vẻ. Chú là:

"Đát điệt tha (1) tát bà bồ đà gia (2) tát bà bát lợi nhương (3) ba la mật đa duệ (4) Án (5) ha bà ha sa (6) toa ha (7) đát điệt tha (8) nhĩ lý, đa lý (9) toa ha

TADYATHĀ: SARVA BUDDHĀYA – SARVA PRAJÑA-PĀRAMITĀYE – OṂ– HAVA HAVA – SVĀHĀ.

TADYATHĀ: MILI TĀRE – SVĀHĀ.

Thần Túc Ấn. Trước tiên, dùng tay phải co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, lại đem ngón cái đè lên trên móng ngón vô danh, ngón giữa, tụng **Căn Bản Chú** xong, dùng xoa hai bàn chân thì ngày đi ngàn dặm. Lúc tác Ấn này thời Địa Thần nâng đài hoa bảy báu đỡ chân của Hành Giả, kẻ phàm phu mắt thịt chẳng nhìn thấy . Có điều phải sinh tâm Từ Bi cứu hộ, đừng vì tiếng tăm lợi dưỡng thì được vạn Thần phò trợ.

Tuỳ Tâm Ấn. Đem ngón trỏ của tay phải với ngón út của tay trái cùng mở cách nhau khoảng một thốn. Lúc y theo Ấn này thời **Căn Bản Chú** ắt ước nguyện đều được.

Phá Chư Thiên Long Ấn. Đem tay phải vịn trên lưng tay trái, bốn ngón hướng xuống dưới cùng cài chéo nhau, đưa bốn ngón của tay trái qua lại. Chú là:

"Án (1) câu lô đà (2) tát bà đề bà đa (3) toa ha"

OṂ– KRODHA SARVA DEVATĀ – SVĀHĀ.

Ẩn Hình Nhập Lục Đạo ấn. Tay phải: đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh, ngón giữa. Dựng thẳng ngón trỏ và ngón út. Tay trái cũng vậy, xong đưa ngón cái phải từ dưới hướng lên trên vào ở trong lòng bàn tay phải, móc lấy ngón giữa, ngón vô danh của tay trái, ngón bên phải đè ngón bên trái. Chú là:

"Án (1) câu ngư gia để (2) tát bà ca lê gia nễ (3) toa ha

OṂ– KULIYASU SARVA KĀLĪYA – SVĀHĀ.

Lúc tác Pháp Ấn này thời ẩn hình du hành tự tại, tất cả hưng tâm thảy đều ngư nguyện.

Đa Lợi Bồ Tát Thân Ấn. Đem ba ngón từ ngón giữa trở xuống cùng cài chéo nhau, dựng hai ngón trỏ dính nhau, kèm dựng hai ngón cái.



Chú là:

"Án (1) đa lợi đa lợi (2) đốt đa lợi (3) đốt đa lợi (4) đốt lợi, đốt lợi (5) toa ha"

𑖌𑖼 𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖝𑖲𑖝𑖿𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖝𑖲𑖝𑖿𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖝𑖲𑖨𑖸 𑖝𑖲𑖨𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ TĀRE TĀRE _ TUTTĀRE TUTTĀRE _ TURE TURE _ SVĀHĀ

Nếu lúc tác tất cả Ấn này thời rất nên bí mật, chẳng được ở nơi chẳng sạch với đất trống, tâm coi thường mà kết.

Nếu lúc kết Ấn thời nên dùng áo che bên trên, chẳng cho người nhìn thấy với người chưa vào Tam Muội Đàn cũng chẳng được đối trước mặt kết Ấn.

Tác Ấn này cúng dường xong, mới bắt đầu an tâm niệm tụng. Lúc niệm tụng thời nên tụng Chú này:

"Án (1) đa lợi (2) đốt đa lợi (3) đốt lợi (4) toa ha"

𑖌𑖼 𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖝𑖲𑖝𑖿𑖝𑖯𑖨𑖸 𑖝𑖲𑖨𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

* OṂ– TĀRE TUTTĀRE – SVĀHĀ

Nếu tụng Chú này, hoặc tụng **Căn Bản Chú** lúc trước đều được. Quán chữ của Chú này, mỗi mỗi từ miệng của **Bản Thần** phóng ra ánh sáng bảy báu nhập vào miệng của Hành Giả, xuống đến trên vành trăng trong trái tim của Hành Giả, xoay vòng bày hàng. Quán xong, liền dùng Liên Hoa Tử Châu (tràng hạt làm bằng hạt sen) niệm tụng. Lúc cầm tràng hạt thời nên dùng ngón cái với ngón vô danh cùng vịn cầm, niệm tụng. Bắt đầu cầm tràng hạt, tụng **Tiểu Tâm Chú** ba biến.



Chú là:

"Án (1) củ lỗ củ lệ (2) toa ha"

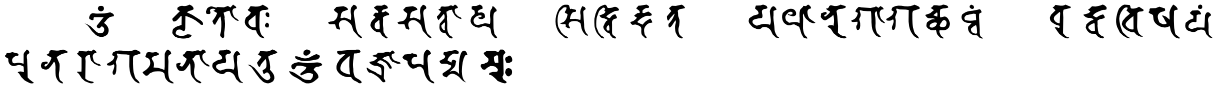
𑖌𑖼 𑖎𑖲𑖨𑖲𑖎𑖲𑖩𑖿𑖩𑖸 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ KURUKULLE _ SVĀHĀ

Tác Pháp đó niệm tụng, nên tuỳ theo ý thích mà niệm nhiều ít, rộng phát Nguyện lớn, tuỳ theo chỗ làm đều thỉnh bày hoặc xá lạy, lại kết Ấn lúc trước đều nên kết. Nếu chẳng thể kết hết, chỉ cần kết ba **Tam Muội Gia Ấn** lúc trước cũng được.

Kết Ấn này xong, nên tụng Chú này **Phát Khiển** hàng Trời. Chú là:

"Án (1) cật lật đổ bà, tát bà tát đoả, át tha, tất địa, nại đa duệ tha nô già yết xa (2) đổ xá bột đà, tỳ sa diệm (3) bố na la già (4) ma na gia đổ, án phộc nhật-la, bát đạt ma, mục"



OṂ– KRTOVAḤ – SARVA SATVĀRTHA – SIDDHIRDATTĀ YATHA ANUGĀGACCHADHVAṂ – BUDDHA VIṢAYAṂ – PUNARĀGA MANĀYATU – OṂ – VAJRA- PADMA – MUḤ

Tụng Chú đó kết hợp **Liên Tam Muội Ấn**. Nâng Ấn an trên đầu, bung tán như Thời Pháp xưa nay cũng cùng Tướng.

Lại nên như trước **Phát Nguyện, Hồi Hướng** xong, lễ tất cả chư Phật, Bồ Tát... khen ngợi. Trước tiên tự quán **Tự Thân Bồ Tát** khiến trở lại Bản Hình, tâm thường đối với các hữu tình khởi tâm cứu độ, sau đó tuỳ ý ra khỏi Tinh Xá.

LIÊN HOA BỘ ĐA LỢI TÂM BỒ TÁT PHÁP
MỘT QUYỂN (Hết)

Thiên Minh, năm thứ hai, Nhâm Dần, Trọng Đông, đêm ngày mồng ba, canh hai. Dùng **Linh Vân Tạng Bản** ghi chép, lại hợp khảo xét xong, tức dùng Bản ấy

Bảo Vĩnh, núi Trung Nam, viện Bổ Đà Lạc **Nghĩa Cương** dùng bản xưa của chùa Như Ý Luân mà viết chép xong, dùng bản riêng để khảo xét kiểm điểm.

Cùng năm, tháng mười hai, ngày mười chín. Dùng Kinh **Đát Phộc Đa Lợi Tuỳ Tâm Đà La Ni** do Ngài **Trí Thông** dịch để khảo xét duyệt lại xong

Khoan Chính, năm thứ mười một, Kỷ Mùi, tháng mười, ngày mồng năm. Ghi chép, khảo xét xong

Đông Đô Vương Tử **Hựu Ưng** (53 tuổi)

Hiệu chỉnh xong một quyển vào ngày 26/05/2013

THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU TU HÀNH PHÁP

Hán Tạng văn: Kim Cương Thượng Sư Tây Khang NẶC NA Hô Đồ Khắc Đồ truyền thụ.

Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

I. KHAI THỊ PHÁP THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU:

Trung Hoa Dân Quốc, năm thứ 23, tháng 03, ngày mồng 04

Kim Cương Thượng Sư Tây Khang **NẶC NA** Hô Đồ Khắc Đồ tại Nam Kinh đi đến xứ Lưu Tích truyền thụ **21 Pháp Thánh Cứu Độ Phật Mẫu**, lúc ấy trong Hội có hơn 200 người thọ Pháp, mong nhờ Thượng Sư khai thị.

Lược dạy rằng: "Ta nhận lời thỉnh cầu của Pháp Hội cầu ngưng tai nạn, lợi dân cho đất Quãng Đông nên đem pháp tu lúc trước, hôm nay đặc biệt rộng truyền Đại Pháp Thánh Cứu Độ Phật Mẫu để cùng kết Thắng Duyên. Thánh Cứu Độ Phật Mẫu tổng cộng có 21 Tôn, giản xưng là 21 Độ Mẫu. Các Tôn này đều là Hóa Thân cuả Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Tu pháp này có lợi ích rất nhiều và công Đức rất lớn.

Ngày nay trên Thế giới xảy ra nhiều cuộc chiến tranh lớn, sự kinh sợ không còn xa, Ánh sáng giết hại, khí độc, đạn phá, súng ống, … giết người. So với lúc trước lại còn mãnh liệt hơn. Hạn Kiếp lâm đầu cần phải biết rõ.

Siêng năng tu Pháp này có thể miễn trừ được tất cả: Thiên tai, nhân hoạn, các tai nạn nguy hiểm về Đất, Nước, Lửa, Gió, Không khí và dùng tránh được độc hại lại càng có công hiệu đặc thù. Ta từng bị trúng độc ba lần mà vẫn không sao là nhờ đã tu mãn Pháp này.

Pháp này chưa được truyền rộng ở Khang Tạng. Tại Trung Thổ (Trung Hoa) trước đây chưa được nghe Pháp này lưu truyền rộng rãi. Nay do nhân duyên đặc biệt thù thắng nên mới rộng truyền. Rất mong các vị Cư sĩ thọ Pháp hãy giữ gìn tâm "**cứu mình cứu người**" ôm ấp ý niệm "**lợi thế lợi sinh**" một truyền mười, mười truyền trăm, trăm truyền ngàn, ngàn truyền vạn, vạn truyền cho đến vô cùng, ngày khác ắt được Quả Báo thù thắng. Có thể dứt lời được vậy.

Có điều Pháp này tuy có thể truyền thụ cho người nhưng muốn tự mình được lợi ích, tăng thêm hiệu nghiệm thì Chú Lục Độ Mẫu trong 21 Độ Mẫu hay tổng quát Công Đức của 21 Độ Mẫu, hạn số ít nhất là 10 vạn biến. Còn lại chú Độ Mẫu của 21 Tôn thì mỗi Chú phải niệm ít nhất là một vạn biến, nếu chẳng đủ thì không được. Nếu có thể niệm đủ Chú của 21 Độ Mẫu thì Công Đức rất viên mãn, còn chuyên niệm Chú Lục Độ Mẫu cũng có công hiệu đặc biệt. Lại như phụ nữ chịu nhiều thống khổ, nếu thành tâm tụng Chú này cũng có công hiệu kỳ diệu.

Công đức của pháp tu, quan trọng nhất là Quán Tưởng. Lúc niệm Chú nên quán tưởng ranh giới của trái tim (Tâm Tế) của Lục Độ Mẫu là **Chủng Tử với Tự Luân** (vòng tròn chữ) của Chú thì Công Đức rất lớn. Nếu chỉ niệm mà không quán tưởng, tuy có Công Đức nhưng hiệu nghiệm ít ỏi.

Chữ Tây Tạng tuy khó nhận rõ, xong lâu ngày để nhận rõ một chữ cũng chẳng phải là việc khó. Giả sử chẳng có thể quán tưởng các chữ của toàn Chú và chữ của Chủng Tử chẳng quán được rõ ràng minh bạch thì chẳng thể được.

Nay lược thuật pháp tu trì của Lục Độ Mẫu như sau, còn pháp niệm tụng Chú Độ Mẫu của 21 Tôn còn lại có thể suy ra từ cách này.

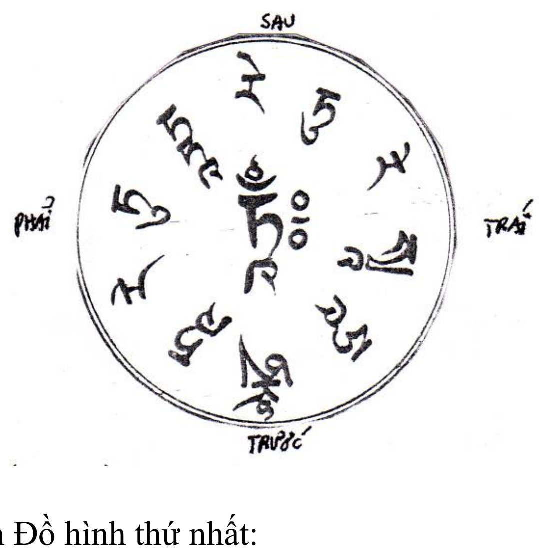
Ngồi ngay thẳng thân mình, chẳng sinh một niệm. Trong khoảng sát na, tưởng thân mình biến thành Lục Độ Mẫu đầu đội mão Ngũ Phật, ở Đỉnh Kế trong mão có

Đức Phật A Di Đà ngồi (20 Tôn Độ Mẫu còn lại, nên quán trên Đỉnh Kế có Đức Phật A Di Đà ngồi hoặc là Lục Độ Mẫu). Lại quán ngay trái tim của mình có hoa sen, trong hoa có vành Nhật Nguyệt, vành mặt trời màu hồng, vành mặt trăng màu trắng, chữ **Đăng** (– DUM – TĀṂ tức chữ Chủng Tử chung của Lục Độ Mẫu và 20 Tôn Độ Mẫu) có vị trí ở chính giữa vành trăng, mặt chữ xoay về bên trái. Bên ngoài, từ phía trước mặt xoay theo hướng bên phải có chữ của Chú Lục Độ Mẫu bao quanh mà lập thành hình Tự Luân. Chữ Chủng Tử và Tự Luân đều phóng ra ánh sáng màu xanh lục (nếu Độ Mẫu là màu trắng thì ánh sáng cũng màu trắng. Độ Mẫu là màu vàng thì ánh sáng cũng màu vàng . Từ đây suy ra dạng khác). Cúng dường Chư Phật ở 10 phương. Chư Phật ở 10 phương cũng phóng ra ánh sáng tương ứng, bao nhiêu công đức của Chư Phật đều tùy theo ánh sáng mà quay lại nhập vào thân của mình. Thân khẩu ý của mình trở thành thân khẩu ý của Độ Mẫu. Lại từ chữ TĀṂ ( ) phóng ra ánh sáng chiếu khắp tất cả chúng sinh, tiêu diệt nghiệp tội và khiến cho họ lìa khổ được vui, muôn sự như ý, tất cả đều thành Độ Mẫu phóng ra ánh sáng tương ứng. Lại quán ánh sáng này quay lại nhập vào chữ Chủng Tử của Thân mình, ngay nơi ấy bắt đầu niệm Chú, càng nhiều càng tốt. Khi niệm quán, bên ngoài Tự Luân có ánh sáng màu xanh lục theo phía trước mặt hướng bên trái xoay chuyển. Niệm xong đem Công Đức này bố thí cho tất cả chúng sinh, tức là hồi hướng. Như có mong cầu điều gì, có thể lặng lẽ cầu khẩn.

Lại nữa, Thánh **Liên Hoa Sinh Đại Sĩ** (Padma-saṃbhava) là chính mạch của Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi-buddha). Ngài là vị Tổ đầu tiên (Tị Tổ) khai sáng Mật Giáo ở Tây Tạng. Nay đang thời Mạt Pháp, cúng dường Thánh Tượng Đại Sĩ sẽ có công đức chẳng thể luận bàn, các Đại Thiện Tri Thức nếu có thể ở các nơi tạo nhiều Tượng Liên Hoa Sinh Đại Sĩ, cung kính cúng dường ắt tất cả tai nạn của này đời sau có thể tiêu diệt, Quả Đức vô biên đều hay viên mãn. Mong các vị hãy cố gắng.

II. LỤC ĐỘ MẪU CHÚ TỰ LUÂN ĐỒ:

(Tây Khang Nặc Na Hô Đồ Khắc Đồ Thân Thư)



❒ Thuyết minh Đồ hình thứ nhất:

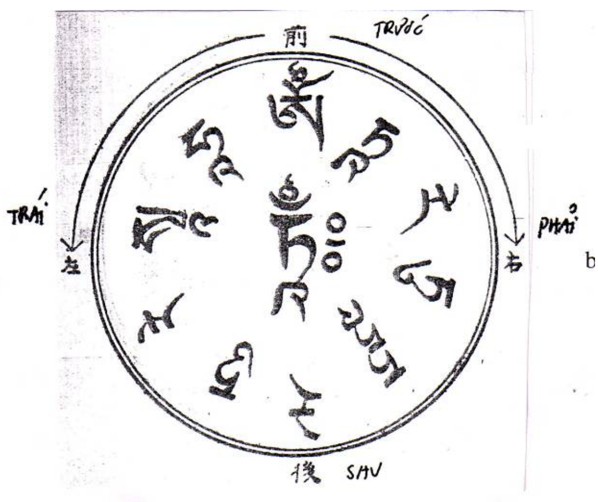
Trong đồ hình, chữ (TĀṂ) tức chữ Chủng Tử đứng thẳng ở chính giữa vành trăng, mặt chữ hướng về bên trái.

Tự luân của chú: phía trước mặt, thứ nhất là chữ ॐ (OṂ) mặt chữ hướng về bên phải, đến phương hướng của chữ thứ hai với các chữ còn lại đều y theo phương hướng của chữ trước xoay theo bên phải làm hình vành xe (Luân hình) cho nên các chữ của Chú y theo đấy mà định phương hướng. Hình trạng an bày như ngựa chạy lên cao.

Đồ hình này an 04 góc: trước, sau, trái, phải hiển thị cho sở quán của Bản Tôn. Đặt ở trước mặt Hành Giả dùng để lễ bái cúng dường.

Hành Giả tu Pháp này, lúc quán thân mình đã thành Bản Tôn sẽ dùng phương hướng của thân mình mà làm: Trước, sau, phải, trái.

Ánh sáng màu Xanh Lục từ phía trước hướng bên trái xoay chuyển



Chữ của Chú từ phía trước hướng theo bên phải an bày thành vòng tròn

_Thuyết minh đồ hình thứ hai:

Đồ hình này là chỗ dùng Tác Quán của Hành Giả tu pháp. Phương hướng của chữ Chủng tử với sự an bày các chữ của Chú có thể tham cứu lời thuyết minh của đồ hình thứ nhất mà tự biết.

Quán ánh sáng màu xanh lục từ phía dưới hướng lên về bên trái xoay chuyển . Chữ Chủng Tử với các chữ của Chú đều đứng thẳng bất động.

Khi tu pháp nên xem xét mức độ tác quán. Trước hết đem Chủng tử với Tự Luân, quán tưởng rõ ràng. Lại quán từ chữ Chủng tử với Tự Luân phóng ra ánh sáng cúng Phật, độ sinh. Khi niệm tụng quán ánh sáng bên ngoài Tự Luân từ từ xoay chuyển khắp vòng rồi trở về như lúc ban đầu. Nếu chẳng có thể quán tưởng thuần thục thì không nên quán ánh sáng xoay chuyển.

Khi tác pháp, yếu lĩnh quan trọng là tập trung tinh thần quán chữ Chủng Tử của Tâm Tế (giới hạn của Trái tim) rồi đến Tự Luân. Màu sắc của chữ Chủng Tử nên quán rõ ràng và đậm màu. Màu sắc của các chữ Tự Luân thì nhạt hơn. Màu sắc của ánh sáng với màu sắc của chữ đều nhạt.

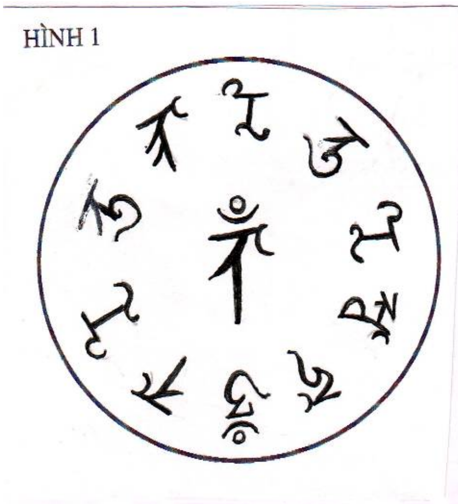
❖ Lời đề nghị của người dịch:

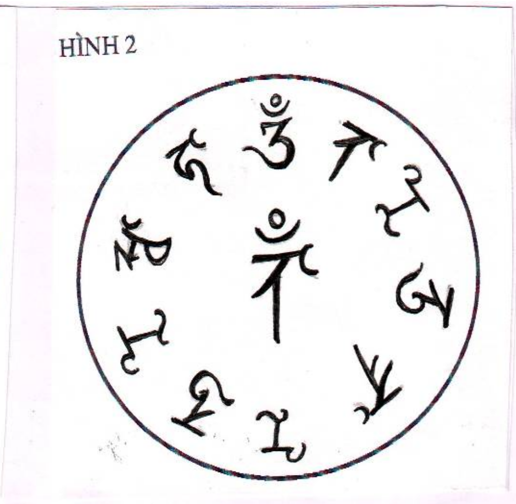
Nếu không quen quán chữ Tây Tạng (Tức chữ Uchen) thì có thể dùng chữ Tất Đàn (Siddam) để quán tưởng. Đồ hình cũng theo thứ tự 1 và 2.

Lục Độ Mẫu Chú là:



TĀṂ_OṂ TĀ RE TU TTĀ RE TU RE SVĀ HĀ.





III. CÔNG ĐỨC VÀ PHÁP QUÁN TƯỞNG CÁC TÔN ĐỘ MẪU:

1) Lục Cứu Độ Mẫu:

Bản Tôn có thân hình màu xanh lục, dung mạo hiền từ, ngồi bán già trên vành nhật nguyệt của hoa sen. Hoa sen có 08 cánh màu trắng hơi hồng, chân phải đạp xéo, chân trái co lại. Hai tay cầm cành hoa **Ô Ba Lạp** (UtpĀla: hoa sen màu xanh da trời), đầu đội mão Ngũ Phật. Thân trên áo bay phấp phới như lá phướng. Thân dưới mặc quần trong dài, quần ngoài ngắn. Chuỗi đeo ba chuỗi châu: chuỗi thứ nhất dài đến ngực, chuỗi thứ hai dài đến tim, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Tay đeo vòng khoen, khuỷu tay đeo vòng xuyến, ống chân đeo vòng có chuông nhỏ, các vật trang sức dùng để trang nghiêm.



Hai mươi Tôn Độ Mẫu còn lại, tư thế ngồi với mão áo, vật trang sức cũng giống như Lục Độ Mẫu, xong nhan sắc đều khác biệt.

Bản Tôn xưa kia xưng là **Đa La Quán Tự Tại Bồ Tát** (Tārā-avalokiteśvara Bodhisatva) tức **Nam Hải Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát**. Bản Tôn là Tôn Chủ của 21 Độ Mẫu. Chú Lục Độ Mẫu là chú Căn bản của 21 Độ Mẫu. Nếu thường chuyên cần niệm tụng hay cắt đứt gốc rễ của Luân hồi. Miễn trừ tất cả Ma Chướng, ôn dịch, bệnh khổ. Tiêu trừ tất cả tai nạn về nước, lửa, đao binh, trộm cướp. Hay tăng trưởng thọ mệnh và Phước Tuệ. Phàm sự mong cầu không có gì không như nguyện. Sau khi chết vãng sinh về Cực Lạc. Thành tâm phụng trì, linh ứng đến liền như âm dội của tiếng vang vọng, Công Đức rộng lớn không thể nói hết. Nếu lúc trì bái Nam Hải Phổ Đà Sơn, trì tụng Chú này càng dễ đạt được sự cảm ứng đặc thù.

Lục Độ Mẫu Chú là:

Oom _ *Dareh* *dudareh* *dùreh* _ soha

⇘ OṂ _TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHÀ.

2) Cứu Tai Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về đất, núi,…

Cứu Tai Nạn Độ Mẫu Chú là:

OOm _ Bat-ja dareh _ sarva bigganen shindum gooru soha

⇘ OṂ _VAJRA-TĀRE – SARVA VIGHNAN ŚĀNTIṂ KURU – SVĀHĀ

3) Cứu Địa Tai Độ Mẫu



Bản Tôn có thân màu lam, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có chày Kim Cương Ngũ Cổ dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về: động đất, núi lở, đất nứt, nhà cửa nghiêng sập.

Cứu Địa Tai Độ Mẫu Chú là:

Oom_ Dareh dudareh dùreh_ mama_sarva lum lum Baya shin-dum gooru_ Soha.

➢ OṂ_ TĀRE TUTTĀRE TURE_ MAMA SARVA LAṂ LAṂ_ BHĀYA ŚĀNTIṂ KURU – SVĀHĀ.

4) Cứu Thủy Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có Hỏa Kính. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về nước và tất cả sự nguy hiểm về nước.

Cứu Thủy Tai Độ Mẫu Chú là:

Oom _ Dareh dudareh dùreh _ ma ma sarva bum bum
Jala baya shin-dum gooru _ sõha

⇘ OṂ _ TĀRE TUTTĀRE TURE – MAMA SARVA VAṂ VAṂ _ JĀLA-BHĀYA ŚĀNTIṂ KURU – SVĀHĀ.

5) Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu:



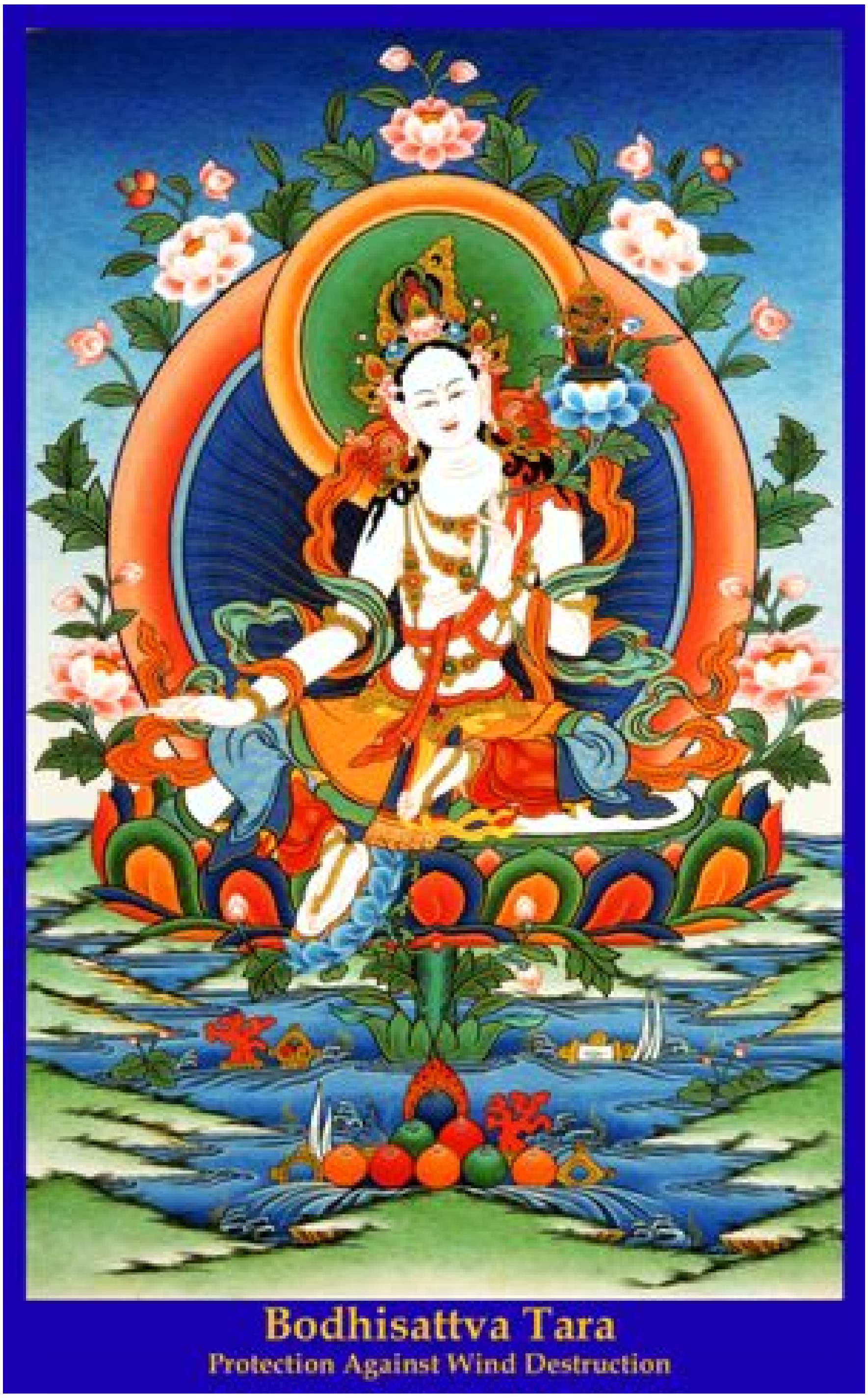
Bản Tôn có thân màu vàng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có viên Thủy Tinh Châu, trong châu tuôn ra nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về lửa và tất cả sự nguy hiểm về lửa.

Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dudareh dùreh_ mama _ sarva rum rum Ng-jola baya shin_dum gooru_ soha

⇘ OṂ_ TĀRE TUTTĀRE TURE – MAMA SARVA RAṂ RAṂ JVALA-BHĀYA ŚĀNTIṂ KURU - SVĀHĀ

6) Cứu Phong Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có núi Tu Di, trên núi Tu Di có bánh Xe (luân). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về gió và tất cả sự nguy hiểm về gió.

Cứu Phong Tai Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dudareh dùreh_ mama sarva yum yum Jala baya shin-dum gooru_ soha

⇘ OṂ _ TĀRE TUTTĀRE TURE – MAMA SARVA YAṂ YAṂ_ CALA-BHĀYA ŚĀNTIṂ KURU – SVĀHĀ.

7) Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng, tướng mạo uy mãnh. Tay phải cầm Như Ý Bảo Châu (Cintāmaṇi) tay trái cầm móc sắc là cán của Bảo châu. Trì tụng chú của Bản Tôn có thể được tiền của, thế lực, Trí Tuệ và Thần Thông.

Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu chú là:

Oom _ redna dareh_ sarva loga jana batya_Dara dara, deiri deiri, shing shing_Ja ng_ja na bootjing gooru_Oom

⇘ OṂ_ RATNA-TĀRE – SARVA LOKA-JÑĀNA VITYA, DHARA DHARA, DHIRI DHIRI, HRĪṂ HRĪṂ, JAḤ JÑĀNA PUṢṬIṂ KURU – OṂ.

Theo ý người dịch thì câu Chú trên là:

Oṃ - Ratna-tāre – Sarva loka-jñāna-vidya – dhāra dhāra – dhiri dhiri – Hrīṃ Hrīṃ – jaḥ – puṇya jñāna puṣṭi. kuru – OṂ.

8) Cứu Thiên Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu xanh lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có chày Yết Ma (Karma-daṇḍa). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ sự sợ hãi về sấm sét, mưa đá, hạn hán, sóng lớn với tất cả thiên tai.

Cứu Thiên Tai Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dudareh dùreh _mama sarva eh eh Maha hana baya shin-dum gooru_ soha

⇘ OṂ _ TĀRE TUTTĀRE TURE – MAMA SARVA E E MAHĀ-HANA-BHĀYA ŚĀNTIṂ KURU – SVĀHĀ

9) Cứu Binh Tai Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu xanh, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cây kiếm báu dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả tai nạn về binh khí, đạn dược…

Người tu pháp này nên chăm chỉ chân thành nghiêm trì Trai Giới . Nếu lúc gặp nạn nguy cấp trong chiến tranh thời tu Pháp này dù cho có loại: đao, kéo, cung tên, thương giáo, khí giới,… cũng chẳng thể khiến cho mũi nhọn của nó hướng vào thân mình được. Nếu có giày, ủng , hài chẳng có thể treo trên đầu được. Con gái tu Pháp này càng nên xét tìm sự Tĩnh Khiết ở bên ngoài.

Cứu Binh Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dudareh dùreh_ mama sarva dig dig_ Dig-chana racha racha gooru_ soha

⇘ OṂ_ TĀRE TUTTĀRE TURE – MAMA SARVA TIG TIG TĪKṢṆA_ RAKṢA RAKṢA KURU – SVĀHĀ.

10) Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái búa (phủ việt). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tai nạn về trộm cướp.

Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dudareh dùreh_ mama_ sarva jora_Benda benda jiktum_ soha

⇘ OṂ_ TĀRE TUTTĀRE TURE – MAMA SARVA CORA BANDHA BANDHA TRIG THUM SVĀHĀ.

11) Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái móc sắc. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả lao ngục và tất cả tai nạn về hình phạt oan uổng.

Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dudareh dùreh_ mama_ sarva rănja_ Dujing joda shin-dum gooru_ soha

⇘ OṂ _TĀRE TUTTĀRE TURE – MAMA SARVA RĀJA TUṢṬAN KRODHA – ŚĀNTIṂ KURU SVĀHĀ.

Theo ý người dịch thì câu Chú trên là:

***) Oṃ _ Tāre tuttāre ture – mama sarva rāja-duṣṭan-krodha śāntiṃ kuru_ svāhā.**

12) Tăng Uy Quyền Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu hồng, tướng mạo nhu hòa, tay phải cầm Hoa Câu hướng lên trên, tay trái cầm sợi dây. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay được uy quyền lớn khiến cho người khâm kính. Như Bộ Thuộc, dân chúng chẳng phục tùng thì hay khiến cho tuân phục. Lại vợ chồng chẳng hòa thuận, chân thành tu pháp của Bản Tôn hay khiến cho thuận hòa thương yêu nhau mãi mãi.

Tăng Uy Quyền Độ Mẫu Chú là:

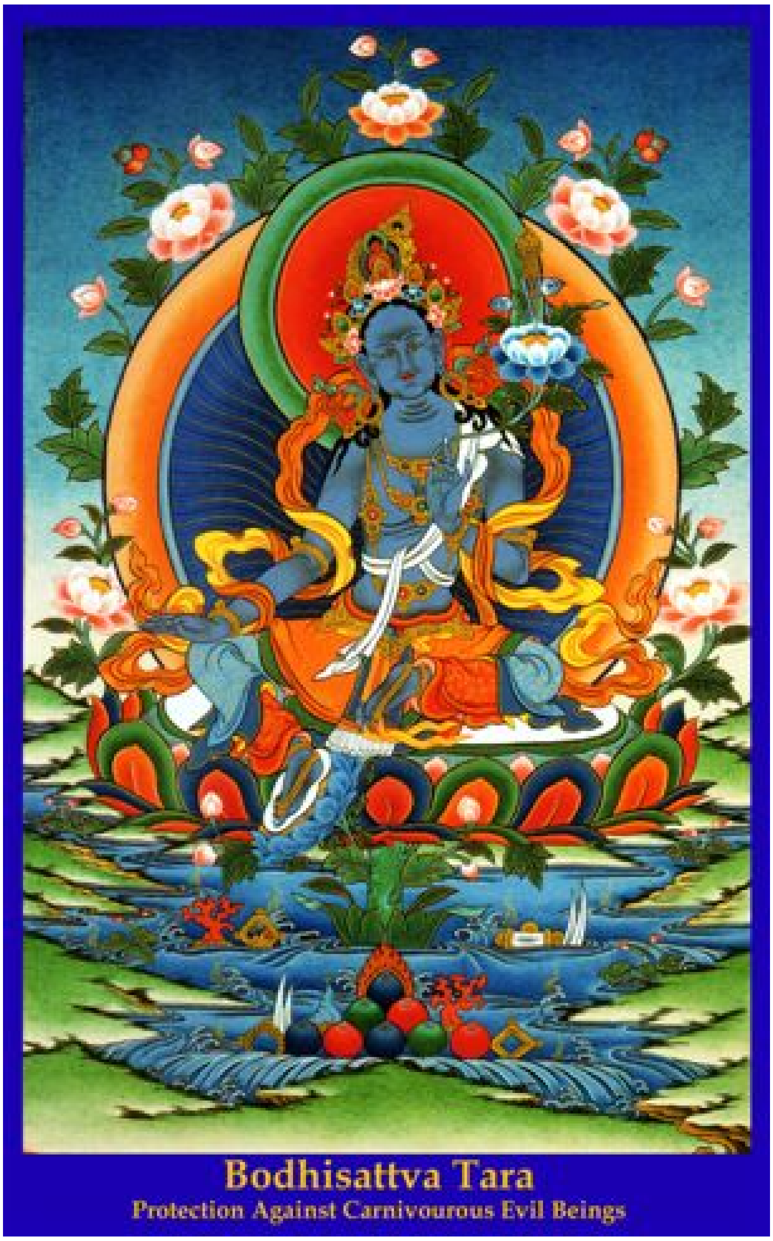
Oom_Behma dareh sendara sheh_ sarva loga_Vashum gooru_ Soha

⇘ OṂ– PADMA-TĀRE SANTARA HRĪḤ – SARVA LOKA VAŚAṂ KURU HO.

Theo ý người dịch thì câu Chú trên là:

***) Oṃ – Padma-tāre saṃdhāre Hrīḥ – Sarva loka-bhaṣiṃ kuru Hoḥ.**

13) Cứu Ma Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái chày Giáng Ma có ba đầu (Tam Đầu Giáng Ma Xử). Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả các bệnh quái về Cổ Mị, Linh Tinh và tất cả tai nạn về Thiên Ma, Địa Ma, Không Ma, Địa Long.

Cứu Ma Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dudareh dùreh_ mama_ sarva dùjing_Bigganen bum peh_ soha

OṂ_ TĀRE TUTTĀRE TURE – MAMA SARVA TUṢṬAN VIGHNĀN VAṂ PHAṬ – SVĀHĀ.

Theo ý người dịch thì câu Chú trên là:

***) Oṃ_ Tāre tuttāre ture – mama sarva duṣṭan-vighnān Hūṃ phaṭ– svāhā.**

14) Cứu Súc Nạn Độ Mẫu:



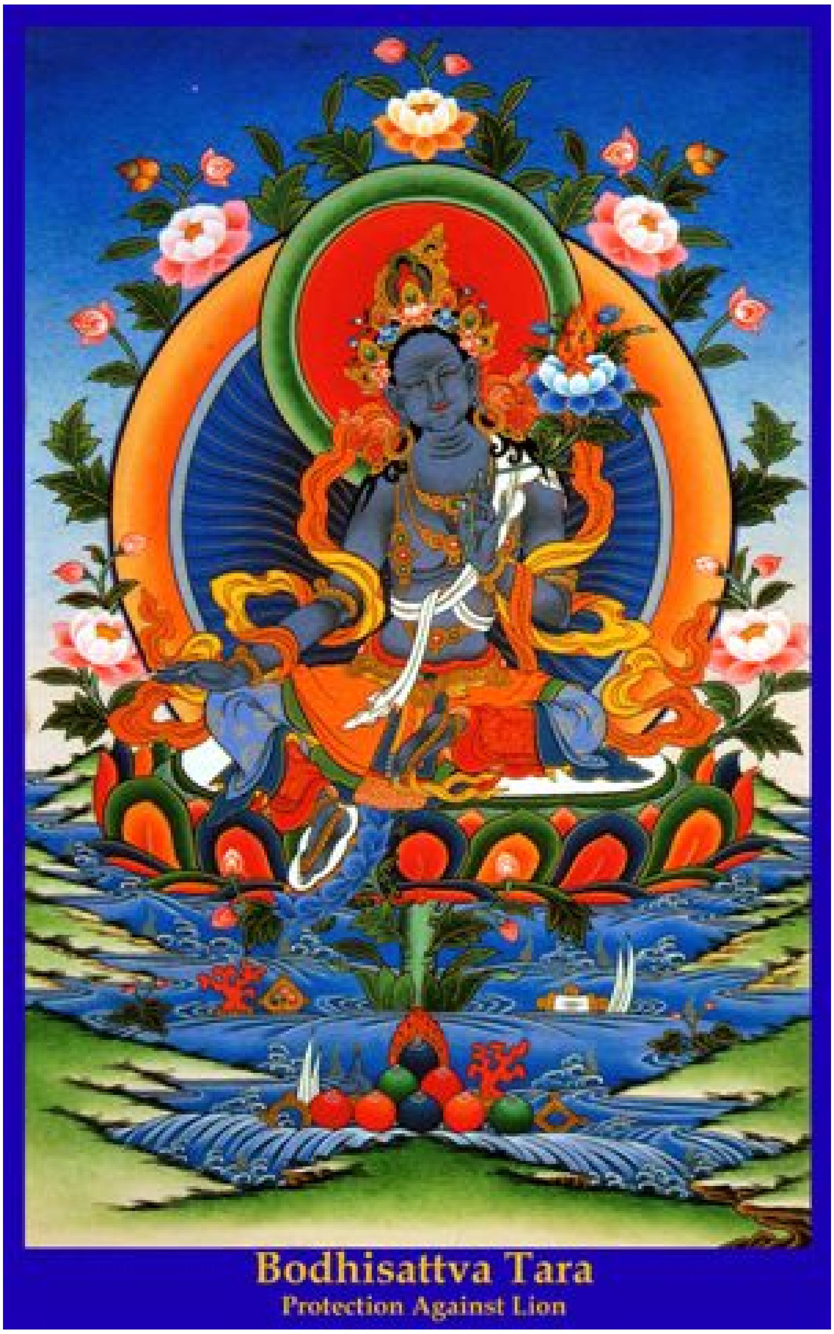
Bản Tôn có thân màu nâu đậm, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cây giáo dựng đứng. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay miễn trừ tất cả sự nguy hại về các loài vật không ăn thịt như voi, bò, ngựa, … làm cho người bị thương.

Cứu Súc Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dudàreh, dureh_ sarva hunk hunk_Dùjing hana hana jasaya peh_ soha

⇘ OṂ– TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVA HAṂ HAṂ TUṢṬĀN (? DUṢṬĀN) HANA HANA TRĀSAYA PHAṬ – SVĀHĀ.

15) Cứu Thú Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có ngọn lửa. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay miễn trừ tất cả các loài thú mạnh ăn thịt người như sư tử, chó sói, cọp, heo, và sự nguy hại về tất cả động vật khác.

Cứu Thú Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dudàreh dureh_ sarva heh heh JaLeh jaleh benda peh_ soha

⇘ OṂ– TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVA HE HE CALE CALE BANDHA PHAṬ – SVĀHĀ.

16) Cứu Độc Nạn Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình thủy tinh chứa đầy nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ tất cả thuốc độc, khí độc, trùng độc, với tất cả tai nạn về đất, nước, gió, không khí, chất độc tự nhiên, chất độc do con người tạo ra.

Cứu Độc Nạn Độ Mẫu Chú là:

Oom_ *Dareh dudareh dùreh _ sarva batka jalaya_ hara hara peh_* soha

⇘ OṂ– TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVA VIṢA CALĀYA _ HARA HARA PHAṬ – SVĀHĀ.

17) Phục Ma Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu đen, một mặt ba mắt, tướng rất phẫn nộ, hai tay chắp lại cầm Tam Đầu Giáng Ma Xử. Nếu lúc gặp nạn cấp bách đem cái chày này chà chuyển chẳng ngừng thì hay đập vỡ Tâm Ma. Trì tụng Chú này của Bản Tôn hay giáng phục Thiên Ma, chế ngự Ngoại Đạo.

Phục Ma Độ Mẫu Chú là:

Oom_Garma dareh_sarva chăt Jeon bigganen mara shena_ha ha heh heh ho ho hunk hunk binda binda peh

⇘ OṂ– KARMA-TĀRE – SARVA ŚĀTRUN MĀRA-SENA – HA HA – HE HE – HO HO – HAṂ HAṂ – BHINDHA BHINDHA PHAṬ.

18) Dược Vương Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có quả Ha Tử sáng như ánh mặt trời. (Ha tử chính là Thanh quả Liên Chi Diệp ở Tây Tang như vật cầm trong bàn tay phải của Đức Phật Dược Sư) phóng ra mũi nhọn ánh sáng như nước Cam Lộ tiêu trừ bách bệnh. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay trừ bệnh truyền nhiễm với tất cả bệnh tai, ôn dịch.

Dược Vương Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dudareh dùreh_ sarva jora sarva Dooka ju_ă samanaya peh_ soha

⇘ OṂ– TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVA JVARA, SARVA DUḤKHA PRAŚAMANAYA PHAṬ – SVĀHĀ.

19) Trường Thọ Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu trắng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình Trường Thọ chứa đầy nước Cam Lộ. Trì tụng Chú của Bản Tôn hay diên niên ích thọ , miễn trừ tất cả sự nguy hại về chết yểu, đoản mệnh và tất cả hung tai.

Trường Thọ Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dùda reh dùreh _ behja Ăyukei_ soha

⇘ OṂ– TĀRE TUTTĀRE TURE – VAJRA AYUṢE – SVĀHĀ

20) Bảo Nguyên (Nguồn Báu) **Độ Mẫu:**



Bản Tôn có thân màu vàng, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có cái bình Bảo Tàng chứa đầy châu báu nhiều vô cùng, vô biên – Trì tụng Chú của Bản Tôn hay đủ tài bảo, miễn trừ sự nghèo khổ và tất cả sự bức bách về kinh tế.

Bảo Nguyên Độ Mẫu Chú là:

Oom_Dareh dudareh dùreh_ jumbeh moheh_Dana mehdeh shit_ soha.

⇘ OṂ– TĀRE TUTTĀRE TURE – JAMBHE, MOHE, DHANA, MEDHI HRĪḤ – SVĀHĀ

21) Như Ý Độ Mẫu:



Bản Tôn có thân màu vàng lục, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có Như Ý Kết (?). trì tụng Chú của Bản Tôn hay như Ngọc Báu Ma Ni, mọi sự như ý, tùy nguyện mong cầu không có gì không thành tựu, như cầu con kế tự, tu pháp của Bản Tôn rất linh nghiệm.

Như Ý Độ Mẫu Chú là:

Oom_Da reh dùdareh dùreh_ Sarva arta sitdei gooru_ soha

⇘ OṂ– TĀRE TUTTĀRE TURE – SARVA ARTHA SIDDHI – SIDDHI KURU - SVĀHĀ

21 Độ Mẫu bên trên. Bình thường thì quán tưởng ngồi nhưng lúc cấp bách liền quán tưởng đứng. **Tổng Tâm Chú thứ 22** là Tâm Chú chung của các Tôn Độ Mẫu. Niệm Chú này hay tổng quát tất cả Công Đức của 21 Độ Mẫu.

Lại nữa, trong mỗi tháng mùa hạ, ngày 25 là ngày kỷ niệm Độ Sinh của tất cả Phật Mẫu. Nếu ở ngày đó mở lập Pháp hội Độ Mẫu thì cảm ứng rất nhanh.

Độ Mẫu tổng Tâm Chú là:

Oom _Dareh dum _soha

⇘ OṂ– TĀRE TĀṂ – SVĀHĀ.

IV. CÔNG ĐỨC CHÂN NGÔN VÀ NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG CỦA LIÊN HOA SINH ĐẠI SĨ.



Đại sĩ vì một đại sư nhân duyên là cứu độ kẻ Xiển Đề ác tính . Khi Đức Thích Ca Văn Phật nhập vào Niết Bàn. Tám năm sau, vào ngày 10 tháng 07 năm Thân tại Tây Ấn Độ, Ngài hóa sinh trong hoa sen trên biển Đạt Lạt Quách Túc. Đại Sĩ sinh ra rồi thành Phật đó là sự kết hợp **Thân** (kāya) của Đức Phật A Di Đà, **Khẩu** (vāk) của Ngài Thiên Thủ Quán Âm, **Tâm** (citta) của Đức Phật Thích Ca và tất cả Phật mà thành thân Kim Cương biến hóa của Chư Phật Bồ Tát. Lại trải qua việc phụng sự các Thầy, đầy đủ mọi loại phương tiện độ sinh. Tại Ấn Độ và Ni Bạc Nhĩ hoằng dương Phật pháp hơn 900 năm, ứng cơ Phổ độ, chúng sinh tắm trong mưa pháp của Đại Sĩ mà vô lượng vô biên người lên ngang bậc Thập Địa, chứng thẳng Phật Quả. Sau đó Ngài quay lại nhận lễ vật vào Tây Tạng truyền Pháp mà làm Tổ khai sáng Mật Giáo Tây Tạng. Đại Sĩ chứng 05 Trí Phật, đầy đủ 03 thân, vô lượng Yết Ma.

Hành Giả muốn được dễ dàng quán tưởng nơi thành tựu, có thể quán tưởng hình tượng của Ngài trong sách. Đại Sĩ tuyên diễn Mật Chú này rất nhiều, nay cẩn trọng cầm bút vâng theo sự khai thị của Thượng Sư NẶC NA sao chép lại hai loại như sau:

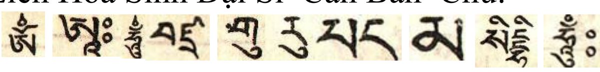
1) Căn Bản Chú.

2) Tâm Chú.

Công đức của hai Chú này không có sai khác, chân thành trì tụng sẽ hay tiêu tai, diên mệnh, tăng trưởng Phước Tuệ, mọi sự mong ước được như ý. Sau khi chết tùy nguyện vãng sanh về Cực Lạc hoặc Quốc Thổ của Đại Sĩ. Muốn cầu Tức Thân Thành Phật cũng hay như nguyện.

Lại mỗi tháng mùa hạ, ngày mồng 10 là ngày kỷ niệm độ sinh của Đại Sĩ. Ngày đó, lễ tụng tu Pháp rất dễ cảm ứng.

Liên Hoa Sinh Đại Sĩ Căn Bản Chú:



Oom _ăh hone_ betja gooru behma seedee hone

⇘ OṂ ĀḤ HŪṂ – VAJRA-GURU-PADMA SIDDHI HŪṂ

Liên Hoa Sinh Đại Sĩ Tâm Chú:

ཨོཾ པདམ བཛྲ ཧཱུྃ༔

Oom_ behma   betja hone
↳ OṂ – PADMA-VAJRA HŪṂ

V. TOÁT YẾU THÁNH TÍCH CỦA THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU:

Vô lượng kiếp về trước có Thế Giới tên là Tụ Quang. Bấy giờ trong thế giới ấy có Đức Phật ra đời hiệu là **Cổ Âm Như Lai** (Duṇḍubhi-svara-tathāgata). Vị Vua nước đó có cô con gái tên là **Bát Nhã Nguyệt** (Prajñā-candra), cô sinh ra đã có Tuệ Căn kính lễ Tam Bảo. Thời ấy, mạng sống của con người rất dài. Bát Nhã Nguyệt cung kính cúng dường các Đệ tử của Đức Phật. Nàng chí tâm cúng dường tất cả mọi vật cần thiết đến 1.008.000 năm, lại dùng 600 dặm châu báu, Anh Lạc cúng dường bậc Thượng Tọa. Các bậc Tỳ Kheo đồng thanh ca ngợi rằng: "Ngươi! Đời này nhất định thành chính quả. Nếu chí thành phát nguyện ắt thành tựu như nguyện"

Bát Nhã Nguyệt nói rằng: "Lúc này, trong ý thức của tôi không có nam, không có nữ, không có ta, không có người, không có biết, không có thấy, không có tên nam nữ. Phàm tướng nghiệp của Thế Gian đều do tâm này vọng chấp mà có. Xem lại, người dùng thân nam tu Đạo Bồ Đề thì rất nhiều, còn dùng thân nữ tu Bồ Đề thì rất ít. Tôi nguyện: từ Thế Giới này cho đến khi Thế Giới tận, Hư Không Giới tận, tôi dùng thân nữ độ cho chúng sinh"

Bát Nhã Nguyệt phát nguyện đó xong, liền ngồi quán các căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cho đến lúc đạt được Tâm khai, chứng nhập **Vô Sinh Pháp Nhẫn**, thành Phật Mẫu, độ tất cả Hữu Tình. Thành Đạo xong, mỗi buổi sáng sớm phát **Tâm Bồ Đề**, độ trăm vạn chúng sinh. Nếu chẳng được như vậy thì chẳng ăn sáng. Sau giờ Ngọ cũng thế cho nên thành **Độ Mẫu**. Danh xưng lan rộng cả khắp 10 phương Thế Giới. Đức Phật thọ ký rằng: "Vị Độ Mẫu này khi chưa thành Phật quyết không thoái chuyển"

Lại ở trước mặt Đức **Phật Bất Không Thành Tựu** (Amogha-siddhi buddha) phát nguyện rằng: "Nguyện hộ trì cho tất cả chúng sinh bị tội khổ trong 10 phương Thế Giới" liền giáng phục Ma xong, bình đẳng nhập định mà ngồi. Từ đây, trong 95 đại kiếp, mỗi ngày đều có vạn vạn Hữu Tình được ban cho sự an vui, thanh tịnh. Cho nên gọi là Độ Mẫu, lại xưng là Năng Mẫu, Tốc Mẫu, Dũng Tướng Mẫu vì hay không có sự sợ hãi.

Chín kiếp về trước ở thế giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī) có vị tỳ kheo Vô Thượng Quang Chiếu được 10 phương Chư Phật Đại Bi Quán Đỉnh. Vị Tỳ Kheo này quán đỉnh xong liền thành Đại Bi Quán Âm. Lại nhờ ánh sáng quang minh Trí Tuệ của Ngũ Phương Phật (Trung ương Tỳ Lô Giá Na Phật, Đông phương Bất Động Phật, Nam phương Bảo Sinh Phật, Tây phương A Di Đà Phật, Bắc phương Bất Không Thành Tựu Phật) làm Đại Quán Đỉnh. Ánh sáng trước, ánh sáng sau qua lại không dứt, thành tựu Đại Bi Quán Thế Âm Tâm. Lại từ trong Tâm Đại Bi sinh ra Độ Mẫu, tất cả Trí Nguyện của Chư Phật đều viên mãn đầy đủ, tất cả khổ của chúng sinh đều nguyện độ thoát.

Bảy kiếp về quá khứ có Thế Giới tên là Bất Động . Vị Độ Mẫu ở trong Thế Giới Bất Động khai thị Pháp yếu. Ngay lúc sinh thời, 10 phương Chư Phật đều đến quán đỉnh, khen ngợi rằng: "Mẫu của tất cả Chư Phật".

Thời Đại Kiếp ở quá khứ, tất cả Chư Phật, Bồ Tát, 08 bộ Trời Người Rồng... Nhiều vô lượng vô biên đều vân tập đến Đạo Trường của Quán Thế Âm Bồ Tát nói pháp căn bản của Độ Mẫu Đà La Ni này, mở bày trăm vạn vạn Pháp Môn, thảy đều hiển hiện trước Thế Giới, cứu độ Hữu Tình trong 6 nẻo với tất cả Chúng Sinh trong 3

đời. Về Diệu Pháp: đời quá khứ và đời hiện tại, có lưu xuất 60 vạn Pháp Bảo, đời vị lai còn 202000 Pháp Bảo. hiện nay là thời Đấu tranh mãnh liệt chỉ còn lưu xuất 4000 bài tụng. Như vậy vô lượng các Kinh lứu bố trong cung Trời, cung Rồng nhiều vô lượng vô biên. Lúc Đức Thích Ca thành Đạo, ngồi dưới cây Đại Bồ Đề, ở giữa hai chân mày phóng ra ánh sáng. Quân Ma nhìn thấy ánh sáng liền xuất hiện muốn quấy nhiễu Đức Phật. Ngài Độ Mẫu nhìn thấy liền tác tám loại Đại Tiếu (cười lớn tiếng), quân Ma liền té xuống đất. Ngài lại trụ vào Không Định hiện làm Bất Động Minh Vương (Acala vidyarāja). Lúc đem tất cả quân Ma lên cao, Ngài đập nát chúng thành bụi nhỏ. Khi ấy, Đức Thích Ca mới thành Vô Thượng Chính Giác.

Khi Bồ Tát Long Thọ tu hành cũng gặp Độ Mẫu chỉ dạy mà được thành tựu.

Ở Ấn Độ có người rất nghèo, khi thấy tượng Độ Mẫu trên tảng đá liền quỳ xuống cầu khẩn, chợt thấy Tượng chỉ đến nơi tháp. Người ấy liền đào lên được một cái bình chứa đầy Trân Châu và trở nên giàu có. Lẽ ra người ấy phải chịu 07 đời nghèo khổ, nhưng từ đây sự nghèo khó của 07 đời đều tiêu tan hết. Đời đời sinh ra đều làm người giàu có.

Thời Vua **A Dục** (Aśoka) ở Ấn Độ có một vị Trưởng Lão rất giàu. Nhà Vua khởi tâm ác muốn hại nên ra lệnh bắt vị Trưởng Lão. Vị ấy sợ hãi liền cầu cứu với Độ Mẫu. Khi chân bước lên thềm cửa thì thềm cửa liền biến thành vàng, trên hư không lại thêm mưa báu rớt xuống như mưa, vị Trưởng Lão lại đem dâng vua. Khi ấy, cây khô héo liền hóa ra cây đầy hoa trái, nhà Vua ưa thích liền phong cho Trưởng lão làm Đại Thần.

Ở Ấn Độ có vị Sa Di đang đi nhìn thấy trên đường có nơi thờ cúng Thiên Thần. Vị Sa Di liền bước qua, vị Thần nổi giận dùng sấm sét để giết. Sa Di ấy sợ hãi liền cầu cứu với Độ Mẫu rồi vội vã quay về thỉnh 500 người tụng Chú Độ Mẫu, cuối cùng sấm sét cũng không làm hại được.

Lại có người nương theo bóng đêm dùng lửa đốt nhà kẻ thù. Trong nhà chỉ có một cô gái yếu đuối bị lửa bức bách. Cô lớn tiếng kêu cứu với Độ Mẫu. Đột nhiên có một vị Độ Mẫu thân vàng đứng trên lửa và tuôn nước xuống như trút nước, nhờ vậy lửa liền tắt.

Lại có 5000 người nương theo cái thuyền lớn vào biển tìm báu vật. Đến xứ Đại Tử Đàn, Long Vương chẳng thích, lúc quay trở về bỗng gặp gió lớn đứa thuyền qua vô số biển có nhiều màu sắc. Mọi người sợ hãi kêu gọi Nhật, Nguyệt, Thượng Đế đều vô hiệu. Dây cột buồm lại đứt, nguy hiểm vạn phần, tính mệnh như hơi thở ra vào. Bỗng trong Chúng có một vị tụng Chú Độ Mẫu. Đột nhiên gió chuyển ngược thổi thuyền quay trở lại, qua một đêm chiếc thuyền chở đầy châu báu với mọi người đều về đến nhà an toàn.

Lại có một vị Tăng Chủ mắc bệnh rụng chân mày, 05 vị tăng khác cũng mắc bệnh này. Thịt rụng, lông mày rơi không có phép trị, chẳng ai dám lại gần vì sợ truyền nhiễm. Trên đường đi khuất thực, các vị thấy trên tảng đá có khắc Chú Độ Mẫu và tượng Độ Mẫu, liền khóc lóc cầu khẩn. Trên tay tượng đá bỗng tuôn ra một chất nước có dạng như thuốc. Các vị ấy liền lấy rữa thì bệnh đều khỏi và tướng mạo lại tốt đẹp trang nghiêm giống như người cõi Trời vậy.

Lại có 100 vị Tăng qua sông bị nước cuốn ra giữa dòng sông, bèn niệm Độ Mẫu Chú. Đột nhiên thấy tượng của Độ Mẫu đang được thờ cúng ở bờ sông đi ra cứu giúp. Về sau, tượng Độ Mẫu này có tên là Phong Thủy Độ Mẫu.

Tại Ấn Độ có cái tháp Đại Bồ Đề, trên tháp có tượng Độ Mẫu. Một vị Tăng mới đùa với Tượng rằng: "Hướng mặt vào trong tháp, đừng hướng ra ngoài tháp, há chẳng tiện hơn sao?" … nói xong bỗng nghe Tượng đáp: "Ông đã không vừa ý, ta quay thân như thế nào đây?" tượng đá liền quay thân hướng mặt vào trong tháp. Đang lúc

quay ngược thân thì cửa tháp và gạch đều tùy theo thân tượng mà chuyển ngược lại. Đến nay còn gọi là Phản Thân Độ Mẫu.

Vùng Đông Bắc Ấn Độ có vị Tỳ kheo ở gần nới cấp nước, xứ đó có tảng đá khắc tượng Độ Mẫu mà xứ này đều tu. Vị tỳ kheo Tiểu Thừa thấy các kinh Đại Thừa liền thiêu đốt, lại rất ghét Mật Tông như thù địch và hay phá tượng Mật Tông. Đức Vua nổi giận muốn trừng phạt, liền bắt vị Tỳ kheo. Tỳ kheo này bỗng quỳ trước tượng Độ Mẫu cầu khẩn. Đột nhiên nghe Độ Mẫu nói: “Khi người vô sự chẳng cần ta sao?” bèn chỉ nằm trong cái rãnh nước kia thì có thể thoát. Vị Tỳ Kheo thấy cái rãnh nước đưới thềm chỉ như cái bát, liền tự nghĩ “làm sao có thể nằm được? Thật khó quá!” Độ Mẫu thúc giục “Mau nằm xuống, người đi bắt đã đến tới cửa rồi” Vị Tỳ kheo quá sợ hãi không kịp suy nghĩ liền cúi xuống nằm. Nhà Vua chẳng bắt được liền tha.

Trước thời Long Thọ, người tu hành thành tựu pháp Độ Mẫu được hơn 5000 người. Ngay thời Long Thọ, người tu hành pháp này chứng quả hơn 5000 người. Người tu hành pháp này tiêu diệt tất cả nghiệp tội, tiêu diệt tất cả Ma chướng, hay cứu tất cả tai nạn, lại được trường thọ, giàu có. Thành tựu công đức rất nhanh chóng, lợi ích vô lượng vô biên chẳng thể nói hết. Ta lược nói thánh tích của Độ Mẫu chẳng qua chỉ là một giọt nước trong biển lớn mà thôi.

02/02/2002.

KINH VỀ THÁNH TARA
NGƯỜI BẢO VỆ KHỎI TÁM NẠN
(Ārya - tārā – aṣṭa - ghora - tārānī - sūtra)

Anh Ngữ dịch : MARTIN WILLSON
Việt Dịch: DIỆU LÝ

Kính lễ Tam Bảo
Kính lễ Đấng Tara Tôn quý
Kính lễ Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Thế Tôn ngự tại cõi trời trên núi Tu Di. Khi ấy, Thánh mẫu Tara ở trong chúng hội đứng lên nói rằng :

1.Để có được viên ngọc báu giống như Thiên đường
Hãy hiểu rõ mọi hành động và kết quả của nó
Giữ gìn điều lành và lánh xa điều xấu ác
Bất kỳ ai gây ra mọi hành động sai lầm
Sẽ ở trong cuộc sống dẫn đến sự đọa lạc

2.Những gia súc bị câm và trì độn
Phải leo lên những con đường chán ngắt
Và trèo xuống những vách đá cheo leo
Chợt rơi vào sự sợ hãi kinh hoàng, run rẩy, lo âu
Bằng lời cảnh báo toàn vẹn này
Nếu người nào ăn thịt những con vật ấy
Người đó chẳng thể nào nhận biết được khổ đau của chúng

3. Những Ngạ quỷ đói khát
Và thân thể chúng sẽ chẳng chịu hoạt động
Cần phải có đồ ăn, đồ uống
Nhưng lại có người khác bảo vệ thức ăn này
Hay nếu như chúng ăn chút ít
Thức ăn sẽ biến thành lửa hay là gươm đao
Sự khổ về đói và khát này
Không thể nào nhận biết được

4.Những hữu tình sanh nơi Địa ngục
Bị nghiệp ác dẫn dắt, chống lại ý chí mình
Bị thiêu đốt, đun nấu, và bị băm nhỏ
Bởi những vật vô cùng sắc bén
Nỗi khổ của họ, nóng hay lạnh,
Không thể nào chịu đựng được

5. Như vậy, làm điều sai trong đời này
Nghiệp báo sẽ tỏ rõ cho chính kẻ ấy
Và chồng chất thêm những thống khổ ưu phiền khó chịu
Cho kẻ đó trong nhiều a tăng kỳ kiếp

Mà kẻ đó chẳng lúc nào thoát khỏi
Và chẳng phải tình cờ hứng chịu

6.Hãy hiểu sự ảnh hưởng của nghiệp bằng sự suy tưởng rõ ràng
Những nỗi khổ không thể chịu đựng và những thống khổ than van
Người đó, lời lẽ thô tục, thân hình hung tợn
Cùng âm giọng làm người ta sợ hãi
Những điều này và những nỗi khổ khác,
Không thể được nhận biết

7.Người biết rõ những lầm lỗi
Cùng sự phóng túng gây ra ba nỗi khổ đau
Và trong bất kỳ tội ác nặng nề hay gian xảo nào
Không bao giờ thảo luận với Thân Khẩu Ý

8.Nhưng dù hạnh phúc của chính họ cứu giúp mọi hành giả
Trừ bỏ tham lam, ganh ghét, ảo tưởng
Gieo trồng gốc rễ từ bi
Và giữ gìn Thân Khẩu Ý trong sạch,hành giới
Do vậy, hãy theo đuổi bản thể sâu xa này

9.Nếu giá rét làm hư quả
Thì dù có cấy trồng, cũng chẳng thể đâm chồi
Vì thế có nhiều người nghi ngờ và dứt bỏ hạnh nguyện
Dù rằng họ thực hành những Thần chú sâu sắc nhất

10.Nghĩ là hạnh phúc đến, nhưng nó chẳng xảy ra
Những công sức khó nhọc chỉ là sự mệt mỏi vô nghĩa
Những Thần chú giống những bài dân ca chung chung
Và sự tập trung của họ chỉ như những ý tưởng của trẻ con

11.Nếu có ai thực hành những Thần Chú đó mà không lầm lỗi
Thì họ sẽ nhanh chóng đạt được những gì mà mình ao ước
Ví như hạt cây banyan (nyagrodha: cây đa) tuy rất nhỏ
Nhưng nó sẽ mọc tốt khi tưới nước và phân

12.Nếu ngay cả ngoài tường nó đã mọc như vậy
Thì trong bảy năm nó sẽ mọc tràn một dặm ngang
Sự thực hành tri giác với tri giác ra sao ?
Sự trưởng thành của tâm trí trong sáng là vô hạn

13.Nếu một người tin vào những du khách biết đường
Và rồi ra khơi cùng con thuyền thích hợp
Rồi khi người đó tìm ra châu báu như mong ước
Theo đúng dòng chảy, anh ta tìm đến nhà của chính mình

14.Với Tâm Bồ đề, hãy tin vào Từ, Ái
Niềm vui, sự thanh thản, hành Giới
Và tiến vào Chánh Đạo hoàn toàn

Ngươi sẽ đạt đến giai đoạn kiến thức nào đó

15.Nếu mũi tên, được bắn bởi một người, đã rơi xuống
Thật sự là nó đã được bắn ra
Cho dù người đó không nghĩ vậy
Khi một người đã nhận thức mọi nghĩa của Pháp
Thì người đó đã vượt xa
Cho dù anh ta không nghĩ vậy

16.Phương diện và tính chất của các hành động, cùng những phần đã hoàn thiện[i]
Anh ta sẽ đạt được Phật quả mà chẳng chút nghi ngờ
Nếu như hiểu được rằng Pháp vốn thanh tịnh
Không có bản ngã, không có sự sống
Và cũng không có đoạn lìa sự sống

17.Không có Nghiệp và không có Thục Nghiệp
Người đó, từ bỏ những cực đoan và được giải thoát
Nếu muốn nhận biết lợi lạc đó, ngươi hãy lặp lại
Chân thật thành kính bản thể này, ta sẽ thuyết giảng

18.Tội ác vô số của ba a tăng kỳ kiếp sẽ tan biến
Mọi khổ đau của tam giới về phiền muộn và luân hồi
Sẽ được rửa sạch đi và những nơi tối tăm được soi sáng
Bản thể lợi ích này như sau

Oṃ ! Bodhisattva-mahāsattvā
Hỡi Thánh Mẫu! Xin Người hãy che chở cho con .

⇘ OṂ NAMA ĀRYA – AVALOKITEŚVARĀYA- BODHI-SATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA - MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA!

TAD-YATHĀ: OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SARVA- DUṢṬĀN PRADUṢṬĀN MAMA KṚTE JAMBHAVA STAMBHAVA MOHAYA BANDHAYA HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ!

NAMA ĀRYÂVALOKABHAYĀ NARĀ BODHI-SATTVĀ MAHĀ-SATTVĀNI, ADHIṢṬHĀNA ADHIṢṬHITE, MAMA SARVA - KARMA - ĀVARAṆA - SVABHĀVA - ŚUDDHE VIŚUDDHE ŚODHAYA VIŚODHAYA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ!

[OṂ : *kính lễ Thánh Quán Tự Tại*
Bodhisattva-mahāsattvā, *bậc Từ Bi vô lượng*

Như vậ : OM TĀRE TUTTĀRE TURE, *nghiền nát, kiểm soát, làm tiêu tan, cản trở mọi tội ác và những việc ác con đã làm* HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ SVĀHĀ!

Xin kính lễ Đức Thánh Quán Tự Tại

Bậc Vô úy, Đại từ Đại bi, đã tạo ra thần thông, đang tạo ra quyền uy, sự tinh khiết, sự tinh khiết hoàn toà ; tinh lọc, tinh lọc hoàn toàn mọi nghiệp tăm tối của con trước thiên tính HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ!]

19.Vì vậy, trước quyền năng của Đức Thế Tôn
Con xin dâng trọn lời ca tụng đến Thánh mẫu

20.Với lòng Từ vĩ đại
Ngài tạo hạnh phúc cho chúng hữu tình
Hoàn toàn trong Hình tướng và Biểu tượng
Được điểm tô bằng những trang sức châu báu
Cổ Ngài rất đẹp và gương mặt hoan hỷ đang mỉm cười

21.Mắt Ngài như hoa sen có gai
Tai Ngài giống như hoa **Uk-Cho** nở rộ
Mũi Ngài như từng mảnh hoa **Ưu Bát La**
Miệng Ngài như cây **Thục Quỳ** đã lớn

22.Thân của Ngài, một thân hình thiếu nữ duyên dáng, có nhiều hình thể khác nhau
Khẩu ngữ **Kalaviṅka** của Ngài tuyên thuyết Giáo Pháp
Tâm Từ bi của Ngài là người bảo vệ yêu quý của các hữu tình

23.Bên trái của Ngài, một hoa sen không tỳ vết bởi những lầm lạc của luân hồi
Và bên phải, tạo nơi nương tựa, làm lợi lạc cho chúng hữu tình
Ngài ngồi trên tòa nhật, nguyệt, phương tiện, và trí tuệ
Hỡi Tārā Tôn quý,con đến trước Ngài để quy y

24. Xin bảo vệ con khỏi Địa Ngục to lớn của luân hồi
Đừng bao giờ để con luân chuyển trong sáu nẻo
Xin giữ chặt con bằng sợi dây Đại từ của Ngài
Đừng để con chạy đến ba nơi Nghiệp Sân

25.Xin hãy đặt con vào con đường mà con không thể nào lạc lối
Đừng để con sanh ra với những quan điểm sai lầm
Hãy cho con diện kiến Bậc Đạo Sư với tâm Bồ đề
Đừng để con gặp phải những người bạn xấu

26.Hãy bảo vệ con khỏi tám nạn hiểm nguy
Sư tử, voi, lửa, rắn, nước, kẻ cướp, dịch bệnh và đói khát
Con xin kính lễ Ngài
Trong đời này và trong những đời sau
Xin hãy bảo vệ con khỏi tám nạn này

27.Cho đến khi con đạt được quả tuyệt luân
Hãy cho con gìn giữ chẳng xa lìa mười Paramitā:
Bố thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền, Tuệ, Phương tiện, Nguyện, Lực, và Trí tuệ tối thượng

Bất kỳ kẻ trai lành, người nữ thiện vào cũng nên viết, đọc, lặp lại, gìn giữ, thực hành đúng theo giáo pháp này và giảng dạy rộng rãi cho những người khác.

Nói như vậy xong, Đức Thế Tôn và toàn thể chúng hội hoan hỷ và tán dương lời của Ngài .

22/08/1998

PHÁP THÀNH TỰU QUÁN NIỆM LỤC ĐỘ MẪU

(Nhanh chóng kêu gọi sự Giác ngộ)

Tác phẩm của Đức DALAI LAMA thứ nhất (1391 - 1474)
Trích trong quyển "Thiền Định trên Tantra Bậc thấp"

Anh Văn: DENDUN DRUB
Sưu tập và hiệu chỉnh: GLENNH.MULLIN
Phụ tá Tác giả: MICHAEL RICHARDS
Việt dịch: DIỆU LÝ

Những người cầu Đạo mong mỏi thực hành sự thiền định về Thánh TARA cần phải xếp đặt một bàn thờ và một chỗ ngồi. Hành giả ngồi theo tư thế Kim Cương, bắt đầu buổi lễ bằng sự Quy Y và phát khởi Tâm Bồ Đề, rồi đọc thần chú Svabhava (Thần chú về Tự Tính)

➥ OṂ_ SVABHĀVA SHUDDHĀḤ SARVA DHARMĀḤ SVABHĀVA SHUDDHO 'HAṂ

Mọi vật đều trống rỗng. Từ bên trong sự trống rỗng của không gian trước mặt ta hiện ra Chủng Tử PAṂ (པཾ) Chủng tử PAṂ biến thành một hoa sen trên hoa sen có chủng tử ĀḤ (ཨཱཿ) Chủng tử ĀḤ biến thành vành trăng chứa chủng tử TĀṂ (ཏཱཾ). Chủng tử TĀṂ biến thành hoa sen Utpala, bên trên hoa sen có chủng tử TĀṂ màu xanh lục. Từ chủng tử TĀṂ này phát ra những tia sáng tạo thành lễ vật dâng cúng các Đấng tối cao, làm thỏa mãn mọi mong cầu của tất cả hữu tình, rồi tụ họp lại với nhau.Đó là một sự chuyển đổi mỹ mãn và Đức Thánh Tara tôn quý hiện ra một cách tự nhiên với thân hình màu xanh lợt một mặt hai tay, ngồi theo tư thế co chân phải và duỗi chân trái. Tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái đặt ở trái tim dùng ngón cái ngón trỏ cầm cuống hoa sen Utpala đang hé nở bên cạnh tai của Ngài. Thân trên khoác mảnh vải mềm mỏng đẹp, thân dưới được bao phủ bằng thiên y. Toàn thân được trang điểm đẹp đẽ bằng các vật trang sức quý giá: vòng hoa, vương miện, bông tai, dây chuyền, vòng xuyến, nhẫn, vòng đeo chân..... Ngài hiện ra dưới hình dạng phụ nữ 60 tuổi nhìn chăm chăm vào ta với nụ cười hoan hỷ. Trên vương niệm của Ngài có chữ OṂ (ཨོཾ) trên cổ họng có chữ ĀḤ (ཨཱཿ), trên trái tim có chữ HŪṂ (ཧཱུྃ) Từ chữ HŪṂ trên trái tim phát ra những tia sáng thỉnh mời Đức Thánh Tara tối cao từ vùng đất Potala tinh khiết với vô số chư Phật, Bồ Tát vây quanh.

Từ nội thể tối thượng của Potala
Sinh ra từ chữ TĀṂ xanh lục
Chủng tử TĀṂ đang tỏa ra ánh sáng
Với muôn tia giải thoát chúng hữu tình
Hỡi Đức Thánh Tara và quyến thuộc
Con xin khẩn cầu Ngài hãy đến
ĀRYĀ TĀRA !

JAḤ HŪṂ BAṂ HOḤ. Các Vị được câu triệu này hòa hợp thành một thể với Ngài. Từ chữ HŪṂ trên trái tim của Ngài lại tỏa ra ánh sáng triệu mời chư Hiền Thánh cùng với các quyến thuộc trong Năm Bộ

Hỡi Đức Như Lai ! Xin hãy quán đỉnh cho con !

Chư vị Hiền Thánh đến trước Đức Thánh Tara, trên tay cầm những cái bình chứa nước Cam Lộ Trí Giác của lễ Thụ Pháp

⇘ OṂ SARVA TATHĀGATA ABHISHEKATA SAMAYA SHRĪYE HŪṂ

Dòng nước được rót chảy vào vương miện trên đầu, chảy tràn vào cơ thể của Thánh Tara, thanh lọc tất cả sự dơ bẩn. Phần nước Cam Lộ Trí Giác dư thừa cuốn xoáy trên đỉnh kế và biến thành Đức Phật A Di Đà ngự trong vương miện trang sức của Thánh Tara

(Sự kiện trên trở thành phẩm vật trong sạch và tinh khiết)

OṂ SARVA TATHĀGATA ĀRYĀ TĀRĀ SAPARIVĀRA ARGHAṂ PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ SARVA TATHĀGATA ĀRYĀ TĀRĀ SAPARIVĀRA PĀDYAṂ PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ SARVA TATHĀGATA ĀRYĀ TĀRĀ SAPARIVĀRA PUSHPE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ SARVA TATHĀGATA ĀRYĀ TĀRĀ SAPARIVĀRA DHUPE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ SARVA TATHĀGATA ĀRYĀ TĀRĀ SAPARIVĀRA ĀLOKA PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ SARVA TATHĀGATA ĀRYĀ TĀRĀ SAPARIVĀRA GANDHE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ SARVA TATHĀGATA ĀRYĀ TĀRĀ SAPARIVĀRA NAIVIDYE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ SARVA TATHĀGATA ĀRYĀ TĀRĀ SAPARIVĀRA SHABDA PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

Hỡi Đức Thánh Tara tôn quý !
Đấng có bàn chân hoa sen
Chư Thần và Bán Thần đều cung kính cúi đầu
Đức Tara, mẹ của các vị Phật
Con xin đảnh lễ Ngài
Bậc giải thoát mọi khổ não bần hàn
(Xong rồi lập lại Thần Chú cùng với sự nguyện cầu)

Chủng tử TĀṂ màu xanh lục ở trên vành trăng nơi trái tim của Ngài được bao quanh bằng Thần Chú OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ. Ánh sáng phát ra từ Thần Chú này sẽ thực hiện những chức năng thỉnh cầu. Nếu Thiền Định theo đường lối này thì Thần Chú phải được lập lại nhiều lần

(Đây là Thần Chú chủ yếu nên phải được lập lại thường xuyên. Lại có một vài sự khác biệt của Thần Chú nhằm hoàn thành những hoạt động khác nhau. Hai mẫu quan trọng của sự khác nhau được biết như là **“ Cách thức của sự tăng trưởng”** và **“Cách thức của sự định tĩnh”**. Một vài cách sử dụng chung cho những sự khác nhau này là những phần sau đây)

◆ **Tăng trưởng tuổi thọ**

⇘ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE MAMA ĀYUḤ PUSHṬHIṂ KURU SVĀHĀ

◆ **Tăng trưởng năng lực công đức**

⇘ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE PUṆYA PUSHṬHIṂ KURU SVĀHĀ

◆ **Tăng trưởng trí tuệ**

⇘ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE PRAJÑĀ PUSHṬHIṂ KURU SVĀHĀ

◆ **Tăng trưởng sự thông minh lanh lợi, học rộng hiểu nhiều**

⇘ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE KĪRTI PUSHṬHIṂ KURU SVĀHĀ

◆ **Trị ốm đau và bệnh truyền nhiễm**

⇘ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SARVA JĀRA-BHYAḤ SHĀNTI KURU SVĀHĀ

◆ **Dẹp trừ sự bế tắc và chướng ngại**

⇘ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE VIGHNA SHĀNTI KURU SVĀHĀ

◆ **Giải thoát tâm trí khỏi sự điên cuồng**

⇘ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SARVA VIKULE-BHYAḤ SHĀNTI KURU SVĀHĀ

◆ **Dẹp trừ mộng ác và giấc mơ chẳng lành**

⇘ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SARVA DURSO VADURMINI SHĀNTI KURU SVĀHĀ

(Ở đây Thần Chú được lập lại trong lúc đang trì giữ sự ghi nhớ mà Thần Chú đang được sử dụng bao quanh chữ TĀṂ nơi trái tim, phát ra những sóng ánh sáng rộng lớn để hoàn thành các mục đích)

Kết thúc sự trì niệm Thần Chú là tạo ra những lễ vật và lời cầu nguyện như trước, bao gồm mọi lễ nghi với bất kỳ người cầu nguyện nào và những điều ước may mắn có thể thích hợp. Sau đó Đức Thánh Tara tan biến thành chữ TĀṂ. Chữ TĀṂ tan thành ánh sáng chiếu rót vào đầu hành giả, đi qua kẽ hở Brahma (Huyệt Bách Hội) đến trái tim của hành giả và trở thành một con người tự nhiên với Tâm Trí của chính hành giả.

Ghi chú: SADHANA (Pháp Thành Tựu) của Lục Tara ở trên được Ngài GENDUN DRUB viết theo yêu cầu của các bạn hữu tinh thần trong khi Ngài đang cư trú tại Ganden Monastery .

23/02/1998

PHÁP TU TĀRĀ
NGUỒN GỐC CỦA MỌI NGHI LỄ

Anh Ngữ dịch: MARTIN WILLSON
Việt Dịch: DIỆU LÝ

NHỮNG NHẬN XÉT CHUNG

Vì Tārā trở thành một vị Thần Phật Giáo quan trọng, những liên quan về Ngài trong các Pháp tu của các vị Thần khác không đủ dài lâu (?). Ngài phải có các Pháp tu của chính Ngài.

Ngày trước, Tāra-nātha nói với chúng tôi, Đức **Avalokita** đã dạy khoảng 10 triệu śloka, hay vượt hơn một trăm triệu từ, về các Pháp tu của Tārā, nhưng theo thời gian hầu hết các Pháp tu này đã không còn ở thế giới loài người. Đặc biệt, mặc dù nhiều Pháp tu này được chuyển đến **Nāro-pa** và **Atīśa**, nhưng vẫn không được dạy ở Tây Tạng, do cảm thấy rằng các Pháp này có khả năng sử dụng sai. Vậy nên Pháp tu hiện tại này đã không được chuyển sang tiếng Tây Tạng cho tới cuối thế kỷ 12, khi mà việc cảm nhận trên đã bị yếu đi. **K'a-drup Je**, trong cuốn *Giới thiệu các hệ thống Mật giáo của Phật Giáo*, mô tả nó như là Pháp tu Tārā quan trọng nhất, ít nhất là giữa những Pháp hiện có ở Tây Tạng. **Beyer**, trong việc nghiên cứu rất cẩn thận và dễ đọc của mình, *Sự thờ cúng Tārā*, đề cập nó như là một đọan văn trung tâm của sự thờ cúng, tiếp cận điều này chúng ta có một cuốn sách giáo khoa hoàn chỉnh về sự thực hành của việc thờ cúng Tārā, dù cho nó đưa ra mỗi phương diện của mới nhất và tổng hợp. Không nghi ngờ nó đã được biên soạn từ những phần từ một số công việc, các phần hợp thành của nó đôi khi được liên kết một cách khá yếu ớt và khác biệt rất lớn trong cách tu.

PHÂN TÍCH NỘI DUNG

Trong hình thức trình bày của sách, Pháp này được chia thành 35 chương, như sau:

[Phần mở]

1. Giới thiệu (nidāna)
2. Lễ vật (pūjā)
3. Tán dương (Tán dương 21 Tôn)
4. Chư Thần (devatā) (Maṇḍala của 09 vị Tārā)
5. Quyền năng (abhiṣeka)
6. Các Thần Chú

[Các nghi thức của 04 Pháp]

7. Nghi thức Tức Tai (śānti-karman)
8. Nghi thức Tăng ích (puṣṭi-karman)
9. Nghi thức Hàng Phục (vaśya-karman)
10. Nghi thức Phẫn Nộ (raudra-karman)
11. Phổ Nghiệp (viśva-karman)

[Mẫu của 05 Bộ]

12. Mẫu của Kim Cương bộ
13. Mẫu của Liên Hoa bộ

14. Mẫu của Như Lai bộ
15. Mẫu của Bảo bộ
16. Mẫu của Nghiệp Dụng bộ
17. Thiêu đốt lễ vật (homa) [cho bất kỳ nghi thức nào]

[Luân: A. Các Luân bảo vệ]

18. Tức Tai Hộ Luân
19. Hàng Phục Hộ Luân
20. Tăng Ích Hộ Luân
21. Đại Tăng Ích Hộ Luân
22. Đại Tức Tai Thần Hộ Luân

[Luân dành cho các nghi thức của 04 Pháp]

23. Tức Tai Luân
24. Đại Tức Tai
25. Tăng Ích Luân
26. Phẫn Nộ Hàng Phục Luân
27. Chia và Hàng Phục Luân

[Các Luân khác]

28. Truy thù Luân (uccāṭana-cakra)
29. Phân ly Luân (bhedana-cakra)
30. Sát Luân (māraṇa-cakra)
31. Khiến Cuồng Luân (madana-cakra?)
32. Hàng Phục Luân
33. Hàng Phục Thù Nghịch Luân
34. Hàng Ma Luân

[Phần Cuối]

35. Bài giảng về các nguyện cầu và thệ nguyện (samaya-saṃvara-nirdeśa)

_ Kết luận

Pháp tu này bắt đầu với một vài chương dài có liên quan dưới dạng một chuyện kể ít hay nhiều chặt chẽ. Nơi của Bài giảng và những Thần Chú xuất hiện được chỉ ra; Nữ Thần xuất hiện. Bồ Tát Văn Thù đặt câu hỏi, Đức Thế Tôn đưa ra các bài giảng về Ngài –Ngài trở thành Mẹ của Chư Phật như thế nào; cách để tạo lễ vật dâng Ngài; Lời tán tụng Ngài, *Lời Xưng tán trong 21 Tôn* nổi tiếng, được đưa ra ở bản Sanskrit gốc như là một dhāraṇī hay là Thần Chú dài; cách để quán tưởng Maṇḍala của Ngài; và làm thế nào quyền năng được thể hiện. Những chương này chưa các bài kệ, và những lời giải thích theo cách của **Kinh Bát Nhã** (Prajñā-pāramitā-sūtras).

Ở đầu chương 6, Thần Chú biến thành một danh mục của thông tin và lời chỉ dẫn, và cách thức độc đáo này không trở lại cho đến chương cuối. Sau một danh sách các thần chú ở chương 6, chúng ta có 05 chương mô tả các nghi thức để đạt được bốn Pháp chính và "tất các các Pháp". Phải chuẩn bị một nơi, đối với cặp Nghi Thức đầu tiên, là các Nghi Thức hòa bình, ở trong một căn phòng; đối với những cái khác, ở những nơi hoang dã hơn như là các nghĩa địa, và trưng bày các lễ vật cần thiết trên một Maṇḍala, Hành giả tưởng Đức Tārā trong màu sắc phù hợp với các Pháp và đọc Thần Chú. Những màu này: màu trắng đối với Tức Tai, màu vàng đối với Tăng Ích, màu đỏ đối

với Kính Ái, màu xanh lá cây đối với Điều Phục, và màu xanh đen đối với "các Pháp". Hình thức biểu tượng màu sắc ưu thế của Pháp tu này, thường ám chỉ ở trong các chương về các Luân Thần Thông.

Kế tiếp, diện mạo của Tārā như là Mẫu của 5 Bộ của chư Phật được mô tả. Đối với việc giải thích rõ ràng và bao quát về 05 Bộ (Pañca-kula), cuốn ***Nền tảng của Tây Tạng huyền bí*** của Lạt Ma **Govinda** có thể dùng để tham khảo. Năm sự xuất hiện này có tất cả 04 mặt và 8 tay, màu sắc của thân và gương mặt chính tương ưng với từng Bộ: màu trắng là Kim Cang Bộ, Thế Tôn của bộ này là A Súc Phật (Akṣobhya); màu đỏ là Liên Hoa Bộ của Đức Phật A Di Đà (Amitābha) (Đức Tārā thường được cho là thuộc Bộ này); màu vàng là Như Lai Bộ của Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana); màu xanh biển là Bảo Bộ của Bảo Sinh Phật; và màu xanh lá cây của Yết Ma Bộ của Bất Không Thành Tựu Phật (Amogasiddhi). (Thường thường hành giả hay cho rằng màu vàng là Bảo Bộ và màu xanh biển hay màu trắng là Như Lai Bộ). Mặt bên phải màu trắng, bên trái màu đỏ, phía sau màu vàng, trừ phi một trong nhưng màu này là màu chính, trong trường hợp đó màu xanh đen sẽ được thay thế; cho rằng mặt phía sau là của Mẫu Yết Ma Bộ được nói là màu xanh lá cây. Mỗi vật nằm trong tay phải chính của Ngài biểu tượng cho từng Bộ của Ngài, tương ứng chày Kim cang, hoa sen, bánh xe, châu báu và kiếm. Mỗi vật đó được gán cho một Nghi Thức thần diệu và kỳ bí, được thay đổi vào cuối của chương mà không có bất kỳ sự liên quan logic rõ ràng nào đó.

Chương 17 mô tả việc Thiêu đốt lễ vật (trong hình thức thích hợp đối với nghi thức Tức Tai) với việc thực hiện của bất kỳ nghi thức nào cần được kể đến.

Rồi đến 17 chương rất ngắn đưa ra những lời chỉ dẫn ngắn gọn cho các Luân Thần Thông các nhau dựa trên Thần Chú của Tārā, các Luân dành cho người mộ đạo để sử dụng như là mộ sự bảo vệ, Luân để giúp đỡ trong các nghi thức của các Pháp chính, và cuối cùng là các Luân dành cho các mục đích khác của yêu thuật như là xua đuổi kẻ thù, thậm chí là tiêu diệt kẻ thù hoặc khiến cho chúng bị điên. Một ngạc nhiên nhỏ là đã có một vài sự miễn cưỡng ban đầu để truyền bá Pháp tu này giữa những người xâm lăng Tây Tạng! Những Nghi Thức như là tiêu diệt, dĩ nhiên, được dành để sử dụng chỉ với động cơ trong sạch của Tâm Bồ Đề và lòng Từ Bi, để ngăn chặn các kẻ thù của Pháp khỏi tạo ra nghiệp xấu và gây ra nhiều đau khổ cho chính bản thân họ và những người khác. Để làm sáng tỏ những lời chỉ dẫn đại cương một các chính xác và thực sự thực hiện những nghi thức này, hành giả cần phải sự huấn luyện bao quát dưới một vị Thầy giỏi. Tuy nhiên, vì cho dù có sử dụng chúng với mục đích sai lầm cũng sẽ tạo ra nghiệp ác mạnh, nên **Geshe Rabten** đã nghĩ tốt nhất là bỏ các Luân của các nghi thức Phẫn nộ.

Cuối cùng, với chương 35, để làm nổi bật lên, không khí chuyển một các đột ngột trở về các chương mở đầu với một vài bài kệ về các cư xử đã mong đợi của các môn đồ của Tārā. Không những cần họ tránh sát sanh, trộm cắp và nói dối, họ còn cần phải từ bỏ việc ăn thịt và nên kính trọng phụ nữ. Thần Chú kết thúc giống như bất kỳ bài kinh Đại Thừa nào bằng việc hồi hướng đến mọi chúng hữu tình.

CÁC NGHI THỨC THẦN THÔNG

Các Nghi Thức ở cuối chương 12 đến chương 16 không dễ thực hiện, nhưng một vài phương thức giúp đỡ đến từ sự so sánh với các sādhanas của Vajra-tārā trong Tāngyur. Vajra-tārā, với bốn mặt và 8 tay không khác biệt nhiều với các chư Thiên đã được mô tả trong những chương này hơn với các vị từ những chương khác. Ngài được sử dụng đặc biệt cho yêu thuật như thế. Vì sách **Ghost** chỉ ra, trong sādhanas của Ngài,

"Số lớn nhất của các việc thực hiện Thần Thông và phép thuật với sự trợ giúp của Thần Chú Tārā để thực hiện quyền lực quyến rũ và chế ngự phụ nữ … một vài pháp thuật…. thô bạo cùng cực và thậm chí độc ác vô cùng". Các Thần Chú trong 05 Nghi Thức của chúng ta (các hình thức của 04 nghi thức được tìm thấy trong những sādhana này), 03 nghi thức dành cho Kính Ái, hai trong ba nghi thức này nhắm cụ thể đến phụ nữ; một còn lại là để xua đuổi kẻ thù, và một hình như dành cho sự tiêu diệt.

Nhưng mà ai đó đang đùa một trò đùa ác ý với người Tây Tạng nào muốn trở thành những nhà ma thuật ở cho đến cuối thế kỷ 18, các Thần Chú đã bị xáo trộn. Bất cứ ai nghĩ rằng họ đang triệu tập một phụ nữ bằng nghi thức của chương 16 thì sự thực là họ đang xua đuổi cô ấy, Thần Chú đưa ra ở đó đã có ở chương 12. Vì các sự sắp xếp tốt nhất của các Thần Chú khác là không đáng tin cậy, nên tôi đã để mặc các Thần Chú này ở nơi mà chúng xuất hiện. Việc sử dụng các Thần Chú đó theo **Vajra-tārā-sādhanas** sẽ được mô tả ở trong các chú thích.

Vì các thành tố khác của các Nghi Thức cũng có thể là đã bị xáo trộn như là các Thần Chú, sẽ là một sự liều lĩnh dại dột thái quá nếu sử dụng chúng. Ngay cả với lời Thần Chú chính xác và hoàn chỉnh để truyền thụ, việc cố gắng làm hại ai đó bằng pháp thuật có khả năng bị phản ngược lại, gây ra cái chết hay là sự điên loạn cho chính người sử dụng; nếu như chính lời Thần Chú chứa đựng những sai sót, làm thế nào để có thể sửa đổi nó cho đúng?

Những thực tế thoái hóa và gây phẫn nộ này đang làm gì trong Pháp tu của Tārā? Những thực tế đó có đối lập với những lời huấn thị đạo đức ở chương 15? Sự có mặt của chúng đến như là một cú sốc, nhưng thực ra rất khó để tìm thấy một Pháp tu chính vượt khỏi những tài liệu như thế. Tārā là 01 vị Thần phổ biến nhất ở Ấn Độ; số lượng đông đảo các tín đồ của người phải là điều bình thường, khác xa với những người thánh thiện tìm kiếm những lợi ích trần tục ở tôn giáo của họ như là hầu hết những người Thiên Chúa Giáo đang làm. Và chúng ta không thể kết thúc từ định hướng nam tính của một vài nghi thức mà việc thờ cúng Tārā thông thường được tiếp cận rộng rãi đến những người nam, vì nhiều câu chuyện chứng tỏ có dính dáng đến phụ nữ ở tất cả các mức độ từ phần lớn việc thờ cúng vụ lợi, ích kỷ đến thành tựu của những sự thực hành cao nhất.

BẢN DỊCH

Bản văn này chỉ được biết đến trong bản dịch Tây Tạng của nó ở Kangyur. Bản này được dịch bởi dịch giả **Ch'o-kyi zang-po** với thầy giáo người Ấn **Dharma-śrī-mitra**. Một người có thể bị xúi giục để gắn chặt bản trước với **Ch'o-kyi zang-po** của **Rong**, hay là **Rong-zom Lotsāwa**, người được nói đến đã gặp Atīśa khi ông đến Tây Tạng năm 1042, và mới đây với Dharma-śrī một mắt, của Kasmir, người đi đến Tây Tạng với Thầy mình là **Vajrapāṇī** vào khoảng năm 1066. Nhưng theo **Beyer**, không phải vậy: đó là dịch giả **Ch'o-kyi zang-po** ở **Chal**, người đã làm việc với **Śākya-śri-bhadra** khi ông ở Tây Tạng (1204-13). Có lẽ Dharma-śrī-mitra là **Māhāpaṇḍita Dharma-śrī**, một môn đồ người Ấn của **Ch'ak drachom** (1153-1216).

Với bản dịch hiện tại, Kinh Tạng Kangyur đã tái lập từ một bản viết tay trong Cung điện Tog ở Ladakh được sử dụng chính thức. Bản dịch này là bản in mà trang được đánh số ở trong dấu ngoặc vuông tham chiếu. Đó là một thuận lợi rõ ràng khác thường. Tuy nhiên, vì công việc đã tiến hành, nó trở nên rõ ràng rằng nó không luôn luôn có thể suy luận ra cách đọc đúng từ phiên bản này một mình, đặc biệt trong các Thần Chú và bản văn tiếng Sanskrit của bài ***Xưng tán 21 Tôn***. Cuối cùng, Các thần Chú và bản Sanskrit đã được kiểm tra trong tất cả các bản in của Kinh tạng Kangyur có

giá trị ở Châu Âu – Derge, Lhasa, Nart'ang, Peking va Tog. Chúng tôi sẽ tham khảo những bản này trong những ghi chú bằng chữ cái đầu tiên của họ: D, L, N, P và T. Thêm nữa, tất cả Thần Chú và bản Sanskrit được chép lại trong Sách *Những việc đã sưu tập* của **Bu-ton Rinpoche**, tạo ra phiên bản B. Vì các Thần Chú ngắn ở các chương 12, 13, 15, và 16, Vajra-tārā-sādhana có mặt torng nhiều phiên bản ở trong Luận Tạng Tangyur đã được sử dụng (V_1: P_{4308}. V_2: P_{4309}. V_3: P_{4312}). Bản văn tiếng Tây Tạng cũng được kiểm tra trong trạng thái nguyên vẹn tương phản với bản in ở Lhasa và trong một phần đối lập với những bản in khác.

Mặc cho cố gắng này, một vài thần chú vẫn còn khó hiểu. Cũng có một vài đọan văn trong bản Tây Tạng ít rõ ràng hơn, mặc dù Pháp tu này ít tối nghĩa hơn những Pháp khác của cấp tu Anuttarayoga. Thật không may là mặc cho sự quan trọng của Pháp tu này, dường như không một ai từng viết lời chú giải cho nó, ngoại trừ *21 Tôn* mà chúng ta sẽ luận giải chi tiết sau. Tôi đã nhận được những bài giảng cho một ít chú giải từ **Geshe Kayang** ở Tharpa Choeling.



NHẤT THIẾT NHƯ LAI MẪU TÀRÀ XẢO NGHIỆP NGHI LỄ

(PHÁP TU CÓ TÊN LÀ NGUỒN GỐC CỦA TẤT CẢ NGHI LỄ CỦA TĀRĀ, MẪU CỦA TẤT CẢ NHƯ LAI)

(Sarva-tathāgata-mātṛ–tārā-viśvakarma-bhava-tantra-nāma)

Anh Ngữ Dịch: MARTIN WILLSON
Việt Dịch: DIỆU LÝ

Kính lễ **Thánh Văn Thù Bồ Tát**!

CHƯƠNG 1
GIỚI THIỆU

Như vậy tôi nghe một thời. [196] Đức Thế Tôn ngự tại cung Trời Đâu Suất (Tuṣita). Vô số Bồ Tát như Di Lặc Bồ Tát và Văn Thù Bồ Tát, và vô số chư Thiên như: Kurukullā và Parṇa-śabarī, cùng Phạm Thiên và Đế Thích[1], tung lên vô số Thiên hoa như Sen Trời, hoa Kumuda và hoa Mandārava, vô số Thiên nhạc như: Loa (vỏ ốc), vīnās , trống, mṛdangas và śūrpavīnās, với vô số lọng, cờ, phướng của Trời, vòng quanh Đức Thế Tôn theo phía bên phải, và tạo những lễ vật cúng dường với đủ mọi thức lấy từ trong mây.

Rồi Đức Thế Tôn nhập vào Tam muội tên gọi là Adamantive, người phá hoại lực lượng thù địch. Ngay lập tức, địa cầu chấn động, quốc độ của các Ma Vương bị chế ngự, và Ngài phóng tỏa một luồng ánh sáng rực rỡ. Như là: Ngài phát ra tất cả các loại ánh sáng: trắng, đỏ, vàng, xanh lục, xanh lam và ánh sáng đã trộn lẫn, làm thanh tịnh các Hữu tình đang chịu đau khổ; và Tārā, Mẹ của Chư Phật, xuất ra từ đỉnh của Kurukulla. Ngay lập tức, vô số lễ vật trút xuống như mưa. Rồi vị Thánh Mẫu đó trở thành [197] giống như một cái dĩa mặt trời quang đãng chẳng một chút mây.

Và Người được ngợi ca bằng bài kệ tán dương:
1. Khắp cả một vùng, hoàn toàn trong sạch
Nhiều loài hoa quý xuất hiện như mưa.
Mẹ Tārā! Xin kính lễ và tán dương Người!
Người Mẹ sinh ra Chư Phật của ba đời

Rồi Bồ tát Văn Thù Đồng tử trật một bên vai áo, quỳ gối phải, bạch Đức Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Tất cả Chư Phật của ba đời rất thâm sâu khó lường. Vậy làm thế nào mà Đức Tārā sinh ra các vị? Làm thế nào Ngài là Mẹ của các vị đó?"

Đức Thế Tôn nói: "Này Văn Thù! Đó là sự thật; nhưng tất cả Chư Phật của ba đời cũng bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất giảm, bất tăng, và bởi Tự Tính của Niết Bàn; vì lý do này chính là: Tự Tính của tất cả các Pháp.

Bồ Tát Văn Thù Đồng tử nói: 'Bạch Thế Tôn! Chư Phật của ba đời được sinh ra như thế nào, ai là bất sinh và bất diệt, bất nhơ và bất tịnh, bất giảm và bất tăng, và bởi tự tính của Niết Bàn?'

---

[1] . Kurukullā và Parṇa-śabarī là chư Thiên tối cao đã thoát khỏi Luân hồi, các vị đến để ngắm các diện mạo của Đức Tārā. Phạm Thiên (Brahma) và Đế Thích (Śakra - vị thần trong Ấn Độ giáo gọi là Indra) , tuy mặc dầu là những vị cai trị các cõi trời, nhưng cũng chỉ là các chư Thiên thuộc thế gian, vẫn là đối tượng phải tái sinh trong luân hồi – xem truyền thuyết đáng ghi nhớ của 'Indra và những con kiến' mà Zimmer bắt đầu với quyển *Những thần thoại và biểu tượng trong nghệ thuật và văn minh Ấn Độ* của mình.

Đức Thế Tôn nói: "Văn Thù! [198] Điểm rốt ráo được gọi là Niết Bàn, Pháp giới (*Dharmadhātu*) được gọi là Niết bàn; đó cũng đồng nghĩa với mục đích Chân Thật. Đó chính là sự Từ Bi Tối thượng. Tự Tính thông thường cũng có nghĩa là Luân hồi. Người Mẹ sinh ra chư Phật ba đời vượt trên điều này; do vậy Ngài vượt trên Luân hồi và sự ưu phiền. Vì thế, Văn Thù, Ngài được xem như là Mẹ"

Và Đức Thế Tôn nói: "Do vậy, Văn Thù, với sự hiểu biết của các Pháp Như thực, ông nên thiền quán Ngài; ông cần thuộc lòng dhāraṇī này, thực hành thật nghiêm túc, hiểu rõ các đức tính của Ngài, và tạo lễ vật dâng cúng Ngài. Ông cần nhận những lời chỉ dẫn và không được có các ngờ vực. Ông cần hành động nghiêm túc trong sâu thẳm, nhớ những lời tán dương Ngài, và thực hành riêng biệt các nghi lễ này"'

Những lời này, Đức Thế Tôn dạy cho Bồ Tát Văn Thù Đồng tử.

௸ ❁ ❀

CHƯƠNG 2
LỄ VẬT

Tiếp, Bồ Tát Văn Thù Đồng tử hỏi Đức Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Hành giả thiền định về Ngài? Làm thế nào Hành giả thực hành về Ngài thật nghiêm túc?"

Đức Thế Tôn nói: "Này Văn Thù! Hành giả cần phải hướng dẫn Tâm Trí của mình như thế này.

Văn Thù! Tất cả các Pháp, đều bất sinh, tất cả các Pháp, đều bất diệt. Tất cả các Pháp đều bất cấu; tất cả các Pháp [199] đều ở trong Niết Bàn và bởi Tự Tính thanh tịnh: vậy Hành giả cần Thiền Định.

Do vậy, Văn Thù! Hành giả cần phải nói Thần Chú này:

❖ OṂ SVABHĀVA-VIŚUDDHĀḤ SARVA-DHARMĀḤ, SVABHĀVA-VIŚUDDHO 'HAṂ

(OṂ Tất cả các Pháp vốn trong sạch bởi Tự Tính, Con vốn trong sạch bởi Tự Tính của các Pháp)

Đức Thế Tôn cũng nói: "Hành giả nên nuôi dưỡng Từ-Ái, suy xét chúng sinh sanh ra từ bào thai, chúng sinh sanh ra từ trứng, chúng sinh sanh ra từ sức nóng ẩm ướt, và chúng sinh sanh ra theo cách phi thường. Hành giả nên phát khởi lòng Từ Bi lớn lao với cái nhìn về Sinh, Già, Bệnh và Chết. Hành giả cần nuôi dưỡng Niềm vui và Sự Thanh thản với nhận thức về Hư Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, và Vô Tác.

Do vậy, Văn Thù! Bốn điều không đo lường được là **Nhân**, Tâm Bồ Đề là **Quả**. Vậy Hành giả nên nghiêm cẩn ghi nhớ:

Vậy, Văn Thù! Hành giả cần nói Thần Chú này:

❖ OṂ BODHICITTA-UTPĀDAYA AHAṂ.

(OṂ Mong con phát sinh Tâm Bồ Đề)

Và Đức Thế Tôn lại nói: "Lễ vật cần được tạo ra với những lời đề nghị này:

2. Được tạo ra theo cách màu nhiệm từ mọi vật
Từ chư Phật ngụ nơi mười phương các thế giới,
Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bậc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng.
Mọi loại hương, hương bột và hương cây

3. "Hỡi **Buddha-locāna** (Phật Nhãn-ND), người mẹ cao cả của mọi loài
Của các Bậc Như Lai cư ngụ nơi mười phương các thế giới!

Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bậc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng
Mọi loài hoa, bông hoa và vòng hoa.

4. Hỡi người Mẹ cao quý nhất của mọi loài
Của các Bậc Như Lai cư ngụ nơi mười phương các thế giới!
Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bậc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng
Tất cả trân bảo quý giá, đèn và các tràng hoa.

5. Hỡi **Pāṇḍara-vāsinī** (Bạch Y Mẫu – ND), người mẹ cao cả của mọi loài
Của các Bậc Như Lai cư ngụ nơi mười phương các thế giới!
Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bậc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng
Dòng nước tinh khiết ngọt lành và các dòng sông hương.

6. Với các Hành động Thiêng liêng, người mẹ cao cả của mọi loài
Của các Bậc Như Lai cư ngụ nơi mười phương các thế giới!
Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bậc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng
Các thực phẩm như là thức cứng và thức mềm

7. Hãy để các bài ca và âm thanh nhạc cụ
Như Thanh La, làm lắng dịu các nỗi đau
Và các lọng che, phan, phướng, cờ và dù
Từ mười phương, như mây tụ lại.

8. Hãy để các cây Thỏa mãn ước nguyện với cành lá sum xuê thơm nức,
Các cây có hoa và các loài cây khác, đều tụ hợp về từ khắp mười phương.

9. Hãy để mưa tuôn hương thơm ngào ngạt, mưa tuôn nước hoa thơm dịu
Của những bông hoa và thóc lúa, vân vân, tuôn xuống thật rõ ràng!

10. Cùng đổ xuống sông, suối, ao, hồ, vực thẳm,
Các hồ nước của trăm mùi vị
Các ngỗng trời và các loài chim khác.

11. Điện báu, [201] trang hoàng trân châu tuyệt đẹp
Với ánh sáng của Mặt trời và mặt trăng, từ hai hướng Đông, Tây,
Và những nơi cư ngụ làm vừa lòng tâm trí
Chúng con xin cúng dường Mẹ, Bậc Sinh thành của các Đấng Chiến thắng.

Vậy, Văn Thù! Nên nói những Thần Chú lễ vật này :

❖ OṂ SARVA-TATHĀGATA-DHŪPA-PŪJA-MEGHA-SAMUDRA-SPHARAṆA-SAMAYE HŪṂ!

(OṂ Hương trầm của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HŪṂ!)

❖ OṂ SARVA-TATHĀGATA-PUṢPA-PŪJA-MEGHA-SAMUDRA-SPHARAṆA-SAMAYE HŪṂ!

(OṂ Hoa của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HŪṂ!)

❖ OṂ SARVA-TATHĀGATA-ĀLOKA-PŪJA-MEGHA-SAMUDRA-SPHARAṆA-SAMAYE HŪṂ!

(OṂ Ánh sáng của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HŪṂ!)

❖ OM SARVA-TATHÀGATA-GANDHA-PÙJA-MEGHA-SAMUDRA-SPHARANA-SAMAYE HÙM!

(Om Nước thơm của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HÙM!)

❖ OṂ SARVA-TATHĀGATA-NAIVIDYA-PŪJA-MEGHA-SAMUDRA-SPHARAṆA-SAMAYE HŪṂ!

(OṂ Thực phẩm cúng dường của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HŪṂ!)

❖ OṂ SARVA-TATHĀGATA-ŚABDA-PŪJA-MEGHA-SAMUDRA-SPHARAṆA-SAMAYE HŪṂ!

(OṂ Âm thanh của tất cả Như Lai hợp lại như các đám mây lễ vật tràn ngập khắp đại dương HŪṂ!)

CHƯƠNG 3
TÁN DƯƠNG

Ngài lại nói với Bồ Tát Văn Thù Đồng Tử, rằng: "Này Văn Thù! Tôn này là Mẹ của tất cả Chư Phật ba đời.

Do vậy, này Văn Thù! hãy ghi nhớ lời xưng tán này từ tất cả chư Phật của ba đời!"

Rồi Đức Thế Tôn thốt ra Dhāraṇī xưng tán:

❖ NAMAḤ SARVA-TATHĀGATĀNĀṂ. TADYATHĀ:

OṂ NAMAḤ SŪKASĀṂ, NAMAḤ TĀRĀYAI TĀRAMITĀ!

(Kính lễ tất cả Như Lai, như sau:

OṂ Kính lễ Bậc Từ Bi (?), kính lễ Tārā, được kiến lập như Người bảo vệ!)

[Bây giờ theo bài văn tiếng Sanskrist *Lời Xưng Tán 21 Tôn*. Một bản dịch và chú thích được ghi ở Phần 2]

Namas tāre ture vīre
Kṣanair – dyuti – nibhêkṣane/
Trailokya – nātha – vaktrâbja
Vikasat – keśarôdbhave //1//

Namaḥ śata śarac – candra
Saṃpūrṇa – paṭalânane./
Tārā – sahasra – nikara
Prahasat – kiraṇôjjvale //2//

Namaḥ kanaka – Nīlâbja –
Pāṇi – padma – vibhūṣite/

Dāna – vīrya – tapaḥ - śānti –
Titikṣā – dhyāna – gocare //3//

Namas tathāgatôṣṇīṣa –
Vijayânanta – cāriṇi/
Aśeṣa – pāramitā – prāpta –
Jina – putra – niṣevite//4//

Namas Tuttāra – hūṃ – Kāra –
Pūritâśā – dig – antare/
sapta – loka – kramâkrānti
Aśeṣâkarṣaṇa – kṣame//5//

Namas śakrânala – brahma –
Marud – viśêśvarârcite/
Bhūta – vetāla – gandharva –
Gaṇa – yakṣa – puras – Kṛte //6//

Namas traḍiti phaṭ – Kāra
Para – yantra – pramardani /
Pratyālīḍha – pada – nyāsa
śikhi – jvālâkulêkṣane //7//

Namas ture mahā – ghore
Māra – vīra – vināśani/
Bhṛkuṭi – kṛta – vaktrâbja.
Sarva - śatrū – niṣūdani //8//

Namas tri – ratna – mudrâñka
Hṛdyâñguli – vibhūṣite/
Bhūṣitâśesa – dik – cakra –
Nikara – sva – karâkule //9//

Namaḥ pramuditâṭopa –
Mukutā – kṣipta – mālini/
Hasat – prahasat – tuttāre.
Māra – loka – vaśaṃKari //10//

Namaḥ samanta – bhū – pāla –
Patalâkarṣana – Kṣame/
Calad – bhṛkuṭi – Hūṃ – Kāra –
Sarvâpada – vimocani //11//

Namaḥ śikhaṇḍa – Khaṇḍêndu –
Mukuṭâ bharaṇôjjvale/
Amitābha – jaṭā – bhāra –
Bhāsure kiraṇa – dhruve //12//

Namaḥ kalpânta – hutabhug –

Jvalā – mālântara – sthite/
Ālīḍha – muditābandha –
Ripu – cakra – vināśani //13//

Namaḥ kara – talâghāta –
Caraṇâhata – bhū – tale/
Bhṛkuṭī – kṛta – Hūṃ – Kāra –
Sapta – pātāla – bhedini //14//

Namaḥ śive śubhe śānte
śānta – nirvāṇa – gocare/
svāhā – praṇava – saṃyukte
Mahā – pātaka – nāśani //15//

Namaḥ pramuditābandha –
Ripu – gātra - prabhedini/
Daśâkṣara – pada – nyāse
Vidyā – Hūṃ – Kāra – dīpite //16//

Namas ture padâghāta –
Hūṃ – kārâkāra – bījite/
Meru – mandara – kailāsa –
Bhuvana – traya – cālini //17//

Namaḥ sura – sarâkāra –
Hariṇâñka – kara – sthite/
Tāra – dvir – ukta – phaṭ – Kāra
Aśeṣa – visa – nāśani //18//

Namaḥ sura – gaṇâdhyaKṣa –
Sura – kiṃnara – sevite/
Ābandha –muditâbhoga –
Kali –duḥsvapna – nāśani //19//

Namas candrârka – saṃpūrṇa –
Nayana – dyuti – bhāsure/
Hara – dvir – ukta – tuttāre
Vīṣama – jvara – nāśani //20//

Namas tri – tattva – vinyāsa –
śiva -śakti – samanvite/
graha – vetāla – Yakṣâugha –
Nāśani pravare ture //21//

Mantra – mūlaṃ idaṃ stotraṃ
Namaskārâika – viṃśakam
Yaḥ pathet prayato dhīmān
Devyā bhakti – samanvitaḥ //22//

Sāyaṃ vā prātar utthāya
Smaret sarvâbhaya pradam/
Sarva – pāpa – praśamanaṃ
Sarva – durgati – nāśanam //23//

Abhiṣiktobhavet tūrṇam
Saptabhir jina – Koṭibhiḥ/
Asmin mahattvam āsādya
So'nte bauddha – padaṃ vrajet //24//

Viṣaṃ tasya mahā ghauraṃ
Sthāvaraṃ vâtha jañgamam/
Smaraṇāt pralayaṃ yāti
Khāditaṃ pītam eva vā //25//

Graha – jvara – viṣârtānāṃ
Param arti – vināśanam/
Anyeṣāṃ câiva sattvānāṃ
Dvis – tri – saptâbhivartinam //26//

Putra – kāmo labhet putraṃ
Dhana – kāmo labhed dhanam/
Sarva – kārmān avāpnoti
Na vighnaiḥ pratihanyate //27//

❖ "TĀRĀ-BHAGAVATĪYAṂ SŪTRAṂ SAMYAK-SAṂBUDHHA-BHĀṢITAṂ

(Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác nói Kinh Thánh Mẫu Tārā)

SARVA-KARA SAMAYĀ ULAKARAYE,

(Nổi tiếng nhanh chóng trong việc thực hiện mọi lời cam kết của Người (?))

BUDDHANI CA DHARMAṆI CA SAṂGHANI CA TĀRAYE SVĀHĀ!

(Tārā, của Tự Tính của (?) Phật, Pháp, Tăng: đến Người, SVĀHĀ!)

"Này Văn Thù! Dhāraṇī này, được Tất cả Chư Phật ba đời ban phước. Dhāraṇī xưng tán Tārā, người Mẹ sinh ra tất cả Chư Phật của ba đời, [204] để phá hủy những gì không còn phù hợp. Những lợi ích của Dhāraṇī không thể nghĩ bàn.

Do vậy, Văn Thù! Ta sẽ nói về những lợi ích đó.

Người nói Dhāraṇī này sẽ không bao giờ bị tái sinh vào những cảnh như Địa ngục, ngạ quỷ hay súc sanh; họ sẽ không bao giờ bị tái sinh vào những quốc gia nơi biên địa, như những người man rợ, hay thân căn bị khiếm khuyết, vv…vv… Họ sẽ được thoát khỏi mọi hiểm nguy của các bệnh tật như dịch hạch, đậu mùa, và bệnh lây nhiễm, và những nguy hiểm tật bệnh đó sẽ không tăng trưởng nữa. Họ sẽ được thoát khỏi tám sự khổ não lớn và vv…v… .

Văn Thù! Người nào nhớ được lời xưng tán của tất cả chư Phật ba đời, sẽ tạo ra được lễ vật cúng dường tất cả chư Phật ba đời. Người nào nhớ giữ sẽ được trong sạch khỏi mọi tội lỗi, bao gồm cả năm tội trực tiếp. Họ sẽ được nhìn thấy tất cả chư Phật. Cái chết không đúng thời sẽ không xảy ra, và khi mạng chung, họ sẽ thấy Đức Tārā, người Mẹ sinh ra tất cả chư Phật ba đời. Người nào nhớ giữ Dhāraṇī này sẽ đạt được

bất cứ thứ gì mà họ nghĩ thầm trong Tâm. Họ sẽ nhận được Thân tướng hoàn hảo, vẻ ngoài hoàn hảo và mọi điều hoàn hảo như thế. Mọi chướng ngại của các giấc mơ xấu, sự hiểm độc và những linh hồn sẽ bị chế ngự. [205] Họ cũng sẽ nhìn thấy những sự thật của ba đời. Họ sẽ trực tiếp thấy thân tướng của Mẫu Tārā.

❖ NAMAḤ SARVA-TATHĀGATA-SAMYAK-SAṂBUDDHĀYA TREYATE DHĀRATE TUTTĀRA!

(Kính lễ tất cả Như Lai và chư Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, bảo vệ, gìn giữ, TUTTĀRA (?)):

Điều này đã được nói”

☙ ❁ ❧

CHƯƠNG 4
CHƯ THẦN

Tiếp, Bồ Tát Văn Thù Đồng Tử hỏi Đức Thế Tôn: “Người ghi nhớ nghiêm chỉnh Đà La Ni này thì phụ thuộc vào điều gì?”

Và Đức Thế Tôn nói rằng: “Người nào nghiêm chỉnh thực hành Đà La Ni này với mong cầu được giải thoát khỏi khổ đau và với niềm tin chắc chắn về Nghĩa lý Thâm sâu. Thì [người đó cần phải quán tưởng rằng] từ chữ TAṂ biến thành các tia sáng, hướng lên, hướng xuống và tỏa ra xung quanh, rồi chuyển đổi thành các Vajra (Kim Cương-ND).

Văn Thù! Người đó cần nói Thần Chú này:

❖ OṂ VAJRA-JVALA VAJRA-TANA HŪṂ PHAṬ!

(OṂ Vajra, ánh sáng! Vajra, sấm sét! HŪṂ PHAṬ!)

Màu đỏ	RAṂ		(Lửa)
Xanh lá	YAṂ		(Không khí)
Vàng	LAṂ		(Đất)
Xanh dương	VAṂ		(Nước)
Màu trắng	A		
TAṂ			(Tārā)

Các chủng tử của các yếu tố trên Maṇḍala Sự bắt đầu phát sinh

Rồi Hành giả quán tưởng một chữ A màu trắng xuất ra từ chữ TAṂ. Trên đó Hành giả quán tưởng một chữ VAṃ màu xanh dương. Tiếp ở trên quán chữ LAṂ màu vàng. Trên nữa là chữ YAṂ màu xanh lá. Trên nữa là chữ RAṂ màu đỏ. Ánh sáng của các chữ trải ra thành các tia và đến cùng một lúc.

❖ OṂ DHARMA-DHĀTU-VIŚUDDHA HŪṂ

(OṂ Pháp giới thanh tịnh HŪṂ!)

❖ OṂ AṂ-DHĀTU- VIŚUDDHA HŪṂ

(OṂ Tràn khắp tất cả giới thanh tịnh)

❖ OṂ SAMANTA- VIŚUDDHA HŪṂ
(OṂ Sự thanh tịnh hoàn toàn HŪṂ!)

❖ OṂ PRAKṢA- VIŚUDDHA HŪṂ
(?)

❖ OṂ KṢATA-BUTHĀNA- VIŚUDDHA HŪṂ
(?)

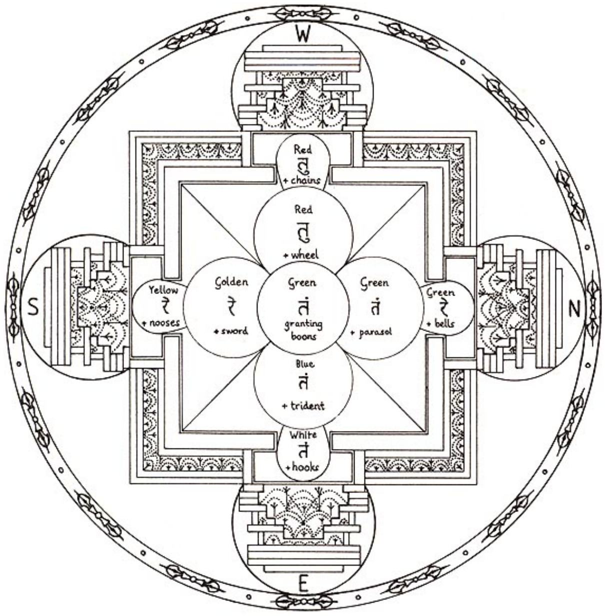
❖ OṂ NAMAḤ SARVA-TATHĀGATA-MAṆḌALA-SAMANTA-VIŚUDDHA HŪṂ
(OṂ Kính lễ Maṇḍala thanh tịnh hoàn toàn của tất cả Như Lai HŪṂ!)

Vậy, Văn Thù! Cung điện Maṇḍala được tạo ra bằng việc nói các Thần Chú này [206]

Cung điện này ở trên một hoa sen bốn cánh nhiều màu sắc, được tường Kim cương bao quanh, có bốn góc, với bốn cửa và tám cây cột vuông, và được trang trí bằng các lưới trân châu, các tua châu báu rủ xuống, những bông hoa Dâm bụt (?), và vân vân . Như vậy, Cung điện Maṇḍala như thế đã được tạo ra.

Trên những bao phấn ở trung tâm, ngay trên vành trăng và hoa sen, là một chữ TAṂ màu xanh lá cây, từ chữ này biến thành một hoa utpala với một chữ TAṂ, bởi ánh sáng khác nhau của chữ TAṂ này tô màu lên tất cả các thành tố Thế Gian, làm cho mọi thành tố trên Thế Giới này được nhìn thấy giống như một sự khởi đầu, như ảo ảnh huyền bí, như cầu vồng, như ảo tưởng, như mặt trăng dưới nước và như hình ảnh phản chiếu. Từ hoa *utpala* xuất hiện một vị **Tārā có thân màu xanh lá**, với một mặt và hai tay. Tay phải của Người là Thí Nguyện Ấn, tay trái cầm một cành hoa *utpala*. Thân xinh đẹp của của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với gương mặt mỉm cười của người thiếu nữ trẻ, Người ngồi ở tư thế *sama-paryanka* (?) trên hoa sen và mặt trăng.

Ở hướng Đông, trên mặt trăng và hoa sen, chữ TAṂ được tạo ra từ hoa *utpala* xanh dương với chủng tử (chữ TAṂ), ánh sáng nhiều màu từ chữ TAṂ này tràn đầy các thành tố Thế Gian, để mà tất cả các thành tố trên Thế Giới này được nhìn thấy giống như những sự khởi đầu, những ảo ảnh huyền bí, những cầu vồng, những ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và những hình ảnh phản chiếu. Từ hoa *utpala* này biến thành Đức **Tārā màu xanh dương** có hai tay. Tay phải của Người cầm Đinh ba (triśūla) [207], tay trái cầm nhánh hoa *utpala*. Mỹ thân của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với gương mặt mỉm cười của người thiếu nữ trẻ, Người ngồi ở tư thế *sama-paryanka* trên hoa sen và mặt trăng.



Các đặc điểm chính của ***Cửu Tārā Maṇḍala****. Các vị Thánh mẫu được hình dung bằng các chủng tử của họ, sau khi đọc chủng tử đầu tiên TA-RE TU-T-TA-RE TU-RE. Năm vị Tārā trung tâm hiện tướng an bình và ngồi xếp chân, bốn vị bên ngoài hiện tướng phẫn nộ, thế đứng là chân phải thẳng, chân trái cong. Mặc dù được thấy như được đặt vào bãi đất phẳng, nhưng các bức tường và các cổng vào phải được quán tưởng như là ba chiều.*

Ở hướng Nam, trên mặt trăng và hoa sen, chủng tử RE được tạo ra từ hoa *utpala* màu vàng,với chủng tử RE, từ ánh sáng nhiều màu từ chủng tử này làm đầy các thành tố thế gian, để mà tất cả mọi thứ trên thế giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như ảo ảnh huyền bí, như cầu vồng, như ảo tưởng, như mặt trăng dưới nước và như hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này biến thành Đức **Tārā thân có màu vàng ròng** và hai tay. Tay phải của Người cầm Gươm, tay trái cầm nhánh sen *utpala*. Mỹ thân của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với gương mặt mỉm cười của người thiếu nữ trẻ, Người ngồi ở tư thế *sama-paryanka* trên hoa sen và mặt trăng.

Ở hướng Tây, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ TU hiện ra hoa sen *utpala* màu đỏ, với chủng tử TU, ánh sáng nhiều màu từ chủng tử này làm đầy các thành tố thế gian, để mà tất cả mọi thứ trên thế giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như ảo ảnh huyền bí, như cầu vồng, như ảo tưởng, như mặt trăng dưới nước và như hình ảnh phản chiếu.[208] Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện Đức **Tārā đỏ** với hai tay. Tay phải của Người cầm Luân xa, tay trái cầm nhánh sen *utpala*. Thân hình xinh đẹp của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với gương mặt mỉm cười của người thiếu nữ trẻ, Người ngồi ở tư thế *sama-paryanka* trên hoa sen và mặt trăng.

Ở hướng Bắc, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ TAṂ hiện ra hoa sen *utpala* xanh lục, với chủng tử TAṂ, ánh sáng nhiều màu từ chủng tử này làm đầy các thành tố Thế Gian, để mà tất cả mọi thứ trên Thế Giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như ảo ảnh huyền bí, như cầu vồng, như ảo tưởng, như mặt trăng dưới nước và như hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện Đức **Tārā xanh lục** với hai tay. Tay phải của Người cầm Lọng, tay trái cầm nhành sen *utpala*. Thân hình xinh đẹp của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và với mọi

loại đồ trang sức. Với diện mạo thiếu nữ mỉm cười, Người ngồi ở tư thế *sama-paryanka* trên tòa hoa sen và mặt trăng.

Tại cửa Đông, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ TAṂ hiện ra hoa sen *utpala*, với chủng tử TAṂ, bởi ánh sáng khác nhau của chữ TAṂ này tô màu lên tất cả các thành tố Thế Gian, làm cho tất cả các thành tố trên Thế Giới [209] được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như những ảo ảnh huyền bí, các cầu vồng, các ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và như những hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện **Tārā-Aṅkuśī** (Tārā Câu) màu trắng, hai tay cầm móc câu. Thân tướng phẫn nộ của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với diện mạo thiếu nữ hơi giận dữ, Người đứng theo tư thế ālīḍha (chân phải thẳng, chân trái co) trên mặt trăng và hoa sen.

Tại cửa Nam, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ RE hiện ra hoa sen *utpala*, với chủng tử RE, bởi ánh sáng khác nhau của chủng tử này tô màu lên tất cả các thành tố Thế Gian, làm cho tất cả các thành tố trên Thế Giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như những ảo ảnh huyền bí, các cầu vồng, các ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và như những hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện **Tārā-Pāśī** (Tārā Sách) màu vàng, hai tay của Người cầm Quyến sách (sợi dây). Thân tướng phẫn nộ của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với diện mạo thiếu nữ hơi giận dữ, Người đứng theo tư thế àlìdha trên mặt trăng và hoa sen.

Tại cửa Tây, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ TU hiện ra hoa sen *utpala*, với chủng tử TU, bởi ánh sáng khác nhau của chủng tử này tô màu lên tất cả các thành tố thế gian, làm cho tất cả các thành tố trên thế giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như những ảo ảnh huyền bí, các cầu vồng, các ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và như những hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện **Xích Tārā-Sphoṭā** (Tārā Tỏa) màu đỏ, hai tay cầm Sợi xích. Thân tướng phẫn nộ của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với diện mạo thiếu nữ hơi giận dữ, Người đứng theo tư thế ālīḍha trên mặt trăng và hoa sen.

Tại cửa Bắc, trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ RE hiện ra hoa sen *utpala*, với chủng tử RE, bởi ánh sáng khác nhau của chủng tử này tô màu lên tất cả các thành tố Thế Gian, làm cho tất cả các thành tố trên Thế Giới này được nhìn thấy giống như sự khởi đầu, như những ảo ảnh huyền bí, các cầu vồng, các ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và như những hình ảnh phản chiếu. Từ hoa sen *utpala* này xuất hiện **Tārā Ghaṇṭā** (Tārā Linh) màu xanh lục, hai tay cầm chuông. Thân tướng phẫn nộ của Người được tô điểm bằng vòng cổ, hoa tai, vòng đeo tay bằng châu báu và mọi loại đồ trang sức. Với diện mạo thiếu nữ hơi giận dữ, Người đứng theo tư thế ālīḍha trên mặt trăng và hoa sen.

Theo cách này, Văn Thù! Hành giả cần quán tưởng Luân của chư Thiên'.

Văn Thù hỏi: "Bạch Thế Tôn! Thế nào là những sự khởi đầu, những ảo ảnh huyền bí, các cầu vồng, các ảo tưởng, những mặt trăng dưới nước và các hình ảnh phản chiếu?"

Đức Thế Tôn nói: "Văn Thù! Đó là những thành tố của Thế Gian với những nhiễm ô của **lục mệnh**. Do vậy, chúng được hiểu như là những sự khởi đầu, một ảo ảnh huyền bí, một cầu vồng, một ảo tưởng, như mặt trăng dưới nước và như một hình ảnh phản chiếu".

☙ ❁ ❧

CHƯƠNG 5
TRAO NĂNG LỰC

Tiếp, Văn Thù hỏi: "Bạch Thế Tôn! Theo cách nào mà chư Thiên được ban Phước bởi các chư Thiên này?"

Đức Thế Tôn trả lời: "Này Văn Thù! Theo cách của sự khởi đầu, của ảo ảnh huyền bí, của cầu vồng, của ảo tưởng, của trăng dưới nước và của hình ảnh phản chiếu".

Văn Thù hỏi: "Thế Tôn! Thế nào là 'Sự khởi đầu'?"

Đức Thế Tôn nói: "Sự khởi đầu là hư ảo và là sai lầm do cả hai [người khởi đầu và người quan sát của sự khởi đầu]. Ảo ảnh huyền bí là sai lầm của người khác [tức là không phải do vị có Thần Thông, biết nó là một ảo ảnh]. Cầu vồng là **Tính Không**. Ảo ảnh là một đối tượng sai lầm và trống rỗng. Trăng dưới nước thuộc về Nhân. Hình ảnh phản chiếu là nhóm Gandharva.

Văn Thù! Như vậy là sai lầm; giống như là các thành tố của Thế Gian với những nhiễm ô. Do đó, Văn Thù! Sự ban Phước của chư Thiên bởi chư Thiên cũng tương tự như thế.

Văn Thù! Sự khởi đầu, ảo ảnh huyền bí, cầu vồng, ảo tưởng, mặt trăng dưới nước và một hình ảnh phản chiếu là không có trở ngại và thoát khỏi trở ngại; chúng không có khác biệt và thoát khỏi khác biệt.

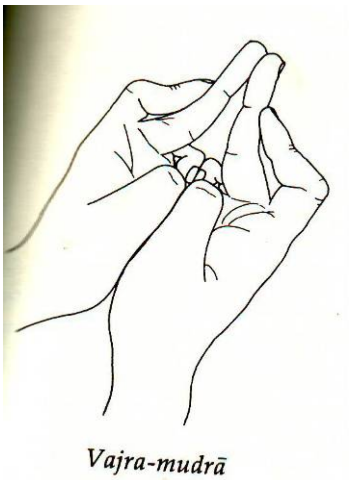
Như vậy, Văn Thù! Suy nghĩ về Tự Tính của chúng cũng tương tự như thế!'

_Tiếp Đức Thế Tôn ban Phước. [212] Chắp hai tay lại, duỗi thẳng hai ngón giữa, đầu ngón giao nhau. Hai ngón trỏ và hai ngón vô danh chạm hai ngón giữa và co lại. Hai ngón út và hai ngón cái co vào trong, đầu ngón dính nhau. Đây là **Kim Cương Ấn**. Thần Chú của Ấn:

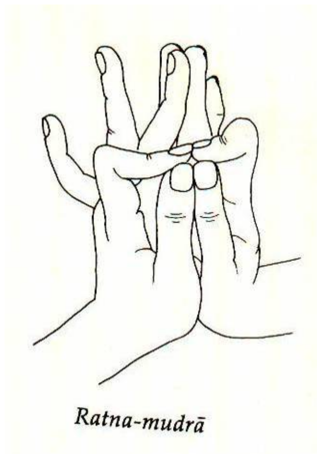
❖ OṂ SARVA-TATHĀGATA A TAṂ AHAṂ VAJRA-STANA SARVA-TATHĀGATA-VAJRA-STANA HŪṂ!

(OṂ Tất cả Như Lai A TAṂ, Kim Cương của Ta, vang động! Tất cả Như Lai, Vang động! HŪṂ!)

đã được tuyên thuyết.



Kim Cương Ấn



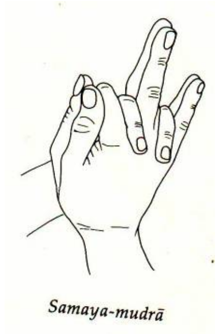
Bảo Ấn

Lại nữa, Đức Thế Tôn ban cho Năng Lực. Chắp hai tay lại, hai ngón út và hai ngón vô danh cong lại hướng ra ngoài, đầu hai ngón giữa chạm nhau ấn hai ngón trỏ với hai ngón cái. Đây là **Bảo Ấn**. Hành giả đặt Ấn lên đỉnh đầu, đọc Thần Chú:

❖ OṂ SARVA-TATHĀGATA-CINTĀMANA (?Cintāmaṇi) -JVALANI SARVA-TATHĀGATA-AHAṂ-ŚUDDHA-PARIŚUDDHÀYA SVĀHĀ!

(OṂ hướng đến Ngọc Như ý tỏa sáng của tất cả Như Lai, sự thanh tịnh, hoàn toàn thanh tịnh của con và của tất cả Như Lai SVĀHĀ!)

Với Thần Chú này, chư Phật ở mười phương đã trao cho quyền năng và ban Phước.



Bản Thệ Ấn

Tiếp, Đức Thế Tôn kết **Bản Thệ Ấn** (biểu hiện cam kết) của tất cả các Bộ của Tâm Thức, hai tay nắm chặt với nhau, duỗi thẳng hai ngón giữa, hai ngón út và hai ngón cái cũng duỗi thẳng và dính vào nhau. Đây là **Samaya Mudra** (Bản Thệ Ấn). Thần Chú là:

❖ OṂ SARVA-TATHĀGATA-VAJRA-SAMAYA HŪṂ!

(OṂ Kim Cương nguyện của tất cả Như Lai HŪṂ!)

CHƯƠNG 6
THẦN CHÚ

Tiếp, Bồ Tát Văn Thù Đồng Tử xưng tán Mẫu, nói lên:

"Con xin kính lễ và xưng tán!
Hình dáng Ngài giống như Nhật, Nguyệt,
Thân màu xanh lục, tư thế yêu kiều,
Ngồi trên hoa sen và mặt trăng, [213]
Người Mẹ sinh ra chư Phật, tay cầm sen Utpala
Là nơi nương tựa của tất cả Hữu tình"

Tiếp, Ngài nói: "Bạch Thế Tôn! Hành giả cần thực hành với các Thần Chú bí mật gì?"

Và Đức Thế Tôn nói: "Đây là Dhāraṇī của Ngài (Tārā):

❖ OṂ NAMO RATNA-TRAYĀYA. NAMAS TRAIY-ADHVA-SARVA-TATHĀGATĀNĀṂ. NAMAS TĀRĀYAI.

(OṂ Kính lễ Tam Bảo. Kính lễ tất cả chư Phật ba đời. Kính lễ Tārā!"

namas tāre ture vīre
kṣana-dyuti-nibhêkṣane /
trai-lokya-nātha-vaktrâbja-
vikasat-keśarôdbhave //1//

namaḥ śata-śarac-candra-
sampūrṇa-pa ṭalânane /
tāra-sahasra-nikara-
prahasat-kiraṇôjjvale //2//

namaḥ kanaka-nīlâbja-
pāṇi-padma-vibhūṣite /
dāna-vīrya-tapaḥ-śānti-
titikṣā-dhy āna-gocare //3//

namas tathāgatôṣṇīṣa-
vijayânanta-cāriṇi /
aśesa-pāramitā-prāpta-
jina-putra-niṣevite //4//
TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ!

Vậy Hành giả cần tụng.
"Đây là dhāraṇī. Đây là Tâm Chú:
❖ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ!

Vậy Hành giả cần tụng'

- Tâm Chú của Liên Hoa Bộ (*Padma-kula*):

OṂ TUTTĀRE TURE TURE SVĀHĀ !

- Tâm Chú của Bảo Bộ (*Ratna-kula*):

OṂ TĀRE TURE TURE SVĀHĀ !

- Tâm Chú của Nghiệp Bộ (*Karma-kula*):

OṂ TURE TUTTĀRE SVĀHĀ !

- Tâm Chú của Kim Cương Bộ (*Vajra-kula*):

OṂ TĀRE TUTTĀRE TĀRE SVĀHĀ !

- Tâm Chú của Phổ Nghiệp (*Viśva-karma*):

OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ !

❒ **Thần Chú Hàng phục**:
❖ OṂ TĀRE TĀRE *tuttāre hūṃ-kāra-*
Pūritâśā-dig-antare/
sapta-loka-kramâkrānti
aśeṣâkarṣaṇa-kṣami [/5/] HRĪḤ!

❒ **Thần Chú Tăng Ích**:
❖ OṂ TĀRE TĀRE *tuttāre hūṃ*-SVĀHĀ-*kāra*-[214]
Pūritâśā-dig-antare/
sapta-loka-kramâkrānti
aśesa-PUṢṬIṂ KURU *karṣaṇa-kṣami* HO!

❒ **Thần Chú Nghiệp**:
❖ OṂ TĀRE TĀRE *tuttāre hūṃ-kāra-*
Pūritâśā-dig-antare/
sapta-loka-kramâkrānti
UṢṆĪṢA-ALIKA-RAYÂ*karṣaṇa-kṣami* PHAṬ!

❒ **Thần chú Hàng phục Long Vươ**ng:
❖ OṂ TĀRE TĀRE *tuttāre* ture *hūṃ- kāra*
Pūritâśā-dig-antare/
sapta-loka-kramâkrānti
aśesa-ŚĀNTIṂ KURU *karṣaṇa-kṣami* SVĀHĀ!

❒ **Thần Chú Phổ nghiệp** (*viśva-karma-mantra)*:
❖ OṂ TĀRE TĀRE TURE TUTTĀRE SVĀHĀ!
śakrânala-brahma-
RUDRAIŚ CÊ'*svarârcite /*
bhūta-vetāla-gandharva-
gaṇa-yakṣa-puras-kṛte //6//

phaṭ-kāra-
para-yantra-pramardani/
pratyālīḍha-pada-nyāsa-
śikhi-jvālâkuli JALIRI //7//

mahā-ghori
māra-vīra-vināśani/
bhṛkuṭi-kṛta-vaktrâbja-
sarva-śatru-nisūdani //8//

ratna-mudrânka-
hṛdyânguli-vibhūṣite /
bhūṣitâśesa-dik-cakra-
nikara-sva-karâkule //9//
HŪṂ HŪṂ HŪṂ PHAṬ PHAṬ PHAṬ!

❒ **Thần Chú thành tựu mọi Tác Nghiệp** (*Sarva-karma-siddhi-mantra*):
❖ OṂ INDRĀYA YAMĀYA VARUṆĀYA YAKṢĀYA AGNAYE
VĀYAVE NAIRṚTYAI RAKṢASE.
OṂ INDRA-PĀLĀYA SŪRYA-CANDRŪYA UTI-AYA-
BUMIYE.
A-KĀRO MUKHAṂ SARVA-DHARMĀNĀṂ
ĀDY-ANUTPANNATVĀT OṂ ĀḤ HŪṂ PHAṬ
SVĀHĀ!

[OṂ đến Indra, Yama, Varuṇa, Yakṣa, Agni, Vāyu, Nairṛti và Rakṣasa.
OṂ đến Indrapāla, Sūrya và Candra (Mặt trời và Mặt trăng)
Và Uti-aya-bumi (?)
Chữ A là một cái cửa lớn [để nhìn được bên trong] mà tất cả các Pháp xưa nay vốn chẳng sinh (*Ādy-anutpanna*). OṂ ĀḤ HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ!]

CHƯƠNG 7
NGHI THỨC TỨC TAI

"Này Văn Thù! Đây là Nghi Thức [Tức Tai]. Trong căn phòng vừa ý, xông trầm hương, rắc nước hoa thơm ngát, thoa nước Bạch Đàn hương lên Maṇḍala trắng, và rải các hoa đơn. Trong một bình trắng làm bằng chất liệu quý, đặt năm thức quý: vàng, trân châu, pha lê, san hô, lam ngọc. [215] Đặt vào năm loại hương: Đàn hương, Huyết mộc thơm ngát (*agaru*), nhựa thông, long não và *usīra*. Đặt vào năm loại ngũ cốc: lúa mạch, lúa mì, đậu, gạo và dầu mè. Đặt vào năm tinh chất: đường, mật ong, bơ sữa trâu lỏng, muối và hạt mè. Bao bên ngoài là miếng vải sạch có tua nguyên vẹn, và đặt bình ở giữa phòng.

Sắp đặt bốn bình tràn đầy. Cùng sắp xếp bốn lư hương và bốn bông hoa, và vân vân.

Khi làm xong, Hành giả tập trung như sau. Quán tưởng từ chữ TAṂ hiện ra Người Mẹ ban cho năng lực [Nhanh chóng], Đức Tārā, nữ anh hùng, trong thân tướng của một Yoginī. Từ trong hoa sen lớn hiện ra một mặt trăng tròn đầy có Ngài ngồi trên đó. Sắc Ngài màu trắng như trăng thu; Thân tướng Ngài, giống như một thiếu nữ, và được trang sức thật đẹp bằng những vòng cổ, vòng đeo tay, hoa tai châu báu, và vân vân, thân dưới quấn váy dài bằng vải Pañcalika, thân trên che phủ bằng vải Banare. Ngài ngồi xếp chân trong tư thế *ardha-paryanka*, với một mặt, hai tay, gương mặt Ngài mỉm cười với đôi mắt rực sáng. Tay phải Ngài kết Thí Nguyện Ấn, tay trái cầm nhánh sen Utpala. Ánh sáng tỏa ra từ thân Ngài, và ở giữa hoa sen trắng với các sợi tơ như dòng suối mật. Ngài được hình thành bởi ánh sáng tỏa ra nơi thân của vô lượng Bồ Tát. Quán tưởng như vậy, tụng. [216] Hành giả cần phải tụng như sau:

❖ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ

Nếu khi ấy Hành giả khẩn cầu sau khi tụng liên tục với Thần Chú **Nghiệp** này một lần, 7 lần, hay 108 lần, lời khẩn cầu sẽ được thành tựu.

Văn Thù! Lợi ích của việc này, là 5 nghiệp trực tiếp, 05 nghiệp này gần với Hành giả, lòng căm thù và những giấc mơ xấu, tất cả sẽ được bị hàng phục.

Văn Thù! Lợi ích của Nghi Lễ là sự đau khổ của ba nghiệp xấu sẽ được rửa sạch và Hành giả sẽ không bao giờ phải tái sanh vào tám trạng thái ít an nhàn (tám nạn-ND).

Văn Thù! Lợi ích đó là Hành giả sẽ nhớ lại các kiếp quá khứ, có **năm Căn** thanh tịnh và có Tâm Thức nhạy bén; Hành giả sẽ có được kỹ năng trong mọi lĩnh vực nghệ thuật; sức mạnh, làn da và vẻ ngoài của hành giả sẽ được hoàn mỹ; tất cả các vị Hộ Pháp Thế Gian sẽ bảo vệ, che chở, che dấu và giúp đỡ Hành giả; và Hành giả đi đến đâu cũng được may mắn.

CHƯƠNG 8
NGHI THỨC TĂNG ÍCH

Văn Thù! đây là Nghi Thức Tăng Ích. Trong căn phòng xông trầm hương với mùi dễ chịu, trét căn phòng bằng 5 vật của con bò màu vàng nâu (màu hung) và làm một Maṇḍala, thoa lên đó mùi thơm ngọt. Cũng trưng bày các bó hoa và thangka 'Tăng Ích'. Làm 21 viên của 5 món quý, ngũ cốc, thuốc, v…v…v…, [217] đặt các viên đó vào cái hộp báu, và đặt chúng vào trung tâm của Maṇḍala. Cũng sắp xếp 4 đèn trầm hương, và trưng bày hoa, v…v…v…

Rồi tập trung như sau. Quán tưởng (visualize) từ chữ TAṂ hiện ra Người Mẹ ban cho năng lực nhanh chóng, Đức Tārā, nữ anh hùng, trong thân tướng của Yoginī. Từ trong hoa sen lớn hiện ra mặt trời và mặt trăng, trên đó là thân tướng "Tăng Ích" của Ngài, trong sáng như mặt trăng thu, giống như mặt trời rực sáng, là thân tướng thiếu nữ màu vàng và được trang sức thật đẹp bằng những vòng cổ, vòng đeo tay, hoa tai châu báu , v…v…v…. Thân dưới che phủ bằng vải Pañcalika, thân trên che phủ bằng vải Banare. Ngài ngồi xếp chân trong ardha-paryanka, với một mặt, hai tay. Gương mặt Ngài mỉm cười với đôi mắt rực sáng. Tay phải Ngài ban các lợi ích, tay trái cầm nhánh sen Utpala. Ánh sáng tỏa ra từ thân Ngài, và ở giữa hoa sen trắng với các sợi tơ như dòng suối mật. Ngài được hình thành từ tia sáng tỏa ra nơi thân của vô số Bồ Tát, là những vị đã vượt qua quyền năng của các hàng Thiên, hàng A Tu La, hàng Garuḍa, hàng Khẩn Na La, hàng Gandharva, hàng Mahoraga (Xà Quỷ), và hàng Rākṣasa. Quán tưởng như vậy, tụng. Hành giả cần tụng như sau:

❖ OṂ TĀRE TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ!

[218] Nếu khi ấy Hành giả khẩn cầu sau khi tụng liên tục với Thần Chú **Nghiệp** một lần, 7 lần, hay 108 lần, lời khẩn cầu sẽ được thành tựu.

Văn Thù! Ích lợi của Nghi Thức này, là tất cả các hàng Thần, hàng A Tu La, hàng Garuḍa, hàng Khẩn Na La, hàng Người, hàng Gandharva, hàng Mahoraga, và hàng Rākṣasa và những hàng khác sẽ không thể chống lại sức mạnh của Hành giả, thậm chí sẽ bảo vệ và che chở cho Hành giả. Hành giả sẽ chẳng bị ảnh hưởng bởi cái chết không đúng thời, bởi những sự tranh đấu, những giấc mơ xấu, những điềm báo ác, dịch bệnh, bệnh đậu mùa, bệnh ghẻ ngứa, v…v…v… . Ngay cả khi mạng chung, Hành giả sẽ được mạnh khỏe. Hành giả sẽ không rơi vào ba nghiệp xấu.

Văn Thù! Do Nghi Thức này, Hành giả sẽ được ban cho các vật dụng cần thiết, tuổi thọ, hình hài xinh đẹp, và mạnh khỏe. Hành giả sẽ thấy các vị Như Lai và được ban cho sức mạnh {tinh thần?].

CHƯƠNG 9
NGHI THỨC HÀNG PHỤC

Văn Thù! Đây là Nghi Thức Hàng Phục. Thực hiện Nghi Thức này ở bãi tha ma, tại một cây đơn lẻ, ngay nhánh của một con sông lớn, hay trong một Tịnh xá. Trét nơi đó bằng năm vật của con bò, và trên maṇḍala thoa nước hoa thơm và rải các hoa đơn. Bày hình ảnh của Tôn, cũng như sắp đặt các lư hương, hoa, v…v… . Để những vật có năng lực, hoa và trái cây trong một hộp [219] và đặt các thứ này ở trung tâm của Maṇḍala.

Rồi tập trung như sau. Quán tưởng từ chữ TAṂ hiện ra Người Mẹ ban cho Năng Lực tức thì, Đức Tārā, nữ anh hùng, trong thân tướng của một Yoginī. Từ trong hoa

sen lớn hiện ra mặt trời (và mặt trăng), trên đó là thân tướng của Ngài, đỏ như hoa Bandhuka, giống như thân hình thiếu nữ và được trang sức thật đẹp bằng những vòng cổ, vòng đeo tay, hoa tai châu báu , v…v…v…. Thân dưới che phủ bằng vải Pañcalika, thân trên che phủ bằng vải Banare. Ngài vui vẻ trong phong tư kiều diễm, có một mặt, hai tay, với gương mặt mỉm cười hoan hỷ cùng đôi mắt rực sáng, tay phải Ngài co nơi tim, tay trái cầm nhánh sen Utpala. Ánh sáng tỏa ra từ thân Ngài. Từ đó xuất hiện vô số Bồ Tát tháp tùng, trên thân của các vị cũng có ánh sáng pha trộn giống như ánh sáng của Ngài. Quán tưởng như vậy, tụng. Hành giả cần tụng như sau:

❖ OṂ TUTTĀRE TURE SVĀHĀ

Nếu khi ấy Hành giả khẩn cầu sau khi tụng liên tục với Thần Chú **Nghiệp** một lần, 7 lần, hay 108 lần, lời khẩn cầu sẽ được thành tựu.

Văn Thù! Lợi ích của điều này, Hành giả sẽ hàng phục được cả ba Thế Giới, các vua của các vì vua và cả những việc khác. Tất cả sẽ bị hàng phục.

CHƯƠNG 10
NGHI THỨC PHẪN NỘ

Văn Thù! Nếu mong cầu thực hiện Nghi Thức Tức Tai, nơi thực hiện là ở bãi tha ma, cạnh một cây đơn, trên nhánh của con sông lớn hay trong một tịnh xá. Rắc nơi đó bằng năm vật của con bò, và làm một maṇḍala với nước thơm. Cũng bày hình ảnh và v…v…v… . Trên vỏ cây Phong, vải thô hay vỏ những cây khác, vẽ bằng nước cây **nimb** hình ảnh vua chúa hay bất cứ người nào, rồi đặt vào một hộp (hay cái bát) bằng đất sét trên maṇḍala. Rồi đặt nó để trên Maṇḍala *(trích nguyên văn*). Cũng sắp xếp các lễ vật cúng dường như là lư hương.

Rồi tập trung như sau. Quán tưởng từ chữ TAṂ hiện ra Người Mẹ ban cho Năng Lực tức thì, Đức Tārā, nữ anh hùng, trong thân tướng của một Yoginī. Từ trong hoa sen lớn hiện ra mặt trời và mặt trăng, có Ngài ngồi trên đó. Thân Ngài xanh lục và sáng chói hơn tất cả, là thân tướng một thiếu nữ được trang sức thật đẹp bằng những vòng cổ, vòng đeo tay, hoa tai châu báu , v…v…v…. Thân dưới che phủ bằng vải Pañcalika, thân trên che phủ bằng vải Banare. Ngài đứng theo tư thế ālīḍha (chân phải thẳng, chân trái co), có một mặt, hai tay, các răng lộ ra, đôi mắt tóe lửa và tóc lởm chởm hướng lên, có Đức Phật A Di Đà trên mặt trăng ở trên mũ miện Ngài, xung quanh Ngài là đám lửa nhỏ. Tay phải của Ngài cầm Luân xa; tay trái với ngón trỏ đe doạ, cầm một nhánh sen Utpala. Từ thân Ngài phóng tỏa vô số chư Thiên phẫn nộ, cả nam lẫn nữ.

Thần Chú của Ngài: tụng:

❖ OṂ TURE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ!

Nếu khi ấy Hành giả khẩn cầu sau khi tụng liên tục với Thần Chú **Nghiệp** một lần, 7 lần, 21 lần hay 108 lần, ba lần ban ngày và ba lần ban đêm, lời khẩn cầu sẽ được thành tựu.

Văn Thù! Hiệu lực của Nghi Thức này, đó là các ô nhiễm, nghiệp, sự tái sinh do ảnh hưởng của nghiệp, vận mệnh xấu và những điều giống như vậy đều bị khắc phục.

Văn Thù! những kẻ thù bất trị, các bệnh ma quỷ, những chướng nạn và những điều giống như thế, cũng sẽ bị khắc phục.

CHƯƠNG 11
PHỔ NGHIỆP

Văn Thù! Đây là Nghi Thức của Phổ Nghiệp. Thực hiện Nghi Thức này ở bãi tha ma, cạnh một cây đơn lẻ, trước một stūpa (tháp – ND), hay trên nhánh của con sông lớn. Trét nơi đó bằng năm vật của con bò, và trên Maṇḍala thoa nước thơm, rải các hoa đơn. Hình tượng của Mẫu cũng được sắp đặt. Trong tim của hình nộm làm bằng sáp, chèn thêm một Thần chú trên tấm vải lấy từ bãi tha ma; nếu nghi ngờ các phụ âm thì viết các mẫu tự của tên, cuối cùng, đặt hình tượng vào trung tâm của Maṇḍala. Cũng sắp xếp lư hương, hoa, v…v…v…

Rồi tập trung như sau. Quán tưởng từ chữ TAṂ hiện ra Người Mẹ ban cho Năng Lực tức thì, Đức Tārā, nữ anh hùng, trong thân tướng của một Yoginī [222]. Từ trong hoa sen lớn hiện ra mặt trời và mặt trăng, trên đó là thân màu đen tỏa sáng của Ngài, giống như một thiếu nữ, được trang sức thật đẹp bằng những vòng cổ, vòng đeo tay, hoa tai châu báu , v…v…v…. Thân dưới che phủ bằng vải Pañcalika, thân trên che phủ bằng vải Banare. Ngài đứng theo tư thế ālīḍha, có một mặt hai tay, các răng nanh lộ ra như các nửa vầng trăng, gương mặt Ngài giận dữ và đang thốt chữ HŪṂ, tóc màu cam xoắn hướng lên, Đức Phật A Di Đà trên mặt trăng ở trên mũ miện của Ngài, có đám lửa nhỏ theo sát Ngài. Từ ánh sáng của Ngài tỏa ra các Nữ thần bảo vệ khỏi **tám Nạn**. Hai tay của Ngài, tay phải cầm dao, tay trái cầm nhánh sen Utpala, với chuỗi đầu lâu của các Bà La Môn cùng những bông hoa trên đỉnh. Quán tưởng rằng các hàng **Phẫn Nộ Thiên** theo sát Ngài.

Tụng Thần Chú:

❖ OṂ TĀRE TURE TUTTĀRE SVĀHĀ!

Nếu khi ấy Hành giả khẩn cầu sau khi tụng liên tục với Thần Chú **Nghiệp** một lần, 7 lần, 21 lần hay 108 lần, lời khẩn cầu sẽ được thành tựu.

Văn Thù! Lợi ích của Nghi Thức này, đó là Hành giả sẽ thành tựu 4 Pháp; Hành giả sẽ được bảo vệ tránh khỏi các Nạn.

CHƯƠNG 12
KIM CƯƠNG BỘ MẪU

Tiếp, Ngài Văn Thù hỏi Đức Thế Tôn: “Làm thế nào mà Người Mẹ tạo ra chư Phật [223] là Mẫu của Tự Tính của Năm Bộ?”

Đức Thế Tôn trả lời (nói): “Mẫu của Kim Cương Bộ có hình dáng thiếu nữ với 4 mặt 8 tay, và mang màu vỏ sò. Bốn mặt của Ngài có màu: trắng, xanh dương đậm, đỏ và vàng; các mặt được biểu thị với 5 bộ trên mũ miện và có ba mắt. Tám tay của Ngài: các tay bên phải cầm: kim cương, mũi tên, cây thương và cuối cùng là Thí Nguyện Ấn; các tay bên trái cầm: hoa sen Utpala, bình bát, Kim Cương Câu, Quyến sách (sợi dây) với ngón trỏ đe dọa. Ngài ngồi trong tư thế Vajra-paryanka và có Tự Tính của Dharmakāya (Pháp Thân).

Văn Thù! Đây là Thần Chú của Ngài:

❖ NAMO RATNA-TRAYĀYA! NAMA ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA AKṢOBHYA-VYĀHA (?Vyūha) -RĀJAYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAK-SAṂBUDDHĀYA! NAMA ĀRYÂVALIKITEŚVARĀYA (?Āryāvalokiteśvarāya) BODHI-SATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA! TADYATHĀ: OṂ TĀRE TURE TUTTĀRE SVĀHĀ!

(Kính lễ Tam Bảo! Kính lễ Thánh Trí Hải Bất Động Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác.

Kính lễ Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát! Như sau: OṂ TĀRE TURE TUTTĀRE SVĀHĀ!)

Tụng Thần Chú này, hết thảy Kim Cương Bộ tạo lễ vật hoa, đèn, nước thơm, và thực phẩm tinh khiết.

Văn Thù! Đây là Nghi Thức của Mẫu: làm hình nộm bằng sáp của bất cứ ai là đối tượng, bỏ vào tim của hình nộm những thành phần: thịt của quạ và cừu đực, cùng với tên của kẻ đó. Rồi tụng Thần Chú này:

❖ OṂ AMUKAṂ ME VAŚAM ĀNAYA SVĀHĀ!

(OṂ hãy mang cái này cái nọ dưới sức mạnh của tôi SVĀHĀ!)

Nếu như Hành giả tụng Thần Chú này và chôn nó ở hướng Tây Bắc (Vāyava). Văn Thù! sẽ xảy ra xung đột và sự chia cách khiến kẻ thù bỏ chạy chỗ khác.

CHƯƠNG 13
LIÊN HOA BỘ MẪU

Văn Thù! Mẫu của Liên Hoa Bộ có 4 mặt và 08 tay, mặt chính của Ngài màu đỏ, thân hình thiếu nữ của Ngài có màu của hoa bandhuka. Mặt bên phải màu trắng, mặt trái xanh dương đậm và mặt phía sau màu vàng. Các mặt được biểu thị với 4 Bộ trên mũ miện và có 3 mắt. Tám tay: (bên phải) cầm hoa sen, mũi tên, cung tên và Thí Nguyện Ấn; bên trái: sen utpala, Bình bát, Kim Cương Câu, và Quyến sách với ngón trỏ đe dọa. Ngài ngồi trong tư thế Vajra-paryanka và có tự tính của Dharmakāya.

Văn Thù! đây là Thần Chú của Ngài:

❖ NAMO RATNA-TRAYĀYA! NAMA ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA AMITĀBHA-DEVA-VYŪHA-RĀJAYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAK-SAṂBUDDHĀYA! NAMA ĀRYÂVALIKITEŚVARĀYA (?Āryāvalokiteśvarāya) BODHI-SATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA! TADYATHĀ: OṂ TUTTĀRE TURE SVĀHĀ!

(Kính lễ Tam Bảo! Kính lễ Thánh Trí Hải Vô Lượng Quang Thiên Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát! Như sau: OṂ TUTTĀRE TURE SVĀHĀ!)

Tụng Thần Chú này, hết thảy Liên Hoa Bộ tạo lễ vật hoa, hương đốt, đèn, nước thơm, và thức ăn thượng phẩm.

Văn Thù! Đây là Nghi Thức của Mẫu: nghiền nát datura (cà độc dược-ND), cây nimb, và hoa asoka, trộn thuốc mỡ và mật ong làm thành bột, rồi đọc Thần Chú này:

❖ OṂ AMUKA-ABHIDHĀNAṂ KAMĀRI[Ṃ] MAHYAM UDVAHENA TASYA PITĀ PRAYACCHATU HŪṂ HRĪḤ!

(OṂ Cầu xin Cha nàng ban tặng cho Tôi con gái tên ……… để làm vợ HŪṂ HRĪḤ!)

Nếu Hành giả tụng Thần Chú này và thoa bột lên thân, cô gái sẽ bị thu hút hoàn toàn.

CHƯƠNG 14
NHƯ LAI BỘ MẪU

Văn Thù! Mẫu của Như Lai Bộ có 4 mặt và 08 tay, thân tướng thiếu nữ của Ngài là màu vàng ròng. Mặt chính của Ngài màu vàng, bên phải màu trắng, bên trái màu đỏ và mặt phía sau màu xanh dương đậm. Các mặt được biểu thị với 4 bộ trên mũ miện và có 3 mắt. Tám tay: (bên phải) cầm Luân xa, mũi tên, cung tên và Thí Nguyện Ấn; bên trái: sen utpala, Bình bát, Kim Cương Câu, và Quyển sách với ngón trỏ đe dọa. Ngài ngồi trong tư thế Vajra-paryanka và có tự tính của Dharmakāya.

Văn Thù, đây là Thần chú của Ngài:

❖ NAMO RATNA-TRAYĀYA! NAMA ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA VAIROCANA-VYŪHA-RĀJAYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAK-SAṂBUDDHĀYA! NAMA ĀRYÂVALIKITEŚVARĀYA (?Āryāvalokiteśvarāya) BODHI-SATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA! TADYATHĀ: OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ!

(Kính lễ Tam Bảo! Kính lễ Thánh Trí Hải Quang Minh Biến Chiếu Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát! Như sau: OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ!)

Tụng Thần Chú này, hết thảy Như Lai Bộ tạo lễ vật hoa, hương đốt, đèn, nước thơm, v…v…v…

Văn Thù! Đây là nghi thức của Mẫu: làm hình nộm bằng tro xác chết với nhựa trải đường, đặt vào tim của hình nộm [tên] với hai phụ âm cuối, và đọc Thần Chú:

❖ OṂ MĀRAYA MĀRAYA KĀRAYA KĀRAYA STAMBHAVA STAMBHAVA JAMBHAVA JAMBHAVA! HŪṂ HŪṂ HŪṂ LAṂ LAṂ LAṂ LAṂ LAṂ !

(OṂ Giết chết, giết chết! Ép buộc, ép buộc! Cầm giữ, cầm giữ! Phá hủy, phá huỷ! HŪṂ HŪṂ HŪṂ LAṂ LAṂ LAṂ LAṂ LAṂ)

Đọc Thần Chú này và chôn ở ngã tư đường.

CHƯƠNG 15
BẢO BỘ MẪU

Văn Thù! Mẫu của Bảo Bộ có 4 mặt và 08 tay, mặt chính của Ngài màu xanh dương, thân hình thiếu nữ của Ngài cũng màu xanh dương. Mặt bên phải màu trắng, bên trái màu đỏ và mặt phía sau màu vàng. Các mặt được biểu thị với 4 bộ trên mũ miện và có 3 mắt. Tám tay: (bên phải) cầm ngọc, mũi tên, cung tên và Thí Nguyện Ấn; bên trái: sen utpala, Bình bát, Kim Cương Câu, và Quyển sách với ngón trỏ đe dọa. Ngài ngồi trong tư thế Vajra-paryanka và có tự tính của Dharmakāya.

Văn Thù! Đây là Thần Chú của Ngài:

❖ NAMO RATNA-TRAYĀYA! NAMA ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA RATNA-SAMBHAVA-VYŪHA-RĀJAYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAK-SAṂBUDDHĀYA! NAMA ĀRYÂVALIKITEŚVARĀYA (?Āryāvalokiteśvarāya) BODHI-SATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA! TADYATHĀ: OṂ TĀRE TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ!

(Kính lễ Tam Bảo! Kính lễ Thánh Trí Hải Bảo Sinh Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát!Như sau: OṂ TĀRE TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ!)

Tụng Thần Chú này, hết thảy Bảo Bộ tạo lễ vật: hoa, hương trầm, đèn, nước thơm.

Văn Thù! Đây là nghi thức của Mẫu: đặt rễ cây bulô đã mục và những con sâu sống trong quả tim, trộn với hai hạt giống trong một cái hộp (hay cái chén) bằng đất sét, và đọc Thần Chú:

OṂ AMUKA-ABHIDHĀNAṂ ĀKARṢAYA! AMUKI MAYÊVA SETRAṂ SAVANAṂ KATHAYA HŪṂ HRĪḤ !

(OṂ Lôi đến đây, lôi đến đây người có tên ………………… ! Nói điều này điều kia theo lệnh của tôi như thể bị tôi ràng buộc HŪṂ HRĪḤ !)

Nếu Hành giả tụng Thần Chú này và chôn dưới giường của {phụ nữ?], [cô ta] sẽ biết những phẩm chất tốt [của Hành giả] và trở nên không thể chia lìa với Hành giả. [227]

CHƯƠNG 16
NGHIỆP DỤNG BỘ MẪU

Văn Thù! Mẫu của Nghiệp Dụng Bộ có 4 mặt và 08 tay, mặt chính của Ngài màu xanh lục, Ngài là một thiếu nữ, mặt bên phải màu trắng, bên trái màu đỏ và mặt phía sau màu xanh lục. Các mặt được biểu thị với 4 bộ trên mũ miện và có 3 mắt. Tám tay: (bên phải) cầm Gươm, mũi tên, cung tên và Thí Nguyện Ấn; bên trái: sen utpala, Bình bát, Kim Cương Câu, và Quyến sách với ngón trỏ đe dọa. Ngài ngồi trong tư thế Vajra-paryanka và có tự tính của Dharmakāya.

Văn Thù! Đây là Thần chú của Ngài:

❖ NAMO RATNA-TRAYĀYA! NAMA ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA AMOGHA-SIDDHI-VYŪHA-RĀJAYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAK-SAṂBUDDHĀYA! NAMA ĀRYÂVALIKITEŚVARĀYA (?Āryāvalokiteśvarāya) BODHI-SATTVĀYA MAHĀ-SATTVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA! TADYATHĀ: OṂ TURE TUTTĀRE SVĀHĀ!

(Kính lễ Tam Bảo! Kính lễ Thánh Trí Hải Bất Không Thành Tựu Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Kính lễ Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma ha tát!Như sau: OṂ TURE TUTTĀRE SVĀHĀ!)

Tụng Thần Chú này, hết thảy Nghiệp Dụng Bộ tạo lễ vật hoa, lư hương, đèn, nước thơm.

Văn Thù! Nghi Thức của Mẫu: tụ họp tất cả phụ nữ không có lòng ghen tức. Lấy mắt, lưỡi và tim của chim cu đất, Thư hoàng, quặng sulfic màu gan làm thành những viên nhỏ với cây nimb, tụng:

❖ CALA PRACALA ŚĪGHRAṂ-GAMI DEVADATTAM UCCĀṬAYA. AMUKAṂ VASANAṂ MUKTAṂ KURU NAYANA MAHĀRI HADATE HRĪḤ SVĀHĀ!

(Bỏ đi, rời khỏi, chạy xa, Devadatatta đang có ý muốn đi thật nhanh! Thiết lập tự do ở nơi ………………… , lãnh đạo, kẻ thù lớn bị đuổi đi HRĪḤ SVĀHĀ!)

Nếu Hành giả tụng Thần Chú này, xoa những viên thuốc, tất cả phụ nữ sẽ được tụ họp lại. Họ sẽ bị khuất phục, [228] và không còn ghen tức nữa.

CHƯƠNG 17
LỄ VẬT ĐỂ THIÊU ĐỐT

Khi đã nói xong các Nghi Thức này, Văn Thù Đồng Tử hỏi: "Để hoàn thành các Nghi Thức, Hành giả cần phải làm những lễ vật thiêu đốt nào?"

Đức Thế Tôn nói: "Văn Thù! Khi tất cả việc này đã làm trước, sau khi Hành giả thực hiện các Nghi Lễ cá nhân, Hành giả cần phải tạo các lễ vật để thiêu đốt. Đối với Nghi Thức đầu tiên, Nghi Thức Tức Tai, tiến hành như sau. Làm một căn nhà nhỏ có màu tương tự như mặt trăng ngày mùng 3, và trưng bày một vị Kim Cương trắng. Dùng chất đốt bằng gỗ đàn hương trắng, v…v…v…. Đốt cháy căn nhà và đặt trước hình tượng. Dâng cúng cùng với các Thần Chú một ít gạo, hạt kê, cu-tse và mè trắng, đọc 7 đến 21 lần: OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ, và ném chúng vào lửa. Dâng cúng với các Thần Chú một ít phô-mai và sữa, cùng với ŚĀNTIṂ KURU ("bình yên!"). Cúng dường gỗ với nhựa cây màu trắng sữa và bơ (hoặc dầu) trắng, cùng với SARVA-PĀPAṂ ("tất cả tính tiêu cực").

Văn Thù! Với những hoa trắng, châm lửa gỗ thơm như là gỗ Đàn Hương trong căn nhà lửa. Đặt căn nhà trước hình tượng và dâng cúng nước và mù-tạt trắng. Các Thần Chú trong khi đang ném các lễ vật vào lửa là:

❖ TAD-YATHĀ: OṂ SARVA-TATHĀGATA TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ!

Và

❖ SARVA-PĀPAṂ ŚĀNTIṂ KURU SVĀHĀ!

(Dẹp yên mọi tội lỗi, SVĀHĀ!)

Cùng với những câu chú này, cúng dường 108 vốc tay nước.

Văn Thù! Lợi ích của việc này, là tất cả mọi tội ác gồm có những tội gần nhất, sẽ được chấm dứt; những bệnh lây nhiễm, ma quỷ gây bệnh, v…v…v… sẽ bị dẹp yên; và trong những lần tái sinh về sau, Hành giả sẽ nhớ lại các kiếp trước.

Văn Thù! Hành giả thoa thuốc mỡ làm từ 5 vật của con bò, và trong căn nhà lửa, trong căn nhà nhơ bẩn, Hành giả lấy ra một hình tượng bằng sáp và đốt hình với câu Thần Chú: OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ. Nếu Hành giả vừa đốt vừa tụng, thì sẽ hàng phục và thậm chí phá hủy hoàn toàn những tội ác, bệnh nêu trên.

❧ ❁ ❧

CHƯƠNG 18
TỨC TAI HỘ LUÂN
(Vòng tròn bảo vệ Pháp Tức Tai)

Tiếp Đức Thế Tôn mỉm cười và giảng cho Bồ Tát Văn Thù Đồng Tử phương thức của các Luân.

Trong một vòng tròn chia làm chín, viết chữ OṂ và chữ HĀ cùng với tên một người nào đó ở giữa. Kiết giới là: RAKṢAḤ RAKṢAḤ (Bảo vệ! Bảo vệ!). Ở vùng biên viết OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ. Có thể chèn vào giữa chữ SVĀ HĀ vẽ bằng vỏ cây Bulô trắng với màu vàng nghệ, buộc trên cánh tay sẽ có những sự bảo vệ tốt nhất.

❧ ❁ ❧

CHƯƠNG 19
HÀNG PHỤC HỘ LUÂN

Tiếp, Kiết giới hàng phục. Trong một vòng tròn chia làm chín, viết chữ OṂ và chữ HĀ cùng với tên một người nào đó ở giữa. Kiết giới là: RAKṢAḤ RAKṢAḤ. Ở vùng biên viết OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ. Trên tất cả, ở giữa chữ MU và MU là chủng tự. Nếu vòng tròn được vẽ bằng sơn đỏ trên vỏ cây Bu lô đỏ và buộc kín đáo nơi rốn, sẽ được những sự bảo vệ tốt nhất, [230] và hàng phục.

ꕥ ❁ ꕥ

CHƯƠNG 20
TĂNG ÍCH HỘ LUÂN

Tiếp, kiết Giới Tăng Ích. Làm một bánh xe có tám nan, viết 8 chữ OṂ TĀRE TUTTĀREŚ. Nếu vòng tròn này được vẽ bằng màu vàng nghệ trên vỏ cây Bu lô với tên có phần cuối của SVĀHĀ và RAKṢAḤ RAKṢAḤ ở giữa, buộc dưới cánh tay hoặc cổ, sẽ có những sự bảo vệ tốt nhất.

ꕥ ❁ ꕥ

CHƯƠNG 21
ĐẠI TĂNG ÍCH HỘ LUÂN

Tiếp, hộ luân xóa tan chướng ngại là vòng tròn có ba vành xung quanh, vòng ngoài chia làm tám phần. Ở giữa là SVĀHĀ, phần cuối của tên là RAKṢAḤ. Vòng trong đặt U U U U U U U U. Ở vòng ngoài, mỗi một phần tám đó, đặt các chủng tự OṂ TĀRE TUTTĀRE chèn giữa U và U [VD: U **OṂ** U, U **TĀ** U , U **RE** U, …]. Nếu vòng tròn này được vẽ bằng màu vàng nghệ trên vỏ cây Bulô hay vỏ cây khác, và buộc quanh trán hay gần nách sao cho người khác không nhìn thấy được, sẽ thoát khỏi mọi tổn hại. Tụng Thần Chú nhiều lần nếu được.

ꕥ ❁ ꕥ

CHƯƠNG 22
ĐẠI TỨC TAI THẦN HỘ LUÂN
(Vòng tròn lớn bảo hộ của Pháp Đại Tức Tai)

Tiếp, Luân thành tựu phổ nghiệp. Viết trên vỏ cây Bulô hay trên miếng vải sợi bằng nước của gỗ Đàn hương trắng, trên vòng tròn chia làm chín phần đặt các Thần Chú: Ở vòng ngoài viết: A Ā, I Ī, E AI, O AU, Ṛ Ṝ (**ṛ ṝ**), Ḷ Ḹ (**ḷ ḹ**), AṂ AḤ; ở vòng trong [231] viết TĀRE TUTTĀRE SVĀHĀ, và ở giữa OṂ và HĀ, trong vòng trên viết RAKṢAḤ ŚĀNTIṂ KURU SVĀHĀ; đảo ngược Thần Chú ở vòng dưới. Những nguyên âm ở vòng ngoài cũng được hiểu là đảo ngược. Ở trung tâm viết RAKṢAḤ ŚĀNTIṂ KURU (“Bảo vệ! Dẹp yên!”) ở giữa OṂ và HĀ .

ꕥ ❁ ꕥ

CHƯƠNG 23
TỨC TAI LUÂN

Tiếp, các Luân của những Nghi Thức cá nhân cho bốn Pháp. Đầu tiên, pháp Tức Tai. Làm một hộp bùa hộ mạng bằng gốm sứ (saṃpuṭa) màu trắng có nắp, nung trong lửa. Bên trong hộp, vẽ vòng tròn chia làm chín phần. Đặt Thần chú OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE, trong tám ô, viết RU RU **OṂ** RU RU, RU RU **TĀ** RU RU, RU RU **RE** RU RU, RU RU **TUT** RU RU, RU RU **TĀ** RU RU, RU RU **RE** RU RU, RU RU **TU** RU RU, RU RU **RE** RU RU. Ở giữa viết KURU ŚĀNTIṂ KURU SVĀHĀ. Đóng hộp lại, đặt hộp cùng với sợi chỉ trắng ở trung tâm Maṇḍala. Sau đó nếu Hành giả cúng dường với hoa trắng, cũng như với 5 vật cúng dường, dâng cúng 3 lần, sẽ được Tức Tai.

ꕥ ❋ ꕥ

CHƯƠNG 24
ĐẠI TỨC TAI

Tiếp, để thực hiện Nghi Thức Đại Tức Tai: làm một hộp bùa hộ mạng bằng gốm sứ có nắp, làm một ít mực của gỗ Đàn hương trắng, vẽ vòng tròn chia làm chín phần với các phần bên trong và bên ngoài. Viết Thần Chú, SVĀ **ŚĀNTIṂ KURU** HĀ [232] ở giữa. Trong vòng tròn bên trong, đặt 8 A AS. Trong vòng tròn bên ngoài viết A **OṂ** A, A **TĀ** A, A **RE** A, A **TUT** A, A **TĀ** A, A **RE** A, A **TU** A, A **RE** A. Nếu Hành giả cột cái hộp bằng một vòng hoa, đặt nó trên Maṇḍala, tạo lễ vật cúng cười bốn thời, trong 7 ngày tụng Thần Chú không có lầm lỗi, Hành giả sẽ thành tựu nghi thức Đại Tức Tai.

ꕥ ❋ ꕥ

CHƯƠNG 25
TĂNG ÍCH LUÂN

Tiếp, để thực hiện Nghi Thức Tăng Ích: vẽ trên vỏ cây Bulô bằng màu vàng nghệ hay màu vàng của mật một vòng tròn chia làm chín phần trong và ngoài. Ở giữa đặt SARVA PUṢṬIṂ KURU OṂ A. ("Tạo mọi sự Tăng ích OṂ A!"). Trong tám phần bên trong viết tám chữ OṂ. Trong tám phần bên ngoài viết OṂ **OṂ** OṂ, OṂ **TĀ** OṂ, OṂ **RE** OṂ, OṂ **TUT** OṂ, OṂ **TĀ** OṂ, OṂ **RE** OṂ, OṂ **TU** OṂ, OṂ **RE** OṂ. Sau đó nếu Hành giả đặt nó vào trong một cái hộp bùa hộ mạng bằng gốm sứ, và tạo lễ vật cúng dường bằng những bông hoa màu vàng, hoa Nāga-puṣpa, và 5 vật cúng dường, dâng cúng 4 thời suốt 7 ngày sau ngày Rằm, Hành giả sẽ thành tựu Pháp Tăng Ích cho tất cả đời sống và Công Đức của mình.

[Như đã giảng ở trên, Chương 26 đến Chương 33 đã bị mất theo thông báo của Thượng Tọa **Geshe Rabten**. Các Luân mà họ mô tả rất giống với những vòng tròn Tức Tai ngoài trừ các thành phần và chi tiết của các Thần Chú.]

ꕥ ❋ ꕥ

CHƯƠNG 34
HÀNG MA LUÂN
(Vòng tròn Chinh phục ma thuật)

Tiếp, Luân hàng phục ma quỷ. Vẽ vòng tròn bằng nước nghệ trên đá hay miếng nhựa cứng. Cũng chia vòng tròn với chín phần trong và ngoài. Để chèn các Thần Chú, ở giữa viết WA SVĀ STAMBHAYA STAMBHAVA HĀ; ở vòng trong viết WA WA WA WA WA WA WA WA; ở vòng ngoài viết WA **OṂ** WA, WA **TĀ** WA, WA **RE** WA, WA **TUT** WA, WA **TĀ** WA, WA **RE** WA, WA **TU** WA, WA **RE** WA. Dấu các vòng tròn khắp xung quanh, các Ma sẽ bị hàng phục.

CHƯƠNG 35
BÀI GIẢNG VỀ CAM KẾT VÀ THỀ NGUYỆN

Tiếp, Bồ Tát Văn Thù Đồng Tử tung hoa Madārava, hoa sen, hoa kumuda và các loài hoa khác xung quanh Đức Thế Tôn. Các loại thanh âm Thiên nhạc cũng vang lên. Rồi Ngài hỏi Đức Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Hành giả thực hiện Lời Cam kết như thế nào?".

Đức Thế Tôn nói:

13. Hành giả phải tuân giữ
những cam kết và thề nguyện cụ thể
đã có trong Maṇḍala của chư Thần
Phải tránh tạo nghiệp sát sinh, và Không lấy của không cho.

14. Không giao du, không lạm dụng nữ giới
Không nói dối, không say sưa,
Không ăn thịt, không trộm cắp.

15. Với nữ giới, phải buông xả mọi tư tưởng quyến luyến
Nhưng phải giúp đỡ và thương mến họ như mẫu thân
Hành giả tuân giữ thề nguyện và cam kết
Trong mọi hành động, sẽ có được quyền năng"
Đức Thế Tôn đã nói như vậy.

PHẦN KẾT LUẬN

Khiến Đế Thích-Vua của chư Thiên, Brahmā và vô số chư Thiên khác cùng vô lượng tùy tùng kể cả Bồ Tát Văn Thù Đồng Tử, với chư Thiên, Người, A Tu La, đều say mê và cất lời tán dương **Pháp ngôn** của Đức Thế Tôn.

Pháp tu của Đức Tārà có tên gọi là Bài giảng của mọi Nghi thức đã hoàn tất.

_Bài này được dịch từ tiếng Sanskrit sang tiếng Tây Tạng do Người Ấn Độ **Upādhyāya Dharma-śrī-mitra** và dịch giả **Gelong Ch'okyi zang-po** dịch từ tiếng Tây Tạng sang tiếng Anh

Hiệu chỉnh xong vào ngày 25/10/2012

BẠCH ĐỘ MẪU

Bạch Độ Mẫu: tên Phạn là Sita-tārvā, lại xưng là **Tăng Thọ Cứu Độ Phật Mẫu**, cùng với **Phật Vô Lượng Thọ, Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu** hợp lại gọi là *Ba Tôn Trường Thọ*. Tôn này được thị hiện từ Tâm Bi của Quán Âm, là một trong 21 Tôn hóa thân của **Thánh Cứu Độ Mẫu**. Ngoài ra cũng có thuyết cho rằng Tôn này được hóa hiện từ con mắt trái của Đức Phật A Di Đà.

Do khuôn mặt có 3 con mắt, mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt, mỗi lòng bàn chân đều có một con mắt…nên Bạch Độ Mẫu còn được gọi là **Thất Nhãn Phật Mẫu**.



_Tạng Mật lưu truyền hình tượng của Bạch Độ Mẫu là:

Thân màu trắng, có một đầu hai cánh tay, đầu đội mão Ngũ Phật, tóc đen chia làm 3 phần, 2 phần búi ở trên đỉnh, phần còn lại phủ trên hai vai. Khuôn mặt có 3 con mắt, mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt, mỗi lòng bàn chân đều có một con mắt. Tay phải để trên đầu gối tác Ấn **Tiếp Dẫn**, tay trái để trước ngực, dùng Tam Bảo Ấn cầm hoa Ô Ba Lạp (Utpala). Hoa trải dài theo cổ tay, cánh tay, đến bên cạnh tai, gồm có 3 đóa hoa: 1 đóa hoa nụ, 1 đóa hoa hé nở, 1 đóa hoa nở tròn, đại biểu cho Tam Bảo, hoặc đại biểu cho Bạch Độ Mẫu là Mẹ sinh ra tất cả chư Phật ba đời, cứu độ 8 nạn.

Thân mặc Thiên Y ngũ sắc, quần lụa, khuyên tai, vòng tay, nhẫn báu, vòng cánh tay, vòng ống chân có đầy đủ châu bảo anh lạc. Chuỗi thứ nhất đeo ở cổ, chuỗi thứ hai dài đến ngực, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Toàn thân có vòng hoa trang nghiêm, eo nhỏ vú đầy đặn, như thiếu nữ tuổi 16. Thân phát ánh sáng trắng Như ý, hai chân ngồi Kiết Già trong vành trăng trên Hoa Sen.



_Ý nghĩa của Tôn Tượng **Bạch Độ Mẫu:**

Thân màu trắng như trăng trong: biểu thị cho sự đầy đủ Uy Đức của Tâm Đại Bi trắng tịnh

Con mắt giữa trán: biểu thị cho sự quán chiếu vô lượng cõi Phật ở mười phương không có chướng ngại

6 con mắt còn lại: biểu thị cho sự quán sát chúng sinh trong sáu nẻo Luân Hồi. Trong đó 4 con mắt ở hai lòng bàn tay và hai lòng bàn chân biểu thị cho bốn loại mắt Giải Thoát để quán sát cứu giúp chúng sinh

Tay phải tác Ấn **Thí Tiếp Dẫn**: biểu thị cho sự ban tặng hòa bình với sự Giác Ngộ viên mãn của tám Đại Thánh

Tay trái tác **Tam Bảo Ấn**: biểu thị cho sự cứu độ 8 nạn.

Vành trăng sau lưng: biểu thị cho sự đã chặt đứt phiền não 3 độc.

Hai chân ngồi Kiết Già: biểu thị cho sự không có phiền não.





_Pháp tu Bạch Độ Mẫu còn được gọi là Pháp tu **Như Ý Luân**.

Kinh **Tán Bạch Độ Mẫu** nói rằng: "Pháp tu trì Bạch Độ Mẫu, hay tăng trưởng Thọ Mệnh với Phước Tuệ, chặt đứt gốc rễ sinh tử luân hồi, miễn trừ tất cả Ma Chướng, ôn dịch, bệnh khổ… Phàm có người nào mong cầu không gì không như nguyện".

BẠCH ĐỘ MẪU NHƯ Ý LUÂN TU PHÁP NGHI QUỸ



Hán dịch: Phật sống **Hạ Bả** dịch từ Tạng Văn sang Hán văn
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

_**Bất Cộng Quy Y Pháp Tâm Kệ**:
Chư Phật, Chính Pháp, Hiền Thánh, Tam Bảo Tôn
Từ nay thẳng đến Bồ Đề, luôn quy y
Con dùng các Tư Lương đã tu hành
Vì lợi hữu tình nên nguyện thành Đại Giác (3 lần)

_**Thọ Bồ Tát Giới Kệ**:
Nay con quy y Thắng Tam Bảo
Tất cả nghiệp tội đều sám hối
Tùy vui việc thiện của hữu tình
Chí Tâm thọ trì Phật Bồ Đề
Chính Giác, Diệu Pháp, Thánh Tăng Già
Cho đến Bồ Đề, con quy y
Thành tựu lợi mình với lợi người
Phát khởi cầu chứng Tâm Bồ Đề
Đã phát Tâm Bồ Đề tối thắng
Tiếp dẫn hữu tình như khách quý (đại tân)
Vui hành Hạnh Bồ Đề tối thắng

Vì lợi hữu tình sẽ thành Phật (3 lần)

_**Phát Tứ Vô Lượng Tâm Kệ**:
Nguyện các chúng sinh lìa hẳn Tâm **tham, sân**… trụ nhà bình đẳng
Nguyện các chúng sinh luôn đủ an vui với Nhân an vui
Nguyện các chúng sinh lìa hẳn mọi khổ với mọi Nhân khổ
Nguyện các chúng sinh luôn đủ niềm vui không có khổ, Tâm của con vui thích (3 lần)

_**Quán Tưởng**:
Ông, thoa ba ngõa hứa vật đạt, tát nhật ngõa đạt nhật ma, thoa ba ngõa hứa vật đa hàng (**Quán Không Chú**)

(**Oṃ_ svabhāva śuddha, sarva dharma svabhāva śuddhohaṃ**)

Vạn Pháp có một Vị ngang bằng đồng với hư không, trong hư không sinh khởi bánh xe hoa sen (liên hoa luân), vành trăng mùa Thu trong trong hoa phát ra ánh sáng ban vui (từ quang), Tự Tính trên vành trăng là chữ **Đông** (:Tāṃ) màu trắng phát ra ánh sáng độ khắp mọi cha mẹ, vô số Cam Lộ cúng chư Phật, Công Đức gia trì nước Cam Lộ, hòa vào chữ **Đông** (:Tāṃ) trong khoảng sát na hóa làm Tự Thân **Độ Mẫu Phật** mang thân người nữ màu nhiệm, Thánh Thể trắng tinh, một mặt, hai cánh tay:tay phải kết Ấn ban cho, tay trái để ngang ngực cầm **Ô Ba Thất Chỉ** (Utpala: hoa sen xanh), mắt Tuệ như gương sáng, tướng tốt đẹo không gì sánh bằng, mọi báu nghiêm sức, thân khoác Thiên Y, sau lưng có vành trăng, đỉnh luân (đỉnh đầu) có chữ **Ông** (: Oṃ) màu trắng, cổ họng có chữ **A** (: Āḥ) màu hồng, trên Tâm Luân (trái tim) có chữ **Hồng** (: Hūṃ) màu xanh lam. Chữ Chủng Tử phát ra ánh sáng chiếu các cõi nước của Phật, nghinh thỉnh Thân Trí Tuệ của **Độ Mẫu** (Tārā) hòa nhập vào bánh xe như ý (như ý luân) của thân mình đều hợp làm một Thể. Lại phát ra ánh sáng nghinh thỉnh tất cả **Quán Đỉnh Tôn** cầm cái bình chứa đầy Cam Lộ ban cho Quán Đỉnh, chư Phật quán đỉnh nhập vào bên trong thân thể, trên đỉnh đầu hiện ra Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha-buddha) trang nghiêm

_**Cúng Dường:**
Ông, ban giáp nhật, a di nhật đáp, cổn trát lợi, cáp nạp cáp nạp, hồng phôi (**Cam Lộ Minh Vương Chú**)

(**Oṃ_ vajra-amṛta-kuṇḍali, hana hana, hūṃ phaṭ**)

_Ông, thoa ba ngõa hứa vật đạt, tát nhật ngõa đạt nhật ma, thoa ba ngõa hứa vật đa hàng (**Quán Không Chú**)

(**Oṃ_ svabhāva śuddha, sarva dharma svabhāva śuddhohaṃ**)

Quán **sự trống rỗng** (Śūnya: Không) của Tự Tính, trong cái trống rỗng sinh khởi tám chữ **Trọng** (: Taṃ) màu trắng, hóa làm vô lượng vật khí báu nghiêm tịnh rộng lớn, trong vật khí sinh khởi chữ **Ông** (: Oṃ) màu trắng hóa làm **tám Cúng** trong sạch không có ngăn ngại, hay sinh khởi niềm vui màu nhiệm **Vô Lậu** (không có phiền não)

_Ông, a cương, a hồng (**Oṃ Arghaṃ āḥ hūṃ**)
Ông, ba đương, a hồng (**Oṃ Pādyaṃ āḥ hūṃ**)
Ông, bố bạch, a hồng (**Oṃ Puṣpe āḥ hūṃ**)
Ông, đô bạch, a hồng (**Oṃ Dhūpe āḥ hūṃ**)
Ông, a lạc cách, a hồng (**Oṃ Āloke āḥ hūṃ**)

Ông, cánh đức, a hồng (**Oṃ Gandhe āḥ hūṃ**)
Ông, nạp vi đức, a hồng (**Oṃ Naividye āḥ hūṃ**)
Ông, hạ đạt, a hồng (**Oṃ Śabda āḥ hūṃ**)
(gia trì **tám Cúng**)

_Chữ **Đông** (:Tāṃ) tuôn ra các Thiên Nữ cúng dường, tay cầm tám Cúng dâng hiến **Độ Mẫu** (Tārā)

_ Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, a cương, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, arghaṃ pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, ba đương, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, pādyaṃ pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, bố bạch, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, puṣpe pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, đô bạch, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, dhūpe pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, a lạc cách, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, Āloke pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, cánh đức, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, gandhe pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, nạp vi đức, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, naividye pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, hạ đạt, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, Śabda pratīccha hūṃ svāhā**)

_**Tán Tụng**:
Ông (Oṃ) cứu độ luân hồi **Đáp Nhiệt** (Tāre) Mẫu
Chữ **Đô đáp nhiệt** (Tuttāre) thoát tám nạn
Đô nhiệt (Ture) giải cứu bệnh đau nhức
Trước **Cứu Độ Phật Mẫu**, cung kính lễ

_**Quán tưởng, trì Chú**:
Chữ **Đông** (:Tāṃ) phát ra ánh sáng màu trắng chiếu mười phương. Chữ **Ông A Hồng** (:Oṃ āḥ hūṃ) là thân miệng ý Kim Cương của chư Phật tràn đầy hư

không trên Trời, hòa nhập vào thân của mình nhận sự gia trì. Lại phát ra ánh sáng trắng chiếu mười phương Pháp Giới: năm ánh sáng **Phước, Lộc, Thọ, Trí, Tuệ**, cái bình báu, hình tượng, mầm giống của Chú (chú chủng) hòa nhập vào thân của mình: được sống lâu, đồng chứng **Độ Mẫu Như Ý Luân**

_Ông, đô nhiệt y, đô đạt nhiệt y, đô nhiệt y, thoa cáp (**Tâm Chú**)
(**Oṃ tāre tuttāre ture svāhā**)

_Ông, đạt nhiệt y, đô đạt nhiệt y, đô nhiệt y, mã mã, a ước, bố ni á gia, nạp bố trọng, cổ như, thoa cáp (**Trường Thọ Chú**)
(**Oṃ tāre tuttāre ture āyuḥ puṇye jñāna puṣṭiṃ kuru svāhā**)

_**Sám Hối** (Bách Tự Minh):
Ông, ban giáp nhật tát đoá ngoã, tát mã nhã mã nỗ ba lạp nhã, ban giáp nhật tát đoá ngoã, để ngoã nặc ba để sát, đức nhật trác, mỹ ba ngoã, tô đoá ca ước hữu, mỹ ba ngoã, tô ba ca ước hữu, mỹ ba ngoã, a nỗ nhật a cách đa, mỹ ba ngoã, tát nhật ngoã tất địa, mỹ, ba nhật nhã cáp, tát nhật ngoã, cát nhật mã, tô giáp mễ, cơ đương mộc, tạ nhật ương mộc, cổ nhữ, hồng cáp cáp cáp cáp hoả, ba cát uyển nạp, tát nhật ngoã đạt tháp cát đạt, ban giáp nhật, mã, mễ, mộc gia, ban kiệt nhật ba ngoã, mã cáp tát mã nhã tát đoá ngoã, a hồng phôi (3 lần)
(**Oṃ vajra-satva samayam anupālaya, vajra-satva tvenopatiṣṭha, dṛḍho me bhava, sutoṣyo me bhava, supoṣyo me bhava, anurakto me bhava, sarva siddhim me prayaccha sarva karmasū, ca me cittaṃ śrīyaḥ kuru, hūṃ! Ha ha ha ha hoḥ! Bhagavān sarva tathāgata-vajra mā me muñca vajrī-bhava, mahā-samaya-satva āḥ hūṃ phaṭ**)

Hồi Hướng:
Nếu gặp Phi Thời buông Mệnh Tướng
Bấy giờ Thân **Như Ý Luân** hiện
Thấy xong, trấn phục **Diêm La Chủ**
Mau chứng **bậc Trì Minh chẳng chết** (bất tử trì minh giả)

Nếu tu **Trường Thọ Nghi Quỹ** ắt cần thiết tu **Cam Lộ Bảo Bình Nghi Quỹ**, lại tu **Tha Sinh Nghi Quỹ** của **Bạch Độ Mẫu Như Ý Luân**. Giả sử như vậy, tu Nghi Quỹ của **Bạch Độ Mẫu Như Ý Luân** thì tất yếu ngay tại Lý ấy, niệm **Đóa Mã Nghi Quỹ** (Nghi Quỹ Cứu Độ)

ĐÓA MÃ GIA TRÌ TU PHÁP NGHI QUỸ

_Ông, ban giáp nhật, a di nhật đáp, cổn trát lợi, cáp nạp cáp nạp, hồng phôi (**Cam Lộ Minh Vương Chú**)
(**Oṃ_ vajra-amṛta-kuṇḍali, hana hana, hūṃ phaṭ**)
_Ông, thoa ba ngõa hứa vật đạt, tát nhật ngõa đạt nhật ma, thoa ba ngõa hứa vật đa hàng (**Quán Không Chú**)
(**Oṃ_ svabhāva śuddha, sarva dharma svabhāva śuddhohaṃ**)

Quán **sự trống rỗng** (Śūnya: Không) của Tự Tính, trong cái trống rỗng sinh khởi chữ **Trọng** (त्रं :Taṃ) màu trắng, hóa làm các loại châu báu tạo thành vô lượng vật khí

báu nghiêm tịnh rộng lớn, trong vật khí sinh khởi ba chữ **Ông A Hồng** (𑖌𑖼𑖁𑖾𑖮𑖳𑖽:Oṃ āḥ hūṃ) hóa làm món ăn ngon của cõi Trời, tạo thành **Đóa Mã** sáng tỏ thông suốt Cam Lộ Trí Tuệ **Vô Lậu** như biển **Cúng Phẩm**

Ông a hồng (3 lần gia trì)

(**Oṃ āḥ hūṃ**)

Từ chữ **Đông** (Tāṃ) ở trái tim chiếu sáng mười phương, từ Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhavatī) ở phương Tây, nghinh thỉnh **Bạch Độ Mẫu Như Ý Luân** với Thánh Tôn đi theo, các quyến thuộc, an trụ ở hư không ngay trước mặt... đầu lưỡi của Chí Tôn Phật Mẫu với các chư Tôn đều phát huy một bó ống ánh sáng, thọ hưởng tinh hoa của tất cả cúng phẩm

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y, ngõa nhật a, ái đương ba lâm đạt, tạp tạp, tạp y tạp y (3 hoặc 7 lần)

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, idaṃ balingta khakha khahi khahi**)

_ Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, a cương, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, arghaṃ pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, ba đương, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, pādyaṃ pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, bố bạch, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, puṣpe pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, đô bạch, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, dhūpe pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, a lạc cách, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, Āloke pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, cánh đức, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, gandhe pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, nạp vi đức, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, naividye pratīccha hūṃ svāhā**)

_Ông, a á đạt nhiệt, tát ba nhật y ngõa nhật a, hạ đạt, ba nhật để cáp, hồng, thoa cáp

(**Oṃ ārya-tāre saparivāra, Śabda pratīccha hūṃ svāhā**)

_**Ông** (Oṃ) cứu độ luân hồi **Đáp Nhiệt** (Tāre) Mẫu

Chữ **Đô đáp nhiệt** (Tuttāre) thoát tám nạn

Đô nhiệt (Ture) giải cứu bệnh đau nhức
Trước **Cứu Độ Phật Mẫu**, cung kính lễ

_**Bách Tự Minh** (3 lần)

_ Mùi vị **Cúng Phẩm** có sai sót
Hết thảy lỗi lầm, thỉnh khoan dung
Các cõi nước của đấng Thế Tôn
Cầu cúng đều xin quay trở lại

_ Nếu gặp Phi Thời buông Mệnh Tướng
Bấy giờ Thân **Như Ý Luân** hiện
Thấy xong, trấn phục **Diêm La Chủ**
Mau chứng **bậc Trì Minh chẳng chết** (bất tử trì minh giả)

_Do Công Đức **Thiện** tu Pháp này
Mau thành **Cứu Độ Như Ý Mẫu**
Chúng sinh, tất cả không dư sót
Dẫn hết đến cõi **Độ Mẫu Phật**

_Ông, ban trát mẫu (**Tống Thánh Chú**)
(**Oṃ vajra muḥ**)
Như vậy cúng dường xong. Chư Tôn mỗi mỗi đều quay trở về chỗ ở của mình

_Chúc nguyện Thầy **thọ khang** (sống lâu mạnh khỏe)
Nghiệp lành rộng mười phương
Đèn Thánh Giáo **Lạc Tang** (Tu viện Samye)
Luôn chiếu khắp chúng sinh

_Pháp Vương **Tông Khách Ba**
Thánh Giáo Nhật (mặt trời Thánh Giáo) hưng long
Nghịch Duyên đều tiêu diệt
Thuận Duyên đều tăng trưởng

_Ta, Người: ba đời **Thiện**
Hồi hướng hai **Tư Lương** (Sambhāra) [chỉ Phước Đức và Trí Tuệ]
Không dơ cũng không nhiễm
Pháp Củ (Khuôn phép của Pháp) thường sáng tỏ

_**Phụ**:
Ông, a hồng đông
(**Oṃ āḥ hūṃ tāṃ**)

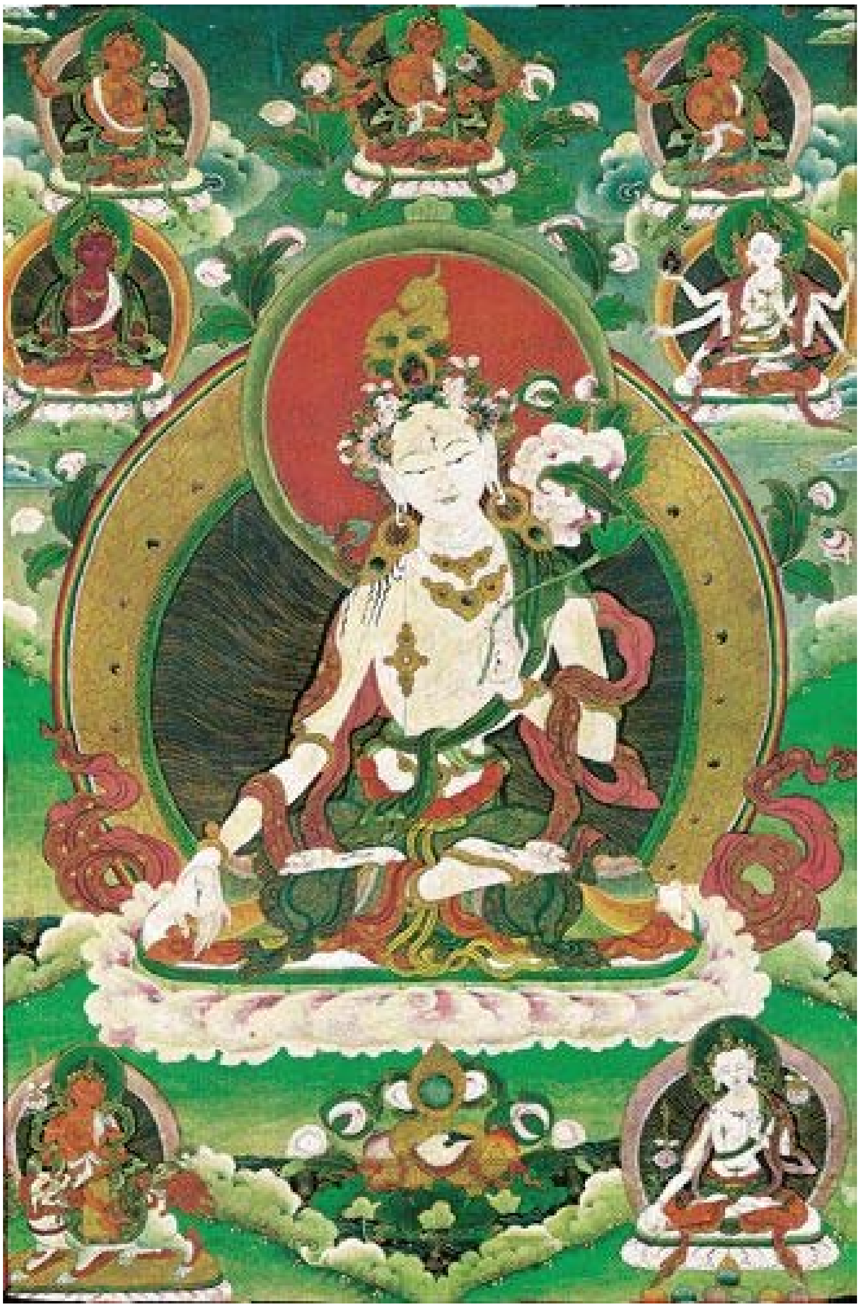
_Nghi Quỹ này là **Bạch Độ Mẫu Như Ý Luân Nghi Quỹ Tu Pháp** của Đại Sư **Bạc Bang Khách** cùng với Nghi Quỹ của **Đạt Lại Lạt Ma** đời thứ 14, tức Phật sống **Kinh Sư Đạt Trát**. Đem tinh yếu của hai Nghi Quỹ này hợp làm một

Chùa Lý Đường Trường Thanh Xuân Khoa Nhĩ, Chủ Trì của viện Pháp Tướng là Phật Sống **Hạ Bá** biên dịch, Tỳ Khưu **Thích Pháp Tịnh Thạch Lỗi** chỉnh lý

Hết

_Ghi chú:

Đóa Mã, tên Phạn là **Bali** (hay **Balingta**), tên Tây Tạng là **gTor-ma** nghĩa là vật phụng hiến, cúng phẩm, thức ăn dùng để cúng dường, thức ăn dùng để bố thí. Theo ý nghĩa khác thì **Đóa Mã** là từ bỏ, cắt đứt, phân tách... cũng chỉ sự hiến tặng mà không cần báo đáp lại



PHƯƠNG PHÁP TRƯỜNG THỌ CỦA BẠCH TARA
(Như Ý Luân)

Tác phẩm của Đức DALAI LAMA đời thứ VII (1708 - 1757)
Trích trong quyển "Thiền Định trên Tantra Bậc thấp"

Anh Văn: DENDUN DRUB
Sưu tập và hiệu chỉnh: GLENNH.MULLIN
Phụ tá Tác giả: MICHAEL RICHARDS
Việt dịch: DIỆU LÝ

Ở một nơi yên tịnh, sắp đặt một bàn thờ với tượng của Bạch Tara cùng luân xa Như ý ở giữa. Trước mặt Ngài đặt hai hàng chén lễ vật, dùng để dâng cúng đến các Vị đã nhắc ở trước và đến bản thân như một vị Thần. Cũng như sắp đặt bánh ngọt nghi lễ màu trắng được làm bằng ba loại đường và ba thức màu trắng theo truyền thống Tantra Bậc thấp. Nếu tạo ra Tâm tu dưỡng đầy đủ, bảo đảm tuân theo những lời hứa khác nhau của Kriya Tantra, như là tắm sạch ... và tránh ăn những thức ăn mặn như thịt, tỏi, hành, các củ cải đỏ, ...

Nghi thức có ba phần : Phần mở đầu, Phần thực hành thực tế, Phần kết thúc

(Đầu tiên là những phần mở đầu. Phần này liên quan đến những sự thiền định chung của việc quy y và phát Tâm Bồ Đề. Nghi thức cho phần này như sau:)

Hãy nhớ nghĩ bản thân ta như là Bạch Tara. Chủng tử TĀṂ (ཏཱཾ) nơi tim ta phát sáng. Đấng Tara có Đức A Di Đà trên đầu và mười ngàn chư Phật, Bồ tát được mời từ nơi cư trú của Ngài vây xung quanh Ngài, đến khoảng không gian trước mặt ta.

➯ NAMO GURUBYAḤ NAMA ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA-BYAḤ

[Đầu tiên tạo ra Quy Mệnh Ấn và những lời xưng tán Ngài. Kế đến là Quy y, phát Tâm Bồ Đề và suy tưởng Tứ Đại theo Kinh chuẩn mực .

Khi thực hành xong việc này, cần tiếp tục việc thiền định trên thực thân. Điều này bắt đầu bằng việc tinh lọc Thiền định trong THỨC KHÔNG nhờ sự trợ giúp của thần chú Svabhava (Thần chú về Tự tính)] :

➯ OṂ SVABHĀVA SHUDDHOḤ SARVA DHARMĀḤ SVABHĀVA SHUDDHO 'HAṂ

Tất cả các Pháp, sự trống rỗng của sự tồn tại tự tính, tan thành tính KHÔNG. Từ bên trong khoảng không của sự trống rỗng mênh mông này, xuất hiện chủng tử PAṂ (པཾ) . Chủng tử PAṂ này biến thành hoa sen trắng có chủng tử ĀḤ (ཨཱཿ). Chủng tử ĀḤ biến thành vành trăng có chủng tử TĀṂ (ཏཱཾ) màu trắng ở giữa biểu trưng cho Tâm Trí ta .

Chủng tử TĀṂ (ཏཱཾ) phát ra những tia sáng tạo thành lễ vật dâng cúng đến Đấng Chí Tôn, tạo ra mọi điều tốt lành cho các các loài hữu tình rồi tụ họp lại. Chủng tử TĀṂ biến chuyển hoàn toàn và ta hiện ra như là Bạch Tara với Luân xa Như ý .

Cơ thể ta màu trắng có một mặt hai tay. Hình thể này rung động như là một sắc đẹp tuyệt trần của người phụ nữ 60 tuổi. Tay phải của ta kết Ấn Thí Vô Úy, tay trái đặt nơi trái tim, ngón cái và ngón vô danh cầm cuống hoa sen. Hoa sen này tỏa ra ba nhánh bên cạnh tai ta biểu tượng cho chư Phật ba đời, nhánh giữa có một hoa nở rộ, nhánh bên phải sắp kết trái, nhánh bên trái là một búp chưa nở. Tóc của ta kết thành một búi, ta được điểm tô bằng những đồ trang sức châu báu quý giá và phục sức bằng quần áo mỏng nhẹ. Lưng của ta dựa trên vành trăng, toàn thân ta là ánh sáng của thiên nhiên và hai chân trong tư thế Kiết Già. Trên Vương miện ta có chữ OṂ (ༀ) màu trắng, trên cổ họng có chữ ĀḤ (ཨཱཿ) màu đỏ, và trên trái tim có chữ HŪṂ (ཧཱུྃ) màu xanh dương. Như vậy, chữ TĀṂ (ཏཱཾ) màu trắng dựa trên vành trăng ngay trái tim ta .

Chữ TĀṂ phát ra những tia sáng rực rỡ thỉnh mời Đức Tara Tối cao, Ngài có vô số Chư Phật Bồ tát bao quanh từ nơi cư trú tự nhiên của Ngài .

JAḤ HŪṂ BAṂ HOḤ. Hết thảy chư vị đều tan biến để trờ thành nhất thể.

Những tia sáng lại tiếp tục phát ra từ chữ TĀṂ nơi tim ta thỉnh mời các chư Thần Quyền năng. Ta khẩn cầu họ :

“ Xin hãy ban phát Lễ Thụ Pháp cho con”

Khẩn cầu xong, chư Thần cầm những bình chứa nước Cam Lộ Trí Giác của lễ Thụ Pháp, đọc câu :

➴ OṂ SARVA TATHĀGATA-SAMAYA SHRĪYE ĀḤ HŪṂ

Chư vị sẽ thọ pháp cho ta bằng nước nước của các vị. Cơ thể ta tràn ngập hương thơm và da được tẩy sạch mọi sự tiêu cực. Hương thơm dư thừa đó tràn ra khỏi vương miện trên đầu ta chuyển thành Đức A Di Đà. Đức A Di Đà trở thành vương miện trang sức trên đầu ta .

(Tạo ra những lễ vật dâng cúng đến mình như là Vị thần:)

➴ OṂ SVABHĀVA SHUDDHAḤ SARVA DHARMĀḤ SVABHĀVA SHUDDHO ‘HAṂ !

Mọi vật trở nên (như là) trống rỗng. Từ bên trong sự trống rỗng, xuất hiện tám chữ OṂ (ༀ) chuyển thành những thùng châu báu to lớn tột cùng, bên trong mỗi thùng là một chữ OṂ. Những chữ OṂ tan thành ánh sáng và lại xuất hiện dưới hình thức những lễ vật : nước uống, nước rửa chân, hoa, hương, đèn, đầu thơm, thực phẩm và âm nhạc. Những thứ này đều tinh khiết và ngang bằng giới hạn của bầu trời .

OṂ ARGHAṂ ĀḤ HŪṂ
OṂ PADYAṂ ĀḤ HŪṂ
OṂ PUSHPE ĀḤ HŪṂ
OṂ DHUPE ĀḤ HŪṂ
OṂ ĀLOKE ĀḤ HŪṂ
OṂ GANDHE ĀḤ HŪṂ
OṂ NAIVIDYE ĀḤ HŪṂ
OṂ SHABDA ĀḤ HŪṂ

Sau đó :

OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA ARGHAṂ PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA PĀDYAṂ PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA PUSHPE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA DHUPE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA ĀLOKE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA GANDHE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA NAIVIDYE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA SHABDA PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

TĀRE: sự tự do thoát khỏi Luân hồi
TUTTĀRE : sự tự do khỏi tám nạn
TURE : sự tự do khỏi bệnh tật ,
Con xin tôn kính Mẹ Tara.

Con xin tôn kính bậc quyền uy tối thượng, Ngài ngồi trong tư thế Kim Cương trên vành trăng, nơi tâm của hoa sen trắng .

Con xin tôn kính Ngài sáng chói như trăng mùa thu, lưng Ngài dựa vào vành trăng, thân Ngài tạo ra những vật trang sức xinh đẹp, chân trái của Ngài giữ một bông sen trắng .

Con xin tôn kính Thánh Tara, Ngài xuất hiện như một phụ nữ 60 tuổi, mẹ của tất cả Chư Phật, hình dáng của Ngài thực hiện điều ước một cách tự nhiên .

Con xin tôn kính Ngài với luân xa trắng nơi tim, một luân xa với tám căm xe mang tám chủng tử huyền diệu với ánh sáng chói chang rực rỡ .

Đức Tara tôn quý, người mẹ mang đến sự giải thoát cùng Như ý luân tăng trưởng cuộc sống, xin lắng nghe lời cầu nguyện của con. Xin hãy bảo vệ con khỏi những hiểm nguy trong cuộc sống, những tật bệnh và sự đói nghèo. Xin hãy ban cho con sự thành tựu tối thượng của Thực chứng cũng như những thành tựu chung.

Hỡi Đấng Chí Tôn, con xin đặt niềm tin vào Ngài, Ngài luôn quan tâm đến con như người mẹ quan tâm đến con cái mình.

Con gọi Ngài: xin hãy giữ con trong lòng Từ bi của Ngài. Ngài vượt trên các Nữ thần,trắng như mùa thu, hoàn hảo như người không kiêu ngạo, điểm trang bằng nhiều trang sức châu báu, phục sức bằng vải mềm nhẹ và đang ngồi trong tư thế Kim Cương trên hoa sen và mặt trăng, Ngài có gương mặt đang mỉm cười và hai tay, Ngài là mẹ của chư Phật Quá khứ, Hiện tại và Vị lai.

Con xin đảnh lễ Ngài lần nữa.

Lời cầu nguyện này do con thành tâm dâng lên và giúp cho con đạt đến sự Giác ngộ. Từ bây giờ cho tới khi con đạt được Bồ Đề, dẹp mọi tình trạng tiêu cực có thể ngăn cản con, tạo ra mọi tình trạng dẫn dắt và sự phát triển hữu ích. (Đức Dalai Lama đời thứ I viết lời Nguyện và lời Mong cầu này)

Nơi trái tim ta xuất hiện một bánh xe màu trắng có tám căm, một trục và một vành bánh xe ba tầng Tại trục bánh xe là một vành trăng và trên đó là Tâm của ta trong hình trạng một chủng tử TĀṂ (ཏཱཾ) màu trắng. Bao quanh chủng tử TĀṂ này là Thần Chú:

↳ OṂ MAMĀ ĀYUḤ PUṆYE JÑĀNA PUSHṬHIṂ KURU SVĀHĀ .

Trên những căm xe, bắt đầu trước và vòng theo chiều kim đồng hồ là các chữ:

TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ

Ở tầng trong cùng của vành bánh xe, 16 âm tiết của mẫu tự Sankrit màu trắng, chạy vòng theo hướng kim đồng hồ; ở tầng giữa, 34 phụ âm màu đỏ, vòng theo chiều

kim đồng hồ; và ở tầng ngoài cùng là câu Thần chú "**Duyên Khởi**" màu xanh biển vòng theo chiều kim đồng hồ:

OṂ YE DHARMA HETU PRABHĀVA HETUN TESHĀN TATHĀGATO HYA VADATA TESHĀN CHAYO NIRODHA EVAṂ VĀDI MĀHĀ-SHRAMAṆAḤ YE SVĀHĀ.

Tất cả những chữ này ở trong những khối chữ lớn, đặt ở phía trên về bên phải, tỏa ra những luồng sáng vô hạn định .

Từ những điều trên đến các tia sáng ngang bằng với một trăm ngàn mặt trăng. Những mặt trăng này tràn đầy cơ thể ta và dẹp tan mọi bệnh tật, Quỷ Thần xấu ác, những loài gây chướng nạn, những sự tăm tối trong tinh thần và những sự trở ngại đời sống. Những tia sáng này lướt qua các lỗ chân lông của ta và hình thành một vầng tròn hào quang trắng xung quanh ta một khoảng thời gian rất ngắn theo chiều sâu. Tất cả mọi hoạt động của sự dẹp trừ được hoàn thành .

Những dòng sáng này lại tiến vào trái tim ta từ những chủng tử đó. Trong sắc vàng, ánh sáng tràn ngập cơ thể ta và tăng trưởng tuổi thọ, công đức, năng lực học và hiểu, sự khôn ngoan hiểu biết của việc nghe, sự quán niệm và thiền định ..v..v.. Chúng rời khỏi cơ thể ta và hình thành một vầng hào quang mỏng bao quanh vầng hào quang trắng vừa được tạo lập nhanh chóng. Mọi hoạt động của sự tăng trưởng được hoàn thành .

Một lần nữa ánh sáng tỏa ra từ những chủng tử nơi trái tim ta. Trong sắc đỏ, ánh sáng ban cho ta quyền năng vượt trên ba Thế Giới. Ánh sáng rời khỏi cơ thể ta và hình thành một vầng hào quang đỏ bao quanh vầng hào quang vàng. Vô số hoạt động của quyền năng được thực hiện .

Những dòng màu xanh dương chiếu thẳng từ những chủng tử nơi trái tim ta, ban phát cho ta năng lực để hoàn thành mọi hoạt động. Ánh sáng rời khỏi cơ thể ta và hình thành vầng hào quang xanh dương bao quanh vầng hào quang màu đỏ ở trên. Mọi hoạt động Hoại diệt được thực hiện .

Những dòng sáng lại chiếu thẳng từ những chủng tử nơi tim ta. Trong sắc xanh lục, chúng ban cho ta những sự chứng đắc về quyền lực chung và tối thượng. Những dòng sáng đó rời khỏi cơ thể ta và tụ họp lại thành một vầng hào quang màu xanh lục bao quanh vầng xanh dương trên. Mọi hoạt động được thực hiện .

Bây giờ, ánh sáng màu nâu chiếu thẳng từ những chữ nơi tim ta và tràn ngập cơ thể ta. Tất cả sự Chứng đắc được tạo lập kiên cố, vững chắc. Ánh sáng rời khỏi cơ thể ta và hình thành nên vầng hào quang màu nâu bao quanh vầng xanh lục. Mọi thành tựu và phước được hình thành bền vững .

Sáu vầng hào quang đó có hình dạng oval (bầu dục) giống như những quả trứng. Những vầng hào quang này vững vàng đến độ ngay cả gió phá hủy cả một khoảng không gian vô tận cũng không thể lay chuyển được. Những khoảng cánh giữa các vầng hào quang này rất lớn, được lấp kín bởi những bông hoa Ưu Bát La màu xanh lục, và không có một kẽ hở nào. Như vậy, sự phòng ngự tuyệt vời được thiết lập.

Ánh sáng màu trắng và dòng suối Cam lộ chảy từ những vòng Thần Chú tràn ngập cơ thể ta. Các tật bệnh, Quỷ Thần xấu ác, những loài gây chướng nạn, các bức màn Vô Minh cùng những sự trở ngại trong đời sống của ta đều bị chế ngự và ta đạt dến sự thành tựu của tính bất tử .

[Và rồi, tránh những sai phạm như là: Thần Chú lặp lại không trong sạch và những Thần chú lặp lại bị sai lệch. Ở đây có hai Thần Chú được cung cấp: Thần Chú Tăng Trưởng và Thần Chú Chính. Theo ghi chép của Je Gendun Gyasto, Đức Dalai Lama đời thứ hai, người học chỉ cần lặp lại khuôn mẫu này vài trăm lần vào lúc khởi đầu và kết thúc mỗi buổi lễ, cung hiến phần chính của buổi lễ đến buổi sau.]

Thần chú Tăng Trưởng :

⇘ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE MAMA ĀYUḤ PUṆYE JÑĀNA PUSHṬHIṂ KURU SVĀHĀ .

Thần chú Chính :

⇘ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ

[Khi những Thần Chú chỉ định ở trên được thực hiện, lặp lại Thần Chú Padmasattva 100 chữ để tinh lọc những lỗi lầm của chính các bạn và tạo lập việc chuyển các năng lực đã chứng đắc. Và làm những lễ vật, lời xưng tán như trước.]

[Thứ ba là Phần Kết thúc. Phần này bắt đầu bằng sự dâng cúng bánh ngọt nghi lễ]

⇘ OṂ SVABHĀVA SHUDDHAḤ SARVA DHARMĀḤ SVABHĀVA SHUDDHO ‘HAṂ

Mọi vật trở nên trống rỗng, từ trong khoảng không của sự trống rỗng xuất hiện thùng chứa bánh ngọt nghi lễ lớn, một chủng tử TĀṂ màu trắng ở trên thùng đó. Chủng tử TĀṂ phát sáng. Ánh sáng soi chiếu qua thùng và chuyển nó thành thùng châu báu to lớn tột cùng. Ánh sáng chiếu vào bánh ngọt và chuyển bánh thành biển nước Cam Lộ Trí Tuệ rộng mênh mông.

⇘ OṂ ĀḤ HŪṂ (3 lần)

OṂ SVABHĀVA SHUDDHAḤ SARVA DHARMĀḤ SVABHĀVA SHUDDHO’HAṂ

Mọi vật trở nên trống rỗng . Từ trong khoảng không của sự trống rỗng, chủng tử PAṂ (པཾ) xuất hiện trong hư không trước mặt ta. Chủng tử PAṂ chuyển thành hoa sen mang chủng tử A (ཨ). Chủng tử A chuyển thành vành trăng, trung tâm vành trăng là chủng tử TĀṂ (ཏཱཾ) màu trắng. Chủng tử TĀṂ phát sáng và tạo ra lễ vật đến Đấng Tối Cao, thực hiện điều thiện cho các loài hữu tình và rồi tụ họp lại. Chủng tử TĀṂ hoàn toàn chuyển biến và Bạch Tara cùng Như ý luân xuất hiện. Cơ thể của Ngài màu trắng, Ngài có một mặt, hai tay, dường như là 60 tuổi và rất đẹp. Tay phải Ngài kết ấn Thí Vô Úy, ngón cái và ngón giữa của tay trái đặt ngang nơi trái tim, cầm cuống hoa sen trắng. Hoa sen là biểu tượng của chư Phật ba đời, tỏa ra ba nhánh bên cạnh tai của Ngài: Nhánh giữa mang một bông hoa nở rộ, nhánh bên phải sắp kết trái, nhánh bên trái là một búp chưa nở. Tóc của Ngài kết thành một búi, Ngài được điểm tô bằng những đồ trang sức quý giá và phục sức bằng quần áo mỏng nhẹ. Lưng của Ngài dựa thẳng trên vành trăng, toàn thân Ngài là ánh sáng của thiên nhiên và hai chân trong tư thế Kim Cương. Trên Vương miện Ngài có chữ OṂ (ཨོཾ) màu trắng , trên cổ họng có chữ ĀḤ (ཨཱཿ) màu đỏ, và trên trái tim có chữ HŪṂ (ཧཱུྃ) màu xanh dương. Như vậy, chữ TĀṂ (ཏཱཾ) màu trắng dựa trên vành trăng nơi trái tim của Ngài.

Chủng tử TĀṂ phát ra ánh sáng rực rỡ thỉnh mời Đức Tara Tối Cao có hàng ngàn Chư Phật Bồ Tát từ nơi cư trú tự nhiên của Ngài bao quanh

JAḤ HŪṂ BAṂ HOḤ. Các vị đều tan biến thành nhất thể.

Ánh sáng lại tiến đến từ chủng tử TĀṂ, thỉnh mời chư vị Hiền Thánh. Các vị cầm trên tay các bình chứa đầy nước Cam Lộ Trí Giác:

➷ OṂ SARVA TATHĀGATA ABHISHEKATA SAMAYA SHRĪYE ĀḤ HŪṂ

Nói câu này, các Vị thọ pháp cho Ngài bằng nước thơm của các vị. Cơ thể Ngài tràn ngập hương thơm và hương thơm dư thừa tràn ra khỏi vương miện trên đầu Ngài chuyển thành Đức A Di Đà. Đức A Di Đà trở thành vương miện trang sức của Ngài.

(Tạo các lễ vật đến Thần như trước)

OṂ SVABHĀVA SHUDDHAḤ SARVA DHARMĀḤ SHUDDHO'HAṂ !

Mọi vật trở thành (thấy như) sự trống rỗng. Từ trong khoảng không của sự trống rỗng xuất hiện tám chủng tử OṂ (ॐ) chuyển thành những thùng châu báu to lớn tột cùng, bên trong mỗi thùng có một chủng tử OṂ. Chủng tử OṂ tan thành ánh sáng và lại xuất hiện dưới hình thức lễ vật: nước uống, nước rửa chân, hoa, hương, đèn, dầu thơm, thực phẩm và âm nhạc. Những vật phẩm này đều tinh khiết và nhiều vô kể .

OṂ ARGHAṂ ĀḤ HŪṂ
OṂ PADYAṂ ĀḤ HŪṂ
OṂ PUSHPE ĀḤ HŪṂ
OṂ DHUPE ĀḤ HŪṂ
OṂ ĀLOKE ĀḤ HŪṂ
OṂ GANDHE ĀḤ HŪṂ
OṂ NAIVIDYE ĀḤ HŪṂ
OṂ SHABDA ĀḤ HŪṂ

Sau đó :

OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA ARGHAṂ PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA PĀDYAṂ PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA PUSHPE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA DHUPE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA ĀLOKE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA GANDHE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA NAIVIDYE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA SHABDA PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

TĀRE: sự tự do thoát khỏi Luân hồi
TUTTĀRE : sự tự do khỏi tám nạn
TURE : sự tự do khỏi bệnh tật ,
Con xin tôn kính Mẹ Tara.
(Tạo ra những lễ vật đến Ngài như trước)

OṂ SVABHĀVA SHUDDHAḤ SARVA DHARMĀḤ SHUDDHO'HAṂ!

Mọi vật trở thành (thấy như) sự trống rỗng . Từ trong khoảng không của sự trống rỗng xuất hiện tám chủng tử OṂ (ॐ) chuyển thành những thùng châu báu to lớn tột cùng, bên trong mỗi thùng có một chủng tử OṂ. Chủng tử OṂ tan thành ánh sáng và

lại xuất hiện dưới hình thức lễ vật: nước uống, nước rửa chân, hoa, hương, đèn, dầu thơm, thực phẩm và âm nhạc. Những vật phẩm này đều tinh khiết và nhiều vô kể .

OṂ ARGHAṂ ĀḤ HŪṂ
OṂ PADYAṂ ĀḤ HŪṂ
OṂ PUSHPE ĀḤ HŪṂ
OṂ DHUPE ĀḤ HŪṂ
OṂ ĀLOKE ĀḤ HŪṂ
OṂ GANDHE ĀḤ HŪṂ
OṂ NAIVIDYE ĀḤ HŪṂ
OṂ SHABDA ĀḤ HŪṂ

Sau đó :
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA ARGHAṂ PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA PĀDYAṂ PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA PUSHPE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA DHUPE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA ĀLOKE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA GANDHE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA NAIVIDYE PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ
OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA SHABDA PRATĪCHCHA HŪṂ SVĀHĀ

TĀRE: sự tự do thoát khỏi Luân hồi
TUTTĀRE : sự tự do khỏi tám nạn
TURE : sự tự do khỏi bệnh tật ,
Con xin tôn kính Mẹ Tara.

Ánh sáng từ chủng tử TĀṂ (ཏཾ) nơi tim ta soi sáng và chiếu vào mọi hữu tình đang sống, tinh lọc những khuynh hướng gây chướng nạn và màn vô minh của họ. Các hữu tình chuyển thành Đức Tara Cao quý và đến trước mặt ta. Đức Tara nơi Maṇḍala trước mặt ta và tất cả hữu tình dưới dạng Tara phát ra một luồng sáng từ lưỡi của các Ngài, bằng cách đó, sự thiết yếu của Bánh ngọt Nghi lễ được ăn và thưởng thức.

⇘ OṂ ĀRYĀ TĀRE SAPARIVĀRA IDAṂ BALIṂTA KHA KHA KHĀTI KHĀTI (7 hay 21 lần)

(Phương pháp "Cúng dường Bánh ngọt Nghi lễ đến Đức Tara và đến mọi hữu tình như Đức Tara" này được trích từ "Pháp thành tựu Bạch Tara" của Je Gendun Drub, Đức Dalai Lama đời thứ I và vì thế rất đáng tin cậy

Bây giờ tạo các lễ vật và lời xưng tán như trước và bày tỏ lời nguyện cầu, những mong muốn và mục đích của bạn có thể được thực hiện. Sau đó:)

Bất kỳ việc gì con đã làm sai do vì Vô Minh hay vì sự túng thiếu về vật chất cùng với mọi sai phạm trong nghi lễ này, hỡi Đức Tara, con khẩn cầu Ngài tha thứ.

{Như vậy, bạn cần phải tinh lọc những sai lầm trong Thiền định của chính mình và cũng cần dâng hiến các công đức và lặp lại những câu kệ tốt lành. Và rồi, nếu bạn đã sắp đặt một hình ảnh Đức Tara trên bàn thờ của bạn:]

Hỡi Ngài! Ngài luôn vì chúng hữu tình đang sống
Ngài trú ở trong hình ảnh này trước mặt con
Ban cho con sức khỏe, sự sống, sự thịnh vượng
Và sự thành tựu tối thượng của những Thực chứng

(Nếu bạn không có hình tượng Tara)

VAJRA MUḤ: Các hữu tính trí tuệ quay về nơi cư trú tự nhiên của họ. Các hữu tình ủy thác tan vào ta. Sự lập lại diện mạo Vị Trí tuệ ở trong ta khi Đức Tara - VAJRA MUḤ - quay về nơi cư trú tự nhiên của VAJRA MUḤ. Diện mạo vị Ủy thác ở Maṇḍala của ta, khởi đầu từ vòng ngoài và tiến vào trong, tan thành ánh sáng và rồi tan vào ta. Ta cũng hòa tan vào ánh sáng từ chân trở lên và từ đầu trở xuống. Ánh sáng này được hấp thu vào chủng tử TĀṂ nơi tim ta. Chủng tử TĀṂ cũng dần dần tan biến vào ánh sáng trong suốt, giống như là cầu vồng ở trên bầu trời.

(Nghỉ ngơi ít phút, rồi:) Từ trong khoảng không của sự trống rỗng, ta thình lình xuất hiện dưới dạng Bạch Tara Tôn quý .

Bằng năng lực công đức của buổi thực hành này
Con có thể nhanh chóng đạt đến sự thành tựu của Đức Tara
Và tất cả mọi hữu tình đang sống
Sẽ được dẫn dắt đến trạng thái xác thực đó.

[Giữa các phần Thiền Định, thấy tất cả nghi thức rõ ràng như thân thể Đức Tara, hiểu rõ mọi âm thanh như giọng nói của Ngài và không lạc vào tình trạng tự khi quá mức khi thấy chính mình như là Đức Tara. Tuy nhiên, cho dù ngay khi bạn thấy cả bạn và những người khác như là Đấng Giác Ngộ Tara, hãy duy trì sự tỉnh giác mà mọi vật đều không có sự tồn tại hiển nhiên và có sự Tồn tại đó hay sự Trống rỗng, như là bản tính của mọi vật. Đừng bị làm rối trí vì tính viển vông hão huyền về sự xuất hiện ở trong buổi luyện tập Yoga này.

Khi ở trong Tâm Linh tu dưỡng, bạn cần thực hành sự Thiền Định này trong cả ba hay bốn buổi lễ hàng ngày và bền chí cho tới khi bạn thu thập được ba trăm ngàn câu Thần Chú. Đây là phương pháp giảng dạy của nhiều Bậc Thầy nổi danh trong quá khứ. Nếu không thì tiếp tục Tâm Linh tu dưỡng cho tới khi bạn thấy được hình thể và nghe được giọng nói của Đức Tara, hay là có được Thực chứng đặc biệt, hay cho tới khi bạn thấy được những cảnh đặc biệt của việc Chiến thắng (vượt qua) cái chết, như là mơ về việc tạo ra những bức tượng Bạc Tara nhỏ nhắn.

Nếu như bạn đang làm buổi lễ để giúp dỡ một người nào khác, hãy hình dung l2 người đó đang ngồi trước mặt bạn trên vành trăng ở trong một vầng hào quang. Ánh sáng tràn ra trước từ những chủng tử nơi tim bạn, rời khỏi cơ thể bạn, ngang qua lỗ mũi bên phải của bạn và đi vào lỗ mũi bên trái của người nhận. Ánh sáng tràn ngập hoàn toàn cơ thể người đó và tẩy sạch mọi chướng ngại trong cuộc sống của người đó. Thiền định theo cách này, lặp lại Thần Chú :

⇘ OṂ TĀRE TUTTĀRE TURE tên .... ĀYUḤ PUṆYE JÑĀNA PUSHṬHIṂ KURU SVĀHĀ

Những lợi ích của Buổi lễ này là vô cùng tận.

Trích lời của Atisha vĩ đại: ***“Không có Thần thánh nào trên thế giới như là Brahma, Vishnu, Shiva, ..v...v . sẽ có thể làm hại đến các người. Các người sẽ có thể nghiền nát Chúa tể của Thần chết. Vận rủi và sự đói nghèo sẽ bị tuyệt trừ. Mọi sự đau đớn, khổ cực và ngay cả sự kinh khiếp, sẽ bị xóa sạch. Các người sẽ có được những năng lực thần diệu phi thường, sẽ trở nên xuất chúng trong diện mạo và sự kết hợp, trí óc sẽ linh hoạt hơn. Thật ra, các người sẽ trở thành một vị Phật hoàn hảo. Cần phải nói thêm gì nữa đây?”***

Những điều này là Công Đức chung của buổi lễ Bạch Tara Như Ý Luân, hơn nữa, đặc biệt sẽ tránh được cái chết sớm và chết chưa tới lúc (bất đắc kỳ tử). Trí Tuệ của bạn trong sự học và sự minh mẫn sẽ tăng trưởng, và sau cùng, sẽ nhanh chóng đạt được Phật quả.]

Lời chú : Đức Dalai Lama đời thứ VII viết Pháp Thành Tựu Trường thọ của Bạch Tara Như Ý Luân này, Ngài yêu cầu các đệ tử trong Mật giáo học hỏi và thử thách, và cũng thiếu mọi khả năng văn chương. Được viết theo sự thỉnh cầu của Jigme Tanpai Gyasto ở Do Kham thuộc miền Đông Tây Tạng; Pháp Thành tựu được đưa ra như là Pháp Thành Tựu Bạch Tara căn bản của Gyalwa Gendun Gyasto Tiếng Cười Du Dương, Đức Dalai Lama đời thứ II, nhưng có thêm những sự thực hành xác thực tự những Pháp Thành Tựu của hai Vị: Dalai Lama đời thứ I, Je Gendun Drub và Dalai Lama đời thứ V, Gyalwa Lozang Gyasto Toàn Trí. Bằng bất kỳ công đức của tôi có được khi viết Pháp Thành Tựu Trường Thọ của Ngài, chỉ cần âm thanh gọi tên Ngài cũng làm tan sự chết chóc, bệnh tật và tình trạng khổ cực, và ban phát cuộc sống trường thọ, có thể tiếng trống thông báo sự chiến thắng trên âm thanh vọng lại của Tứ Ma. Có thể các hữu tình đang sống tìm thấy thành phố của sự giải phóng của sự Giác ngộ vĩ đại, và có thể mọi người được Thánh Tara Tối thượng bảo vệ.

Glenn H. Mullin cùng Chomdze Tashi Wangyal dịch .

23/03/1998



MỤC LỤC



二十四诸天之韦陀天将
Skanda, the Temple Guardian